



## DĨ VANG truyện ký

*VietBooks*

### LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hoàng Hôn Toàn Tập gồm tất cả những truyện ký và tạp luận do Hoàng Hôn nhuận sắc, đã được in và phổ biến riêng rẽ.

Chúng tôi nhận thấy những cuốn này gồm những ghi chép và nhận định xác đáng, chân thực về việc, về người của một giai đoạn nhiều nhương và khó phân biệt nhất trong lịch sử nước ta.

Do đó, chúng tôi mang in gộp lại, với mục đích bảo tồn một tài liệu cần thiết cho những người muốn tìm hiểu, nhất là những thế hệ sau cần những kiến thức khách quan, vô tư để rút kinh nghiệm cũng như tránh những lỗi lầm của người đi trước, trong việc phục vụ quốc gia dân tộc.

*Sông kia rày đã nên đồng,  
Nơi thời nhà cửa, nơi trồng ngô khoai.  
Đêm nghe tiếng ốc bên tai,  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ.  
(Trần Kế Xương)*

*Làm người Việt Nam là một khổn khổ,*

*làm kẻ sĩ Việt Nam lại còn khốn khó hơn.*  
(Nguyễn Đức Quỳnh)

*Những ước anh em đều bốn biển,  
Ai ngờ trăng gió nhất ba gian.*  
(Phan Bội Châu)

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*"Vi lịch sử là gì, nếu không phải là một thứ tâm sự lớn lao, bao gồm tất cả tâm sự vụn vặt nhưng tâm thành của mỗi người dân như chúng ta?"*

Nguyễn Kiên Trung, Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử

Vào thời điểm này, đọc câu trên của ông Nguyễn Mạnh Côn (Nguyễn Kiên Trung), chúng tôi thấy quả thực có nhu cầu khuyến khích mỗi cá nhân viết lại những sự việc trải qua trong đời mình, trong khoảng 1940-80 vừa qua. Hiện nay cũng đã có khá nhiều người viết hồi ký, cuốn nào cũng có giá trị và lợi ích của nó. Nhưng quãng thời gian 40 năm nói trên có quá nhiều sự việc, còn quá nhiều bí ẩn và nghi vấn mà không một cá nhân nào biết hết. May mắn lắm, kể cả những người nắm giữ những chức vụ to lớn, mỗi người cũng chỉ bắt gặp một phần nhỏ, và tất nhiên sẽ diễn dịch một cách rất chủ quan, có khi tưởng là quan trọng mà thực ra không có gì đáng kể, hoặc ngược lại. Nhưng nếu cùng một thời kỳ, cùng một sự việc mà có nhiều "tiếng chuông" được phổ biến, thì người tìm hiểu có phối hợp, kiểm chứng, rồi cũng có thể thấy được sự thật để trả lại cho lịch sử. Nếu không, nó sẽ mai một với cá nhân. Và kết quả là vinh dự được suy tôn giá tạo, hoặc oan khuất khó lòng giải tỏa.

Trong những buổi chuyện trò, chúng tôi thường thấy có nhiều người biết những sự việc thật động trời cũng như có những ý kiến vô cùng độc đáo. Chúng tôi đề nghị các vị đó nên viết ra, nếu không có khả năng diễn đạt thì, cũng không cần nhiều, từ 50 đến 100 trang là đủ.

Cứ thử tưởng tượng có một số tài liệu của lớp người thập niên 1940, 50, 60, 70, 80 chẳng hạn, mỗi lớp gộp thành một tuyển tập, là tạm đủ cho những người đồng thế hệ có được cái thú hồi tưởng lại thời kỳ đầy năng động của mình, những người thế hệ sau có được những kinh nghiệm của lớp đàn anh để khởi vấp ngã. Phần nhiều đều ngần ngại về nỗi chuyện từng cá nhân nhỏ nhoi, có gì đáng nói. Giá mà có khả năng chuyên môn hoặc tài chánh, chúng tôi đã tập hợp nhân sự và phương tiện để tìm gặp, phỏng vấn, lục lọi, ghi chép rồi phổ biến, để mọi người có cơ hội bổ túc, minh xác, đính chính, thanh minh,... ngõ hầu trở thành tài liệu đáng tin cậy cho các người viết sử cận và hiện đại của khoảng thời gian đầy oan khiên.

Nhưng hoàn toàn bất lực, chúng tôi đành nhắc lại lời ông Nguyễn Mạnh Côn. Và tác giả của cuốn sách nhỏ này thấy là hữu lý, đã không quản ngại, theo gót ông, "đem tâm tình viết lịch sử".

Nếu đọc giả tìm được trong những cuốn này đôi chút chính xác về một sự việc, về một cá nhân để hình dung lại một lối sống, một dòng suy nghĩ, một hoàn cảnh của một thời đã qua hoặc, hơn nữa, để cảm thông trước khi luận công định tội, thì là chúng tôi đã đạt được nguyện vọng.

Ước mong sẽ nhận được thật nhiều những tài liệu tương tự, chúng tôi hứa sẽ cố gắng để chúng tôi được tay đọc giả, thực hiện tôn chỉ đã vạch ra và đạt mục đích mong muốn.

## THAY LỜI TỰA

Đây là cuốn đầu trong bộ truyện ký bốn cuốn viết theo lời yêu cầu của nhà xuất bản. Thứ tự là như sau: Dĩ Vãng, Lũy Tre Xưa, Mùa Thu Cuối Lối, Đồi Vào Thu -- kèm với các tập tạp luận 40 Năm Việt Nam, Ấn Ốc Nói Mò, Nghĩ Quẩn Viết Quanh, Bàn Ngang Tán Đọc (Dân Nghĩ, Viết, Nói Và Đọc), Dân Ý, Dân Luận, Cộng Sản Đang Lùng Lững Trở Lại -- để tóm tắt những sự việc, suy tư của thanh thiếu niên nam nữ điển hình thuộc thế hệ trưởng thành từ những năm 1945 trở đi. Tuy nhiên mỗi cuốn vẫn có thể đọc hoàn toàn riêng rẽ.

Trong một cuộc mạn đàm, đề cập đến sự thiếu vắng trong việc giúp người trẻ Việt có những am hiểu về con người và đất nước Việt Nam, chúng tôi được tác giả đồng ý, hứa cố gắng, trong khả năng, giới thiệu một phần nào

về các phong trào chống thực dân, nếp suy nghĩ, hành xử của người Việt, giúp họ biết về những con người, những hình ảnh của một thời vừa đây mà tưởng như đã xa xôi tự thuở nào. Mục đích của nhà xuất bản là để giới trẻ ngày nay ôn lại quá khứ hào, từ đó, may ra, có thể hoạch định được tương lai.

Tất cả các sách do Người Dân-VietBooks xuất bản thì bìa là do Nguyễn Đức phụ trách, ruột do Gia Hòa trình bày và Mỹ Linh, Hồng Thúy kiểm soát để chính tả bớt lầm lỗi, lời thêm trong sáng.

Tác giả và nhà xuất bản thành thật tri ân sự đóng góp của các thân hữu trên đây.

## I

Bọn Huân là một đám trẻ ngoài mười người, xấp xỉ tuổi nhau. Vì trưởng thành vào giữa thập niên 40 nên, dù muốn dù không, họ chẳng thể nào không quan tâm đến thời sự nóng bỏng của thế giới, đến những sự thay đổi to lớn đột ngột đang diễn ra trên đất nước, đến quá khứ, hiện tại và tương lai của quốc gia, dân tộc mình. Nhiều lúc họ đã ngồi cùng ôn lại lịch sử nước nhà, nhất là những mốc thời gian và những tổ chức đấu tranh được biết đến nhiều. Họ thấy, nói chung, ngoại trừ cộng sản mà mọi sự đã có Quốc Tế 3 chi đạo, còn các phong trào, đảng phái khác thì mới chỉ lo được đến việc chống ngoại xâm hay giành độc lập, mà chưa hề lưu tâm nổi đến những chuyện lâu dài.

\*

Nhà cụ Nguyễn, khởi từ Nguyễn Hoàng, gồm chín đời chúa, mười ba đời vua. Một chuyện kể rằng bà Nguyễn thị mang thai, đêm nằm mơ thấy chữ "phúc" rơi vào lòng, sáng hôm sau lâm bồn, sinh ra người con thứ sáu, cho là điềm lành và muốn đời đời hưởng phúc, bà xin Nguyễn Hoàng ghép chữ Phúc vào với họ Nguyễn. Và sau người con này nối ngôi chúa. Từ đó, con cháu mang họ là Nguyễn Phước. Đến khi Gia Long (Nguyễn Phước Ánh, 1802-19) lên ngôi vua, có 13 hoàng tử. Để phân biệt từng chi, từng thế hệ, vua Minh Mạng nối ngôi, ra lệnh làm 11 bài thơ (có lẽ 2 hoàng tử yếu mạng), một bài để hệ dành cho dòng làm vua, mười bài phiên hệ cho các ông hoàng khác. Con cái mỗi người mang ghép với tên đơn thành tên kép. Ti như cháu năm đời, dòng đông cung Cảnh, là Nguyễn Phước Cường Đê. Con Cường Đê là Nguyễn Phước Tráng Liệt. Vì theo bài thơ phiên hệ:

*Mỹ duệ tằng cường tráng  
Liên huy phát bội hương  
Linh nghi hàm tấn thuận  
Vĩ vọng biểu khôn quang.*

Còn dòng vua (Minh Mạng), thì bài để hệ là:

*Miễn hường ưng bửu vĩnh  
Bảo quý định long trường  
Hiển năng khang kế thuật  
Thế thoại quốc gia xương.*

Nhưng rút lại, đến nay, tất cả chỉ có năm chi có con cháu nối dõi, là chi hoàng trưởng tử, chi vua Minh Mạng hoàng tử thứ tư, chi hoàng tử thứ năm, chi hoàng tử thứ sáu và chi hoàng tử thứ mười ba. Và triều đại cũng chỉ đến cháu sáu đời, Nguyễn Phước Vĩnh Thụy, là đã chấm dứt!

Dù sao, bọn Huân cũng kết luận rằng, muốn nói gì thì nói, Gia Long vẫn là người thống nhất đất nước sau hơn hai trăm năm nội chiến, kể từ khi nhà Mạc chiếm ngôi của nhà Lê, sinh ra Nam-Bắc triều, rồi Trịnh-Nguyễn đảng ngoài đảng trong, Quang Trung-Thái Đức, cụ Nguyễn-tân Nguyễn. Dĩ nhiên Gia Long thống nhất đất nước vì quyền lợi của riêng ông ta, nhưng ít nhất dân chúng cũng bớt được chiến tranh, chết chóc, thuế má, lao dịch một phần nào.

Ông xin nhà Mãn Thanh phong vương và đặt tên nước là Nam Việt. Vua Gia Khánh (1796-1820) ưng phong vương nhưng bắt gọi tên nước là Việt Nam. Ý hẳn giữa hai cái tên, hai bên đều có ngụ một ân tình gì!

Lịch sử kết tội ông công rắn cắn gà nhà, nhưng, khách quan mà nói, bất kỳ ai vào địa vị ông chắc cũng chẳng làm gì khác hơn. Nhà Mạc, nhà Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn nào có ai không nhờ và người ngoài trong việc tranh giành quyền lực.

Mà thực ra nước Pháp quân chủ lúc đó (Louis XVI, 1774-92) cũng đang tang gia bối rối với cuộc cách mạng 1789, chẳng giúp đỡ gì được ông. Nếu có chút viện trợ từ tây phương, thì tất cả đều là công lao và tiền bạc của những kẻ giang hồ lạc phách hoặc tôn sùng đạo giáo (hay biết đâu của chính Giáo Hội) đóng góp, theo lời kêu gọi của giám mục De Béhaine (Bá Đa Lộc). Và Gia Long cũng thừa biết cái hại dùng ngoại nhân nên, sau khi thành công, rất lơ là với bọn này. Còn có cả đến nghi vẫn là chính ông đã đầu độc đông cung Cảnh để ông này và con cháu không thể nối ngôi, vì đã theo tân giáo.

(Có điều khó hiểu là nhờ súng ống, tàu bè tây phương mà ông thắng địch thù, thì sao ông không tiếp tục lợi dụng ưu thế đó, lại quay mặt đi đối với sự tiến bộ của Âu Châu. Đây là một câu hỏi mà bọn Huân chưa thấy sử gia nào đặt ra trong việc định luận về vị vua sáng lập triều Nguyễn này. Hoặc giả những viện trợ mà ông nhận được hồi đó thực ra cũng chưa có gì là tối tân cho lắm để khiến ông quan tâm?)

Theo bọn Huân, không chừng chính ông lại là người ủy thác ưu tư cho con, nên vua Minh Mạng (Nguyễn Phước Đảm, 1820-40) mới bị một số nhà viết giáo sử cho là bạo chúa. Những người này còn gán rằng ông gian dâm với chị dâu (vợ hoàng tử Cảnh) rồi giết bà ta (lấy cố bà này chữa hoang) và các cháu, khiến bọn Huân càng tin ở sự suy diễn về mối mâu thuẫn giữa triều đình và tân giáo.

Vì, theo bọn họ, với quan niệm Nho Giáo đương thời, vua là kẻ thay trời trị dân, mà có những phần tử giám từ bỏ nghi lễ quân thần, phụng thờ tiên tổ, ngang nhiên qui phục một thế lực ngoại lai, thì làm gì ông chẳng phải cầm đầu, trùng trị. Trước ông, 1613, Ieyasu (Đức Xuyên Gia Khang) của Nhật đã trục xuất giáo sĩ, đàn áp tín đồ. Ung Chính (1723-35) nhà Mãn Thanh vừa lên ngôi cũng ngược đãi bọn họ. Lý do là, vốn trước đó, các giáo sĩ Jésuite (Đòng Tên) biết uyển chuyển, chấp nhận cho tín đồ được tôn trọng lễ nghi, thờ cúng tổ tiên. Nhưng sau, các giáo sĩ Dominicain (Đòng Đa Minh) và Franciscaïn (Đòng Phan Xi Cô) ghen tị, tố cáo thủ đoạn của Đòng Tên nên, năm 1704, giáo hoàng Clément XI ra lệnh cấm những tập tục Á Đông. Vì Nhật, Tàu xưa đuổi đám truyền giáo, họ chạy cả sang Việt Nam. Vậy thì Minh Mạng có làm gì khác hơn Nhật, Tàu, và ngay cả Tây Phương. Chả hạn, các vua công giáo Philippe II (1556-98) của Tây Ban Nha, Louis XIV (1643-1715) của Pháp chém giết người theo đạo Tin Lành, thì sao lại được xưng tụng. Hay cứ lấy ngay tòa thánh Vatican mà so sánh thì đủ rõ: cũng pháp đình, cũng tra tấn, cũng cưỡng bách, cũng tù tội chém giết. Mà lại chẳng phải là một thế quyền. Vậy xét ra việc làm của Minh Mạng cũng chỉ là cái lý đương nhiên, có gì mà trách cứ. Thiết tưởng các nhà viết giáo sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam ngày nay cần có một cái nhìn đứng đắn hơn.

Minh Mạng đặt lại tên nước là Đại Nam. Nhưng trong thực tế, mọi người vẫn dùng quốc hiệu An Nam thông dụng.

Vua Thiệu Trị (Miên Tông, 1841-47) chỉ tại vị có bảy năm, không gặp khó khăn gì lớn, vì lúc này nước Pháp cũng đang lúng túng, nên công tội chẳng có gì để mà khen chê.

Trái lại Tự Đức (Hương Nhậm, 1847-83) là một ông vua thiếu may mắn, lên ngôi vào đúng lúc Đệ Nhị Đế Chính (1852-70) cũng như Đệ Tam Cộng Hòa (1870-1944) của Pháp Quốc đang cần những chiến công ở hải ngoại để gỡ uy tín tại quốc nội. Điều mỉa mai là trong khi chính tại nước Pháp, nhà nước "cách mạng" đang đàn áp tín ngưỡng, bức hại giáo hội, tu sĩ thì lại nêu danh nghĩa bảo vệ tín ngưỡng để xâm chiếm Việt Nam:

- Tháng 8 năm Bính Thìn (1856, Tự Đức năm thứ 9), De Ville-sur-Arc đem chiến thuyền Catinat vào cửa Đà Nẵng, cho người đem thư trách Nam Triều giết đạo và bắn phá các đồn lũy.

- Tháng 7 năm Mậu Ngọ (1858, Tự Đức năm thứ 11), De Genouilly đem 14 chiếc tàu chở hơn 3000 quân Pháp và Y Pha Nho lại vào Đà Nẵng bắn phá và hạ thành, đóng quân mấy tháng, nhưng không gặt hái được kết quả gì đáng kể thêm bị bệnh tật do thời tiết, liền kéo quân vào Nam.

- Tháng Giêng năm Kỷ Mùi (1859, Tự Đức năm thứ 12), quân Pháp vào cửa Cần Giờ, tiến đánh thành Gia Định.

- Tháng Giêng năm Tân Dậu (1861, Tự Đức năm thứ 14), Charner đem 70 chiếc tàu và 3500 quân đổ bộ Gia Định, rồi tiến đánh (đồn) Kỳ Hòa, Mỹ Tho. Tháng 10 cùng năm, Bonard sang thay Charner, đánh Biên Hòa, Bà Rịa.

- Tháng Ba năm Nhâm Tuất (1862, Tự Đức năm thứ 15), Bonard đem 11 chiếc tàu và 1000 quân đánh Vĩnh Long.

Đồng thời ngoài Bắc loạn lạc lung tung: giặc tàu Thái Bình Thiên Quốc, Tam Đường (Quảng Nghĩa Đường, Lục Thăng Đường, Đức Thắng Đường); giặc nam Châu Châu (Lê Duy Cự-Cao Bá Quát), Pierre Tạ Văn Phụng (Lê Duy Minh)-Nguyễn Văn Thịnh (cai tổng Vàng),... triều đình đành phái Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp (Tiếp) ngày 9 tháng 5 âm lịch, tức 6 tháng 6, 1862, ký Hòa Ước Nhâm Tuất, để giáo sĩ Pháp và Y Pha Nho tự do giảng đạo cùng nhượng ba tỉnh miền đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) cho Đệ Nhị Đế Chính Pháp (Napoléon III).

Chưa đã lòng tham, Pháp lại tiếp tục xâm lăng ba tỉnh miền tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), triều đình lại phải ký, với Đệ Tam Cộng Hòa Pháp, Hòa Ước Giáp Tuất (1874, Tự Đức năm thứ 27), cũng để giáo sĩ tự do giảng đạo, và nhượng đứt luôn cả sáu tỉnh Nam Kỳ.

Tự Đức mất ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (1883), thọ 55 tuổi, trị vì 36 năm. Vì không con, ông nhận ba người cháu làm con, là Dục Đức, Chánh Mông và Dưỡng Thiện. Khi sắp mất, có đệ di chiếu nói rằng Dục Đức không xứng đáng nhưng việc nước cần có vua lớn tuổi nên phải lập con trưởng, và cử Trần Tiên Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phụ chính.

Dục Đức (Ứng Chơn, 31 tuổi) lên ngôi được ba ngày, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế bỏ, có lẽ do tích ông này, trước đó, tiếp xúc với Rheinart (Pierre-Paul Rheinart des Essarts, trú sứ, 1875-77, 1879-82) báo cáo việc Tự Đức cầu viện Mãn Thanh. Đáng lý phải đến lượt Chánh Mông (20 tuổi), nhưng các ông này lập em Tự Đức là Hương Dật (36 tuổi), lấy hiệu là Hiệp Hòa. Triều thần không ai giám nói gì, chỉ riêng ngự sử Phan Đình Phùng can: Tự quân chưa có tội gì mà phế lập sao phải lẽ. Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết bắt giam ông rồi cách chức đuổi về. Còn Dục Đức bị bỏ ngục và để đói cho chết.

Hiệp Hòa phải ký Hòa Ước Quý Mùi 1883, cắt tỉnh Bình Thuận sáp nhập Nam Kỳ Thuộc Địa, và chịu để nước Pháp bảo hộ phần đất còn lại. Tại Bắc Kỳ, từ Đèo Ngang trở ra, Pháp được quyền đặt trú sứ (résident, sau đổi ra là công sứ) ở mỗi tỉnh kiểm soát công việc của quan lại Việt Nam.

Rồi vì Hiệp Hòa tiếp kiến De Champeaux (Louis Palasne, trú sứ, 1883-84), có ý định tôn trọng Hòa Ước, nên Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết lại lập ông Dương Thiện (Ứng Đăng) lên, mới 15 tuổi, chắc để dễ lấn át, lấy hiệu là Kiến Phúc, và bắt Hiệp Hòa uống thuốc độc. Hiệp Hòa chỉ ở ngôi được bốn tháng, kéo theo ông cái chết của phụ chính chủ hòa Trần Tiễn Thành.

Vua Kiến Phúc cũng không may mắn gì hơn, phải ký Hòa Ước Giáp Thân 1884 (Patenôtre) chia phần nước còn lại làm hai khu vực Trung Kỳ và Bắc Kỳ, đều thuộc quyền bảo hộ của Pháp, nhưng mỗi kỳ có một cách cai trị khác. Kiến Phúc ở ngôi được sáu tháng thì mất. Có nghi vấn là vì quở mắng Nguyễn Văn Tường nên bị... ngộ thuốc!

Tình trạng thê thảm của triều đình bị ngoại bang áp bức và quần thần lộng quyền được người thời đó tóm tắt như sau:

*Nhất giang lưỡng quốc nan phân... thuyết,*

*Tứ nguyệt tam vương triệu bắt... tường.*

(Kinh đô Huế có một con sông Hương thì, bên kia là tòa khâm sứ Pháp, bên này là triều đình An Nam, hai nước hai chính sách, hẳn nhiên mọi việc đều khó giải quyết. Bốn tháng thay đổi ba vua hẳn là điềm chẳng lành).

Chánh Mông cũng vẫn không được kể vị, hai ông Tường-Thuyết lại đưa người em ông là Ứng Lịch, 13 tuổi, lên thay, hiệu Hàm Nghi (1884-85), có lẽ vẫn do hậu ý muốn các vua đều ít tuổi để tự do hành động.

Lúc này Pháp đã điều đình xong với Tàu về quyền bảo hộ Việt Nam (Hòa Ước Thiên Tân 18-4 Giáp Thân và 27-4 Ất Dậu), De Courcy (Philippe Roussel, tổng trú sứ An Nam và Bắc Kỳ, 1885-88) từ Bắc vào Huế, quyết tâm áp đặt quyền lực, nên hỗn xược đòi hai quan phụ chính phải sang dinh khâm sứ để định việc y vào yết kiến vua. Thế chẳng đặng đừng, đêm 22 tháng 5 năm Ất Dậu (5-7-1885), hai ông đành nổ súng. Nhưng sáng ra, Pháp tiến đánh thì quân ta thua. Nguyễn Văn Tường được lệnh ở lại điều đình còn Tôn Thất Thuyết mang vua lên vùng sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), phát hịch cần vương.

De Courcy hẹn cho Nguyễn Văn Tường trong vòng hai tháng phải giải xong mọi việc. Hết hạn, y đày ông này qua đảo Tahiti, rồi phái quyền tổng trú sứ De Champeaux (1885-1886) yết kiến đức Từ Dụ, mẹ vua Tự Đức, xin lập Chánh Mông (Ứng Đường, Ứng Kỳ, Ứng Xuy 22 tuổi) lên làm vua. Đó là vua Đồng Khánh (1885-88). Pháp trước cử Petrus Trương Vĩnh Ký rồi sau Diệp Văn Cương lo việc thông ngôn và... rèn cặp vua.

(Đời Diệp Văn Cương, Pháp cấp học bổng, sách vở, giấy bút, xà bông, quần áo nhưng dân Nam Kỳ cũng không ai chịu đi học, bèn bắt con các hương chức và người có gia sản. Diệp Văn Cương, quán An Nhơn, Gia Định, là con người ở mượn, bị chủ nhà bắt đi học thay con. Ai ngờ sau Cương được gửi qua Alger và đậu tú tài toàn phần. Rồi Pháp trọng dụng, bỏ thay Trương Vĩnh Ký, và Cương lấy Thiện Niệm em gái vua Dục Đức).

Việc hai ông Tường Thuyết ngại ngùng về ông Đồng Khánh hóa ra sai lầm. Ông này chỉ biết ngồi làm vị.

Trước đó, viên quan cầm đầu nhà nước thuộc địa Nam Kỳ được gọi là thống đốc, nhà nước bảo hộ Trung Kỳ là khâm sứ, nhà nước bảo hộ Bắc Kỳ là toàn quyền. Ngày 5 tháng 3 năm Bính Tuất (1886), Bert (Paul, 1886), toàn quyền lưỡng kỳ (Trung-Bắc), sang Hà Nội, đặt Phủ Thống Sứ. Cuối tháng, y vào Huế, yêu cầu Nam Triều lập Nha Kinh Lược Bắc Kỳ để cùng Phủ Thống Sứ tự tiện mọi việc. Chưa thỏa mãn, năm 1887, Pháp đặt Phủ Toàn Quyền. Ngày 15-11-1887, Constant (Jean-Antoine Ernest, 1887-88) sang nhậm chức, cai trị toàn Đông Dương (Nam, Trung, Bắc Kỳ, Cao Miên). Rồi năm 1893 gồm luôn cả Ai Lao.

Đồng Khánh chỉ ở ngôi được ba năm thì mất, lúc mới 25 tuổi. Đồng Khánh, Kiến Phúc, Hàm Nghi đều là con Kiên Thái Vương Hường Cai. Do đó, người đương thời ngâm ngợi có câu:

*Một nhà sinh được ba vua,*

*Vua sống, vua chết, vua thua chạy dài.*

Vua sống là Đồng Khánh, vua chết là Kiến Phúc, vua thua chạy dài là Hàm Nghi. Bửu Đảo, con Đồng Khánh, mới lên năm. Với Đồng Khánh thì người Pháp đã nắm toàn quyền rồi. Rheinart lúc này đang làm khâm sứ, nhớ Dục Đức trước thường giao dịch với người Pháp nên... truyền lập Bửu Lân, con ông này - lúc đó 10 tuổi, đang cùng mẹ bị giam trong ngục - lên làm vua, lấy hiệu là Thành Thái (1888-1907). Cũng có giai thoại là Diệp Văn Cương muốn cháu vợ được lên ngôi, lợi dụng chức vụ thông ngôn, diễn dịch treo đi nên Thành Thái mới được làm vua, nhưng Diệp lại bị Trương Như Cương thay chỗ, lãnh chức rèn cặp Thành Thái. Ông vua này lớn lên lại có ý chống Pháp. Năm 1903, viện cớ ra Thanh Hóa thăm mồ mã tổ tiên, ông tính ra Bắc rồi trốn sang Tàu, nhưng bị Pháp biết, chặn xe bắt trở về. Có lẽ vì ần ức, bực bội, ông có nhiều hành xử quá đáng, bị khâm sứ Levêque (Fernand, 1906-08)... truất phế, bằng cách bắt triều thần đệ một tờ biểu yêu cầu thoái vị để con lên thay. Thực ra Levêque, một hội viên Tam Điểm, tính phé bỏ luôn chế độ quân chủ bù nhìn. Có lẽ sợ mất địa vị nên triều thần sẵn sàng ép vua, ngoại trừ Ngô Đình Khả, nguyên chánh phòng thông sự Dinh Khâm Sứ, nguyên phó giám đốc Trường Quốc Học, mới xung chức Tổng Quản Cấm Thành được mấy năm, thân cận với Thành Thái, tránh mặt không ký.

Hắn cũng với ý định đặt lên ngôi những ông vua con nít cho dễ tự tung tự tác, nên Levêque bỏ con trưởng mà lập vua Duy Tân (Vĩnh San, 1907-16) mới 7 tuổi lên ngôi, có một hội đồng phụ chính điều khiển công việc, vẫn do Trương Như Cương cầm trịch.

Nhưng rồi cũng không ngăn được việc, lớn lên, Duy Tân lợi dụng Pháp đang bị Đức đánh phá trong trận Âu Chiến I, liên lạc với Thái Phiên, Trần Cao Vân, rồi kinh thành ngày 3-5-1916, ban hịch chống thực dân. Tuy nhiên chỉ mấy ngày sau, ông bị bắt tại một ngôi chùa, cách kinh thành khoảng 6 cây số. Ngày 10-5, Charles (Jean E., 1913-20) quyết định... đày cả hai cha con qua đảo Réunion (lúc này Charles là toàn quyền xử lý thường vụ, còn Henri Le Marchant de Trigon là khâm sứ xử lý thường vụ)

Vào thời hai cha con ông này làm vua, người ta cho rằng có hai câu:

*Bỏ vua không Khả,*

*Đào má không Bài.*

khen ông Ngô Đình Khả không chịu ký tên vào tờ biểu yêu cầu Thành Thái thoái vị, vào năm 1907; và ông Nguyễn Hữu Bài đã kích Trương Như Cương không ngăn cản việc quyền khâm sứ Mahé (Georges, 1912-13) đào Khiêm Cung (lăng Tự Đức) để kiếm báu vật, vào năm 1913.

Điều này cần cần nhắc. Vì trên đại thể, dưới thời Pháp thuộc, Việt Nam có ít nhất ba quyền lực chi phối đường lối chính sách cũng như việc sử dụng nhân sự của nhà nước: Thực Dân, Tam Điểm, Giáo Hội Công Giáo. Khi nào Tam Điểm mạnh tại "mẫu quốc", thì thực dân ngã theo Tam Điểm, ngược lại, hễ Giáo Hội mạnh, thực dân lại chiều theo Giáo Hội.

Hai ông Khả và Bài đều được Giáo Hội mang sang Pénang (Mã Lai) dạy dỗ, không biết để lo việc truyền giáo hay cốt để tham dự việc triều đình, nhưng chắc chắn đều là người tín cẩn của cả Pháp và Giáo Hội, nên kế tiếp nhau giữ chức vụ quan trọng của cái triều đình vô quyền bính. Hơn nữa, cả Lê Hoan, Trần Đình Lương, Trần Trinh, Vũ Quang Nhạ cũng phản đối (trong vụ đào má). Mà tất cả đều là công giáo gốc. Vậy không chừng họ chỉ theo chỉ thị của Giáo Hội, chống lại việc làm của những viên chức thuộc phe Tam Điểm mà thôi. Hai câu trên có thể là một nghệ thuật tuyên truyền, mà chưa hẳn phát xuất tự dân gian. Nhất là nếu ta lại ghi nhận vào thời điểm này Bộ Thuộc Địa của các chính phủ thiên tả tính áp dụng các sắc luật 1-7-1901, 7-7-1904, 9-12-1905 của Quốc Hội Pháp ấn định Giáo Hội không có tư cách pháp nhân làm chủ bất động sản và bãi bỏ việc dạy học của các tu sĩ, tách Giáo Hội và Nhà Nước, để tịch thu tài sản của Hội Truyền Giáo tại Đông Dương. Nên rất có thể chỉ là một cách Giáo Hội biểu dương lực lượng, tiếng là bảo vệ chế độ quân chủ mà thực chất là răn đe nhà cầm quyền. Bằng chứng là khi khâm sứ Charles cho đào kho tàng trong cấm thành những ngày 16-8 và 7-10-1915 thì lại chính Nguyễn Hữu Bài ép Duy Tân cho mở nắp.

Khâm sứ Charles có lẽ nhớ khuyến cáo của Levêque là không nên dùng dòng dõi Dục Đức, lại vốn quen biết, bèn... cho Bửu Đảo, con vua Đồng Khánh, đang đói rách, lên làm vua, lấy hiệu là Khải Định (1916-25).

Ông này theo gương cha, ngoan ngoãn vâng lời Pháp, lại ăn mặc lối lăng diêm dúa, thiên hạ đồn rằng ái nam ái nữ, bị cụ Phan Chu Trinh lên án là Việt gian, hài ra bậy tội.

Ông phong cho con là Vĩnh Thụy (có nghi vấn là con của một ông hoàng khác) làm đồng cung thái tử ngày 28-4-1922, rồi nhân đi dự hội chợ tại Pháp, mang theo giao cho Charles, đã về hưu, nuôi nấng, trông nom, dạy dỗ... làm vua. 6-11-1925, Khải Định chết. Cùng ngày, phụ chính đại thần Nguyễn Hữu Bài, phụ chính thân thần Tôn Thất Hân ký qui ước nhường hết quyền lực của vua cho Pháp. Vĩnh Thụy về nước, lên ngôi ngày 8-1-1926, lấy hiệu là Bảo Đại, rồi trở lại Pháp tiếp tục học. Việc cai trị Trung Kỳ ủy cho Khâm Sứ và Hội Đồng Thượng Thư do Nguyễn Hữu Bài cầm đầu.

6-9-1932, Bảo Đại từ Pháp về, có cả Charles đi theo để... cố vấn. Ngày mùng 9 toàn quyền Pasquier (Pierre, 1928-34) vào thăm. Mùng 10, Bảo Đại tuyên bố chấp chính, bỏ quỹ lập. 11-11 tuyên Phạm Quỳnh làm ngự tiền tổng lý. 2-5-1933, Bảo Đại giải tán hội đồng thượng thư già nua Nguyễn Hữu Bài, lập nội các trẻ, dùng Ngô Đình Diệm làm thượng thư bộ lại, Nguyễn Đệ làm thư ký riêng. Mười chín tuổi, vừa ở Pháp về, hẳn phải có ý muốn đổi mới nhưng tất nhiên Bảo Đại chẳng biết ngô khoai gì, mà đều do Pháp và Giáo Hội (qua Nguyễn Hữu Bài) tiến cử:

Phạm Quỳnh, 35 tuổi, tốt nghiệp Trường Thông Ngôn năm 1908, chủ bút tạp chí Nam Phong, từ lâu chủ trương quân chủ lập hiến, là người của Pasquier. Ngô Đình Diệm, 32 tuổi, tuân vũ Phan Thiết, trai thứ ba của Ngô Đình Khả, con đỡ đầu của Nguyễn Hữu Bài (bố vợ tổng đốc Ngô Đình Khôi, anh cả của Diệm), tốt nghiệp Trường Pháp Chính (tức Trường Hậu Bô) năm 1922, tức thời được bổ tri huyện Hải Lăng. Rồi chỉ trong vòng 10 năm trời, Diệm đạt tuyệt đỉnh danh vọng trong quan trường, phá mọi kỷ lục, khiến người đời... ca tụng:

*Vây cánh Ngô Đình ghé góm thật,*

*Mềm lưng dèo gối chóng lên cao!*

Diệm cùng với Nguyễn Đệ là người của Giáo Hội.

Vào thời đó, quan trường chia làm ba phái dè bủ nhau. Phái chính thống tự hào vốn do khoa bảng xuất thân. Phái gốc thông ngôn, cai đội có công lao phục vụ nhà nước bảo hộ, do Pháp hay Giáo Hội tiến cử. Cuối cùng là phái ở ngoài (?), dĩ nhiên cũng phải được Pháp hoặc Giáo Hội tín nhiệm, nhảy vô, kiểu Phạm Quỳnh, Nguyễn Đệ, Nguyễn Tiến Lãng,...

Nguyễn Hữu Bài (hay Giáo Hội?) vốn chủ trương trở lại Hòa Ước 1884, Trung Bắc Kỳ thống nhất, kiểu Phạm Quỳnh, hy vọng dễ lũng đoạn hơn, nay cố vấn cho Diệm yêu cầu Pháp hủy bỏ hai chức khâm sứ Trung Kỳ và thống sứ Bắc Kỳ, nên bị Pasquier sa thải, cùng lúc lột hết chức tước, cả Bài, Diệm, và Đệ, chỉ định Diệm cư trú tại Quảng Bình. Rất có thể, theo thông lệ, những người bị cách chức này được hưởng ân huệ làm đơn từ nhiệm cho đẹp mặt cả người lên án lẫn kẻ chịu phạt. Nhất là lúc này Bảo Đại chân ướt chân ráo về chấp chính mới được một năm. May sao ngày 15-1-1934, Pasquier tử nạn máy bay. 20-3-1935, Robin (René, 1934-36, nguyên thống sứ Bắc Kỳ, tân toàn quyền Đông Dương và khâm sứ Maurice Graffeuil (1934-41) thương hại, cho Diệm phục hồi chức tuân vũ nhưng không được làm việc. Diệm đành về Huế dạy ở trường Providence của anh trai thứ, linh mục Ngô Đình Thực (sau thụ phong giám mục Vĩnh Long, năm 1938). Nhưng hồi đó nghệ thuật tuyên truyền phao là Diệm treo ấn từ quan.

Phạm Quỳnh, đối thủ, thay Ngô Đình Diệm, lập nội các.

[Bảo Đại thành hôn với Marie-Thérèse Nguyễn Hữu Hào/Jeanette Nguyễn Hữu Thị Lan, cháu ngoại Lê Phát Đạt, tức Huyện Sĩ, vào năm 1934.

Ông vua cuối cùng này phá bỏ khá nhiều điều cấm kỵ của triều Nguyễn: lập hoàng hậu (Nam Phương), chịu phép bị tịch hôn phối công giáo (bí mật); lập thái tử; phong vương cho người ngoại (Charles, chức Tề Nam Vương); đặt quốc hiệu là Việt Nam (1945), một tên mà ông tổ sáng lập triều đại không chấp nhận. Cuối cùng, ông cải đạo và chết với tên thánh cùng nghi lễ của một quân nhân Pháp, do người vợ đảm đứng chủ tang. Chắc dễ tỏ lòng biết ơn nước Pháp đã cấp cho ông ít nhất mỗi tháng 4 triệu đồng, suốt 5 năm trời, từ 1950 đến 1954, mặc dù cũng chỉ là tiền của Mỹ!]

Năm 1939, nhân lễ kỷ niệm 150 năm cách mạng, đến lượt Bảo Đại, Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiến Lãng đi Pháp vận động trở lại Hòa Ước 1884, thống nhất Trung Bắc Kỳ. Phần bị báo chí Bắc Kỳ phản đối, phần Đệ Nhị Thế Chiến sắp nổ, phái đoàn ra về gấp.

Lý do dân Bắc Kỳ phản đối, không chịu thống nhất với Trung Kỳ là vì "thần dân của hoàng đế An Nam" bị xử theo luật của Nam Triều vô cùng khe khắt. Tỉ như vụ kháng thuế, Trần Quý Cáp không dự gì, bị Phạm Ngọc Quát (cha Phạm Ngọc Thạch, cộng sản, thủ lĩnh Thanh Niên Tiền Phong) ghét, vu oan giá họa, mà cũng bị xử tội yêu thư yêu ngôn, chém ngang lưng. Lại như Đồng Sĩ Bình, phán sự tòa sứ Qui Nhơn, làm một bài thơ dán trên bia Mai Xuân Thưởng, cũng bị xử tội yêu thư yêu ngôn, nhưng may, vì không thuộc giới văn thân, chỉ bị phạt 9 năm tù khổ sai, đày đi Ban Mê Thuột. Một người dân Nam Kỳ... phạm tội như thế bất quá chỉ bị mấy tháng tù treo!

\*

Phong Trào Văn Thân là tên các nhà viết sử dùng để chỉ việc hai ông tú tài ở Nghệ An, Trần Tấn và Đặng Như Mai, bắt bình với Hòa Ước Giáp Tuất (1874), hội họp văn thân trong hạt, làm bài hịch "Bình tây sát tà" đại ý rằng: Triều đình hòa với Pháp, nhưng sĩ phu nước Nam không chịu. Vậy trước giết hết giáo dân, sau đánh Tây để gìn giữ văn hóa của dân tộc. Rồi nhóm được gần ba ngàn người ở bốn tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh Bình, kéo đi đốt phá những làng đạo. Triều đình phải phái Nguyễn Văn Tường và Lê Bá Thận ra dẹp.

Nhưng nếu quan niệm văn thân là các nhà nho hay rộng thêm nữa là các sĩ phu thay quan niệm trung quân bằng quan niệm ái quốc, không đếm xỉa đến triều đình nữa, từ quan, tự động mộ quân chống ngoại xâm và trừng trị kẻ theo giặc, thì phong trào này đã có ngay sau khi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đại diện triều đình Huế ký Hiệp Ước Hòa Bình Hữu Nghị Nhâm Tuất giao ba tỉnh miền Nam cho Pháp. Sĩ phu gồm các quan lại, nhà nho, hào trưởng không còn tin nhiệm nhà Nguyễn, lên án "Phan, Lâm bán nước; triều đình khi dân", tự đứng ra chiêu mộ dân quân chống giặc.

Những tổ chức tự phát này lục tục bùng nổ khắp Nam, Bắc, Trung; liên tiếp cho mãi đến 10-2-1913, khi Hoàng Hoa Thám bị mưu sát, mới kể như chấm dứt. Mục đích chính của Phong Trào Văn Thân là chống ngoại xâm, và chống cả triều đình chủ hòa, nhưng thiếu sự phối hợp và không có ý niệm nào rõ rệt rằng rồi sẽ thay thế triều đại nhà Nguyễn bằng cái gì. Có lẽ đây là lý do khiến sự tham gia của quần chúng không được toàn bộ, chưa kể đến sự dè dặt, nếu không nói là chống lại, của thành phần tân giáo.

Đĩ nhiên những người tham dự phong trào này gặp khó khăn do Pháp tìm cách tiêu diệt đã đành, mà còn gặp khó khăn với triều đình -- khi thì khuyến khích, khi thì cấm đoán, khi thì đánh dẹp, có khi còn cả bắt bớ giao cho Pháp -- và luôn cả với đồng bào theo tân giáo, mà vì tự vệ, họ phải tìm mọi cách chống lại và phá hoại.

\*

Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết tấn công đồn Mang Cá, khu nhượng địa, khu sứ quán Pháp tại Huế thất bại, vua Hàm Nghi xuất bôn; ngày 13-7-1885, tức 2 tháng 6 năm Ất Dậu, hạ chiếu cần vương.

Sau đó Tôn Thất Thuyết, từ Hương Khê, theo đường rừng, đi Nghệ An, Thanh Hóa, Lai Châu, Lào Cai sang Tàu cầu viện, dọc đường cổ động việc chống Pháp. Cộng với Phong Trào Văn Thân, khắp nơi dấy lên Phong Trào Cần Vương giúp vua đánh giặc: Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi, Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Nguyễn Huệ ở Quảng Nam, Lê Trực ở Quảng Bình, Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh, Đinh Công Tráng ở Ba Đình (Thanh Hóa), Nguyễn Thiện Thuật ở ngoài Bắc,...

Pháp phải dùng đến Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Trọng Hợp, các cố đạo và giáo dân tiếp tay.

Việc tấn công thành Mang Cá ở Huế chống Pháp dĩ nhiên do hai quyền thần chủ xướng, nhưng vua Hàm Nghi suốt thời gian hơn ba năm bôn tẩu không hề chứng tỏ yêu lòng, cho đến khi bị thổ hào Trương Quang Ngọc làm phản, bắt giao cho Pháp lĩnh thưởng, ngày 1-11-1888 tại Quảng Bình, và bị đày sang Algérie. Còn các nhân sĩ hãn không phải là chẳng biết thế cùng lực cạn, nhưng cũng đành cố thực hiện hai chữ cô trung và chứng tỏ cái sĩ khí uy vũ bất năng khuất, là cốt để làm gương, cho thế hệ con em tiếp nối.

Phong Trào Cần Vương kể như chấm dứt sau 18-12-1895, khi Phan Đình Phùng mất vì bệnh kiệt lực.

\*

Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường là hai quyền thần, có thể rất yêu nước, nhưng không am tường tình thế. Khi đi Tàu cầu viện, hẳn Thuyết không biết rằng "thiên triều" lúc đó còn hèn đốn gấp mấy "chư hầu".

Vì "trận giặc nha phiến", Tàu nhục nhã ký Điều Ước Nam Kinh với Anh (1842), sau "thiên tử" Hàm Phong (1851-62) còn quang chân lên cỗ, bỏ kinh thành mà chạy, rồi ký Điều Ước Bắc Kinh (1860) thỏa mãn Anh Pháp đủ điều, lại phải nhường cả đảo Lưu Cầu cho chú tí hon Nhật Bản (1871), Việt Nam cho Pháp (1885), thì nào còn giám hó hê cái gì.

Những điều nhục nhã trên đây, nhất là sự khuất phục trước Nhật Bản, khiến Khang Hữu Vi xúc động. Ông hằng hái đọc những sách dịch thuật và khảo cứu của Nhật về tây phương và dâng thư lên vua Quang Tự (1875-1908) bàn những lẽ cần duy tân. Lương Khải Siêu thi đậu, trên đường vinh qui, nghe tiếng Khang, tạt vào nghe giảng, hốt nhiên tỉnh ngộ, thờ Khang làm thầy. Hai thầy trò cùng hợp sức khảo cứu về văn hóa, chính trị Âu Mỹ.

Các "tân thư" của Khang Lương lọt qua, làm đám nhà nho Việt Nam cũng nhìn sang Nhật Bản.

Nhiều nhà viết sử ca tụng sự anh minh của Minh Trị Thiên Hoàng (1867-1912) và chê bai các vua chúa triều Nguyễn. Thực ra chưa hẳn đúng.

Việt vốn là một nước bị chia ra làm nhiều lãnh địa, thuộc nhiều lãnh chúa, chuyên chuyện đánh đấm tranh giành. Quyền hành được chia thành ba cấp: mạc phủ (phủ chúa), lãnh chúa, rốt cùng mới tới hoàng gia.

Năm 1853, hạm đội Hoa Kỳ vào đòi buôn bán. Năm sau lại tới bất kỳ Hiệp Ước Hoàn Tân. Năm sau nữa lại bắt nhường thêm ít quyền lợi. May cho Nhật là Hoa Kỳ hồi đó đất đai mênh mông, đâu có thèm xâm chiếm làm gì. Nhưng còn may hơn nữa, là các phiên hầu, lãnh chúa vẫn nhìn ra hậu họa, thấy nhu cầu phải thống nhất quốc gia, nên lật đổ mạc phủ với khẩu hiệu "tôn quân, diệt di, phân mạc". Mạc phủ tự xét không đủ sức chống lại, đành thoái vị, để Thiên Hoàng lên cầm quyền. Nhờ đó, quốc gia thống nhất, lại có Ito Hirobumi (Y Đằng Bác Văn) là người đa tài, ái quốc, hết lòng canh tân xứ sở, khuyến khích sĩ phu học tập phương tây, mà trở lên hùng cường.

(Nhưng họ cũng học luôn tây phương để trở thành quân đi cướp nước, mà còn tàn bạo dã man gấp bội phần. Hai mươi bốn năm sau khi canh tân, 1892, họ noi theo tây phương, nhảy vào xâm xé Trung Hoa, bắt đầu bằng "hội tội" Triều Tiên. Rồi 1894, họ tràn vào nội địa Trung Quốc, uy hiếp Lữ Thuận và Uy Hải Vệ, căn cứ hải quân của Tàu, khiến Tàu phải nhượng Nam Bộ Phụng Thiên, Bán Đảo Liêu Đông, Đảo Đài Loan)

Như thế, mang so sánh với Việt Nam thì là quá bất công. Vì Việt Nam loạn lạc tứ tung, nội phản đầy dẫy, trong khi Pháp lại đang cần chiến thắng để gây uy tín tại quốc nội, đang cần thuộc địa để khai thác tài nguyên và tiêu thụ sản phẩm. Ta hãy nghe tâm sự của Tự Đức:

*Hiện nay tiền gạo ngày càng hụt, sức dân ngày càng quẫn, kho tàng ngày càng cạn. Của nước hết rồi, mà ở trên trẫm quan chỉ biết ăn lương, ở dưới muôn dân chỉ sợ gươm giáo, không có lòng chiến đấu.*

Vậy sự thành bại là do nhiều yếu tố gộp lại, nhiều khi chỉ là may rủi. Chưa hẳn thành là giỏi, bại là dở. Ta chẳng nên ca tụng người ngoài quá đáng mà chê bai người nhà không tiếc lời.

Nhưng dù sao thì sĩ phu của ta vào đầu thế kỷ còn biết nhìn về đâu. Rất có thể các cụ cũng chẳng lạ gì tâm địa Nhật Bản, nhưng chết đuối vớ lấy bọt, hi vọng rằng... đồng văn, đồng chủng, đồng châu, may ra dựa dẫm được chút nào. Tháng Tư năm Giáp Thân, tức tháng 5-1904, tại Quảng Nam, Phan Bội Châu và Cường Để thành lập Hội Duy Tân, với mục đích đánh đuổi Pháp và thay thế vua bù nhìn (Thành Thái) bằng Cường Để, dòng hoàng tử Cảnh (con trưởng của Nguyễn Ánh). Cuối năm, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng rủ nhau đi chu du miền nam Trung Việt. Tới Bình Thuận, Phan Chu Trinh đau, nằm lại, kết thân với Hồ Tá Bang, lập thư xã để giảng sách Khang Lương. Năm sau, Nguyễn Trọng Lợi mở hội Thanh Niên Thế Dục và Tư Thục Dục Anh để dạy học theo tinh thần mới. 20-1-1905, Phan Bội Châu và Tăng Bạt Hồ đi Nhật cầu viện.

[Tăng Bạt Hồ (Lê Thiệu Hồ) người Bình Định, vốn là cai cơ trong binh triều, cùng Phạm Toàn mộ quân chống Pháp thất bại. Cụ lên qua Xiêm, qua Tàu, rồi qua Nhật, xung vào thủy quân. Vì căm hờn người Âu, cụ có công lớn trong những trận Đài Liên, Lữ Thuận, được thưởng huân chương, dự đại yến đãi tướng sĩ. Nóc cạn ly rượu do Nhật Hoàng thân rót thưởng, cụ ôm mặt khóc lớn.

Mọi người ngơ ngác, cụ giải bày vốn là người Việt Nam vong quốc, nay thấy Nhật thắng Nga nên nghĩ đến tình cảnh nước nhà. Họ liền khuyên cụ lo chuyện duy tân, lựa người đưa qua, sẽ đào tạo giúp. Cụ liền xin phép chính phủ Nhật tức tốc về nước].

5-9-1905, Nga phải ký hòa ước ở Portsmouth nhường cho Nhật nửa đảo Sakhalin, bán đảo Quan Đông, hải cảng Arthur, rút khỏi Mãn Châu và công nhận quyền hạn của Nhật tại Cao Ly.

Việt thắng Nga chưa hẳn là điều ghê gớm, mà một phần do đánh bất thành linh không tuyên chiến, lại được các nước tây phương, và cả Mỹ, vì tranh giành quyền lợi ở Trung Hoa, hết lòng yểm trợ cùng làm khó dễ Nga mọi bề, đến cả mức không cho hạm đội Nga dùng kênh Suez, phải vòng mũi Hảo Vọng để đi cứu viện (có vào tránh bão tại Cam Ranh).

Dù chiến thắng này của Nhật chỉ là với Đông Âu, chẳng phải Tây Âu, nhưng cũng đủ khiến các dân tộc da vàng hãnh diện, tôn họ lên làm đàn anh và ngoảnh sang đó để học tập.

Năm sau, tháng Hai 1906, Phan Chu Trinh đến Hương Cảng, gặp Phan Bội Châu ở Quảng Đông, rồi cùng đi Nhật Bản. Nhưng kết luận của cụ là không thể trông cậy ở Nhật, và chẳng cần đuổi Pháp, vì bất quá cũng lại là cái vạ "tiền môn cự hô, hậu hộ tiền lang" (cửa trước chông hổ, cửa sau rước sói), thà hợp tác với Pháp để học hỏi. Nên ngày 15-8, cụ gửi thư cho toàn quyền Beau (Paul, 1902-07) tố cáo quan tham lại những và đề nghị những cải cách.

Tháng Ba 1907, Lương Văn Can lập Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, do Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn đảm nhận việc xin giấy phép (các ông này tốt nghiệp Trường Thông Ngôn, nhưng lúc này đều đã thôi làm việc cho nhà nước), theo mẫu mực Khánh Ứng Nghĩa Thục của Nhật và Cường Học Hội của Tàu: miễn học phí, cấp phát sách vở giấy bút, có khi cả nơi ăn chốn ở.

Trong khi chờ đợi giấy phép, Lương Trúc Đàm (con cả Lương Văn Can) và Dương Bá Trạc diễn thuyết tại đền Ngọc Sơn hô hào bỏ cái học cử nghiệp, noi gương duy tân của Nhật. Thống sứ mời tới nói chuyện. Hai người về cùng Đỗ Chân Thiết ký đơn yêu cầu mở trường đại học. Toàn quyền Beau xỏ lá, bèn mở. Nhưng sau buổi khai trường, nghe Tây xì xồ, các cụ nhà nho bỏ học luôn. Không đầy một tuần sau, trường đóng cửa, vì không có... sinh viên!

Mặt khác, các cụ hô hào chấn hưng thực nghiệp. Phan Chu Trinh mở Quảng Nam Thương Hội ở Quảng Nam; Đỗ Chân Thiết mở Đồng Lợi Tế, Hoàng Tăng Bí mở Đông Thành Xương, ở Hà Nội; Tùng Hương mở Phúc Lợi Tế ở Phúc Yên, Hưng Lợi Tế ở Hưng Yên; Nguyễn Trác mở Sơn Thọ ở Việt Trì; Trần Chánh Chiêu mở Minh Tân Khách Sạn, Nguyễn An Khang mở Chiêu Nam Lầu ở Sài Gòn; Hồ Nhựt Tân mở Tân Hợp Long ở Long Xuyên, vv... Các cụ còn lập cả đồn điền, đi tìm mỏ,... lại cũng chủ trương duy tân cả hình thức, cắt bỏ búi tóc, mặc âu phục may bằng nội hóa. Phong trào này được mệnh danh là Đông Du và Duy Tân, gồm cả những việc công khai, mà các cụ gọi là minh xã, và các việc bí mật yểm trợ việc trốn ra ngoại quốc hay bạo động tại quốc nội, mà các cụ gọi là ám xã.

Pháp nhìn thấy nguy cơ, đầu năm 1908 đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục. Lại nhân tháng Ba ở Trung Kỳ có vụ nông dân hốt tấc ngăn kéo nhau đi kháng thuế, bao vây tỉnh thành và tháng Sáu có vụ Hà Thành Đầu Độc với sự tham gia của Đề Thám và ám xã, hợp tác cùng anh em bồi bếp và binh lính Việt dùng cả độc dược đầu độc toàn bộ binh lính Pháp thuộc Trung Đoàn Pháo Binh IV và Trung Đoàn Bộ Binh Thuộc Địa IX, nhưng có người tố giác, Pháp liền bắt luôn cả các cụ trong Phong Trào, kẻ mang xử tử, người đày đi Côn Đảo.

1909, được toàn quyền Đông Pháp dụ bằng kinh tế, Nhật trục xuất Phan Bội Châu, Cường Đê và trên dưới 200 du học sinh (cỡ 100 người Nam, 50 người Trung, 40 người Bắc).

1911, do sự can thiệp của Hội Nhân Quyền, một số các cụ được thả nhưng bị chỉ định nơi cư trú. Lương Văn Can ở Nam Vang, Nguyễn Quyền ở Bến Tre, Dương Bá Trạc ở Long Xuyên, Võ Hoành ở Sa Đéc, Phan Chu Trinh ở Mỹ Tho, vv... Cụ Phan không chịu, toàn quyền Klobukowski (Anthony, 1908-11) đành cho đi Pháp. Tháng Hai 1912, Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang Phục Hội, ở Quảng Đông, chủ trương chế độ dân chủ theo mẫu mực Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên, vừa thành công trong công cuộc lật đổ nhà Mãn Thanh vào ngày 10-10-1911. Hội thành lập cả chính phủ lưu vong, mộ lính, phát hành tín phiếu để nuôi quân, sắm khí giới. Không hiểu vì lý do nào khiến cụ Phan lấy hai chữ Việt Nam đặt tên cho Hội cũng như cho chính phủ lưu vong Việt Nam Cộng Hòa Dân Quốc của cụ. Rồi sau này, có lẽ vì uy tín của cụ, từ 1945, nước ta có quốc hiệu là Việt Nam cho đến hiện nay luôn!

Nhân Thế Chiến I, Pháp bị Đức đánh, Việt Nam Quang Phục liên lạc với vua Duy Tân, tính lợi dụng đám lính mộ đang chờ tàu đi Pháp làm đảo chính, nhưng lại cũng bị tố giác nên hồng việc.

Ngoài ra, Lương Lập Nham, tức Lương Ngọc Quyến, thứ nam Lương Văn Can, người đầu tiên đông du, dùng quốc tịch Tàu nên được tiếp tục học và tốt nghiệp Chấn Võ Học Hiệu của Nhật năm 1911, trở về Trung Hoa đứng lúc cách mạng Tân Hợi thành công, vào giúp Hồ Hán Dân, Lê Nguyên Hồng để thực hành những điều sớ đặc. Gặp thế chiến, thấy có thời cơ, cụ liền về nước, nhưng tung tích bị bại lộ (có dư luận cho là chính cụ đồng chí Nguyễn Bá Trạc chỉ điểm). Cụ lên qua Hương Cảng, bị Anh bắt giao cho Pháp.

Darles, công sự Thái Nguyên, đứng đầu danh sách bốn tên công sứ lừng danh tứ hung "nhất Đạc, nhì Ke, tam Be, tứ Bích" (Darles, Eckert, de Galembert, Brides), sai giùi bàn chân để buộc xích sắt nên cụ bị liệt hẳn một chân. Cụ liên lạc với đội khổ xanh canh trại giam Trịnh Văn Đật, tức Trịnh Cấn, phá ngục đêm 30-8-1917, giết giám đốc trại tù, lãnh binh, chiếm thị xã suốt 4 ngày. Sau không chống cự nổi nhiều đợt phản công của Pháp, phải rút lui. Cụ nhờ Đội Cấn bắn vào ngục để chết, khỏi phiền nhiễu anh em. Ngày 10-1-1918, bị vây, lại bị thương quá nặng, biết mọi sự đã hỏng, Đội Cấn cũng bắn vào bụng tự sát.

Đến đây coi như công cuộc của các nhà cụ học thất bại, giao lại cho đàn em, con cháu tiếp tục, mà đành:

*Thôi thánh hiền, thôi hào kiệt, thôi anh hùng,*

*Ngàn năm sự nghiệp nước về Đông!*

30-6-1925, Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải. Có nguồn tin cho rằng Hồ Chí Minh và Lâm Đức Thụ (Nguyễn Công Viễn), hai thành viên của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (cộng sản) vừa thành lập, chỉ điểm. Họ lý luận cụ già nua, hết thời rồi, nhưng vẫn chia xẻ mất một số lớn người hoạt động tại hải ngoại. Cụ Phan bị bắt thì không còn ai lấy bớt người của họ, lại đẩy động tinh thần người trong nước lên, mà còn có 150,000 đồng tiền thưởng. Đây là một số tiền cực kỳ to lớn hồi đó (nhiều tài liệu so sánh và ghi giá một con trâu, gia sản lớn của một nông dân, chỉ có 5 đồng (?); nhưng căn cứ thời giá gạo 2\$/tạ, có lẽ 50\$ thì đúng hơn). Hai người chia nhau. Lâm mang đi chơi bời. Còn Hồ dùng làm gì không rõ. (Sau ngày 19-8-45, cộng sản cướp được chính quyền, Lâm ở quê Thái Bình lên Hà Nội thăm Hồ. Rồi bị Hồ sai người thủ tiêu).

23-11, bị Đảng Phục Việt khám phá ra sự việc giam giữ Phan Bội Châu, Pháp đành phải mang xử ở Hội Đồng Đề Hình tại Hà Nội. Quả nhiên toàn quốc sôi nổi đòi ân xá.

Cuối năm, Phan Chu Trinh từ Pháp về diễn thuyết được vài buổi rồi mất ngày 24-3-1926, tại Sài Gòn. Toàn quốc lại rầm rộ lên phong trào làm đám táng. 13-6-1927, Lương Văn Can mất. Dù Pháp ngăn cản, dân chúng cũng đẩy lên phong trào truy điệu.

Phong Trào Đông Du và Duy Tân, khởi đầu định duy trì thể chế quân chủ nhưng sau chuyển sang dân chủ. Với việc Phan Bội Châu bị bắt và hai cái chết của Phan Chu Trinh cùng Lương Văn Can, phong trào coi như ngưng hoạt động. Phan Bội Châu được miễn thi hành án tử và bị mang quản thúc tại Huế. Cụ mất ngày 29-10-1940, vừa kịp chứng kiến việc Nhật vào Đông Dương, nhưng đỡ phải nhìn cảnh Nhật phân biệt thêm Việt Nam, Việt Nam Phục Quốc Hội và Cường Đê. [Một số các cụ trong Phong Trào Đông Du và Duy Tân, sau khi được ân xá về, như Tú Kiến (Nguyễn Đình Kiến), Cử Ngô (Hoàng Văn Khải), Nghè Ngô (Ngô Đức Kế), Thủ Khoa Huân (Lê Văn Huân, không phải thủ khoa Huân trong Nam),... manh nha Việt Nam Nghĩa Hòa Đoàn.

Tuy nhiên, mãi khoảng giữa thập niên 1920, Lê Văn Huân có cơ hội ra Hà Nội mới thành lập được Hội Phục Việt, bầu Tôn Quang Phiệt, sinh viên Đại Học Sư Phạm, làm đảng trưởng; đảng viên phần lớn là lớp tân học, mở đầu một thể hệ tranh đấu mới.

Cuối năm 1925, nhân việc phát động phong trào công khai, Phục Việt đổi thành Hưng Nam Hội, suốt ba năm trường cầm đầu việc tranh đấu trong các vụ đòi ân xá cho Phan Bội Châu, đám táng Phan Chu Trinh, truy điệu Lương Văn Can, gọi lại lòng ái quốc có cơ nguội lạnh.

Phục Việt tồn tại ở Bắc một thời gian. Sau đổi tên là Việt Nam Cách Mạng Đảng, rồi Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội. Năm 1927, Tôn Quang Phiệt về Huế, tách ra, lập Tân Việt Cách Mạng Đảng, Đào Duy Anh là tổng bí thư. Hoàng Văn Khải, Võ Hoành, Lê Văn Huân là sáng lập viên, góp cho đảng ngót vạn đồng. Dự luận thời đó cho là Đào Duy Anh mang toàn bộ hồ sơ đảng nộp cho trùm mật thám Louis Marty (cựu đảng viên cộng sản), ém luôn số tiền trên để khuếch trương Quan Hải Tùng Thư.

Vì có liên quan đến Tân Việt, Lê Văn Huân, Đặng Thai Mai (đang dạy ở Quốc Học), Võ Nguyên Giáp (đang đi học) bị Pháp cầm tù. Lê Văn Huân đập đầu vào tường nhà lao tự vận. Còn Đào Duy Anh (kẻ tổ giác), Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp (người bị bắt) đều được Louis Marty, công sứ Nghệ An, đỡ đầu, nhận làm con nuôi! Từ đây phong trào tranh đấu chia ra làm hai ngã riêng biệt: quốc gia hay quốc tế].

\*

Cách mạng Tân Hợi 1911 bên Tàu thành công ở ngay sát nách, khiến Pháp cũng phải nới tay. Nhưng việc Đông Du và Duy Tân của ta thất bại, những người tân học đành chấp nhận thực tế:

1913, Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản Đông Dương Tạp Chí, chủ trương nên để người Pháp trực trị trên toàn quốc, y như tại Nam Kỳ.

Thế Chiến I (1914-18) xảy ra giữa Pháp và Đức. 1917, Phạm Quỳnh xuất bản Nam Phong Tạp Chí, hô hào đóng góp cho "mẫu quốc": Ròng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc. Lại cũng là lúc Lenin (Vladimir Ilvich Ulyanov, 1917-24) lật được chính phủ cách mạng dân chủ tư sản Kerensky (Alexandr Pedorovich, 1912-17), cướp chính quyền tại Nga, ông ra sức lật tẩy các trò tàn bạo, lừa manh, đen tối của bọn bọn sê vích (cộng sản). Đồng thời, ông chủ trương thiết lập chế độ quân chủ lập hiến tại Việt Nam. (Sau này, năm 1945, khi cướp được chính quyền, bọn cộng sản bắt ông đem chôn sống).

16-8-1919, sau thế chiến, Hội Những Người An Nam Yêu Nước, tại Paris, ký tên tập thể là Nguyễn Ái Quốc, ủy Nguyễn Tất Thành đệ trình tổng thống Hoa Kỳ Wilson (Thomas Woodrow, 1913-21) tại Hội Nghị Versailles (Pháp) 8 điểm "Yêu sách của nhân dân An Nam" (Revendications du Peuple Annamite), nhưng không được nhận. Tuy nhiên, tại quốc nội, cái tên Nguyễn Ái Quốc nổi như sóng cồn. Cầm đầu Hội Những Người An Nam Yêu Nước gồm:

- Phan Văn Trường, vốn là một bậc túc nho, đi Pháp học, đậu tiến sĩ, hành nghề luật sư tại Paris.
- Phan Chu Trinh bị biệt xứ sang; hai cụ sát cánh hoạt động, thành lập Hội Đồng Bào Thân Ái.

Năm 1913, một trái bom nổ ở Hà Nội, thực dân bắt được hai người anh Phan Văn Trường là Phan Tấn Phong và Phan Trường Khiêm cùng một số thư từ của cụ. Cuộc Thế Chiến I bùng nổ, lập tức hai cụ bị bắt nhốt, từ tháng Chín 1914 cho đến khi luật sư Marius Moutet [đảng viên xã hội, sau là bộ trưởng Bộ Thuộc Địa, ký Tạm Ước 14-9-46 (Modus Vivendi) với Hồ Chí Minh] can thiệp, mới được thả vào tháng Bảy 1915.

- Nguyễn Tất Thành, đang rửa bát, quét tuyết ở Luân Đôn, nhân nhận là con cụ phó bảng Nguyễn Sinh Huy, được Phan Chu Trinh gọi về Paris vào năm 1917.

- Năm 1920, Nguyễn An Ninh sang sửa soạn lấy bằng cử nhân luật, nhập bọn luôn.

- Nguyễn Thế Truyền đậu xong cử nhân hóa học tại Toulouse (1920), cũng lên học tác.

Nhóm cầm đầu Hội này được thiên hạ mệnh danh là "ngũ long". Họ là một phối hợp lý tưởng về học vấn và tuổi tác. Phan Chu Trinh, khoảng 50 tuổi, phó bảng hán học. Phan Văn Trường, ngoài 40, tiến sĩ luật khoa, tinh thông hán học. Nguyễn Tất Thành, ngoài 30, chưa xong tiểu học, và Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền xấp xỉ tuổi nhau, trong ngoài 20, người cử nhân luật, người cử nhân hóa học. (Trước Thế Chiến I, tại Pháp chỉ có chừng 100 người Việt. Khi chiến tranh chấm dứt, số người Việt, đa số là quân nhân do Pháp mang sang, lên đến hơn 80,000).

Chủ trương, ý kiến, bài vở chống thực dân thì hẳn do người này người kia đề xuất, rồi cùng góp ý. Nhưng viết thì hẳn phải do ba vị tây học, rồi cho Thành đem đến giao các báo, với một bút hiệu chung là Nguyễn Ô Pháp (Nguyen Le Francophobe). Độc giả hoan nghênh nhiệt liệt vì văn phong duyên dáng. Họ tò mò muốn biết mặt tác giả và bắt giải thích ý nghĩa bút hiệu, rồi tỏ ra phiền lòng. Do đó sau đổi thành Nguyễn Ái Quốc (Nguyen Le Patriote). Vì Thành chuyên phụ trách việc giao bài vở, mọi người yên trí anh này chính thị là Nguyễn Ái Quốc. Và dĩ nhiên, Thành chẳng dại gì mà không nhận. Quen thường thức cái vinh dự to lớn đó, sau Thành đâm mắc bệnh kinh niên cầm nhầm của thiên hạ, rồi lấy cả sang toàn Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Tuy nhiên Thành cũng có thú nhận trong "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" dưới bút hiệu Trần Dân Tiên rằng "lúc bấy giờ ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp", "ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng" nhưng cũng cố nói dõc thêm "ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khấn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay. Ông Trường viết giỏi, nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn đã phải ký tên những bài báo". Làm như Phan Văn Trường non nớt lắm, phải mượn ý của y ta!

Dù giao du mật thiết với các thành phần tá khuynh, riêng Phan Chu Trinh từ đầu đến cuối chỉ đeo đuổi tinh thần quốc gia thuần túy, còn bốn người kia đều thiên tả.

Phan Chu Trinh, linh hồn của Nhóm, có đưa ra một phân công gọi là "ngũ long tề khởi". Ninh lãnh việc "lấy giáo tàu đem chệt", đem tư tưởng của Pháp mà phổ biến tại nước nhà. Truyền đi vào giới trí thức và Thành đi vào giới lao động, đưa vào đảng xã hội mà mưu đồ việc giải phóng quê hương. Hai cụ Phan thì chờ Ninh dọn đường xong sẽ về góp sức, gây một phong trào dân chủ. Năm 1920, Đảng Xã Hội phân hóa thành đảng cộng sản. Năm 1922, Ninh về nước trước. Truyền mượn phương tiện cộng sản hoạt động nhưng sau thấy không còn lợi dụng được nữa, đành bỏ. Thành cuỗm cái tên chung Nguyễn Ái Quốc, đi theo cộng sản luôn, và sang Nga (vào năm 1923; năm 1941, về nước, Thành đổi tên là Hồ Chí Minh).

1923, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long chủ trương Đảng Lập Hiến, vận động một hiến pháp cho Đông Dương. (15-11-1925, Nhóm Lập Hiến chính thức ra đời tại Paris. 24-3-1926, Bùi Quang Chiêu đi Pháp vận động về; 20-10, Đảng Lập Hiến chính thức thành lập tại Sài Gòn).

25-5-1925, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Dương Văn Giáo, Diệp Văn Kỳ gửi tổng thống Pháp kiến nghị về "Hiện Trạng Đông Dương".

20-3-1926, Ninh bị bắt; Trinh mất ngày 24. Ngày 18-11, Đạo Cao Đài chính thức ra mắt tại Tây Ninh.

14-6-1927, Nguyễn Thế Truyền chính thức khai báo Đảng An Nam Độc Lập với nhà chức trách tại Paris.

[Nguyễn Thế Truyền hội với đảng viên Phục Việt Nguyễn Đắc Lộc và Ngô Đức Tri, từ bên nhà sang, lập An Nam Độc Lập Đảng tại Paris, xuất bản tờ Việt Nam Hồn (L'Âme Annamite, organe du Phuc Viet, Parti Annamite de l'Indépendance), số 1 ra ngày 15-1-27. (Nguyệt san Việt Nam Hồn số đầu ra ngày 1-1-1926, tháng 8 bị cấm, thay thế bằng tờ Phục Quốc, tháng 10 lại bị cấm, 15-1-1927 xuất bản bằng tiếng Pháp với tên L'Âme Annamite, đến tháng 6 thay thế bằng La Nation Annamite). Cộng sản nhận vợ là do Hồ Chí Minh chủ trương, tuy thời điểm này Hồ đang ở Trung Hoa. Ngô Đức Tri là con duy nhất của cụ Nghè Ké, sau khi sang Pháp, trốn qua Nga. Chỉ có thể cũng đủ để cụ Nghè Ngô tuyên bố từ, rằng: Tôi không có thằng con ấy. Tuy nhiên, nhìn rõ dã tâm của đám bọn sê vích, khi về nước, là ủy viên trung ương đảng, Tri tích cực giúp Pháp lùng bắt đám này, không phụ tinh thần chống cộng của cha già. Sau Tri tự tử chết].

25-12, Nguyễn Thái Học thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hà Nội. 10-2-1930 (ngày 12 tháng Giêng Canh Ngọ), Việt Nam Quốc Dân Đảng khởi nghĩa. Ngô Hải Hoàng tức Cai Hoàng tấn công Yên Bái, Nguyễn Khắc Nhu tức Xứ Nhu tấn công Hưng Hóa-Lâm Thao (Phú Thọ), Hoàng Quang Huy, Đào Văn Thê, Nguyễn Văn Hộ tấn công Phú Dục (Thái Bình), Trần Quang Diệu tấn công Vĩnh Bảo (Hải Dương). Nhưng vì lệnh lạc trực trặc, khởi nghĩa không đồng loạt, mọi nơi đều thất bại. Thống sứ Robin cho phóng pháo cơ tới liệng bom xuống làng Cổ Am (Hải Dương) rồi xả súng liên thanh bắn giết dân làng, tiếp đến đốt phá nhà cửa những người bị bắt trong hai huyện Phú Dục-Vĩnh Bảo, rồi mang lính tới triệt hạ các làng Phong Cầu, Đồng Tài, Kha Lâm (Kiến An), La Hào, Vông La, Sơn Dương (Phú Thọ),... Ngày 12, toàn quyền Pasquier đáp chuyến xe lửa đặc biệt từ Hà Nội lên Yên Bái dự lễ tổng táng, đọc diễn văn trước linh cữu 10 sĩ quan và hạ sĩ quan: Nhà nước sẽ trừng trị ngay những kẻ xướng loạn một cách đáo đê, phục thù cho mấy người, cả Tây lẫn Nam, đã bị hại một cách dã man. Mai đây sẽ có Hội Đồng Đề Hình xử bọn đó xứng đáng với tội ác của chúng...

Ngày 27, Hội Đồng Đề Hình Yên Bái xử 13 án tử hình, sau tổng thống Doumergue (Gaston, 1924-31) giảm xuống còn 4: Đặng Văn Lượng, nông dân; Đặng Văn Tiệp, nông dân; Nguyễn Thanh Thuyết, hạ sĩ quan; Ngô Hải Hoàng, hạ sĩ quan. Ngày 25-3, Hội Đồng Đề Hình Yên Bái xử 39 án tử hình, Doumergue giảm xuống còn 13: Bùi Tử Toàn, nông dân; Bùi Văn Chuẩn, binh sĩ; Nguyễn An, binh sĩ; Hà Văn Lạo, thợ hồ; Đào Văn Nhít, binh sĩ; Ngô Văn Du, binh sĩ; Nguyễn Đức Thịnh, binh sĩ; Nguyễn Văn Tiêm, binh sĩ; Đỗ Văn Sứ, binh sĩ; Bùi Văn Cửu, binh sĩ; Nguyễn Như Liên, học sinh; Phó Đức Chính và Nguyễn Thái Học.

Ngày 26-5, Hội Đồng Đề Hình Phú Thọ xử 10 án tử hình, Doumergue giảm xuống còn 5: Nguyễn Văn Toại tức Đồ Thúy; Trần Văn Hợ; Phạm Nhận tức Đồ Điếc; Lê Xuân Huy, nông dân; Bùi Xuân Mai, nông dân.

Ngày 5-8, Hội Đồng Đề Hình Hà Nội xử 12 án tử hình, Doumergue giảm xuống còn 7: Đoàn (Đào, Đặng) Trần Nghiệp tức Ký Con; Lương Ngọc Tôn tức Chánh Tôn; Nguyễn Văn Nho (em Nguyễn Thái Học); Nguyễn Quang Triều; Nguyễn Minh Luân; Nguyễn Trọng Bằng; Phạm Văn Khuê tức Cai Khuê.

Ngày 7-11, Hội Đồng Đề Hình Hải Dương xử 8 án tử hình, Doumergue giảm xuống còn 6: Trần Quang Diệu, Vũ Văn Giáo tức Lý Giáo, Trần Nhật Đồng tức Cai Đồng, Nguyễn Văn Phúc, cựu binh sĩ; Lê Hữu Cảnh; Nguyễn Xuân Huân. Ngày 30-1-1932 Hội Đồng Đề Hình Kiến An không xử tử hình, tha bổng 5 người, còn lại 185 người bị án khổ sai có thời hạn.

20-6, Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập Văn Nam Đệ Nhất Đạo Bộ. 15 đến 28-7, hợp nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng (Quảng Châu và Văn Nam), thành lập hải ngoại biện sự xứ tại Nam Kinh (Trung Hoa).

8-1934 (?), Hồ Học Lãm thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (Vi Chính Nam chủ nhiệm) tại Nam Kinh.

1939, Cường Để thành lập Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội tại Thượng Hải (Trung Hoa). Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Ân thành lập Đảng Việt Nam Quốc Gia tại Sài Gòn. 5-7, Đạo Hòa Hảo chính thức ra đời tại Châu Đốc. 22-9-1940, Trần Trung Lập, Đoàn Kiểm Điểm, Hoàng Lương chỉ huy Phục Quốc Quân (Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội) tấn chiếm Lạng Sơn. Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng lập chiến khu tại Bắc Ninh, Bắc Giang. 1-10-1942 thành lập Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, chính yếu gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội tại Liễu Châu, Quảng Đông (Trung Hoa).

\*

Nguyễn An Ninh về nước năm 1922 và là người tân học đầu tiên xướng việc đấu tranh giành độc lập tự do cho xứ sở.

15-10-1923, Ninh diễn thuyết "Cao vọng của thanh niên". 10-12, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh xuất bản tờ La Cloche Fêlée khuyñh tả tại Sài Gòn, sau đổi thành L'Annam, đến đầu năm 1928 mới đình bản hẳn.

20-1-1926, Đảng Xã Hội Pháp thành lập chi nhánh ở Trung và Bắc Kỳ. 20-3, Nguyễn An Ninh thành lập Đảng Thanh Niên, lập tức bị bắt. Tạ Thu Thâu lập Đảng Jeune Annam tại Sài Gòn.

24-6-1930, Tạ Thu Thâu bị trục xuất khỏi nước Pháp (trong số 19 sinh viên can việc biểu tình ngày 23-5 trước điện \*élysées yêu cầu tổng thống Pháp ân xá 39 nhà cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị xử tử hình tại Yên Bái), lập Nhóm Tả Phái Đối Lập (Đệ Tứ) ở Sài Gòn. Tạ Thu Thâu là người khai sinh danh từ "đế quốc đồ" để chỉ Nga Xô.

24-3-1933, Tạ Thu Thâu chủ trương tờ La Lutte.

Từ 7-5 đến 15-9-1936, nhóm La Lutte chủ trương Đông Dương Đại Hội để đưa thỉnh nguyện lên Ủy Ban Điều Tra của Chính Phủ Bình Dân Pháp.

16-4-1939, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm tranh cử Hội Đồng Quản Hạt đắc cử, Trần Văn Thạch dự khuyết, nhưng bị loại với lý do thiếu điều kiện và không đúng thể lệ. Trên đây là công cuộc của những người thuộc nhóm xã hội.

Có một điều cần, là phải phân biệt giữa những người khuyñh tả. Tuy đều dựa trên cùng một lý thuyết nhưng những người xã hội chủ trương đúng ý Marx, là theo đuổi một cuộc cách mạng thường trực, cho đến một lúc nào đó, tư bản tập trung thành tối đại thiếu số sẽ đương nhiên bị tối đại đa số công nhân tiêu diệt; còn những người cộng sản (bôn sê vích) thì lại theo Lenin-Stalin, cho rằng có thể làm cách mạng riêng rẽ từng nơi, mà tất cả đều phải gia nhập Quốc Tế 3 cũng như phải tuyệt đối thân phục Nga Xô.

13-9-1945, công an Việt Minh (cộng sản) bắt đầu chiến dịch lùng bắt các chiến sĩ xã hội để thủ tiêu, như: Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Huỳnh Văn Phuong, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Số, Phan Văn Hóa, Trần Văn Sĩ, Nguyễn Văn Soái,... đa số bị chôn sống, nên kể như phong trào tan rã luôn.

\*

Từ 25 đến 30-12-1920, tại đại hội thứ 18 của Đảng Xã Hội Pháp, một số đảng viên tách ra (trong đó có Nguyễn Thế Truyền, Hồ Chí Minh) lập Đảng Cộng Sản, theo Quốc Tế 3.

1-4-1922, Nguyễn Thế Truyền, thư ký Công Đoàn Liên Thuộc Địa (Union Inter-Coloniale) của Đảng Cộng Sản Pháp, ấn hành tờ Le Paria tại Paris. Hồ Chí Minh đã nhận vợ là chính y chủ trương tờ báo này.

30-6-1923, Hồ Chí Minh đến Mạc Tư Khoa.

6-1925, Hồ Chí Minh thành lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tại Quảng Châu.

Tháng Ba 1929, bảy người: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Cung, Trịnh Đình Cửu, Đỗ Ngọc Dur, Dương Hạc Đỉnh và Kim Tôn thành lập tổ cộng sản đầu tiên ở Đông Dương, tại Hà Nội. Tháng Sáu, thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng tại Bắc Kỳ. Tháng Mười, thành lập An Nam Cộng Sản Đảng tại Nam Kỳ. Tháng Giêng 1930, thành lập Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn tại Trung Kỳ.

3-2-1930 (thực ra là 6-1), theo chỉ thị Quốc Tế 3, Hồ Chí Minh hợp nhất ba đảng, thông qua chính cương, sách lược, điều lệ, thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam tại Cửu Long (Hong Kong), trực thuộc Đảng Cộng Sản Pháp. Mỗi tháng Quốc Tế 3 cấp cho 5,000 phật lãng (trong Đệ Nhị Thế Chiến, từ tháng 8, 1940, do Trung Cộng cấp 50,000).

Cũng lại theo chỉ thị Quốc Tế 3, tháng Mười, Trần Phú về Hong Kong, viết "luận cương chính trị", chỉ đạo phương hướng hành động rập khuôn theo Đại Hội VI Quốc Tế Cộng Sản, bắt đổi tên thành Đảng Cộng Sản Đông Dương (vì tên cũ phản ánh tinh thần "quốc gia dân tộc hẹp hòi"), và làm tổng bí thư đầu tiên. Từ tháng 9-1930 đến tháng 6-1931, Hồ Chí Minh lập Hội Phản Đế Đông Minh Đông Dương, hòa theo truyền thống nông dân Nghệ Tĩnh nổi dậy chống sưu thuế, hô hào tịch thu ruộng đất, "trí phú địa hào đào tận gốc, tróc tận rễ" để, riêng phần Việt Nam, phá đế quốc Pháp cho Nga Xô rành tay cùng cố đế quốc đỏ. Sau, cộng sản vợ vào, mệnh danh là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh! Tháng Sáu 1932, sau thất bại Xô Viết Nghệ Tĩnh, chương trình hoạt động mới của Đảng Cộng Sản Đông Dương được Quốc Tế 3 chấp thuận, do Trần Văn Giàu phụ trách Miền Nam và Cao Miên, Lê Hồng Phong phụ trách Miền Bắc và Ai Lao. 24-3-1933, cộng sản đệ tam hợp tác với nhóm La Lutte. Nguyễn Văn Tạo đắc cử Hội Đồng Thành Phố Sài Gòn ngày 30-4-1933.

3-5-1935, liên danh Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai tranh cử Hội Đồng Quản Hạt Sài Gòn. Lúc này Nga Xô liên minh với Anh Pháp để đương đầu phát xít Đức. Cộng sản Việt Nam dẹp bỏ các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất, đánh đổ đế quốc mà kêu gọi lập Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương, liên minh với thực dân, tham dự các cuộc bầu cử.

6-6-1936, cộng sản chuyển hướng hoạt động, vừa công khai vừa bán công khai, gửi thư cho các đồng chí toàn Đảng, các đảng phái, cho Chính Phủ Bình Dân Pháp về Đông Dương Đại Hội.

7-1-1937, Trịnh Văn Phú (tư sản thiên cộng) đắc cử vào Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. 29-3-1938, Nguyễn Văn Cừ được bầu làm tổng bí thư tại Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương ở Tân Thới Nhứt, Bà Điểm (Gia Định).

26-9-1939, Hội Đồng Bộ Trưởng Pháp ký sắc lệnh giải tán và cấm mọi hoạt động của các tổ chức cộng sản, vì Nga Xô và Đức đã trở thành đồng minh, Stalin (Iossif Vissarionovitch Djougatchvili, 1924-53) và Hitler (Adolf, 1934-45) ký hiệp ước bất tương xâm ngày 21-8. Cộng sản Việt Nam trở lại tung khẩu hiệu tịch thu ruộng đất, thành lập Mặt Trận Phản Đế Đông Dương.

23-10-1940, cộng sản tổ chức Nam Kỳ Khởi Nghĩa để phá Pháp, tiếp tay cho phát xít Đức và Nhật, đồng minh của Nga Xô, nhưng thất bại, khiến dân chúng bị đàn áp cực kỳ dã man.

\*

Tóm lại, dù thực dân Pháp đã làm chủ toàn cõi Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng, nhưng cũng không hẳn được ăn ngon ngủ yên trên chiến thắng với văn thân, cần vương, đông du-đuy tân, anh hùng hào hán giang hồ, tiểu tư sản, dĩ chí cả Xô Viết Nghệ Tĩnh, Nam Kỳ Khởi Nghĩa của cộng sản đệ tam. Các nhà nho, môn đồ Khổng Giáo, không làm xong nhiệm vụ, thì các tín đồ Phật Giáo, Đạo Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo tiếp tục công việc giành lại chủ quyền cho đất nước. Nhưng, nói một cách công bằng, thì tất cả những phong trào quốc gia, xã hội, cộng sản đều do thành phần ưu tú chủ trương. Còn tối đại đa số quốc dân tạm thời băng lòng với nền La Paix Francaise (Pax Francisca, Hòa Bình Pháp Quốc), vì cả hàng hai ba trăm năm rồi, người dân Việt chưa từng được hưởng một thời gian yên bình không chiến tranh, giặc cướp, thiên tai như trong giai đoạn này.

## II

Chế độ tư bản làm thay đổi cuộc diện thế giới, tạo nên hai đế quốc mới. Anh-Pháp thống trị hoàn cầu dưới chiêu bài mang... ánh sáng văn minh đi khai hóa lũ "man di mọi rợ" -- thay thế cho các đế quốc cũ Bồ Đào Nha-Tây Ban Nha-Hòa Lan trước đó mang... tin mừng phúc âm đi cứu chuộc linh hồn đám "tà ma ngoại đạo" -- bằng cách chiếm đoạt các thuộc địa của các đế quốc cũ hay xâm lăng các quốc gia độc lập nhỏ yếu còn sót lại. Cũng vẫn để bóc lột công sức và tài nguyên. Thêm nữa là thị trường tiêu thụ. Nhưng tất nhiên đồng thời cũng tạo tham vọng cho các quốc gia khác.

Và nước Đức đã gây nên Thế Chiến I (1914-18) để thực hiện tham vọng của mình. Ngoài ra, nước Mỹ, vào dịp này, cũng từ bỏ chủ thuyết đóng cửa của Monroe, mà bành trướng phạm vi ảnh hưởng bằng lá bài... dân tộc tự quyết dôm. Nước Nga lại cũng nhân cơ hội mà vươn lên: Sự tham dự chiến tranh khiến nước Nga của Xa Hoàng đắm khùng hoảng, nhiều xáo trộn xảy ra. Cuối cùng, chính quyền vào tay nhóm Bôn Sê Vích.

Tân Xa Hoàng Lenin khôn ngoan, bỏ rơi Anh Pháp Mỹ, ngưng chiến với Đức để củng cố nội bộ, ngõ hầu sẽ tranh giành vị thế của ba tên đầu sỏ. Càng khôn ngoan hơn, Lenin không mưu giành thuộc địa của Anh Pháp Mỹ, xâm chiếm các quốc gia nhược tiểu bằng phương pháp xưa cũ là cứu rỗi linh hồn, khai hóa lũ mọi rợ dã man bằng dao găm, mã tấu, gurom giáo, thần công, đại bác, mà bằng... nước bọt. Lập lờ lợi dụng tên tuổi, chữ nghĩa của Marx, Lenin thành lập Quốc Tế 3 (Cộng Sản Đệ Tam) để kết nạp tay sai ở các quốc gia, ở các thuộc địa làm khuyển mã phục vụ đế quốc Nga Xô, xây dựng thiên đường hạ giới, mà thiên chúa ngự trị sẽ là Lenin, hội thánh là Đệ Tam

Quốc Tế Cộng Sản, thánh địa là Moskva. Cũng có thánh kinh, cũng có tông đồ, cũng có các phép bí tích, cũng có thánh chiến, thánh tử đạo, cũng có phần thưởng hưởng... nhan thiên chúa!!! Chủ nghĩa cộng sản của Lenin-Stalin không hề là chủ nghĩa công xã của Marx. Karl Marx có tham vọng hình thành một thế giới đại đồng như các triết gia đông phương. Các đảng xã hội thuộc Đệ Nhị Quốc Tế theo chủ trương này. Còn Lê-Xít chỉ có tham vọng thiết lập một đế quốc do Nga thống trị - toàn thể nhân loại, cả về phần xác lẫn phần hồn. Y hệt Constantine bóp méo Kitô Giáo để thiết lập đế quốc của ông ta, Lenin cũng bóp méo chủ nghĩa công xã của Marx để củng cố thiên triều Nga Xô.

Thế hệ cha anh căn cứ vào những sự việc xảy ra ở Nga Xô, những thái độ khuyến mãi của các đảng chủ hầu mà tóm gọn chủ thuyết cộng sản của Lenin vào ba cái "vô": vô tổ quốc, vô tôn giáo, vô gia đình. Ngày nay, nhìn lại, thì quả nhiên cộng sản Việt Nam mỗi mỗi đều phục vụ Nga Xô, hãnh diện làm "ngọn cờ đầu trong nghĩa vụ quốc tế", đàn áp mọi tôn giáo, đầu tổ ông bà cha mẹ. Nhưng thực ra lũ chúng không vô tổ quốc, vô tôn giáo, vô gia đình. Hoàn toàn trái lại là đảng khác. Chúng có một tổ quốc tuyệt vời Nga Xô để mà tuyệt đối một dạ trung thành. Chúng có tôn giáo Lenin, chân lý của loài người, để mà cuồng tín. Chúng có gia đình vĩ đại, Đệ Tam Quốc Tế, đỉnh cao trí tuệ, để mà hiếu đễ. Mọi thứ đều thuộc về đảng. Đảng viên chối bỏ tổ quốc mình, chỉ trung thành với tổ quốc Liên Xô. Đảng viên chối bỏ tôn giáo mình để thờ phượng chủ nghĩa cộng sản, giáo chủ Lê-Xít. Đảng viên chối bỏ ông bà cha mẹ để tuân phục đảng cộng sản, không bán khoán, không thối mác. Bù lại, cũng chỉ đảng viên mới có đặc quyền đặc lợi. Ngoại giả đều là "phản cách mạng", "tà ma quỷ quái", còn được sống là nhờ biết đầu hàng và được đảng khoan hồng. Đảng và nhà nước Nga Xô cương quyết tiêu diệt mọi thành phần, mọi "tà ma quỷ quái" trên trái đất này.

Có những đảng viên cộng sản ngay biện là họ yêu nước, họ thương nòi. Có thể có những người mơ tưởng lợi dụng được Nga Xô để giải phóng dân tộc mình. Nguyễn Thế Truyền đã sớm trả lời cho giải pháp hào huyền này. Cũng có thể có những đảng viên cộng sản loại mù mờ, lầm nghĩ rằng đảng cộng sản lo việc giành độc lập cho quốc gia, đòi cơm áo cho người cùng khổ khi tuyên thệ gia nhập đảng. Nhưng những đảng viên cộng sản chân chính, có trình độ, biết viết lách, biết nhi nhô thì không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ mù mờ về "lý tưởng" đích thực của người cộng sản quốc tế đệ tam. Điều họ mồm loa mép giải phân bua vẫn cũng chỉ phát xuất từ bản chất lưu manh của bất kỳ người đảng viên cộng sản nào chưa thực tâm phản tỉnh ở trên cõi đời này.

Vấn đề là tại sao lại có loại người cộng sản?

Theo bọn Huân, dĩ nhiên Marx có nhiều điều sai lầm, nhưng tội ác của cộng sản không phải là do Marx (công xã), mà là do chính những người cộng sản (bôn sê vích). Nhưng họ thì không hề sai lầm như Marx. Thay vì thế, mọi việc đều là do họ cố tâm, quyết chí làm.

Họ là những kẻ bất mãn (discontent), bất hợp (misfit) đã đành, nhưng họ còn phải có thêm cái cơ trí, cái cơ tâm và cái xa đích bệnh hoạn (sadism). Phải có một bản chất độc ác, mới có thể chấp nhận nguyên tắc "cứu cánh biện minh phương tiện". Những kẻ độc ác, khi bất mãn, bất hợp, chấp nhận bất cứ phương pháp nào miễn giúp họ đạt mục đích. Nhưng khi đạt tốt đỉnh mục đích rồi, thì họ cũng vẫn cứ còn là những kẻ độc ác. Do đó, ta không nên lấy gì làm lạ khi thấy người cộng sản Việt Nam tiêu diệt các thành phần quốc gia yêu nước để chiếm trọn quyền hành. Rồi khi có trọn quyền hành, họ cũng vẫn không hề vừa lòng mà tiếp tục các chiến dịch tố khổ, "cải cách ruộng đất", bắt bớ giam cầm văn nghệ sĩ trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm, "cải tạo" công thương nghiệp, "cải tạo nguy quân nguy quyền". Mục đích chính họ nhằm tới là làm khổ, làm nhục tất cả mọi người, ngoại trừ bọn họ. Những người nào không độc ác thì dù là trí thức hay dân ngu cũng vẫn bị loại ra ngoài. Đảng viên chân chính phải là những kẻ ác độc, vô tư cách, có tâm hồn ti tiện, ghen tuông, đố kỵ, đê hèn,... Điều trái khoáy là dù vậy, dù Nga quyết tâm tiêu diệt đủ mọi thứ, Mỹ tư bản vẫn tận tình nâng đỡ Nga cộng sản. Ý chừng để Nga phá khuấy Anh Pháp, hay sao nữa, thì... hạ hồi phân giải.

\*

Trong Đệ Nhất Thế Chiến, Nhật tính chuyện dây máu ăn phần, tuyên chiến với Đức, ép Trung Hoa cho hưởng các quyền lợi... của Đức ở Sơn Đông, nhưng bị các nước cản trở không thành công, nên vẫn mang nỗi ám ức.

Năm 1931, không biết... do đâu, một khúc đường xe lửa Nam Mãn bị phá hoại, Nhật đổ cho Tàu và mang quân tấn công Thẩm Dương, chiếm hết Đông Tam Tỉnh. Năm 1932, lục quân Nhật ở Thượng Hải tiến đánh Ngô Tùng, bị Anh Pháp Mỹ can thiệp phải triệt binh, liền cắt Đông Tam Tỉnh, lập thành nước Mãn Châu, đưa phé đế Mãn Thanh Phổ Nghi (Trung Hoa, 1909-12; Mãn Châu, 1934-45) lên làm vua bù nhìn. Năm 1933, Nhật xâm lăng Hoa Bắc. Tàu cầu cứu Hội Quốc Liên. Nhật liền rút khỏi Hội, để tự do hành động. Lần lần Nhật tiến vào Mông Cổ, toan vượt qua Trường Thành. Nhưng Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa, 1927-49; Đài Loan, 1949-1975) không nhìn nữa, nên xảy ra vụ xung đột tại Lư Cầu Kiều, mở đầu cuộc Trung Nhật Chiến Tranh Thứ Nhì.

\*

Mộng đế quốc của Đức bất thành, vì Mỹ nhập cuộc. Đức bại trận, phải ký hòa ước 11-11-1918.

Nhưng rồi cũng chẳng giải quyết được gì. Sự tham lam quá đáng của Anh Pháp trong việc đòi bồi thường chiến tranh dẫn đến tình trạng Đức không thể thanh toán nổi, lại xúc phạm đến tình tự quốc gia dân tộc, khiến chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc, độc tài phát xít Đức được thiết lập.

Truyện xưa có tích một anh chàng ra chợ, thấy vàng là xô vào vò. Bị bắt giải quan. Quan hỏi sao thanh thiên bạch nhật mà lại giám làm cái chuyện phi pháp như thế? Anh chàng thưa: Hễ thấy vàng là tối tăm mặt mũi lại, nào còn biết phải trái ra sao!

Hóa ra ở bình diện thế giới cũng rứa.

Thiên hạ một phần lớn đang thuộc về hai tên đầu sỏ tư bản tây âu Anh Pháp, một phần thuộc tên ma đầu cộng sản đồng âu Nga Xô. Bây giờ mấy anh phát xít nhắp nhồm muốn thành cường quốc.

Thế là nhân loại ở trong cái thế chân vạc. Nhưng các anh không chịu duy trì cái thế thăng bằng đó. Anh nào lại cũng mờ cả mắt, chỉ muốn riêng mình nhất thống giang hồ. Đầu óc họ đều tối tăm, đến nỗi không hiểu nổi rằng đã đến lúc mà cái mộng đế quốc thu hết thế giới về một mối hoàn toàn chỉ là ảo vọng. Do Thái, La Mã, Giáo Hội Công Giáo, Giáo Hội Hồi Hồi, Tần Thủy Hoàng, Nã Phá Luân,... tất cả chỉ là những kẻ điên cuồng, hoang tưởng. Họ không nhìn ra rằng ngay dù một phe toàn thắng, thì rồi giữa Anh Pháp Mỹ sẽ ra sao, giữa Nga Tàu sẽ ra sao, giữa Đức Ý Nhật sẽ ra sao? Có tương nhượng nổi nhau không, hay rồi cũng sẽ lại đánh lẫn đánh lộn dài dài?

Thế mà, vẫn tiếp tục cái trò hoang tưởng đó, Đức tự biến thành anh chàng thấy vàng tối mắt lại, cho mình là dòng giống siêu tộc, chỉ mình mới đáng làm bá chủ hoàn cầu. Bên Á Châu, Nhật cũng tự cho cái địa vị cha chú trong cái Đại Đông Á của người Á. Còn chẳng biết Ý thì sẽ tính sao trong việc theo đuổi Đức Quốc Xã để hồng chấm mút!?

Vậy là ba phe tư bản, cộng sản, phát xít hằm hè nhau, tìm đồng minh để cô lập kẻ thù, với mưu toan khi kẻ thù bị diệt rồi, thì sẽ tính đến sổ phận... đồng minh.

Vì quá hiểu như thế, trước mỗi đe dọa mới của phát xít tính tiêu diệt cả cộng sản lẫn tư bản -- vì cả hai đều đang chiếm hữu các thuộc địa, đều không thuộc dòng giống siêu tộc Nhật Nhĩ Man (Aryen), không xứng đáng bá chủ hoàn cầu -- nên Nga... cộng sản phải về phe với Anh Pháp... tư bản để chống Đức. Nhưng cả tư bản lẫn cộng sản đều mong xúi được phát xít Đức diệt giùm... đồng minh. Thế cho nên Anh Pháp nhượng bộ, bán đứng các nước nhỏ bé, để Đức chiếm đóng các quốc gia đó, tại Hội Nghị Munich, những mong lấy lòng phát xít hung hăng. Nhưng Nga cũng chẳng kém cạnh, bèn quay ra bỏ Anh Mỹ, ký kết thỏa ước bất tương xâm với Đức để chia chác mỗi ngon, chờ đợi thời cơ. Tham vọng của Đức dĩ nhiên đâu chỉ có thế, cho nên không thể nào tránh khỏi Thế Chiến II.

\*

Mùng 1 tháng 9, 1939, Đức tấn công Ba Lan. Ngày mùng 3, Anh Pháp tuyên chiến. Tuy nhiên, cho đến giữa 1940, tình hình không có gì đáng kể. Hai bên chỉ làm việc tuần tiếu. Người Pháp gọi là "chiến tranh kỳ cục", người Anh gọi là "chiến tranh ngồi", vì quân Pháp chỉ ngồi trong chiến lũy bê tông Maginot... chờ. Bất ngờ, Đức vòng qua Hòa Lan và Bỉ, mở cuộc tấn công vũ bão, chiến lũy Maginot trở thành vô dụng. Chỉ trong vài tuần, Đức đẩy hơn 300,000 quân Anh ra khỏi Dunkerque, tiêu diệt ba phần tư quân đội Pháp, ngày 16-6 vào Paris bỏ ngõ, chiếm Âu Châu một cách dễ dàng, rồi quay sang đánh Nga. Thế là Nga cộng sản lại... trở về đồng minh với tư bản!!!

Và một lần nữa tư bản Mỹ lại tận tình giúp đỡ Nga cộng sản.

### III

Cho đến tận bây giờ, bọn Huân vẫn chưa tìm được câu trả lời thỏa đáng cho một câu hỏi tự đặt ra: Tại sao xưa kia Pháp lại có thể xâm chiếm đất nước ta một cách quá u dễ dàng như thế?

Nói rằng vua quan nhà Nguyễn bết bát cũng không hẳn đúng. Tự Đức không phải là một ông vua tồi. Triều thần cũng không phải toàn hủ nho, thiếu hiểu biết. Nói rằng tàu thuyền súng ống tối tân của Pháp có sức áp đảo cũng chưa chắc, vì dân Việt xưa nay vốn luôn luôn phải đương đầu với những lực lượng hùng cường hơn mình gấp bội.

Nói rằng triều Nguyễn là thời đại cực kỳ loạn lạc, đói kém, thiên tai không dứt thì không sai. Nhưng đó cũng không thể là yếu tố khiến sức đề kháng của nhân dân Việt xuống đến mức thê thảm như thế.

Làm sao có thể giải thích việc, sau vụ chiếm thành Hà Nội, D'Avrincourt và Harmand chỉ huy tàu Espingole xuôi sông Hồng, ngày 23-11-1873 lấy Hưng Yên, ngày 26 lấy Phủ Lý, mỗi nơi mất không đầy 15 phút; ngày 5-12 Hautefeuille chỉ có một ca nô võ trang một khẩu đại bác với 6 viên đạn, 6 thủy thủ với 6 khẩu súng trường và 290 viên đạn mà tuần phủ Ninh Bình Nguyễn Thứ (Nguyễn Đức Tuấn?) phải mở cửa thành ra hàng; ngày 11 Garnier với 56 thủy thủ, 40 tùy tùng đánh chiếm được thành Nam Định???

Phải chăng lý do chính là thời đó người Việt phân hóa cùng cực? Nào hoài Mạc, hoài Lê, hoài Trịnh, hoài Tây Sơn, chính giáo, tà giáo; người thường dân không có lý do gì để trung thành với triều đại Nguyễn Phước để mà chống ngoại xâm, trái lại thành phần theo giặc lại có phần đông đảo? Thậm chí đến nỗi Harmand lo ngại: "... Ông

Francis Garnier để lại cho chúng tôi 20 người ở giữa một tỉnh (Nam Định) hai vạn dân có khí giới...", mà rồi rút cuộc hẳn cũng vẫn được bình an!

Mọi người, đến nay đều lên án kết tội triều đình nhà Nguyễn trong việc chủ hòa, làm mất nước. Nhưng theo bọn Huân, triều đình phải chọn việc chủ hòa vì biết rõ không có khả năng giải quyết tình trạng lòng dân ly tán, nhìn rõ tình trạng dân chúng khổ sở cùng cực, không thể đành tâm bắt họ phải gánh chịu chiến tranh tàn khốc nữa. Dù cho nhiều người lên án triều đình thiên cận, chỉ biết đến thiên triều Mãn Thanh, mà không biết khôn khéo ngoại giao. Nhưng thử hỏi nước ta làm gì có truyền thống ngoại giao. Còn nói đến chuyện chỉ biết nhắm mắt thần phục có một thiên triều Trung Quốc, thì thử hỏi cả hàng trăm năm sau, với đủ loại thông tin, sách báo, khoa học kỹ thuật, mà những Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Khắc Viện cũng cứ một lòng coi chủ nghĩa Lenin là đỉnh cao trí tuệ, Nga Xô là thánh địa của loài người; những Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu ý lại vào một mình Hoa Kỳ, vậy thì họ còn ngu dốt, đáng tội đến đâu? Còn các sĩ phu, ngay dù có không đồng ý chủ hòa như triều đình, cũng chỉ biết chủ trương và kêu gọi chống xâm lăng. Họ chưa thể biết dùng chiêu bài gì hơn để quyền rũ nhân dân quá u đói khát mệt mỏi vì nạn phân hóa, thiên tai, giặc cướp. Thêm vào đó lại có những thành phần vô cùng sẵn sàng hay bất đắc dĩ phải theo kẻ ngoại xâm. Thực vậy, chủ trương "bình tây sát tả" của phe chủ chiến đã đẩy thành phần theo Kitô giáo vào tận chân tường. Trong khi phe chủ chiến cho là họ chối bỏ nghĩa vua tôi, dẹp thờ cúng tiên tổ để lễ lạy người ngoài, qui phục triều đình Vatican, là những điều đe dọa trầm trọng đến an ninh trật tự, lễ nghĩa luân thường của quốc gia dân tộc, thì, trái lại, những người theo đạo mới lại thấy phần hồn quan trọng hơn phần xác. Mà tiếc rằng không có một đường lối thứ ba nào giúp họ thoát khỏi nỗi bế tắc giữa sự chọn lựa: bỏ đạo hay về phe với kẻ đến... giúp mình bảo vệ đức tin. Đây cũng chẳng khác gì khi, một trăm năm sau đó, trong cuộc xung đột Pháp-Cộng, những người bị cộng sản đe dọa tính mạng phải lựa chọn giữa chống Pháp hay về vùng Pháp tạm chiếm. Có điều họ may mắn hơn là còn nhìn thấy một tương lai le lói nhờ giải pháp "Quốc Gia Việt Nam" của cựu hoàng Bảo Đại.

Cứ nhìn thiên triều Trung Quốc bị các nước tây phương ức hiếp ra sao thì ta sẽ phải thông cảm cho triều đình nhà Nguyễn khi đó. Mang Việt Nam so sánh với Nhật Bản hay Xiêm La (Thái Lan) là ta chưa tính đến những hoàn cảnh đặc biệt may mắn, mà chưa hẳn nhất thiết là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt ở những xứ này.

\*

Nước Pháp làm cách mạng 1789, tính đến 1885, khi xâm chiếm trọn Việt Nam, thì đã được ngót 100 năm, trải qua đệ nhất cộng hòa, đệ nhất đế chính, đệ nhị cộng hòa, đệ nhị đế chính, rồi đệ tam cộng hòa, mà thực ra ở đâu họ đối xử với các thuộc quốc cũng chẳng khác gì Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha xưa. Điều này không có gì lạ. Đối với người phương tây, theo truyền thống Kitô giáo, về thần quyền, với những sắc chỉ 8-1-1454 Romanus Pontifex của giáo hoàng Nicholas V (1447-55), sắc chỉ 4-5-1493 Inter Ceatera của giáo hoàng Alexander VI (1492-1503) cho Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha quyền chiếm đoạt toàn thế giới, và mãi đến giáo hoàng Paul III (1534-49) mới tạm nhận cho người da màu cũng có linh hồn, thì, về thế quyền, việc dùng sức mạnh vũ khí đi xâm lăng, cướp bóc và bắt mọi người làm nô lệ một cách trắng trợn, dã man cũng chỉ là lẽ đương nhiên thôi. Từ đầu thập niên 1860, lúc bắt đầu xâm chiếm miền nam Việt Nam, cho đến cuối thập niên 1895, lúc hầu như dẹp xong mọi cuộc đề kháng của sĩ phu người Việt, thì Pháp phải đương đầu với những lực lượng yêu nước của nhân dân một quốc gia độc lập, có một nền văn hiến cao hơn, hiện ngang đứng lên ngăn chặn làn sóng xâm lăng của giống người tàn bạo. Do đó, Pháp còn phải lo việc đánh dẹp, sự trục lợi chưa ở mức độ đáng kể.

Nhưng từ khi Phan Đình Phùng mất và Hoàng Hoa Thám tạm hưu chiến, thì phải công nhận rằng Pháp lần lần ổn định được tình hình. Cho đến đầu thế kỷ, họ đã có thể trục lợi khá nhiều tại Đông Dương, về tài nguyên và công sức bản xứ. Họ khai thác hầm mỏ, bắt dân đóng thuế, đi làm trâu, đi phu trong những tình trạng vô nhân đạo.

Dĩ nhiên cũng vẫn có những cuộc chống Pháp, nhưng nay là dưới hình thức kẻ bị trị chống kẻ thống trị, mà không còn là những lực lượng nghiêm nhiên có căn cứ, có quân đội, có khí giới, có quần chúng làm công việc bảo vệ đất nước chống kẻ xâm lăng. Bây giờ phần lớn là những tổ chức lén lút, trong những điều kiện vô cùng khó khăn. Đó là những phong trào đông du, duy tân, nghĩa thực, kháng thuế, phá Khâm Lớn, Duy Tân xuất bản, Đội Cận khởi nghĩa,... Tuy có làm cho Pháp bận tâm nhưng không đủ khiến họ phải nới tay.

Nhưng khi cuộc Thế Chiến I sắp bùng nổ, Pháp đành phải xét lại vấn đề, thí dụ người Việt giúp họ trong việc chống Đức, và hứa hẹn nhiều điều hấp dẫn. Toàn quyền Sarraut (Albert, 1911-14, 1917-19) đã phải nói đến sứ mạng khai hóa thay vì ý vào sức mạnh, rằng: Nước Pháp văn minh, các thuộc địa thì lạc hậu, nên Pháp có nhiệm vụ giúp đỡ. Các thuộc địa đương nhiên hưởng lợi. Rồi Sarraut còn đề cập cả đến việc trao trả độc lập một ngày rất gần thôi. Trước đây, các cụ nhà nho trong phong trào đông du, duy tân, nghĩa thực bị cảm đoán, bắt bớ, tù đầy, giết chóc nhưng đám tây học lọt sổ. Năm 1913, lợi dụng chính sách cởi mở, Nguyễn Văn Vĩnh dùng Đông Dương Tạp Chí, cho rằng "nước Nam sau này hay hay dở cũng ở chữ quốc ngữ" và cổ vũ chính sách trực trị. Năm 1917, Phạm Quỳnh dùng Nam Phong Tạp Chí khẳng định "tiếng ta còn, nước ta còn" và chủ trương chế độ quân chủ lập hiến.

Trong bài diễn thuyết về Truyện Kiều, nhân dịp giỗ Tiên Điền ngày 10 tháng 8 âm lịch (8-9-1924) của Ban Văn Học, Hội Khai Trí Tiến Đức, Phạm Quỳnh còn đi xa đến mức cho rằng Truyện Kiều "vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là thánh thư, phúc âm, quốc hoa, quốc túy, quốc hồn của cả một dân tộc" và rằng "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn."

Ngay sau đó một tuần, trên Hữu Thanh Tạp Chí, cụ Nghè Kế viết bài "Luận về chánh học cùng tà thuyết" để phản bác. Ông Quỳnh lờ đi. Phải mãi đến 1930, Phan Khôi, nhân bài trả lời Trần Trọng Kim về cuốn Nho Giáo, trong bài "Cảnh cáo các nhà học phiệt", mới lại lờ ra, đặt thành vấn đề, bắt buộc Phạm Quỳnh phải trả lời, rồi bị Huỳnh Thúc Kháng lên án.

Có người cho rằng vì chủ trương lấy chữ "quốc ngữ" làm trọng của các phong trào duy tân, nghĩa thực là chính đáng, khiến thực dân hoảng, phải vô lý, để thử khí giới lợi hại đó không còn trong tay người yêu nước, và mang giao cho đám tay sai. Đàng khác, cũng không ai có thể phủ nhận Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí đều do người Pháp chủ trương, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh có nhận trợ cấp của họ. Ngược lại, dù không công nhận rằng đích thực công lao tài bồi Việt ngữ là chỉ dành riêng cho hai ông Vĩnh Quỳnh, thì cũng không ai phủ nhận được rằng nếu cốt làm tay sai để vinh thân phì gia thì hẳn hai ông còn kiếm được gấp hàng trăm ngàn lần như thế. Nhưng ông Vĩnh đã từ chối rất nhiều ân huệ to lớn về tiền bạc, danh vọng của Pháp và đành chết nghèo. Ông Quỳnh, dù nhận tham chính với triều đình Huế, lúc bị cộng sản thăm sát, gia sản điền địa cũng vẫn chẳng có gì.

\*

Các thuộc địa tin tưởng vào tinh thần tự do (liberté), công bằng (égalité), bác ái (fraternité) của Pháp, đóng góp công của giúp "mẫu quốc" trong cuộc chiến tranh. Đến khi toàn thắng, Pháp trở mặt, bội ước, lờ hết mọi lời hứa hẹn. Tuy nhiên, cả hàng trăm ngàn người tòng quân sang "mẫu quốc", đã nhìn thấy sự thực, rồi trở về, thì Pháp không thể bùng bít được mãi. Do đó, từ khoảng 1920 trở đi, tình trạng xã hội Việt Nam có những đổi thay đáng kể về nhiều mặt. Kể từ đây, người bản xứ ý thức rằng Pháp là kẻ thắng trận, mọi cơ may đã trôi qua, nên đành chấp nhận giải pháp ôn hòa. Ở Nam Kỳ, Nguyễn An Ninh du học về, bắt đầu diễn thuyết kêu gọi thanh niên. Ở Bắc Kỳ, Phục Việt tố cáo việc bắt giam Phan Bội Châu. Suốt ba năm 1925, 1926, 1927, toàn quốc sôi nổi về các vụ đòi ân xá Phan Bội Châu, đám táng Phan Châu Trinh, truy điệu Lương Văn Can. Đàng khác, Pháp cũng khôn ngoan gửi sang Đông Dương một tên cáo già thực dân, toàn quyền Pasquier, đưa ra chiêu bài Pháp Việt đề huề. Cũng như công việc của Giáo Hội, bây giờ không còn là chuyện chiếm đoạt đất đai, chuyện bắt người làm nô lệ, mà là nhiệm vụ đi cứu rỗi những linh hồn con cái Chúa lạc lõng; thì Pháp, là một nước văn minh, nay cũng có bổn phận dẫn dắt các dân tộc thuộc địa anh em, vì "người An Nam là người Pháp ở Viễn Đông". Pháp là đàn anh, phải lãnh trách nhiệm nâng đỡ đàn em út. Các thuộc địa là đàn em, chấp nhận Pháp bảo hộ là khôn ngoan. Đề... cùng nhau tiến bộ.

Nhất là sau hai lần thử thách phương pháp bạo động của Việt Nam Quốc Dân Đảng (1930, khởi nghĩa Yên Bái) và của Đảng Cộng Sản Đông Dương (1930-31, Xô Viết Nghệ Tĩnh) đều thất bại -- vụ trước thì là trong cái thế đã bị hoàn toàn bại lộ và đàn áp tối đa, chẳng làm cũng đến bị tiêu diệt, mà đành "chẳng thành công cũng thành nhân"; còn vụ sau thì là vì nghĩa vụ, đối với Nga Xô, của các đảng tay sai phải quấy phá phe tư bản Anh Pháp ở các thuộc địa, cho thiên triều rảnh tay củng cố nội bộ, lại cũng ở cái thế chẳng dặng dưng -- thì tất cả những người Việt, quốc gia cũng như quốc tế, đều thấy chuyện chấp nhận cộng tác là khôn ngoan, và không còn dùng phương thức bạo động nữa.

Do đó, 1930 là một mốc thời gian khá quan trọng.

Vì, sau khi dẹp xong vụ Việt Nam Quốc Dân Đảng và Phong Trào Nông Dân Nghệ Tĩnh, Pháp lại ra tay khủng bố, bắt bớ tràn lan, cho nên việc tranh đấu được hướng về những phương diện khác, bằng những phương thức khác.

Đó là việc khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, được khai triển ở trong Nam cũng như ngoài Bắc, do hai nhà cựu học, nhưng đã quay sang cái học mới. Trong Nam, Phan Khôi, một ông tú tài cựu học, tự trau dồi tiếng Pháp, viết cho tờ Phụ Nữ Văn, hằng hái đã kích cái học cũ, hô hào việc thống nhất, cải tiến, làm giàu quốc ngữ, viết đúng chính tả văn phạm.

Ngoài Bắc, Hoàng Tích Chu, một ông nhà nho khóa thi cuối cùng (Ất Mão, 1915, tại trường Nam), đã vào đến tam trường, sau khi đi Pháp về, chủ trương cải cách Việt ngữ, bằng một thứ "văn mới văn tắt, ít chữ mà thiên hạ gọi là văn Hoàng Tích Chu, khắp khênh, cụt chân", có người còn gọi là... văn cụt dề nữa. Thời điểm này cũng là lúc có rất nhiều người trong nhóm tây du, từ Pháp về (retour de France):

- Một số dự việc biểu tình đòi ân xá cho các bị can vụ khởi nghĩa Yên Bái của Quốc Dân Đảng trước điện Élysées bị trục xuất, như Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh,... thành lập Nhóm Tả Đối Lập (Đệ Tứ) tại Sài Gòn. Họ mở đầu một phong trào tranh đấu kiểu mới: bằng báo chí, bằng tranh luận, bằng thỉnh nguyện, bằng biểu tình, bằng tranh cử,... Họ là những người có tài, có bằng cấp, quen biết lớn với những người có thế lực bên Pháp nên không hề có mặc cảm đối với nhóm cai trị tại Đông Dương.

- Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn xuất bản tờ Đông Tây, Chu Mậu tờ Dân Mới, Đặng Trọng Duyệt tờ Chớp Bóng, Nguyễn Đình Thấu tờ Duy Tân. Nhóm Dân Mới, ngoài việc ra báo, còn mở cả nhà hàng (restaurant), quán rượu (bar), ban kịch, chợ phiên. Họ du nhập những sinh hoạt, lề lối mới.

- Cuối năm 1932, Nguyễn Tường Tam cho ra mắt tờ Phong Hóa "cười cợt mà sửa đổi phong hóa" (castigat ridendo mores) chế giễu những hủ tục, kèm việc cải cách y phục, thơ văn. Rồi lại chủ trương nhóm Tự Lực Văn Đoàn và nhà xuất bản Đời Nay chuyên in các cuốn tiểu thuyết luận đề đã phá cái cũ trong gia đình, ngoài xã hội.

Pháp tương kế tựu kế đưa Bảo Đại về chấp chính, ra cái điều cũng... cách mạng! Những việc làm này dĩ nhiên có ảnh hưởng, mang lại những thay đổi tốt nhưng đồng thời cũng có những điều quá trớn, nhất là đối với đám thị dân. Những người ở Pháp về, thường là con nhà giàu có, thân thế, sẵn tiền của, tha hồ may mặc, ăn chơi, sinh hoạt phóng

túng, tạo nên ở đám trẻ những thèm muốn, đua đòi. Họ đã đẩy thanh niên nam nữ theo thói ăn chơi liêu lĩnh, tuy cũng thấy là quá táo bạo, lỗ lã, vi phạm đạo đức. Hóa cho nên phần lớn chỉ là thay đổi cái vỏ bên ngoài, mà thành ra bỏ luôn mất những thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên có một vài điều vẫn còn ảnh hưởng rõ rệt cho đến ngày nay, chẳng hạn mớ tóc ngắn, cái quần trắng, cái áo dài nhiều màu sắc của phụ nữ hoặc thể thơ không còn gò bó trong luật lệ tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, song thất lục bát, Đường thi,... Riêng tiếc rằng việc vô cùng quan trọng là cải tiến "chữ quốc ngữ", do cụ Nguyễn Văn Vĩnh xướng xuất, bỏ năm cái dấu phiền phức, thay thế bằng những mẫu tự Pháp còn dư, lại không được hưởng ứng, thành ra chữ Việt bị trở ngại dài dài, chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Sau những cải cách về hình thức, bây giờ họ lo về nội dung. Đầu năm 1935, vấn đề duy tâm hay duy vật được đặt ra. Rồi nghệ thuật vị nghệ thuật hay vị nhân sinh. Rồi Việt Nam có phong kiến (phong tước kiến địa) hay không. Thực chất, phần nào, có thể nói là một cuộc tranh luận giữa hai chủ trương: quốc gia hay quốc tế.

Nhân vật chính phía duy vật và nghệ thuật vị nhân sinh gồm Phan Văn Hùm (đệ tứ) và Hải Triều (đệ tam). Phía nghệ thuật vị nghệ thuật có Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư,... Cuộc tranh luận kéo dài mấy năm, cho mãi đến Đệ Nhị Thế Chiến mới khiến mọi người quay sang quan tâm về những vấn đề chính trị nóng bỏng, thời sự hơn.

\*

Trong giai đoạn này, đặc biệt có một sự kiện khó giải thích: đó là sự kết hợp không tiền khoáng hậu giữa hai phe bất cộng đái thiên đệ tam và đệ tứ quốc tế tại miền Nam, hay đúng hơn là tại Sài Gòn.

Số là sau 1930, nhà nước Đông Dương khủng bố dữ dội, bắt gần hết mọi thành phần hoạt động. Nguyễn An Ninh (quốc gia thiên tả) là một khuôn mặt quốc tế vô cùng uy tín trong mọi giới thời đó, bàn với Hồ Hữu Tường (trótkít, đệ tứ), cho rằng trong tình trạng tan tác, èo uột như vậy thì cần tập hợp hết mọi lực lượng lại mới đủ sức chống lại nhà nước bảo hộ, và phải có sự tiếp sức của bên ngoài. Mà bên ngoài thì chỉ có Quốc Tế 3 (staliniêng, cộng sản).

Nay cộng sản Pháp đang vận động xin ân xá cho đảng viên bản xứ, gửi đến một phái đoàn do Péri, dân biểu cộng sản, cầm đầu. Thành viên thì có tổng thư ký của Cứu Tế Đò, đại diện của Tổng Công Hội Thống Nhất. Phái đoàn chính thức nhờ Ninh hướng dẫn.

Ninh thuyết phục họ thành lập một tờ báo công khai với bộ biên tập gồm hai phái Staliniêng và Trótkít. Số vốn cần thiết do Quốc Tế 3 đài thọ, bí mật từ Pháp gửi qua, giao thẳng cho Ninh toàn quyền. Phái đoàn dấy này lên, nhưng Ninh giải thích nếu không dùng Trótkít thì không có người đủ khả năng. Và lại Trótkít lèo tèo vài mống thì có gì đáng ngại. Hơn nữa, phái đoàn chỉ có bốn phen báo cáo đề nghị của Ninh, đâu có phải chịu trách nhiệm gì.

Kết quả là, ít lâu sau, Ninh họp mọi người lại, gồm Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Hồ Hữu Tường (trótkít), Nguyễn Văn Tạo, Lê Văn Thù (staliniêng), lại mời thêm Trịnh Hưng Ngẫu (vô chính phủ, anarchiste), Trần Văn Thạch (trótkít), Trần Văn Luông (quốc gia thiên tả). Hẳn nhiên phe Đệ Tam đã nhận được chỉ thị, nên đầu tháng Mười 1934, báo La Lutte bộ mới ra mắt, do Ganofsky làm quản lý.

Vì cũng cỡ thời gian này, bên Pháp, Đảng Croix de Feu (Thập Tự Lửa) cực hữu của các cựu chiến binh, do đại tá De La Rocque lãnh đạo, ngày 6 tháng 2, 1934 biểu tình tại Paris, đe dọa đảo chánh. Phe tả vội tổ chức phản biểu tình. Và năm 1935 liên kết lại, thành Mặt Trận Bình Dân, rồi tranh cử thắng lợi vào tháng Sáu 1936.

Mặt Trận Bình Dân lên cầm quyền. Blum (lãnh tụ Đảng Xã Hội) làm thủ tướng, Thorez (lãnh tụ Đảng Cộng Sản) làm phó thủ tướng. Trong cương lĩnh Mặt Trận có dự trù việc lập một ủy ban của nghị viện để đi điều tra về tình hình chính trị và kinh tế tại các thuộc địa, khiến dấy lên phong trào thảo dân nguyện tại Algérie, Maroc,...

Nguyễn Phan Long, lãnh tụ Đảng Lập Hiến, phó chủ tịch Hội Đồng Thuộc Địa Nam Kỳ, đề cập tới việc "thảo luận chương trình bày tỏ nguyện vọng của quốc dân Việt Nam" trên tờ Việt Nam ngày 26-5. Nguyễn An Ninh, trên tờ La Lutte, ngày 29-7, viết bài "Tiến tới một cuộc Đông Dương Đại hội". Thế là phong trào lan rộng, đấu tranh cho những nguyện vọng cơ bản.

Phong trào "Mặt Trận Bình Dân" được thành lập rầm rộ và hoạt động công khai ở Nam, Bắc Kỳ. Trung Kỳ, vì là "lãnh thổ của hoàng đế An Nam", nên bị hạn chế đến mức tối đa.

Rút cuộc, 1-1-1937, chính phủ bình dân chỉ phái sang "đặc sứ" Godard, thanh tra lao động, nhân viên chính phủ. Ngài ngồi trong xe hơi của phủ toàn quyền, không ngừng lại, không hỏi han lấy một câu đoàn người đi đón rước rầm rộ. Ngày 13-3, Godard trở về Pháp sau khi dứt túi một bản kiến nghị của đám người tiễn đưa. Đồng thời, Đảng Cộng Sản Đông Dương được Quốc Tế 3 giao cho Thorez quản lý (có lẽ sau vụ Xô Viết Nghệ Tĩnh thất bại, Hồ Chí Minh bị Anh bắt tại Hương Cảng, rồi được bí mật thả ra và phao tin chết vì bệnh ho lao, điều này khiến Stalin nghi ngờ, và Hồ bị thất sủng). Do đó, dịp này Thorez phái Honel, nghị sĩ cộng sản, qua liên lạc với các... đồng chí An Nam Mít.

Cộng sản Việt Nam tưởng bờ. Hóa ra Honel ngụ tại Hotel de la Gare, khệnh khạng, quạu cọ. Nhân dịp Đáp Cầu có lụt, muốn tự quảng cáo, Honel bỏ ra ít tiền sai mua mấy chục bao gạo, thân đi xe hơi đến phát chẩn. Ai ngờ bị kẻ nào rút mất cái ví. Mặc dầu Đặng Xuân Khu (Trường Chinh)) khăng khăng đổ cho mật thám, Honel vẫn cả quyết quanh ông toàn đồng chí cộng sản bảo vệ, mật thám không thể đến gần. Còn phe không cộng sản thì khi khi cười mà rằng: Đồng chí Honel vớ vẫn! Châm ngôn cộng sản là "cái gì của anh là của tôi" thì còn việc gì mà phải bận khoản. (Sau này Honel rút lui khỏi đảng!!!)

Tóm lại, lúc đầu Chính Phủ Bình Dân có tạo nên một tia hi vọng, nhưng, rút lại, trong hơn hai năm phe tả cầm quyền, ở Việt Nam cũng chỉ có một vài thay đổi về hình thức.

Được hưởng lợi hơn cả là Đảng Cộng Sản Đông Dương. Một số lớn đảng viên được thả ra, được hoạt động công khai, kết nạp người. Chỉ riêng nói về báo chí, trong thời gian này, cộng sản đã xuất bản: Hồn Trẻ (6-6-1936), Le Travail, Rassemblement, Notre Voix, En Avant (16-9), Tân Xã Hội (30-9), Tiếng Trẻ (22-12), Tiểu Thuyết Thứ Năm (18-3-1937), Thời Thế (23-3), Hà Thành Thời Báo (6-4), Bạn Dân (24-4), Đời Nay, Tin Tức (2-4-1938), Thế Giới (15-8), Ngày Mới (19-4-1939), Người Mới (5-6),...

Lúc này, vì Nga đang bị phát xít Đức đe dọa, cần sự đồng minh của Anh Pháp, cộng sản Việt Nam tích cực hô hào ủng hộ nhà nước bảo hộ Pháp phòng thủ Đông Dương, trong khi Đệ Tứ chống đi lính, chống đóng thuế.

Nhưng rồi Đức phát xít ký thỏa ước bất tương xâm với Nga, và cuối 1940 Nhật vào Đông Dương, cộng sản bèn quay ra phản Pháp, xúi giục Bắc Sơn, Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Do đó, cần nhìn vào quyền lợi Nga Xô, ta mới có thể hiểu nổi tại sao Đảng Cộng Sản Đông Dương cũng như tất cả các đảng cộng sản chur hầu trên thế giới, kể cả ở Anh và Pháp, đều có những giọng lưỡi và hoạt động tráo trở, vừa theo hướng này bỗng đã quay đủ 180<sup>0</sup> sang hướng đối nghịch, phản bội trắng trợn quyền lợi của quốc gia, dân tộc, đồng minh. Vì "nhiệm vụ hàng đầu" của họ là "bảo vệ Liên Xô, thành trì vô sản thế giới"!

#### IV

Cuộc chiến Nhật-Tàu tại Á Châu, Đức Ý-Anh Pháp Mỹ tại Âu Châu cũng chẳng thay đổi nếp sống Việt Nam là bao nhiêu, ngoại trừ hàng họ trước đây từ Pháp mang sang ê hề -- tất cả mọi thứ tiêu dùng, từ cái kim cuộn chỉ đến xe cộ, máy móc -- nay trở thành khan hiếm. Những tiếng đầu cơ, tích trữ, chợ đen bắt đầu gia nhập ngôn ngữ Việt Nam.

Lần đầu tiên dân Việt Nam được biết đến thủ đoạn gian thương đại qui mô là vụ An Po.

Đây là một hãng của người Hoa, tổng đại lý bông sợi tại Bắc Kỳ. Thời đó, những công việc làm ăn quan trọng thì ngoài người Pháp, đến người Âu hoặc người ngoại quốc nào đó, còn sót lại bao nhiêu đều được giao phó cho người Hoa. Pháp không muốn người Việt mở mày mở mặt, nhiều lắm cũng chỉ được giao cho những công việc làm ăn lặt vặt.

Hãng An Po tích trữ một lượng hàng rất lớn, lâu ngày bị ảm mục. Nhân lúc khan hiếm, bên ngoài có bao nhiêu bông sợi, An Po cho tay chân thu mua hết. Thứ nào cũng mua, không hề kén chọn xấu tốt, cũ mới. Nay lên giá, mai lên giá. Thiên hạ trót bán ra, vội vàng đi mua lại, càng nhiều càng tốt, đầu cơ tích trữ hòng chờ bán giá cao. An Po liền tổng hàng ra, bán kỹ hết, và không mua vào nữa. Thế là những người ham ăn to mắc hợm. Bán bông sợi lỗ vốn, chẳng ai mua, vì ai cũng kẹt một số lớn rồi. Mang ra dùng, thì là đồ mục nát, kéo sợi, dệt vải không được, đành ngồi mà khóc.

Tương một trận đó đủ tồn đến già. Không ngờ sau này những vụ nuôi gà, nuôi cút cũng vẫn cứ tái diễn đều đều tại Sài Gòn, lại cũng vẫn do người Tàu chủ trương, thật là đáng lạ cho tâm lý tham lam của con người, nhất là con người thị dân Việt Nam.

\*

Cuối 1939, Nhật xuống đến Quảng Tây.

16-6-1940, Đức tiến vào thủ đô Paris bỏ ngõ hồi 23 giờ. Ngày 19, Nhật đòi toàn quyền Catroux (Georges, 1939-40) đóng cửa biên giới, chấm dứt mọi vận chuyển xăng dầu, xe vận tải, quân trang quân dụng bằng đường bộ cũng như đường sắt cho Trung Hoa trong vòng 24 tiếng đồng hồ, dưới sự giám sát của phái viên Nhật. Ngày 29, phái đoàn kiểm soát do tướng Nishihara dẫn đầu tới Đông Dương. Trước sự đòi hỏi của Nhật, Pháp triệu hồi toàn quyền chủ chiến Catroux. 19-7, bổ nhiệm phó đô đốc Decoux (Jean, 1940-45) thay thế.

Chiều 30-8, tướng Nishihara đưa yêu sách buộc Pháp phải cho sử dụng một số sân bay, được đóng quân và hành quân trên lãnh thổ Bắc Kỳ, hạn phải trả lời trước nửa đêm 2-9.

6-9, Nhật đưa một tiểu đoàn từ Quảng Tây vượt biên giới vào Đông Dương để cảnh cáo. Ngày 19, bộ ngoại giao Nhật thông báo rằng dù có ký kết hay không thì ngày 22 Nhật vẫn tiến vào Đông Dương. Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, tướng Martin, đành phải ký vào văn bản do Nhật soạn sẵn. Tuy vậy, chiều ngày 22, bắt chấp văn bản, Nhật vẫn từ Quảng Tây vượt biên giới bằng nhiều ngả, bao vây và tấn công Pháp ở Lạng Sơn, rồi đổ bộ Đồ Sơn, oanh tạc Hải Phòng, chiếm đóng Hà Nội, Bắc Ninh, Phú Thọ,... Xem ra người võ sĩ đạo Nhật Bản có truyền thống... hào hùng là chuyên nghề cắn trộm và bắt nạt kẻ yếu!

23-7-1941, Pháp lại phải chấp nhận để Nhật đóng quân trên toàn cõi Đông Dương, với số quân không hạn định. Trưa ngày 29, các đơn vị Nhật kéo vào thành phố Sài Gòn. Trên thực tế, kể như Nhật đã chiếm toàn cõi Đông Dương. Thế là mọi người được thấy tận mắt cảnh một anh Nhật da vàng mũi tẹt lùn xin hách dịch trước anh Pháp tóc quăn mũi lõ cao lớn lênh khênh. Thì ra cái giống người xưa nay tự cho là ghê gớm lắm cũng hèn hạ như ai. Có khi còn tệ mạt hơn là khác.

Bây giờ, người Việt phải chịu cảnh một cỗ ba trùng, nai lưng làm nuôi Pháp, nuôi Nhật và bị Mỹ oanh tạc, phá hoại.

(20-1-1941, Pháp bảo đảm cung cấp cho Nhật trong năm 700,000 tấn gạo. 18-7-1942, Hiệp Định Pháp-Nhật qui định Đông Dương phải xuất sang Nhật 1,050,000 tấn gạo và tám trước 31-10 và 45,000 tấn bột trước 31-12. Tháng Ba 1943, Nhật bắt Đông Dương phải cung cấp lúa gạo cho toàn vùng Đại Đông Á).

Lại thêm cái nạn cộng sản lên lút tuyên truyền và ngăn cản dân đi hộ đê. Chúng bảo rằng mùa màng thu hoạch tốt chỉ có lợi cho nhà nước và địa chủ. Tháng Tư 1944 lụt ghê gớm xảy ra ở Bắc Kỳ và Thanh Hóa. Mà lượng lúa lại bắt nộp gấp rưỡi năm 1943. Dân bị cưỡng bách bán, bị cầm tích trữ, bị máy bay Mỹ bắn phá đã đành, Pháp còn cố tình giết dân bằng chính sách cầm chuyên chở lúa gạo từ nơi thừa qua nơi thiếu, khiến cái đói kém trông thấy trước mắt ở miền Bắc, trong khi miền Nam phải mang lúa đốt thay than tại các nhà máy điện! Pháp ra lệnh thu lúa như sau: dưới 5 mẫu, mỗi mẫu (3600m<sup>2</sup>) nộp 70 kí; từ 5 đến 10 mẫu, mỗi mẫu 80 kí; trên 15 mẫu phải nộp tất cả lúa thừa. Dù thế, một số ít ỏi những người quan tâm đến thời cuộc vẫn nhìn thấy hy vọng về vận mệnh đất nước. Một số đảng phái cũ tái hoạt động. Một số đảng phái mới ra đời. Tuy nhiên thực lực không có gì, sự tuyên truyền kết nạp cũng không đáng kể.

\*

Vào cuối cuộc chiến, nguy cơ Đồng Minh đổ bộ Đông Dương khiến Nhật phải lật Pháp, nắm quyền trực tiếp.

Chỉ trong vài tiếng đồng hồ đêm 9-3-1945, quyền bính đã nằm gọn trong tay Nhật, đồng thời nạn đói bùng nổ khắp nơi ở đồng bằng trung châu Bắc Việt. Có những làng chết gần hết. Tổng số người chết có thể lên đến gần hai triệu. Ngày 11, Báo Đại tuyên cáo độc lập. Ngày 19, nội các Phạm Quỳnh giải tán. 17-4, Trần Trọng Kim lập nội các.

20-7, phục hồi chủ quyền tại các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. 14-8, Nguyễn Văn Sâm được sắc chỉ bổ chức khâm sai Nam Bộ, do Nhật trao trả. Ngày 16, Nhật đầu hàng Đồng Minh. Triều đình ban sắc chỉ thành lập Ủy Ban Giám Đốc Chính Trị Miền Bắc, gồm Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Đặng Thai Mai, Trần Văn Lai, Phan Kế Toại.

(Theo một số dữ kiện, Nhật nhờ Nga chuyển lời xin hàng đồng minh nhưng Nga im đi. Đàng khác, Mỹ cũng cho Nga biết đã có bom nguyên tử. Nên ngày mùng 6, Mỹ ném trái bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hiroshima làm 66,000 người chết, thì ngày mùng 8, Nga vội vàng tuyên chiến với Nhật, dù hiệp ước giữa hai nước vẫn còn hiệu lực, và cho quân tràn qua Mãn Châu. Ngày mùng 10, Nhật Hoàng đành họp nội các, quyết định đầu hàng vô điều kiện, nhờ tòa đại sứ Thụy Điển làm trung gian).

Ngày 18, Báo Đại gửi thư kêu gọi Truman, George VI, Tướng Giới Thạch, De Gaulle (không gửi Stalin) tôn trọng nền độc lập của Việt Nam.

Ngày 30, Báo Đại làm lễ thoái vị.

\*

Triều đình Huế tuyên bố hủy bỏ mọi giao ước xưa kia với Pháp, thành lập nội các gồm những chuyên viên thượng thặng, như Trần Văn Chương, Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh, Trịnh Đình Thảo, Trần Đình Nam, Vũ Ngọc Anh,... Chỉ tiếc họ chỉ có 4 tháng, không đủ thì giờ để chứng tỏ khả năng chuyên môn, trong khi không có can trường chấp nhận khó khăn và quá yếu kém về chính trị để nắm bắt kịp tình hình và thực trạng đất nước.

Nhật đề nghị giúp đỡ ngăn chặn hiểm họa cộng sản, thì cả triều đình Huế lẫn đảng phái quốc gia lại không biết nắm lấy cơ hội, là dù sao Nhật vẫn còn có bốn phận duy trì trật tự tại Đông Dương. Chính quyền trung ương, với sự trợ giúp của Nhật, vẫn không thể nào sụp đổ. Dĩ nhiên cộng sản không thể nào bỏ lỡ dịp mà không tạo loạn, nhưng điều dễ hiểu là dù sao cũng chỉ ở tại từng địa phương lẻ tẻ. Chỉ cần cầm cự vài tuần lễ, quân đội Đồng Minh vào, các đảng phái ở hải ngoại về, thì chắc chắn hoặc triều đình Huế sẽ được duy trì hoặc một chính phủ quốc gia sẽ được thiết lập và củng cố, mà cộng sản không thể làm gì ngoài chuyện quấy nhiễu lãng nhãng.

Thế mà, trái lại, về mặt triều đình, bộ trưởng Hồ Tá Khánh, Trần Đình Nam, khâm sai Phan Kế Toại từ nhiệm; về mặt đảng phái, ở Bắc, Đại Việt Trương Tử Anh ngán Quốc Xã Nguyễn Xuân Tiểu tiếp thu chính quyền, Nguyễn Xuân Chữ, Trần Văn Lai, Hoàng Đạo trong Ủy Ban Giám Đốc Chính Trị Miền Bắc không giám đứng mũi chịu sào, giao chính quyền cho cộng sản; ở Nam, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Ân nhường quyền cho Trần Văn Giàu. Họ đã bỏ rơi Báo Đại. Có người tệ hơn còn làm áp lực để ông ta thoái vị, trao quyền bính lại cho cộng sản. Như Hoàng Xuân Hãn, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Như Kontum,...

Nếu biện luận rằng không muốn nhờ người ngoài đàn áp người mình, hoặc gây nội chiến, có tội với lịch sử, thì là họ đã không dự kiến nổi cái họa cộng sản với chiến tranh thảm khốc, chết chóc tràn lan, đàn áp thâm tàn bạo, đất

nước điều linh gấp cả triệu lần. Tội này, họ phải chia xẻ một phần với cộng sản, vì đã tạo cơ hội cho chúng mặc sức hoành hành.

## V

Những người có trách nhiệm về chính tình Việt Nam trong thời điểm Thế Chiến II chấm dứt đã tạo một cơ hội bằng vàng cho Nguyễn Tất Thành. Thực ra, chưa ai đích thân biết rõ về xuất xứ của ông này. Cái việc bảo ông là con cụ Bằng Sắc (Nguyễn Sinh Sắc/Nguyễn Sinh Huy) có lẽ cũng chỉ là căn cứ vào điều do chính ông nói hoặc, sau này, vào tờ đơn ông viết xin nhập học Trường Thuộc Địa. Tất nhiên khi đó thì ai cũng chấp nhận như thể thôi, kể cả Phan Chu Trinh, ngoại trừ cụ hoặc ai đó thực sự quen biết cụ Bằng Sắc lần biết đích xác mối liên hệ giữa ông ta và cụ Bằng. Chưa từng thấy ai xác nhận điều này. Cũng như chưa từng thấy ai phản bác. Còn bây giờ thì những người này hẳn không ai còn sống.

Việc một người thấy sang bắt quàng làm họ không là điều hiếm hoi gì. Huống chi với một người đặc biệt chuyên sống lơ lửng như Nguyễn Tất Thành. Bọn Huân không tin là trong đám con cái cụ Bằng Sắc cỡ như Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm (Nguyễn Tất Đạt) lại có thể lộn vào một kẻ quý quyết, quái ác, "tai ngược" như ông này.

(Bọn Huân chỉ hiểu chữ "tai ngược" một cách cụ thể khi được một nhà tướng số chỉ vào cái đặc điểm khiến Nguyễn Tất Thành không giấu nổi tung tích: đó là cái tai của ông nó ngược đời, phần dưới thật lớn mà phần trên nhọn hoắt. Thì ra, theo tướng mạo, những kẻ có cái tai như thế đều làm chuyện... tai ngược, vô luân).

Đúng lẽ, Nguyễn Tất Thành phải là kết tinh của một đôi gian phu dâm phụ, mà kẻ gian phu phải là đứa loạn thần tặc tử, dâm phụ phải là phường điếm vô loài. Lịch sử sau này có trách nhiệm tìm ra tung tích của người con thứ ba của cụ Bằng, tức Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành), và lý lịch đích thực của Hồ Chí Minh, để giải oan cho một dòng họ.

Còn bây giờ ta chỉ biết rằng ông có đầy đủ những đặc tính điển hình "cao cả" nhất của một người cộng sản chân chính.

Ông Hồ -- nhiều lắm là một thanh niên 19, 20 tuổi, về Hán học, "đọc thông văn tự" (những chứng từ còn lại, những chữ viết như gà bới của ông chứng tỏ điều này), về Pháp văn, Việt văn, trình độ lớp Tư, lớp Năm (từ lời ông kêu gọi mọi người, trong buổi đầu ông nhận vai trò nhân viên đệ tam quốc tế, tới bài viết, lời tâm sự của ông trong sách, dưới bút hiệu Trần Dân Tiên) -- thật là một thanh niên Việt Nam khác người, khi giám bỏ làng bỏ nước ra đi xung chân bồi tàu tìm sự nghiệp, vào năm 1911, trong khi những kẻ đồng cảnh ngộ đành chịu ép một bề. Nhưng tự gán hay đồng ý rằng việc ông làm là "ra đi tìm đường cứu nước" thì chỉ có thể là luận điệu bịa đặt của những kẻ vô liêm sỉ. Bằng chứng là vừa đặt chân lên "mẫu quốc", ông vội vã làm đơn xin nhập học Trường Thuộc Địa. Điều này chẳng có gì đáng chê trách. Vì có bao nhiêu người ước mơ trở thành nhân viên nhà nước, bao nhiêu người tốt nghiệp trường này vẫn trở nên hữu ích hoặc chẳng làm điều gì tai hại cho quốc gia dân tộc. Nhưng nó xác nhận rành mạch hoài bão của ông. Tuy nhiên, do cái vốn liếng học văn nghề nản, ông không được theo học để trở nên một công chức đặc lực cho Pháp như ông mong ước. Nếu ông được chấp nhận, thì làm gì có một Kominternchik không tiền khoáng hậu sau này. Và ông đành biết phận, trở lại làm bồi tàu, rồi làm vườn, xúc tuyết, đốt lò, rửa bát suốt sáu bảy năm trời. Mãi cuối thế chiến, ông mới trở lại Paris, có lẽ vì ý vào có liên lạc với Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Nhưng cũng chỉ để tiếp tục đối rạch với cái công việc sửa ảnh, vẽ đồ gốm giả.

Rồi ông được dự vào cái bút hiệu tập thể Nguyễn Ái Quốc, được dẫn dắt vào Đảng Xã Hội.

Sau này, ông tâm sự với một nhà báo Pháp: Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác với chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những "ông bà" -- lúc đầu tôi gọi các đồng chí trong Đảng Xã Hội như thế -- đã tỏ ý đồng tình với tôi. Vì vậy, tôi tham gia Đảng Xã Hội (Hồ Chí Minh Toàn Tập, NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1996, t. 12, tr. 470). Lúc đó là 1919 và là lúc ông được mang cái tên tập thể Nguyễn Ái Quốc đưa Bản Yêu Cầu 8 Điểm đi nộp tại Versailles. Vì việc này, ngẫu nhiên ông nổi lên như cồn. Chứ ông lấy đâu ra khả năng để nói năng, viết lách cái gì. Nhưng thực tế thì cá nhân ông được gắn với cái tên Nguyễn Ái Quốc, vốn đã trở thành đồng nghĩa với bao nhiêu huyền thoại, với lòng yêu nước, với sự tài ba. (Bọn Huân được một đàn anh là nhân chứng kể một câu chuyện điển hình: Cái tên Nguyễn Ái Quốc, Nguyen Le Patriote -- trước đó là Nguyễn Ó Pháp, Nguyen Le Francophobe -- nổi tiếng đến nỗi các ký giả phóng viên năn nỉ xin gặp. Các cụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh bày mưu để cho anh chàng đốt nát Hồ Chí Minh ra mặt, tuyên bố: Chính khách chỉ nói tiếng mẹ đẻ. Muốn hỏi gì cứ việc. Đã có thông ngôn.

Mỗi khi ai hỏi, Thành tha hồ nói nhăng nói cuội bất cứ cái gì. Rồi thuộc lãnh vực đặc ý của vị nào trong ba vị tây học, thì vị ấy... dịch. Thế là các ông tây xì xỏ được nghe tiên sĩ luật Phan Văn Trường, cử nhân luật Nguyễn An Ninh, cử nhân hóa học Nguyễn Thế Truyền dạy dỗ, thộn cả mặt ra, xuýt xoa: Khiếp! Sao câu nào ông Nguyễn Ái

Quốc trả lời cũng tuyệt cú mèo đến thế!!!) Và thế là ông có thể giá tại Hội Nghị Tours của Đảng Xã Hội vào tháng 12, 1920, để bỏ phiếu tán thành việc thành lập Đảng Cộng Sản Pháp vào tháng 6, 1921, rồi được Manuilski chọn đi Moskva năm 1923.

Chưa cần nói đến trước đó, trong vòng hai năm trời, từ khi gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp tới khi sang Nga, dù ông là thiên tài, dù ông có được tận tình đào tạo, dù ông có thừa điều kiện học tập, thì ông cũng chưa thể đủ khả năng để viết lách những bài vở, những tác phẩm ký tên Nguyễn Ái Quốc mà sau này ông nhận vợ, ngoài mấy bài lật vật chi đó. Nhưng, không cứ ông Hồ, mà bất kỳ người nào vào địa vị ông cũng không thể bỏ qua một cơ hội: một kẻ chữ nghĩa lem nhem, sức khỏe ẻo lợt, hàng chục năm trời chạy đôn chạy đáo suốt Pháp, Anh, Mỹ cũng chỉ kiếm được toàn những chân sai vặt, làm những việc ti tiếu, dối rách, không hề nhìn thấy một tương lai, nay được Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh diu dắt trở thành đảng viên Đảng Xã Hội, "đồng chí" với những nhà... quý tộc, trí thức, lãnh tụ của thời đại, rồi lại được dự phần bỏ phiếu, gia nhập một đảng mới toanh của một quốc gia văn minh bậc nhất. Thế cũng chưa hết, lại còn được mang sang thủ đô một đế quốc đang lên, được chiêu chuộng, được cung đón, được đưa lên địa vị quốc tế. Đang là đuôi trâu, bỗng được nhảy lên làm đầu... sư tử. Thì hỏi làm sao bất cứ ai có thể từ chối nổi, còn cần suy nghĩ về bất kỳ một cái gì? Huống chi Hồ, một kẻ bậm chắt lưu manh. Dù rằng nhân viên đệ tam quốc tế thực chất chỉ là một tên gián điệp, một tên phá hoại chuyên nghiệp của Nga Xô, dù rằng những chiêu bài khác nêu ra đều là để lường gạt mọi người, nhưng bọn Huân cũng vẫn cho rằng không ai có thể trách cứ những việc làm đó, nếu xét về quyền lợi, sự nghiệp của bản thân Hồ, về quyền lợi sự nghiệp của đế quốc Nga Xô. Có điều Hồ nên hãnh diện như thế và xác nhận như thế, mà đừng viện đến lòng yêu nước, cứu nước, thương yêu đồng bào nữa, một khi đã cướp được quyền bính vào tay, thì mới thực sự là kẻ có bản lãnh. Vì thế là đã giám công khai xác nhận việc mình làm, thụ hưởng thành quả mình đạt được. Cần gì cứ phải vin vào những tam cương, ngũ thường phong kiến, lạc hậu!? Tóm lại, cuộc đời Hồ đã do những ngẫu nhiên tạo thành là chính. Cũng y như sự thành công của tập đoàn cộng sản Việt Nam sau này.

## VI

Huân không thể nào hiểu nổi ông nội.

Theo gia phả, tổ tiên Huân gốc Nam Định, vùng Inikhu, giáo sĩ đầu tiên, người Hòa Lan, vào giảng đạo (1533, đời vua Lê Trang Tông, niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 1, cũng là Mạc Đại Chính năm thứ 4).

Trong vụ "sát đạo", tổ tiên Huân bao che đồng bào lâm nạn, bị liên lụy, nên đành lánh nạn, bỏ tất cả, đặt bốn con vào thúng, quây sang lập nghiệp ở Ninh Bình, theo cụ doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ (năm 1829, Minh Mạng thứ 10). Gia đình Huân thuộc chi út. Ở vùng dinh điền này, một vị trong chi Huân thi đậu trước tiên nên được dân hàng huyện lập đền thờ "phát khoa" để khuyến khích con em. Ông Huân ra đời thi Nam Kỳ Lục Tỉnh đã mất về tay Pháp. Và khi ông có trí khôn thì cả Trung và Bắc Kỳ cũng mất luôn với Hòa Ước Patenôtre. Tuy nhiên, lúc đó Pháp chưa nhúng tay nhiều vào việc nội trị, và lại vốn con nhà thi thư, sẵn tư chất và chăm chỉ, đậu sớm, nên ông vẫn xuất chính.

Theo sự hiểu biết của Huân, thì có lẽ ông là một quan cai trị tốt. Bằng chứng là bức hoành phi "Vạn Dân Sinh Phật" dân tặng khi ông về hưu non, vì bị nhà nước bảo hộ làm khó dễ, và chắc cũng vì thấy đã trông cây được vào bà. Điều Huân không hiểu là cái gì khiến ông khó tính một cách dễ sợ. Từ sáng mờ mắt ra đến tối khi đi ngủ, ông rót một chung rượu, ngồi góc sập bên mặt, vắt chân chữ ngũ, nhâm nhi, rồi bắt đầu mắng mỏ con cháu, chẳng cần có lý do. Vì bất đắc chí? Vì buồn thời cuộc? Vì thấy con cái, theo ông, không ai làm ăn cái gì ra hồn cả?

Bà ngồi góc sập bên kia, thỉnh thoảng kể thêm tí tội để khuyến khích ông. Cho nên Huân đoán chừng chính bà đã tập cho ông cái thói quen đó, mục đích dùng ông làm ngáo ộp hù dọa mọi người, cả con cháu lẫn người ngoài. Được cái đối với người ngoài, bất cứ ai, lớn nhỏ sang hèn, ông lại đều hết sức hòa nhã, bình dị. Huân buồn cười là ông quát mắng hết mọi người trong nhà, nhưng lại chẳng hề làm chi cả. Ông chẳng lý đến công chuyện gì, chẳng có một quyết định nào. Ý hẳn ông cho một khi hưu trí là đã trả xong nợ đời. Nên mọi cái hoàn toàn do bà hết. Bà làm xong rồi, khi có chuyện gì cho là hệ trọng, thì kể lại ông nghe, nhưng biết chắc trước thế nào mà ông chẳng gật gù động ý. Cả đến chuyện ăn mặc, nhà cửa, vườn tược cũng không hề thấy ông ngó ngang chi. Mọi cái đều mặc bà muốn sao cũng được. May gì mặc nấy, đưa gì ăn nấy, kê đâu ngồi đấy. Nhưng dĩ nhiên mọi thứ bà đều đã chọn thứ tối hảo rồi.

Ngoài việc quát tháo con cháu ra uy, việc chính của ông là hàng ngày tới lui nhà các cụ đồng liêu thơ văn, tài bàn, tổ tôm giết thì giờ.

Lạ hơn nữa là chính vì sự học mà ông đã thoát khỏi cảnh nghèo đói thì, đối với đám cháu, ông lại không thiết tha khuyến khích. Chắc vì ông không ưa cái học của người Pháp? Khi đám cháu còn nhỏ, ông cho đi học, có lẽ để khỏi lêu lổng. Và vì quen việc sôi kinh nấu sữ, ông bắt chúng sáng tối chuyên cần. Nhưng khi chúng lớn một chút, thì hàng ngày ông lại nhắc nhở: "Học cũng chẳng làm gì. Đầu có mòi cái học ra mà ăn được. Chỉ cốt cần kiệm, giữ lấy

mà ăn là đủ." Mà ông thì cần kiệm thật. Bữa nào mâm cơm của ông cũng phải có đĩa rau muống luộc. Nhưng chỉ vài ngọn thôi. Các món khác cũng ít ỏi tương tự. Ông chỉ gấp thức ăn cho gọi là có, khề khà bung lên đặt xuống. Muốn quát mắng kẻ nào thì bắt đứng hầu cơm. Mỗi bữa thường thường phải thổi ba niêu cơm, ông mới ăn xong. Vì mãi kể tội con cháu, khi ông nâng bát lên thì cơm đã nguội mất rồi. Nên khi thấy niêu cơm sắp nguội, là bà lại bắt thổi niêu khác chờ sẵn. Và thường thì đến niêu thứ ba ông mới hết... than nghèo kể khổ. Câu ông hàng ngày nhắc đi nhắc lại vào mỗi bữa cơm là: "Ăn bữa sáng, phải lo bữa tối; ăn bữa tối, phải lo bữa sáng mai". Huân quen ăn với mấy anh canh điền, chuyên trị dưa cà muối mặn, mỗi khi ngồi ăn với ông, quẹt chút nước mắm, mắm tôm chưa bỏ thắm miệng, thì ông đã quắc mắt: "Ăn thế rồi lấy gì mà ăn?"

Lớn lên, Huân thấy bực mình, mà không dám nói. Dĩ nhiên chăm chỉ cần kiệm là những đức tính đáng quý và điển hình của gia đình. Nhưng thời thế khác rồi, cần kiệm chăm chỉ mà không thần thế, thì làm sao giữ được mà ăn? Thiên hạ sẽ móc họng mình ra để cướp lấy. Vào thế hệ của Huân, kẻ quyền thế có đầy những thói hư tật xấu. Tuy thực ra họ chỉ là những kẻ thừa hành, nhưng nhà nước bảo hộ đã làm ngơ, nên họ tự tung tự tác.

Theo Huân, muốn giữ được tài sản hiện có, mình phải được thiên hạ nể vì. Thế hệ ông dĩ nhiên điều này đã có sẵn. Phần vì nho sĩ vẫn còn có tư cách, còn được trọng vọng. Chả thế mà bất kỳ vị đường quan, viên chức nào đối về tỉnh nhà đều đến ra mắt chào ông đầy sao. Nhưng thế hệ cha Huân thì đâu còn được họ đếm xỉa đến nữa.

Quả thế. Huân rất bực về cha mình. Cha là điển hình của cái thế hệ mà truyền thống cũ không còn, cái mới cũng chưa thành hình. Cha chẳng lo học, chẳng lo làm, mà chơi bời cũng không cái gì là thạo nữa. Vì thực ra chơi bời mà thành thạo, thì nó cũng có cái đẹp, cái đáng trọng, đáng nể, và nhiều khi cũng ra tiền ra bạc là khác. Đàng này cha cứ cốt lấy nhiều, lấy số lượng làm tiêu chuẩn. Cái gì cũng đá vào một tí, cũng cốp nhóp sru tầm, vợ bèo vạt tếp, không phân biệt cái tốt cái xấu, cái quý cái nhảm. Rút cục, cha chả làm được cái gì bổ ích. Và như vậy sản nghiệp của gia đình Huân là do tay bà tạo dựng. Ngoài sự cần kiệm, chăm chỉ, bà có cái nhìn xa và bạo tay. Bà là người chủ trương mang gia đình trở lại Nam Định, vùng tân bồi do hoàng giáp Phạm Văn Nghị thành lập khi cụ tạm cáo việc quan (1848-50, triều Tự Đức). Quanh vùng bà chọn làm nơi lập nghiệp, thửa ruộng mảnh đất nào bán chác hay cầm cố, bà đều sẵn lòng trả giá cao hơn tất cả mọi người. Bà biết một khi ai đã bắt đầu cần tiền, thì sẽ cần mãi mãi, ít khi thoát khỏi. Nên dù cầm cố gì thì rút cuộc rồi ruộng đất cũng vào tay bà. Do đó ruộng nương suốt vùng hầu hết đều lần lượt thuộc về bà cả. Ở làng nào, bà cũng mang một ít ruộng cúng vào việc chùa, việc nhà thờ, việc học, việc chung sự cho dân. Nếu cần cầu cống đường sá, thì bà tự đứng lên xây cất hay đóng góp tiền bạc. Ruộng đất còn lại bao nhiêu, bà giao ngay cho chức dịch làng đó quản lý. Vì thế, tô tức, thuế má đều sông phẳng đâu ra đấy. Việc lớn việc nhỏ mỗi làng, bà đều được báo cáo đầy đủ. Mỗi khi nơi nào có đình đám, Huân đều thấy tổng lý nơi đó trình trọng mang một nậm rượu, một mâm cỗ thịnh soạn đến biểu, coi là phần danh dự dành cho sự đóng góp của bà. Tất nhiên Huân không bỏ qua giả thiết bà cũng dựa vào cái thế của ông một phần. Nhưng qua những điều Huân biết thì bà quả thật là một người tháo vát. Cứ những lần theo bà dạo phố thì rõ. Bao nhiêu các bà nổi tiếng làm ăn lớn, mỗi khi thấy bà đi qua cửa tiệm, là thế nào cũng chèo kéo, kỳ kèo để bà vào chơi. Các bà này coi bà là bậc cổ vấn trường thượng đầy uy tín trong công việc buôn bán, làm giàu, tậu mãi.

Ở nhà, bà luôn luôn giữ vẻ xa cách, ngồi trên sập cao. Khách khứa đều phải ngồi ở mấy cái phản thấp hai bên. Chưa bao giờ Huân thấy ai được cùng ngồi trên sập với bà, ngoại trừ ông và Huân, là cháu đích tôn cầu tự mà bà yêu chiều quá đỗi. Và quả thật bà đã thành công. Mọi người tiếp xúc với bà đều bị áp đảo hết. Chỉ có một lần Huân thấy cung cách của bà mang lại sự bất lợi. Đó là vào năm 1944, Nhật và Pháp có chính sách cưỡng bách thu mua thóc lúa. Viên tri phủ đi khám kho vựa của các điền chủ, vào khám nhà bà. Bà vắt vẻo ngồi trên sập gu, mời viên tri phủ ngồi dưới ghé xa lông kiệu tàu, thấp hơn, ở trước sập. Có lẽ vì vậy viên tri phủ tức, liền niêm phong tất cả kho lẫm của bà, không trừ cả lúa gạo ăn của gia đình. Nhưng ông ta cũng không thắng hẳn. Vì bà đại gi mang hết về kho để Pháp Nhật tịch thu. Trái lại, bà đã cho tất cả tá điền giữ thóc tại nhà họ, không mang chông cho bà như mọi năm. Thành ra viên tri phủ thực sự chỉ niêm phong được có một phần nhỏ thóc lúa cũ của bà mà thôi. Lại cũng nhờ vậy mà tất cả tá điền của bà chẳng gia đình nào bị hao hụt trong vụ đói 1945. Bà tin vào sự tự lập. Con cái, bà không hề chia chác gia tài. Đứng ra bà có làm sẵn mọi giấy tờ rồi. Nhưng không cho bất cứ ai quyền sở hữu cả. Bà vẫn giữ hết. Người nào muốn cày cấy, buôn bán mà cần ruộng, cần vốn, thì phải thuê ruộng vay tiền, chông tô tức và trả lời lãi y như tất cả người ngoài. Mẹ Huân có lẽ là người được bà tâm đắc nhất, vì cũng học theo cung cách làm ăn của bà, chọn ở thôn quê để cày cấy, tậu ruộng tậu vườn, và ngoài đức cần kiệm lại sắc sảo trong mọi tính toán.

Sau này, cộng sản có thể liệt những người như bà và mẹ Huân vào hạng địa chủ gian ác. Nhưng thực ra, Huân thấy bà và mẹ đâu có tạo ra tệ đoan của xã hội. Họ cũng đâu có ở cương vị để cấm đoán được những chuyện ham mê chức tước, khao vọng, cờ bạc, ma chay cưới hỏi linh đình của thiên hạ. Rõ ràng Huân thấy những người này phải nhờ vả, cậy cục hết người này đến người khác bảo lãnh, mới được bà và mẹ mua bán cầm cố, chứ nào có cưỡng bức ai. Lên án một chế độ có nhiều phần hữu lý, nhưng lên án riêng một thành phần xã hội là một việc cố chấp, mù quáng. Họ chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh chung quanh.

Việc bà và mẹ chọn lập nghiệp ở vùng quê là một điều không may cho Huân. Mẹ có học quốc ngữ, nhưng đọc viết rất chậm. Mẹ chẳng bao giờ đọc cái gì, ngoài việc cầm bút ký giấy tờ mỗi khi cần. Trái lại, bà thì "đọc thông văn tự" chữ Hán, thạo chữ Nôm. Thường thường trưa nào bà cũng nằm vông đu đưa, đeo kính lão, ngâm nga cuốn Truyện Kiều, hoặc Chinh Phụ Ngâm, hoặc Cung Oán Ngâm Khúc. Có lẽ mẹ nghĩ giống ông nên yên tâm chọn ở vùng quê với bà, cần kiệm lo giữ của cải và mua tậu ruộng vườn. Con cái đứa nào đến tuổi đi học thì gửi lên thành phố. Và hẳn mẹ cứ yên trí các con áo quần lành lặn, cơm nước no đủ là may mắn hơn người rồi. Mẹ đâu có biết sự

cách biệt giữa nếp sống thôn quê và thành thị. Thành ra hồi nhỏ Huân không khi nào có lấy một món tiền dần túi để chi tiêu hay mua sắm những món tuy có vẻ không cần thiết nhưng thực ra cũng không thể thiếu. Mỗi đầu niên học, người nhà dần Huân đi mua sắm sách vở do nhà trường ấn định. Nhưng còn những cuốn cần xem giải trí, những món quà mới lạ muốn nếm mùi, những đồ chơi hấp dẫn tuổi trẻ muốn mua,...

Tuy vậy, Huân học hành vẫn xuất sắc. Một phần vì hãnh diện về ông nội, bực mình với cha chú, nhưng có lẽ phần lớn là do Huân ý thức rằng nếu thực sự muốn giữ được của mà ăn như ông thường nói thì phải làm sao cho thiên hạ không thể coi thường, không thể coi mình là trọc phú.

Trong văn hóa Việt Nam, thiên hạ trọng người khoa bảng. Thực ra trọng khoa bảng, họ ngụ ý trọng luôn đạo đức và kiến thức. Người xưa đi học là học đạo thánh hiền, học để biết đạo làm người, để làm gương, để dẫn dắt người khác. Bằng cấp là một trong số những thước đo giá trị, kể ra nhiều khi cũng được quá ư quan trọng hóa. Nhưng quả thật người khoa bảng khó lòng sống luông tuồng mà thoát khỏi chuyện thanh nghị của nho lâm. Càng đậu cao càng phải tỏ đức độ hơn người. Do đó khoa bảng kèm luôn cả việc giữ gìn tư cách để được nể vì. Vào thế hệ Huân, thực ra bằng cấp không chừng còn quan trọng hơn, vì nó có giá trị thực tế, mang đến công ăn việc làm, tiền của, mà lại không hẳn bị câu thúc vào kiểu sống gương mẫu, thanh đạm như kẻ sĩ thời xưa. Cho nên mới có chỉ tiêu "phi cao đẳng bất thành phu phụ", tương đương với "võng anh đi trước, võng nàng theo sau" trước kia, của các cô gái sang giàu hay xinh đẹp. Huân thì biết rõ mình chẳng cần công ăn việc làm, tiền của, địa vị, danh vọng. Gia sản nhà chàng ăn tiêu sao hết. Nhưng muốn giữ được thì chàng cần được thiên hạ nể vì. Ở địa vị chàng, là phải có bằng cấp. Có bằng cấp cao, không đi làm, sống tự lập, càng không ai giám coi thường bất nạt. Muốn thế, Huân cho rằng ít nhất mình phải học lấy cái bằng cử nhân luật, là cái bằng để ra tri huyện. Để mọi người biết mình nếu muốn làm quan cũng chẳng phải là điều khó khăn. Mà chắc chắn là mình thừa am hiểu luật pháp, không dễ gì đụng tới được. Mình biết bốn phận là đâu, quyền lợi là đâu, biết ăn biết nói, chẳng kém cạnh gì mà ai có thể coi thường.

Huân thừa biết gia sản của chàng thừa thãi để chàng muốn học đến bao giờ cũng được. Vậy chẳng có gì phải vội vàng. Với sức học của mình, với sự chăm chỉ cần cù, sớm muộn cũng giật nổi mảnh bằng. Trong khi đó thì chàng vẫn có thể dùng thời giờ tìm hiểu mọi vấn đề để mở mang kiến thức, cho xứng đáng với vai trò người cấp sách đi học, chứ chẳng cốt có bằng cấp để câu cơm hay đào mỏ. Huân lại cũng biết muốn làm nên trò trống thì phải có người tiếp tay, nên nghĩ phải kiếm người, trong họ hàng, làng mạc hay bạn bè, thúc giục, giúp đỡ học y khoa, sản khoa, nông lâm súc, công nghệ để cùng hợp tác khuếch trương, thì việc gì phải đi làm công cho ai, ai mà ăn hiếp bắt nạt được mình. Cho nên một nét trong lối sống của Huân là phải quảng giao, kết bạn thật nhiều, và chu cấp cho họ mỗi khi cần thiết.

Huân thấy mình may mắn sinh trưởng nơi no ấm thì tự thấy có trách nhiệm với những người thiếu may mắn hơn, tự xét mình chẳng có tư cách gì để ăn ngon mặc đẹp, tiêu pha xa xỉ hơn người khác. Cho nên chàng cố gắng tập tành hạn chế ham muốn, chịu cực chịu khổ, nghĩ điều quan trọng hơn hết và có thể làm được của thanh niên thế hệ mình là cải tiến dân sinh. Không lớn lối, không sắt máu, không xáo trộn, không bị ai cảm đoán. Cứ tạo một thí điểm kiểu mẫu cho một làng xã. Rồi các nơi khác sẽ noi gương. No cơm, ấm áo, khỏe mạnh, được huấn luyện ngành nghề, có học hành hiểu biết, thì rồi sẽ có người có khả năng, nhiệt huyết ra gánh vác công việc. Và rồi chẳng cần đòi hỏi, mọi quyền bính cũng lần lượt vào tay người dân. Huân tin cái nhìn của cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh là sáng suốt hơn cả. "Bạo động tắc tử", mọi xáo trộn chỉ tổ mang lại chết chóc, đổ vỡ mà rút cục chẳng đi đến đâu. Chưa có người mà có quyền bính là chuyện vô cùng nguy hiểm. Vì sẽ làm càn, làm bậy, hậu quả biết đâu mà lường.

\*

Nam Định xưa là một thành trì quân sự. Rồi dân cư tụ tập thành phố xá ở phía cửa đông. Nhưng từ khi nhà Trần (1225-1413) lên làm vua, thì Nam Định là "đất thang mộc" và là kinh đô thứ hai, trở thành nơi thị tứ sầm uất của đất nước, chỉ đứng sau Hà Nội.

Nam Định cũng là đất văn học. Vào mấy năm cuối cùng của thế kỷ 19 và của nền Nho học, Trường Nam còn là nơi thi duy nhất cho sĩ tử Bắc Hà, vì Trường Hà đã bị Pháp chiếm làm chỗ đóng quân, rồi sau xây Nha Kinh Lược. Khoa thi Nho học chót ở Trường Nam là năm 1915.

Trường Nam ở phía Tây thành phố, sau khu Năng Tĩnh, sau nhà ga xe lửa ngày nay, thuộc huyện Mỹ Lộc, là một bãi đất trống mênh mang, sau trở thành sân bay, nghĩa trang của Hoa Kiều và Hội Bác Tế của các cụ nhà nho. Ý chừng các cụ nuôi tiếc trường thì một thuở nên tự biến nó thành nơi yên nghỉ ngàn thu. Phố Hàng Giấy xưa kia hẳn là nơi các ông tú ông cử tương lai đập diu qua lại "thả cầm thi" các tiểu thư con nhà giàu ra mở cửa hàng giấy bút để hy vọng nay mai trở nên trang mệnh phụ; và Phố Hàng Thao chắc nhộn nhịp tiếng trống phách, giọng bông mạc sa mạc của các trang giang hồ lạc phách cùng các bực má phấn mày ngài, vào mỗi khoa thi.

Các khoa thi bị chấm dứt, một phần dĩ nhiên là vì người Pháp đô hộ cần có những cộng sự viên biết nói biết viết tiếng Pháp thay vì nói tiếng Việt, viết chữ Nho, khiến họ phải dùng thông ngôn. Nhưng có lẽ quan trọng hơn là ý đồ của cả người cai trị cũng như người truyền giáo muốn người Việt cắt đứt hẳn mọi quan hệ với nền tam giáo đồng nguyên và ảnh hưởng của giới sĩ phu Nho học. Phản ứng của giới này là tẩy chay, rút về nông thôn cày ruộng, không cho con cháu học cái chữ ngoằn ngoèo không phải của... thánh hiền. Hóa ra các cụ đã rơi trúng vào cái bẫy mà đám ngoại nhân tung ra. Phải đến khi chủ trương phong trào đồng du-duy tân, các cụ mới nhận ra cái tiện lợi của "chữ

quốc ngữ", bèn tính chuyện dùng "giáo tàu đấm chệt", mang nó làm khí cụ canh tân xứ sở, bằng cách lập Hội Duy Tân, mở Nghĩa Thực, thì tức thời bị cấm ngay.

Khác với thời Nho học, đâu có thầy giỏi thì trường lớn, lớp cao ở đó, mà thường thì lại ở thôn quê; thời Tây học, trường lớn lớp cao chỉ có ở đô thị. Để thay thế lớp nho sĩ, người Pháp lập trường cao cấp đầu tiên của họ tại thành Nam văn học, đó là Collège Jules Ferry (tên viên thủ tướng chủ trương đánh chiếm Việt Nam cũng như các nơi khác làm thuộc địa), có lẽ thiết lập ngay tại phần còn lưu giữ lại của thành trì Nam Định. Thành này do cô Tư Hồng trúng thầu công tác phá hủy, san bằng hết, cùng với thành Hà Nội, vào cỡ năm 1895, chỉ dành lại chút góc tây bắc (?) để lập trường học. Do đó trường này tục gọi là Trường Trong, vì ở trong vòng thành cũ -- đối lại với Trường Ngoài ở phía đông nam, ngoài vòng thành (sau bị phá bỏ để lấy chỗ xây trụ sở Kho Bạc và Đông Dương Ngân Hàng). Trường Trong cũng còn được gọi là Trường Cửa Bắc. Đây là điều hơi lạ, vì căn cứ Đình Vọng Cung và Cột Cờ là điểm giữa hai tường thành đông tây, mà Cửa Đông ở góc đông nam thành trì, Cửa Nam ở góc tây nam, thì Trường Trong ở góc tây bắc phải là ở Cửa Tây, còn Cửa Bắc phải ở góc đông bắc, phía đông phố Công Hậu (Trường Trong ở phía tây Công Hậu), cỡ rạp Cinéma Majestic mới đúng lẽ hơn. Chương trình học của Collège Jules Ferry là ba năm, sau tiểu học. Nhưng sức học của các cụ hồi đó nhất định không phải là chuyện chơi. Thủ tướng Nguyễn Phan Long là một học viên tốt nghiệp trường này.

Cỡ 1907, Pháp lập Collège du Protectorat (Trường Trung Học Bảo Hộ, tục gọi là Trường Bưởi, vì thiết lập gần làng Bưởi) ở Hà Nội, dạy cả trung học cấp I (bốn năm) và cấp II (bốn năm), thì Collège Jules Ferry biến thành École Primaire Supérieure de Namdinh (Trường Thành Chung Nam Định), dọn về trường sở mới ở gần Điện Gốc Ngái (một điện thờ Mẫu của đạo đồng bóng). Trường cũ trở thành Trường Tiểu Học Jules Ferry. Rồi lại dọn về Cửa Đông, trường cũ thành Trường Tiểu Học Brière de Lisle (tên một sĩ quan xâm lược, sau làm công sứ Nam Định) tục gọi Trường Gốc Ngái. Cuối cùng lại có trường sở mới hai tầng vào niên khóa 1937-38 tại khu Công Hậu, phía bắc thành phố, gần Trường Trong, bắt đầu nhận nữ sinh. (Một chi tiết tưởng nên ghi lại. Đây là trường sở đầu tiên tại Nam Định có cầu tiêu dùng hệ thống xả bằng nước máy, biểu hiệu một tiến bộ vượt bậc của... chế độ cai trị cũng như nền giáo dục bảo hộ!)

Trường cũ cũng trở thành trường tiểu học, Trường Carreau (tên viên quan tư đánh chiếm Nam Định bị thương và chết ít lâu sau đó), nhưng dân chúng quen gọi là Trường Cửa Đông.

Ở bậc tiểu học, ngoài ba trường này, Nam Định còn có Trường Géhin ở Vườn Dâu nên gọi là Trường Vườn Dâu; Trường Graffeuil ở phía Nam, phố Bến Cùi, nên được gọi là Trường Bến Cùi hoặc Trường Cửa Nam. Ở trung tâm hành chính thành phố, cạnh Dinh Công Sứ (cũng gần Điện Gốc Ngái), có École Primaire des Jeunes Filles gọi là Trường Con Gái và trường tiểu học hỗn hợp nam nữ của con cái người Pháp ở gần đó luôn. Còn không biết cả một khu Năng Tĩnh rộng lớn có... Trường Cửa Tây nào chăng?

Ngoài ra, Nam Định có thêm trường tư của dòng cha triều, ngay kế bên nhà thờ chính, là Trường Servir, dạy con trai 6 năm tiểu học; Trường Sacré Coeur của các bà phước dòng Saint Vincent de Paul ở phố Hàng Xũ, hình như dạy chung trai gái ba năm đầu tiểu học. Vào mấy năm Đệ Nhị Thế Chiến, Nam Định có thêm École Pratique (Trường Kỹ Nghệ Thực Hành) thiết lập trên Dốc Lò Trâu, sát con đê Hữu Bị cuối tỉnh. Thi vào phải có bằng tiểu học, học ba năm, bắt đầu khai giảng khóa duy nhất vào niên khóa 1941-42.

Ở cấp cao đẳng tiểu học, bên cạnh trường công lập phải thi nhập học, có mấy trường tư.

Đó là Trường Saint Thomas d'Aquin, còn gọi là Trường Cổ hay Trường Bên Đồng, vì vốn do các cố đạo Dòng Đa Minh lập, thuê các sư huynh dòng Frères des Écoles Chrétiennes dạy giùm chủng sinh, và tọa lạc tại khu Khoái Đồng, ngoại ô thành phố. Đây là một trường có thể nói là duy nhất, đặc biệt tại Việt Nam, vì thiết lập tại một sở hữu của Dòng Đa Minh, kiến trúc không thua gì các lâu đài trung cổ tây phương, cao ráo, khang trang, bê thế, cầu kỳ, mỹ thuật; bàn ghế tối tân, lớn rộng, đánh vec ni bóng lộn. Sau, trường có cả 6 năm tiểu học lẫn 4 năm cao đẳng và nội trú cho học sinh ở xa. Niên khóa 1941-42 dọn về Trường Tàu, ở trung tâm thành phố, đổi tên thành Externat Notre Dame, dĩ nhiên hết nội trú, chỉ còn dạy cấp cao đẳng.

Lại thêm Collégium Paul Doumer, hiệu trưởng là thầy Tiễn; Trường Charlemagne, hiệu trưởng là thầy Dương, và Trường Tàu của Hoa Kiều. Ba trường cuối này, nam nữ học chung.

Cho mãi đến thời gian cuối thập niên 30, đầu thập niên 40, ở nhà quê vẫn còn có thầy đồ "ngồi dạy" đấm con những gia đình chỉ muốn học... đạo thánh hiền mà không muốn làm thầy thông thầy phán. Còn không, thì bỏ bút lông cầm bút sắt ở mấy trường hương sư, tổng sư (école communale) do dân làng thành lập và học điền đài thọ. Thường chỉ một thầy kiêm dạy luôn ba năm đầu để lên huyện, lên phủ, lên tỉnh thì lấy bằng Sơ Học Yếu Lược.

Cấp này gồm các lớp Đồng Ấu (lớp Năm, cours enfantin), Dự Bị (lớp Tư, cours préparatoire), Sơ Đẳng (lớp Ba, cours élémentaire). Môn học gồm tập viết, tập đọc tiếng Việt, tiếng Pháp, tập làm tính cộng trừ nhân chia, làm tính đồ, học vệ sinh, luân lý, cách trí (tập vật học, leçons des choses), sử ký Việt Nam. Ngoại trừ phần tập đọc tiếng Pháp, các bài vở toàn bằng Việt ngữ. Sách giáo khoa, trường nào như trường nấy, đều dùng các cuốn của Nha Học Chính Đông Dương, và tác giả là các cụ Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Đỗ Thận, Phạm Ngọc Phúc, Nguyễn Văn Ngọc,... mà học trò ai cũng thuộc như cháo chấy, vì văn hay, ý đẹp. (Đôi chỗ có trường sơ học toàn cấp gọi là École de Plein Exercice, gồm đủ năm, sáu lớp, của nhà nước thiết lập và gửi giáo chức ăn lương chính phủ về phụ trách).

Muốn học thêm ba năm nữa để thi bằng Certificat d' Études Primaires Franco-Indochinoises (CEPFI, Cơ Thủy, Tiểu Học Đông Pháp), thì phải lên trường kiêm bị ở huyện, phủ, tỉnh, gồm các lớp Trung Đẳng (lớp Nhì năm thứ nhất, cours moyen 1ère année; lớp Nhì năm thứ hai, cours moyen 2ème année), lớp Cao Đẳng (lớp Nhất, cours

supérieur). Chương trình cũng gồm các môn như cấp dưới, có điều trình độ cao hơn và thêm môn địa lý Việt Nam, sử địa Pháp. Các môn học thuần bằng tiếng Pháp. Chủ khảo kỳ thi luôn luôn là người Pháp, có cả phần thi viết lẫn hạch miệng. Tài liệu giáo khoa thì mọi trường đều dùng chung một thứ sách, chung một tác giả.

Ở bậc thành chung dĩ nhiên chỉ học toàn bằng tiếng Pháp. Chữ Nho, tiếng Việt mỗi tuần có vài ba giờ và được coi như... từ ngữ để học trò có dịp xả hơi, chọc thầy đồ!

Nói của đáng tội cũng chẳng phải lỗi tại ai. Như trên đã nói, các cụ nhà nho khí phách thì bất hợp tác, về quê; còn cụ nào phải đi dạy thì thường đã là bước đường cùng và khả năng cũng không có bao nhiêu. Ngoài ra, các cụ không biết gì về phương pháp sư phạm mới, không dạy từ cái dễ đến cái khó. Khai tâm mà "nhân chi sơ: người chung xưa, tính bản thiện: tính vốn lành, tập tương viễn: tập cùng xa; tính tương cận: tính cùng gần", hoặc "kỳ nhục sở thực: sửa thịt khá ăn, kỳ nhu sở ẩm: sửa sữa khá uống"... học trò không hiểu đầu đuôi ra sao cả, đâm chán. Kết quả là lớp người mới mất một khả năng vô cùng cần thiết trong việc sưu khảo về những cái hay cái đẹp của nền văn hóa đông phương, như ta đã và đang trực diện lâu nay.

Chương trình cao đẳng tiểu học Đông Pháp là 4 năm: Năm Thứ Nhất (đệ nhất niên, 1ère année), Năm Thứ Hai (đệ nhị niên, 2è année), Năm Thứ Ba (đệ tam niên, 3ème année), Năm Thứ Tư (đệ tứ niên, 4è année). Và môn học đã khác cấp tiểu học khá nhiều, gồm: đại số, hình học, thực vật học, động vật học, vật lý, hóa học, sử địa thế giới, sử địa, văn chương Pháp,... Sách vở đã có vẻ hơi linh động. Chả hạn ở các "trường cổ" dùng sách của "hội đồng giáo sư" (par une réunion de professeurs) của các sư huynh, thay vì những sách dùng tại các trường công. Tại Bắc Kỳ, cấp cao đẳng tiểu học chỉ dạy ở ba thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Cho nên các học sinh Ninh Bình, Hà Nam (Phủ Lý), Thái Bình, và cả Thanh Hóa phần lớn đều về học tại thành Nam. Có lẽ vì phụ huynh không muốn gửi con đi Hà Nội, Hải Phòng vừa xa xôi tốn kém hơn, vừa sợ nơi phồn hoa đô hội dễ sa ngã, trong khi Nam Định là đất văn học, thanh nam hiền lành, thanh nữ nề nếp. Học xong 4 năm, thí sinh các nơi phải lên tận Hà Nội thi. Số người dự thi bằng Diplôme d' Études Primaires Supérieures Indochinoises (Thành Chung hay Cao Đẳng Tiểu Học), gọi tắt là DEPSI, "đém trên đầu ngón tay". Còn nói gì đến bằng Baccalauréat Indochinois (Tú Tài Bản Xứ), Nam Định chỉ có dăm ba người, so ra hiếm hoi gấp bội thời Nho học mà, mỗi ba năm, riêng Trường Nam thường được lấy đến 25 cử nhân, 50/75 tú tài, theo ước lệ "nhất cử, nhị tam tú". Chỉ ở Hà Nội mới có dạy bực Tú Tài. Bảng này thi kỳ đầu tiên vào năm 1928. Trước đó chỉ có bằng Baccalauréat Métropolitain (Tú Tài Tây), chương trình nhẹ hơn Tú Tài Ta. Tuy vậy, khi sang Pháp du học, sinh viên Việt Nam phải thi lại để lấy Bac Métro, nhưng dĩ nhiên chẳng khó khăn gì.

Vào thời kỳ này, người đi học trẻ tuổi vẫn còn nhiều.

Vì vấn đề hộ tịch còn lem nhem chưa bị bắt buộc nên ít người làm giấy tờ ngay khi sinh. Đến khi muốn đi học mà trẻ tuổi thì làm khai sinh rút tuổi xuống. Cho nên, học đến lớp Nhất, nhiều "cụ" lớn bộn rồi. Tuy không còn khăn đóng giày gia đình nhưng cũng quần chùng áo dài tề chỉnh lắm. Số người mặc âu phục còn rất hiếm hoi, và bị giễu là "tây gỗ", vì bất quá cũng chỉ cái quần soọc, cái sơ mi dẹt, mùa rét thêm chiếc áo sợi, áo len. Hiếm lắm mới có "cụ" có nổi chiếc xe đạp. Còn thì các "cụ" cứ quần chùng áo dài, sơ mi quần soọc cuốc bộ đi học hoặc luẩn quẩn trường con gái "chim chuột" lu bù. Mà các "cụ bà" cũng lớn trọng nữa. Phốp phốp và e lệ ra trò.

Trường Thành Chung Nam Định, khi dọn lên Cổng Hậu (chắc ký tên chữ là Tiền Môn... Hậu Môn), còn kinh hơn.

Chị em "ca sĩ" -- con hát, cô đầu, ả đào (thực ra các "cô đầu hát" chỉ còn là thiếu số, mà phần đông là các "cô đầu rượu" thiên về chức năng phục vụ việc... gỡ gạc, bầu vėjo cũng như các cô "gái nháy, nữ kỹ binh" sau này) -- ở các làng Ôn, Rợp, phía trên một quãng, mỗi Thứ Năm hàng tuần đi "lục xỉ" (look and see, khám bệnh phong tình), trang điểm tối đa, uốn eo trước đèn qua cửa... Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu) sân... Lư Thoa (Rousseau), làm các "cụ" điên cả lên. Nhà thương ở gần Bến Ô Tô, Trại Lính Khố Xanh, Tòa Nam Án, Nhà Thờ Tin Lành, ngang hông Trường Con Gái. Thứ Năm lại cũng là ngày các cậu con trai tiểu học, nhưng lớn bộn, bị thầy giáo khám ghê, ký số đi nhà... xót. Cậu nào ghê kèn cũng bị bắt đi "lục xỉ". Các thầy y tá vác bàn chải ra ký cọ, quét sulphate de soufre xót nháy nhộm người lên, lại thúi rình, hết giám héo lánh Trường Con Gái, đi thẳng một mạch về trường trình số. (Ba mươi năm sau, các đồng chí cộng sản vào "giải phóng Miền Nam", bắt dân đi tù, lại mang nền văn hóa "thuốc ghê thối" ra trị bệnh "ghê giang mai" trong các trại giam, bà con ta lại được dịp nháy "ương ca, hoà bình, nông tác vũ" lu bù).

Ơn Trời Phật, các "cụ" cao đẳng đã không bị cái nạn này, mà lại còn được một nỗi niềm "ô mê li" khác.

Số là bấy giờ, cả bốn lớp, có cỡ vài chục "cụ bà" trắng tròn lè. Gặp "thuờ trời đất nổi cơn gió bụi", Nhật vào tuyên truyền thuyết Châu Á của người Á. Quan năm Ducoroy mở chiến dịch "khoẻ để phụng sự" (être fort pour servir)... xứ Đông Pháp, cho thanh niên nam nữ quên cái việc đấu tranh giành độc lập đi. Riêng các "cụ bà", mỗi tuần, vào Thứ Năm, phải... một lần mặc đồng phục ngắn tay ngắn chân tập thể dục, do cô đầm lai Petit Pierre tốt nghiệp Trường Thê Dục Phan Thiết hướng dẫn. Lũ "ba que" nấp coi đui vế, ví sắc, đếm sẹo... đã con mắt. Rồi chúng lại còn đi khảo âm thiên hạ. Chả hạn có hai cô Nguyệt, chúng phân biệt rạch ròi "Nguyệt tròn", "Nguyệt ghé tàu". Tức nỏ con người luôn: Ghê thì ngồi buồn gãi... lẩn tẩn càng đã. Và bộ... cái gì cũng tròn sao? Tụi gì đâu mà ngu quá!!! Đến tháng Ba 1945, Nhật đảo chính, bị trưng dụng, trường lại dọn về Cửa Đông, một số người buông xuôi việc học, "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu". Tuy vậy, tháng Sáu, chính phủ Trần Trọng Kim vẫn mở kỳ thi, lần đầu tiên bài vở toàn bằng tiếng Việt và thi ngay tại Nam Định (không biết năm 1946, cộng sản có mở kỳ thi Thành Chung ở Nam Định nữa chẳng).

Niên khóa 1945-46, cộng sản đổi Trường Thành Chung Nam Định thành Trường Trung Học Nguyễn Khuyến, do thầy Phan Thê Roanh làm quyền hiệu trưởng rồi thầy Phó Đức Tố làm hiệu trưởng chính thức người Việt đầu tiên. Thầy Tố là anh ruột ông Phó Đức Chính, phó đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng, người nhất định không chống án và đòi được ngửa mặt lên coi lưỡi máy chém pháp xuống cổ mình. Nhưng thầy Tố thì nhất, chứ không liều lĩnh như ông em.

Niên khóa 46-47, trường Nguyễn Khuyến mở cả hai cấp trung học: cấp I (phổ thông) để thi bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp và cấp II (chuyên khoa) để thi bằng Tú Tài I và Tú Tài II. Niên khóa 45-46, mở lớp đệ nhất chuyên khoa. Ý chừng niên khóa 46-47 có mở lớp đệ nhị chuyên khoa, nhưng tháng Chạp 1946, xung đột Pháp-Cộng xảy ra, Trường Nguyễn Khuyến dọn về làng Trà Bắc huyện Xuân Trường; rồi sang Yên Mô, Ninh Bình; và sau vào Thanh Hóa.

Đầu năm 1947, thiên hạ chán cộng sản, lục tục "dinh tề" (rentrer, trở về thành phố). Năm 1948, Pháp mở kỳ thi, rủ rê người hồi cư, chẳng cần kiểm soát gặt gạo. Thành có cả trường hợp chẳng cần thi cũng có bằng, do các vị trong cơ quan phát bằng làm ra, đem tận nhà cho. Rồi chính phủ Bảo Đại mở kỳ thi tú tài tương đương. Nhiều vị giả là học sinh Nguyễn Khuyến, làm bằng tú tài cộng sản dấu củ khoai đi thi. Lại khi Bùi Chu-Phát Diệm có qui chế "tự trị", mỗi năm chính phủ Bảo Đại mở kỳ thi, khu tự trị cũng có hội đồng giám khảo... tự trị luôn. Nên khối vị có bằng tú tài ngon ơ.

\*

Yến cứ tự hỏi: Chị Phụng không biết sao đẹp thế! Mắt to và sáng ngời. Má cứ au lên một màu hoa đào. Môi dày và mọng đỏ. Làm mỗi khi tự nhìn trong gương, mình không hiểu sao cùng cha cùng mẹ mà bao nhiêu cái xinh cái đẹp trời dành cho chị cả?

Khi còn đi học Trường Thành Chung, chị Phụng, hoa khôi học sinh, thướt tha trong chiếc áo dài trắng mùa hạ, chiếc áo the thâm mùa đông, e lệ dưới vành nón lá, rộn ràng tiếng guốc phi mã trên những quãng đường vắng đến trường, gieo biết bao mơ ước cho các chàng trai tinh lẻ. Nói của đáng tội, các chàng chỉ thăm lặng ước ao viên vọng thôi, nào dám có cao vọng. Họ thừa biết dân tinh lẻ, học hành lỡ cỡ, hy vọng gì. Chị Phụng là phần dành cho các quan huyện trẻ, các quan đốc tờ mới ra trường, hoặc không thì cũng phải những quan cử quan đốc tương lai, hiện ở mãi tận Luật Khoa, Y Dược Hồn Hợp Đại Học Đường, tại thủ đô Hà Nội lặn. Mà quả thế, từ khi thầy me bắt chị nghỉ học để "tập buôn tập bán", kỳ thực để sửa soạn lấy chồng, thì bạn bè anh Cả, người mai tri huyện, kẻ một quan đốc, mấy tháng hè mượn cờ về thăm anh lu bù, để "coi mặt" hoa khôi thành Nam. Nhà cửa cứ nhộn cả lên.

Ngoài ra, chị Phụng đứng bán hàng, là cả ngày bận rộn với những anh chàng nhát nhúa đi qua đi lại lấm lét ngắm nghía, những anh chàng bạt mạng vờ vào mua bán để hỏi han vớ vẩn, băng quơ.

Mà chả cứ nhà mình, nhà nào có các "quan cử, quan đốc" tương lai lai vãng mà chẳng nhộn thế. Xã hội ổn định. Các ông Tây làm chủ tinh thể. Tinh nào cũng vậy, trên hết là quan sứ, rồi ông đốc lý, đến ông cầm (cảnh sát) mà ai cũng biết. Kế đến là các ông giám binh (quân lực), ông ca đất (địa chính), ông tây đoan (quan thuế),...

Còn các cụ tổng đốc, án sát, thương tá,... chỉ được người ta quý mến là cùng, chứ có ai sợ sệt bao nhiêu. Vì các cụ làm gì có quyền. Tri huyện, tri phủ trực thuộc quan sứ (résident de France, trước gọi là consul, đáng lẽ chỉ là một loại cố vấn thường trú). Tuy vậy, các cậu ấm, cô chiêu cũng còn có giá lắm. Các cô các cậu không đi học bên Pháp thì cũng học trường tây (Lycée Albert Sarraut) trường đấm (Lycée Félix Faure). Tệ ra cũng trường đạo Pugnier, Sainte Marie, rồi lấy nhau, môn đăng hộ đối. Cùng giã ra thì cũng phải là trai tài gái sắc: công tử lấy hoa khôi, tiểu thư lấy quan cử quan đốc trong hàng dân đã.

\*

Bây giờ là chuyện Nam Định... hành. Nghĩa là sau khi học hết đạo thánh hiền... Tây, thì ra tay... kinh bang tế thế.

Xưa kia các cụ soi kinh nấu sữ, rồi chờ mỗi ba năm một kỳ thi. Mà thi là triều đình cần bao nhiêu người thì ấn định lấy bằng ấy cử nhân, với ý nghĩa là những "nhân" này sẽ được "cử" ra làm dân chi phụ mẫu, giữ gìn môi quốc gia. Do đó, có đậu là có chỗ dùng, yên trí lớn.

Cái học Tây thì khác. Mỗi năm hai khóa thi, nhưng không cử... nhân, cũng không tiến... sĩ. Các "nhân", các "sĩ" cứ việc nằm đó chờ, bao giờ nhà nước có cuộc thi tuyển nhân viên thì nạp đơn thi nữa. Nên nay nói chuyện hành, tức nói chuyện làm ăn, là nhớ đến những lúc con em thế hệ 1960-75 tụ tập kể khổ về... nỗi buồn chiến tranh, nỗi buồn thế hệ, về việc phải học hành chạy chết, việc trốn quân dịch, việc bị động viên,... Những người này không ngờ rằng: Ấy vậy mà chiến tranh lại là một ân sủng đầy. Không có nó, thì họ làm gì? Họ đâu có biết cái nỗi buồn thất nghiệp của thế hệ cha anh.

Hồi đó, công việc nhà nước đều do các quan phủ quan huyện tung hoành. Ở thành phố, quan sứ cứ nằm dài trong tư dinh rộng mênh mang với vợ con; ông đốc lý và dăm ba nhân viên năm thì mười họa thị thực mấy giấy tờ vớ vẩn; ông cầm sai mấy chú cảnh sát hàng ngày lo việc phạt chó chạy rong và cống rãnh hàng phố quét không sạch; còn bưu điện, công chánh, quan thuế, địa chánh, ngân khố, tòa tây án, nam án, y tế, lục lộ, mật thám, đê lao ngồi ngáp ruồi nhô râu, có việc gì đâu mà làm; lính khổ xanh ngày ngày tập kèn "la vầy" (réveil, đánh thức) tờ te giải sậu; lính khổ đỏ mỗi năm diễn binh một lần, vào dịp Lễ Chính Trung (?), "cát tó dui dề" (14 juillet), mừng... cách mạng 1789

của Pháp, với vài khẩu cà nông 75 ri, vài cái xe tăng đệ nhất thế chiến cà rịch cà tàng,... Ngạch dân sự thì thầy ký, thầy thông, ông phán, quan tham, giới lăm đến quan đốc (agent technique) là hết mức. Ngạch quân sự thì binh nhì, binh nhất, ông cai, ngài đội, quan quân (adjutant) là cùng. Ấy vậy mà thành phần này là mơ ước của bao nhiêu người đó. Các ông quân nhân viên chức nhà nước này là những kẻ có điều kiện "tối rượu sâm banh, sáng sữa bò". Ông đi đến sở bằng xe đạp Saint Étienne, Peugeot, Terrot, Sterling hoặc xe nhà do anh xe kéo. Bà ở nhà, con sen thằng nhỏ com bung nước rớt, điếm trang, chân cạ, ngồi lê đôi mách. Một nếp sống... văn minh, âu hóa, "không được đụng tới người đẹp dù bằng cánh hoa hồng" được du nhập đời sống thành thị Việt Nam.

Trong lãnh vực tư, thì các nhà Máy Tơ, Máy Chai, Máy Chăn, Máy Chiếu, Máy Cưa, sau vụ kinh tế thế giới khủng hoảng đầu thập niên 1930, đều đóng cửa, chỉ còn Nhà Máy Sợi và Nhà Máy Rượu hoạt động. Căn nhà to lớn kiên cố nhất thành phố của Đông Dương Ngân Hàng là để cho gia đình ông giám đốc chi nhánh ăn no ngủ kỹ. Ai thừa tiền mà gửi nhà băng?

Huân thấy thành phố Nam Định bé bằng cái... lỗ mũi. Điều này chàng có thẩm quyền. Chả là thấy nguy cơ của bản thân, của cái gia đình tiểu tư sản, của đất nước lạc hậu một khi phong kiến Tàu, thực dân Tây hay cộng sản Nga áp đặt được quyền bính, nên gần suốt năm 1946, Huân "xếp bút nghiên... coi thường công danh như phù vân", hoạt động chống Tàu, chống Pháp, chống Cộng tại... Phố Ga, khu Năng Tĩnh!

Huân được giao việc ở vòng ngoài, nghe ngóng, rồi liên lạc qua một đồng chí nhà ở ngay Phố Ga, kế bên trụ sở Việt Quốc-Việt Cách. Anh này có cô em nhỏ nhỏ, mũm mĩm, tóc thề chấm eo ếch. Lúc đó, Việt Cộng còn ngán các đảng khác, chưa giám làm ầu, các chàng đâm ra thất nghiệp. Riêng Huân, viện cớ mà mất cộng sản, ngày ngày xin phép ông anh cho đóng vai cây si... hộ vệ em bé bốn buổi đi về cho tiện... công tác, từ cuối phố, phía tây (nơi em cư ngụ) tới đầu phố, phía đông (nơi em học hành) cỡ chừng... cây số rưỡi trường đình.

(Cái cây số rưỡi này cực kỳ gian khổ. Cô em nhỏ nhỏ đó tưởng dễ coi thường, xưa nay gọi thì dạ bảo thì vâng, hiền như... ma xơ, ai ngờ nay bỗng nhiên đốc chứng, vô cùng ngoan cố. Đi ngang hàng, cổ nạt: Đi sóng đôi, thiên hạ bảo là... tình nhân, bạn bè chúng nó chế nhạo... người ta! Lầm lũi đi đằng trước, cổ hạch: Cắm đầu cắm cổ đi một mạch, không ngoái nhìn gì... người ta, mà bảo vệ... cái gì? Lùi thui đi đằng sau, cổ quát: Đi sau để nhìn chòng chọc vào lưng vào... mông người ta, thì ai còn bước đi cho nổi? Gặp khi vắng người, bẹo đại nhẹ một cái, cổ đe: Mách anh Cả là lợi dụng... công tác cho mà xem. Lớn đầu mà còn... bậy bạ! Lâu lâu không bẹo, cổ lục vấn: Hết bậy bạ từ hồi nào rồi. Muốn làm người lớn chấc? Khó quá! Huân cứ phải thủ sẵn, để thỉnh thoảng xì ra gói kẹo, gói xí mui, gói hàm xôi phá xa, gói hăm bà lằng,... với hi vọng em bé bặm nhai, bặm liền thoắng, hết cự nự. Thì cô lại lên án: Cũng lại học đòi thí đồ... trẻ con. Chắc muốn... người ta ăn nhằm cho sún răng chứ gì? Huân thấy đôi phó với cô nhỏ này còn mệt gấp mấy cả cái việc chống Tàu, chống Tây, chống Cộng gộp lại. "Chiến sĩ cách mạng" lúc nào cũng lo trước cái lo của "nhân dân", vui sau cái vui của "nhân dân", mà chiều "cái nhân dân" này xem ra mệt quá. Cho mãi đến tháng Chín 1946, được lệnh trên bảo rút lên châu Lương Sơn, Hòa Bình, Huân mới biết mình còn toàn mạng, rồi sống sót cho đến ngày nay. Còn ông anh Cả của cô bé theo đoàn rút lui của ông Vũ Hồng Khanh sang Tàu, biệt tích luôn).

Cây số rưỡi... sạn đạo trên đây của Huân chính là con đường ngang, xương sống của Nam thành.

Bắt đầu ra cửa nhà ga xe lửa Xuyên Việt, "du khách" sẽ phải theo con đường Carreau này để vào thành phố [lũ thực dân ngạo mạn lấy tên gã sĩ quan đánh chiếm Nam Định đặt cho con đường chính của thành phố, lại để mà hấn lăm đi tích... lịch sử ở ngay cuối đường, nơi công... Trường Carreau (trước là Trường Thành Chung Nam Định)].

Tuần tự là Phố Ga toàn nhà ở, rồi Camp Carreau (lại Carreau, Trại Lính Khố Đỏ), Nhà Máy Sợi, khu hành chánh-công viên, tới đầu khu buôn bán có một tiệm ba tàu Pinzon, tạm coi như một thứ siêu thị, hai tiệm bán sách vở giấy bút Tân Ninh, Hội Ký, mấy tiệm tạp hóa của người Việt, chằm dứt bằng hiệu tạp hóa ba tàu Quảng Ích và hàng ăn Viễn Lai Linh cũng của ba tàu, rồi Trường Cửa Đông là hết. Việc buôn bán tại các đường ngang khác song song với đường Carreau, như Phố Bờ Sông-Đò Chè, Phố Hàng Xứ-Hàng Thao về phía nam và Phố Bắc Ninh-Hàng Thùng, Phố Hàng Đồng-Hàng Đường, Phố Hàng Tiệm-Hàng Nón về phía bắc không đáng kể, phần đông làm các nghề tiểu thủ công nghiệp cổ truyền.

Còn dọc theo nam bắc, tính từ con đê xi măng cốt sắt ngăn nước sông đào Nam Định lên Đốc Lò Trâu và con đê đất Hữu Bị (có lẽ vì ở hữu ngạn) ngăn làng ngoại ô Thượng Lỗ và nước sông Hồng, thì dài cỡ... một cây số!

Chiều này, và cũng trước năm cộng sản "cướp chính quyền", tạm coi như có bốn phố chính, cắt dọc con đường xương sống Carreau.

Bắt đầu bằng đường ranh phía đông thị xã, thì từ bờ sông phía nam chạy lên phía bắc, là một dãy phố, mỗi phố dài một hai trăm thước, nối đuôi nhau thành con đường ngoằn ngoèo cỡ một cây số đó, gồm: Phố Bên Ngự có Externat Notre Dame (trước kia là Trường Tàu như đã thưa), rồi Trường Tiểu Học Cửa Đông; Phố Hàng Sắt Dưới có hiệu kẹo... xiù châu (vì ở trước mặt hội quán Triều Châu) Nguyên Hương, độc nhất vô nhị không đâu có (hiện nay con cháu vẫn tiếp tục nghiệp nhà, ai có dịp về Nam Định nhớ mua mà thưởng thức kéo uổng cho cuộc sống ở trên đời; có điều xem ra khi ngon, khi dở, không còn được đều tay như xưa); Phố Hàng Sắt Trên có hai hiệu bán vật liệu xây cất (xi măng, sắt, thuốc màu,...) của cha con nhà Trương Thọ Xương độc quyền; rồi Phố Hàng Song, Hàng Mâm, Hàng Bát, Hàng Nâu, Hàng Cốt đều không còn giữ nghiệp nhà, mà chỉ toàn là nhà ở. Có lẽ con đường này cũng là lòng con sông Vị Hoàng xưa. Nhưng "sông kia rày đã lên... đường, nơi thời Hàng Cốt, nơi thời Hàng Nâu" (nhà cụ Tú Xương ở Phố Hàng Nâu), không biết có phải chăng?

Dãy phố thứ hai gồm Phố Hàng Dầu có tiệm bánh khảo Nam Hòa; Phố Hàng Trống; Phố Khách Dưới có hai hiệu ba tàu chế biến trà tàu danh tiếng Ninh Thái và Chính Thái. Giữa phố có hội quán của người Tàu rất hoành tráng và cũng là Trường Tàu luôn, đầu phố là một dãy tiệm bán vải của các ông... tây đen (Ấn Độ); Phố Khách Trên có hiệu ba tàu Thiên Thành danh tiếng buôn bán đủ thứ mặt hàng, tiệm ba tàu Liên Hưng gần như độc quyền buôn bán mẽ cốc, và tiệm vải vóc Bành \*ich, nghe tên rất ba tàu mà lại là của người Việt và là tiệm trung dọn khung trang, tân tiền và có các cô bán hàng ăn mặc... tân thời nhất thành phố; tiếp đến là Phố Hàng Giấy, có lẽ nhiều dân chính gốc thành thị lâu đời hơn tất cả, rồi Phố Hàng Mũ bán mũ cánh chuồn, hia hài; Phố Đèn Giếng bán vàng mã.

Dãy phố thứ ba gồm Phố Hàng Cau hầu như không còn buôn bán gì; Phố Hàng Đàn hết làm đàn; các Phố Hàng Ghé, Hàng Thiếc, Hàng Thêu, Hàng Lọng còn tiếp tục nghiệp xưa; Phố Hàng Rượu không thấy bán rượu mà có nhiều tiệm nữ trang và rạp Casino khá lớn của người Tàu mới xây cất thời Đệ Nhị Thế Chiến để cho thuê chiếu phim hay diễn tuồng cải lương; Phố Vải Màn quay ra chuyên làm khăn mũ thông dụng; Phố Móng Cái bán tiêu sành, chum vại, bát đĩa.

Dãy phố thứ tư là con phố Paul Bert duy nhất (tên viên toàn quyền lưỡng kỳ đầu tiên, được coi như là có công khai hóa đối với xứ Đông Pháp, chết vì bệnh tả tại Hà Nội) chạy thẳng một mạch từ bờ sông đến Dốc Lò Trâu. Đây cũng là con phố rộng rãi, khung trang nhất, hai bên nhà cửa toàn mới xây, ngăn đôi khu phố cổ của người Việt gồm ba dãy phố vừa kể trên với khu hành chính và nhà ở của người Pháp.

Dọc theo phố này, có một số công thự dành cho nhân viên người Pháp của Ty Quan Thuế, Trường Charlemagne, Nhà Thờ Chánh Tòa, Ty Ngân Khố, Nhà Bểng Đông Dương, Công Viên, Rạp Chiếu Bóng Văn Hoa, Sở Địa Chính, Trường Paul Doumer, Chợ Rồng, Rạp Chiếu Bóng Majestic, Trường Kỹ Nghệ Thực Hành.

Người Pháp hầu như không hề bước sang khu vực Việt, cả năm chưa chắc gặp họ lấy một lần. Ngoại trừ mỗi chủ nhật họ áo quần tề chỉnh tới nhà thờ xem lễ hoặc lữ lính lê dương (Légion étrangère, đoàn lính nhà nghề đặc biệt của Pháp, toàn dân tứ chiếng lấy việc đánh nhau giết chóc để quên đời) say sưa ra phá làng phá xóm, làm thiên hạ hốt hoảng hò nhau đóng cửa rầm rầm. Hoặc đi ngang khu hành chính, qua Cercle Sportif (Câu Lạc Bộ Thể Thao), năm thì mười họa thấy... vài ba ông Tây bà Đầm ngồi trên cao ngất ngưỡng nhâm nhi mấy cái "consommations" (ly rượu khai vị pha). Còn qua mấy đời công sứ Chapoulart, Rocca, Lebel, Allemand, Lotzer, De Peyrera, Jeannin, Huân chưa hề thấy mặt vị nào. Đứng ra có De Peyrera (hình như sau là tổng giám đốc chính trị tại Bộ Thuộc Địa), tóc bạch kim trắng xóa, trông rất trí thức, quý phái nhưng cũng rất... bình dân, thỉnh thoảng cuộc bộ quanh công viên, gặp ai cũng gật đầu chào rất nhã nhặn, lối chính trị gia cáo già.

Đây, Nam Định, như vậy lấy đâu ra việc làm?

Quả thế, vào thời gian 1930-40, cơ cấu nhà nước Đông Pháp đã đầu vào đây. Không có gì cần mở thêm. Các nhân viên đã thu dụng đủ. Một ông công chức được tuyển dụng, sẽ làm việc ít lắm cũng cỡ 25 năm. Ngài có về hưu hoặc chẳng may mệnh hệ, thiên hạ mới hy vọng được trám chỗ. Chưa kể vào thời kỳ kinh tế thế giới khủng hoảng, cuối năm 1931, nhà nước giảm chính, sa thải một số công chức hoặc bắt hồi hưu sớm, người còn được ở lại bị giảm lương từ 25 đến 30%. Như vậy, "kẻ sĩ" học xong thì lại về năm nhà, không xua gà cho mẹ thì xua gà cho vợ, chứ biết làm gì. Mà cũng chẳng ai thấy chướng. Vì... truyền thống dân tộc là tài trai "vai năm thước rộng thân mười thước cao" sinh ra là để ngồi... bàn giấy. Không có việc bàn giấy, thì... bu nó cứ việc "quanh năm buôn bán ở mom sông, nuôi đủ năm con với một chồng", có gì là lạ. Ông nào tự nghĩ mình tài hoa, thì đâm ra làm... thi sĩ, làm văn sĩ, làm báo sĩ. Giới nữa thì kiếm một chân dạy tại trường tư. Oai như... hạch. Nhưng vấn đề là làm sao chui vào cho lọt, vì ở đâu thì cũng cảnh mặt ít... ruồi nhiều?

Thế cho nên Nam Định làm ăn toàn do các... cụ bà. Các cụ chơi hội chơi hè, chạy hàng xách hàng gói giải quyết nền kinh tế gia đình. Làm ăn lớn có thể kể các cụ bà Liên Thái, An Thái nhờ vào thế lực của nhà nước bảo hộ, Vĩnh Bảo, Triều Phong nhờ vào thế lực nhà chung (giáo xứ) để làm các dịch vụ thuộc độc quyền chính phủ, như mẽ cốc, rượu, muối, thuốc phiện; cụ Lan Đình, cụ Trâu Vàng nhờ vào cửa hàng bán vải. Hai cụ sau không con, toàn nuôi cháu, nhiều người thành danh như các ông Vũ Quốc Thông, Vũ Quốc Thúc (cháu cụ Lan Đình; nghe lao phao mấy cụ nói dùng tên hiệu Lan Đình là phạm thượng, mà không hiểu tại sao, nay có vị nào biết, xin chỉ giáo).

Chẳng hiểu các nam nhi Nam Định an phận thủ thường lãnh lương hàm chánh thất để thành dân lương thiện là đáng chê, hay đi làm loạn như lũ anh em Phan Đình Khải (Lê Đức Thọ), Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) thì đáng khen, thực khó ai giám tự trả lời.

\*

Đó là ở thành thị. Còn ở thôn quê, thì bọn Huân đoán cuộc sống hẳn chẳng thay đổi là bao nhiêu, so với ngàn xưa. Vẫn những tâm hồn nông dân chất phác với những mơ ước tầm thường, vẫn những công việc lam lũ cần cù, vẫn cuộc sống bần lây nước đọng, eo hẹp ngày này qua ngày khác.

Một cách đại cương, thành phần trong xã thôn Việt Nam phân chia như sau:

Lão thượng, gồm những cụ trên 70 tuổi

Lão trung, gồm những cụ từ 60 tuổi trở lên

Quan chính, gồm những người đã xuất chính hay mang phẩm hàm của triều đình Tư văn, gồm các vị đỗ đạt

Tư võ, gồm các binh sĩ

Xã dân, gồm chức sắc của làng

Quan tôn, gồm các chức vụ nhỏ  
Quan mãi, gồm những chức sắc mua bằng tiền  
Lão hạ, gồm những người từ 55 đến 59 tuổi  
Còn lại là bạch đình.

Tất nhiên đại thể thì là thế, nhưng sự trọng tuổi hay trọng chức tùy thuộc mỗi làng, tùy theo hương ước.

"Nhà nước bảo hộ" có vẻ như để mặc thôn quê cho đám tri phủ, tri huyện, nha lại và tổng lý; cứ miễn sao thuế má cho đầy đủ là được rồi. Do đó, rất nhiều tệ đoan do bọn này gây ra để thủ lợi: kiện tụng, ngôi thứ, xôi thịt. Ngoài trừ những nơi có nhân sự uy tín, thế lực mà lại có lòng bảo vệ quyền lợi cho đám bạch đình, họa may chúng mới kiêng dè. Chính đây là tình trạng tồn tại suốt từ đầu thế kỷ, mà cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh đã trần tình cùng toàn quyền Beau. Cũng do đó, bọn Huân thấy vấn đề độc lập của đất nước, dân trí của nhân dân đặt ra nhiều phần chỉ có tính cách lý thuyết.

Thời Pháp thuộc, những kẻ quyền bính, học cao, nhiều kiến thức chưa hẳn là những kẻ biết hay biết dở, muốn làm tốt tránh xấu. Thường thường các bậc cha mẹ ít học, không có bằng cấp. Nhưng không ai dám bảo các vị này thiếu đạo đức, kém xử thế hơn. Mà thực tế thường là trái lại. Kẻ học cao, bằng cấp lớn thường lại là những kẻ tham lam, đòi hỏi nhiều, tự cho có quyền được ăn trên ngồi trước, có quyền làm bậy, "phụ tâm độc thi thư nhân". Những thị dân được tiếp xúc đôi chút văn minh thường lại chỉ phát triển những tài lường gạt tráo trở. Đa số có vẻ vẫn còn đồng nhất hóa dân trí với số năm cấp sách đến trường, cấp bực văn bằng đạt được. Trong khi những nông dân ít học hay không học chất phác, cần cù, lương thiện, làm tròn bổn phận, tuân hành luật pháp, chính mới lại là thành phần thể hiện một dân trí cao. Cũng thế, chính những dân bản xứ có thế lực, quyền hành lại hay làm bậy, mà không phải là đám người Pháp cai trị. Có lẽ họ thừa khôn ngoan để biết rằng dùng đám tay sai cũng đã là quá đủ, khỏi cần trực tiếp chường mặt, nhúng tay; một phần nữa có lẽ bề nào, không ít thì nhiều, họ cũng chịu ảnh hưởng của một nền văn hóa dân chủ trọng pháp của một quốc gia văn minh. Vì nếu như thành phần viên chức bản xứ không tệ mạt thì chắc hẳn nhà nước thực dân cũng không thể phóng tay. Trái lại, rõ ràng là, sau này, khi mà cả hai miền Nam Bắc "độc lập", với hai chính thể... cộng hòa và dân chủ cộng hòa, thì dân tình còn khổ ải gấp bao nhiêu lần, dưới quyền cai trị của chính người mình. Ấy là tạm nói riêng về mặt tự do, dân chủ và tôn trọng luật pháp. Nhiều người thấy tình trạng trên đành chép miệng thở dài than: Dân chúng nào, nhà nước đó (tel peuple, tel gouvernement). Bọn Huân không đồng ý. Những người này thường căn cứ vào việc đám thị dân thù đoạn, mách lới, ích kỷ, thiên cận mà cho rằng đất nước khổ ải cũng đáng đời. Quả thật những người này cùng với kẻ thống trị đã đóng vai trò quyết định trong việc mạt còn của đất nước. Nhưng tối đại đa số dân tộc lại là những người thôn quê, rừng núi. Trong tâm hồn đơn sơ giản dị của thành phần đa số này, truyền lại tự ngàn xưa, thì đất nước là của vua quan. Họ là thần dân được cày cấy ruộng nương của nhà nước để sinh sống. Vậy, với họ, vấn đề là "có đi có lại": họ mang ơn nhà nước, nhưng tự cho có thân thì phải tự lo siêng năng cày cấy, không thể trông cậy nương tựa vào ai được; lại có bổn phận phải chu toàn, không vì lý do gì mà trốn tránh. Cho nên, theo họ, họ có bổn phận với nhà nước mà không cần, không thể, không có quyền gây xáo trộn, đòi hỏi nhà nước phải có trách nhiệm đối với họ.

Dĩ nhiên những ý niệm bàng bạc về các quyền hạn đương nhiên của con người, như quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền tự do,... không hẳn là hoàn toàn xa lạ với họ -- cũng như với bất kỳ một con người nào, kể từ khi có loài người. Nhưng, cũng như bất kỳ ở đâu, cuộc đấu tranh của họ, nếu cần có, thì phải có sự lãnh đạo. Mà phải là sự lãnh đạo chân chính. Bằng không thì chỉ là trò bịp bợm và cưỡng bức.

Mà cũng chẳng hề đánh lừa nổi họ. Bọn Huân thấy họ -- dưới chế độ cộng sản, dưới chế độ cộng hòa -- luôn luôn cười khẩy mà nói rằng: Mình có thân thì phải tự lo, tay làm hàm nhai, nghe chúng thì rồi đồ thóc giồng ra mà ăn.

Vậy thì dân trí đâu có thấp.

## VII

1940, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng lập chiến khu tại Bắc Ninh, Bắc Giang.

22-9, Nhật khuyến khích Trần Trung Lập (tổng chỉ huy mặt trận Cao Bắc Lạng), Hoàng Lương (tức Đỗ Văn Tuấn, đặc phái viên chính trị), Trần Hy Thánh (tức Trần Phúc An, trách nhiệm phát động phong trào từ Bắc tới Nam), cùng Đoàn Kiểm Điểm, Vũ Chương, Nguyễn Văn Phi đem Phục Quốc Quân từ biên giới Việt Hoa theo Sư Đoàn 5 của Nhật tiến đánh Lạng Sơn để làm áp lực với Pháp. Rồi cũng vẫn với truyền thống phản trắc, sau khi được Pháp nhượng bộ, Nhật liền trao trả lại Lạng Sơn, bỏ rơi Phục Quốc Quân.

Kịch chiến suốt bốn ngày, vì kém khí giới, Phục Quốc Quân phải rút khỏi thành phố. Sau mấy tháng chiến đấu, Trần Trung Lập, Đoàn Kiểm Điểm, Vũ Chương cùng hàng trăm đồng chí bị Pháp bắt, mang xử tử ngày 26-12

[Hoàng Lương, Nguyễn Văn Phi dẫn được một số quân (có Lý Đông A, sau là đảng trưởng Đại Việt Duy Dân) trở lui sang Trung Hoa (rời gia nhập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội). Trần Hy Thánh theo quân đội Nhật về Hà Nội].

Trong khi Pháp bại trận, tháo chạy khỏi Lạng Sơn, nhân dân Bắc Sơn hợp cùng các tù nhân được thả ra cướp khí giới đuổi đánh tàn quân. Cộng sản nhận vụ này là do họ chủ xướng. Sau khi Nhật thỏa thuận với Pháp, cuộc nổi dậy này cũng bị dẹp tan.

Vậy mà chỉ hai tháng sau, ngày 23-11, cộng sản lại nổi dậy ở Nam Kỳ, khiến Pháp đàn áp dân chúng cực kỳ dã man, đến nỗi họ không giám nhận công nữa, lấy cớ là tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ đã bị bắt từ đầu năm, mà đổ cho xứ bộ Nam Kỳ (Tạ Uyên) làm sáng. Có lẽ đó là vì họ bị Nga Xô cưỡng ép phải khuấy phá Pháp tại Đông Dương để tiếp tay cho các đồng minh của Nga khi đó, là Đức quốc xã và Nhật phát xít chẳng?

1-10-1942, Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội thành lập, chính yếu gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội tại Liễu Châu, Quảng Đông (Trung Hoa).

\*

8-2-1941, Hồ Chí Minh về Pắc Bó, Cao Bằng, một làng sát biên giới Việt Hoa. 19-5, Hồ thành lập Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh (gọi tắt là Việt Minh -- gồm Đảng Cộng Sản Đông Dương, do Trường Chinh làm tổng bí thư, và Đảng Dân Chủ, do Dương Đức Hiền, cùng Đảng Xã Hội, do Nguyễn Xiển đóng vai lãnh tụ bù nhìn -- để mọi người lầm với Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của phe quốc gia do Hồ Học Lãm thành lập năm 1934, ở Nam Kinh). Thời kỳ này phe cộng sản Trần Văn Giàu (Tiền Phong), được Pháp thả ra khỏi tù hay lờ cho tổ chức vượt ngục, tranh chấp với phe cộng sản Việt Minh (Giải Phóng), cho nên có sự tố cáo Giàu làm chỉ điểm cho Pháp bắt bớ các đồng chí.

19-8-1945, cộng sản cướp chính quyền tại Hà Nội. Ngày 23, thành lập nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. 2-9, Hồ Chí Minh tuyên ngôn độc lập. Ngày mùng 8, cộng sản tổ chức Tuần Lễ Vàng, thu vét quí kim, nói dối mọi người là để mua súng đạn nhưng là để hối lộ các tướng Tàu sắp sang. Ngày 28, Hồ gặp Pignon, Alessandri. 15-10, gặp Sainteny để sửa soạn đưa Pháp từ Nam ra Bắc. 20 và 23-12, tiếp hai phái đoàn Nga, nhận chỉ thị hợp tác với Pháp. 6-3-1946, Hồ Chí Minh ký Hiệp Định Sơ Bộ với Pháp để thành nhà nước chính thức. Ngày 16, đuổi Bảo Đại sang Tàu dưới danh nghĩa cầm đầu phái đoàn thiện chí. Ngày 18, quân Pháp kéo vào thủ đô Hà Nội, ngày 22, diễm binh ở Cột Cờ (Hà Nội), Võ Nguyên Giáp đi dự. 19-5, Hồ Chí Minh tự nhận là ngày sinh nhật, để đòi dân treo cờ đón thầy tu đô đốc D'Argenlieu, được tổng thống De Gaulle (Charles, 1944-46, 1947-53, 1959-69) cử làm cao ủy kiêm tổng tư lệnh tại Đông Dương.

\*

Nước Anh, sau Đệ Nhị Thế Chiến, tất nhiên có tham vọng tái lập đế quốc của mình. Nhưng họ thừa biết thời thế nay đã khác. Nhân được giao phó việc giải giới quân Nhật tại Đông Dương, từ vĩ tuyến 16 xuống phía nam, ngày 6-9-45, phái bộ của họ tới Sài Gòn, liền tinh ma đưa kèm quân Pháp vô theo, dùng bọn này dò dẫm đường lối là nên ngoại hay nên nhà thuộc địa.

Lũ Pháp ở chính quốc tham lam, khờ khạo, vẫn tưởng còn làm trời làm đất được như cỡ một trăm năm về trước, ngày 23, với sự tiếp tay của quân đội Anh-Nhật, hội với đám Pháp ở thuộc địa, đánh chiếm nhiều công sở ở Sài Gòn. Nam Bộ Kháng Chiến bắt đầu và Pháp bị nhân dân vùng lên, đánh cho những đòn ác liệt.

Nhưng bất hạnh cho Việt Nam là còn có xứ bộ cộng sản. Chúng bỏ chạy thật xa nhưng lại kết nạp được đám "anh chị" Cầu Muối (Tô Ký), Bình Xuyên (Bảy Viễn) xúi bọn này lũng bắt giùm, để tiêu diệt mọi lãnh tụ quốc gia kháng chiến, hầu nắm trọn quyền hành tại miền Nam.

\*

Ở miền Nam, sau khi Nhật đảo chính Pháp, ngày 10-3-1945, Hồ Văn Ngà thành lập Đảng Việt Nam Quốc Gia, qui tụ Đảng Việt Nam Quốc Gia và Đảng Nhân Dân Cách Mạng, tại Sài Gòn.

14-8, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất thành lập, gồm Việt Nam Quốc Gia Độc Lập Đảng, nhóm La Lutte, Liên Đoàn Công Chức, Tịnh Độ Cư Sĩ, Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên,... Ngày 22, thiết lập Hội Đồng Nam Kỳ, chủ tịch là Trần Văn Ân. 24-9, thiết lập Ủy Ban Phong Tỏa Sài Gòn, phát động Nam Bộ Kháng Chiến, gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Quốc Gia Đảng, Huỳnh Long Đảng, Việt Nam Thanh Niên Ái Quốc Đoàn, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên,... Ngày 27, Dương Văn Giáo thành lập Chính Phủ Lâm Thời Việt Nam Dân Quốc chỉ huy kháng chiến.

[Khi Nhật đầu hàng, tại Nam Bộ vốn đã có sẵn nhiều nhóm võ trang của các đảng phái quốc gia, như Quốc Dân Đảng, Đại Việt, của các giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo, và của cả các giang hồ hảo hán như Bình Xuyên.

Tương cũng cần nên biết rằng, miền Nam phát triển phần lớn là do sự đóng góp của các tay giang hồ lạc phách; phần Nho Giáo không được phổ cập như tại miền Bắc, miền Trung; lại nữa, do "quốc ngữ" sớm được sử dụng, qua việc dịch thuật các truyện Tàu, nên đặc biệt nảy sinh lòng hâm mộ những "đàn anh chị". Đám này không hẳn chỉ toàn là dân đao

búa, đâm thuê chém mướn. Trái lại, rất nhiều người trong bọn họ thuộc loại công tử nhà giàu, làm ăn lớn, có học, giao dịch nhiều với giới trí thức, luật sư, kỹ sư, bác sĩ, chính trị gia,... Ti dụ trường hợp nhóm Bình Xuyên, có anh em Ba Dương, anh em Lai Hữu Sang, Tư Thiên, Giáo Thảo,...]

Trong khi đó, xú ỳ cộng sản của Trần Văn Giàu không có thực lực gì, nhưng y lại khôn khéo dụ mọi người rằng, vì có liên quan ít nhiều đến Nhật Bản, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất sẽ bắt lợi một khi đồng minh vào giải giới. Vậy tốt hơn hết là để Việt Minh nắm chính quyền.

Đến khi Pháp tấn công, thì y mang xú ỳ chạy tuốt xuống Chợ Đệm, rồi Tân An, Mỹ Tho, Đồng Tháp (sau Ủy Ban Hành Kháng chạy ra mãi tận... Tuy Hòa!), để mặc mọi người đối phó với Pháp, nhưng lại chuyên dùng lũ côn đồ đi lùng bắt những người quốc gia yêu nước để thủ tiêu. Bọn chúng đã chặt đầu, mổ bụng, chôn sống các nhân tài yêu nước thuộc phe quốc gia và đệ tứ, như Hồ Văn Ngà, Hồ Vĩnh Ký, Nguyễn Thị Suong (bác sĩ, vợ Hồ Vĩnh Ký), Chung Bá Khánh, Dương Văn Giáo, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Huỳnh Văn Phuong, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sổ,... Chúng lại cũng tràn vào cư xá Hérault vùng Tân Định tàn sát đàn bà con nít Pháp một cách cùng cực dã man, bắt đi hơn 300 người Pháp để vu tiếng xấu cho các lực lượng kháng chiến.

Trong cuộc Nam Bộ Kháng Chiến, ngoài các tổ chức lớn nói trên, còn có rất nhiều công tử nhà giàu có uy tín hay dám tay chơi anh chị giàu tinh thần Lương Sơn Bạc tự bỏ tiền ra mua sắm khí giới, chiêu mộ nghĩa quân chống giặc, như Lâm Quang Phòng, Thái Văn Lung, Mãng (Rommand), Tỳ Cà Lăm, Hai Phái, Ba Nhỏ,... Mới đầu, lực lượng kháng chiến vùng Sài Gòn-Chợ Lớn chia ra 17 khu nội thành thuộc nhóm Thanh Niên Tiền Phong Võ Trang; vùng tây bắc (phi trường Tân Sơn Nhất, quốc lộ 13) thuộc nhóm Trình Minh Thế; khu bắc (vùng Tân Định) thuộc nhóm Tô Ký và Hoàng Quốc Việt; quan trọng nhất là vòng cung phía nam từ bờ sông Sài Gòn, kinh Tàu Hủ, cầu chữ Y, kinh Bonara, khu người Hoa Chợ Lớn, tới Trường Đua Phú Thọ thuộc nhóm Bình Xuyên.

Nhưng sau khi rút ra bung, tổ chức qui mô, hùng hậu thì phải kể lực lượng Bình Xuyên do Dương Văn Dương (Ba Dương) làm thủ lĩnh, Lâm Ngọc Đường cố vấn; bộ đội An Điền (Đại Việt) do Bùi Hữu Phiệt là chỉ huy trưởng, có Huỳnh Thanh Thảo (Giáo Thảo), Phan Khắc Sửu, Trần Quốc Bửu làm tham mưu; và đệ tam sư đoàn Nguyễn Hòa Hiệp (Quốc Dân Đảng) do Phạm Hữu Đức cầm đầu.

Vốn tí hiềm đám cộng sản miền Nam, lại thấy lũ Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Trấn, Kiều Tấn Lập chỉ chạy dài, cuối năm 1945, Hồ Chí Minh gọi Giàu ra Bắc, phái Lê Duẩn và Nguyễn Bình vào Nam, với sứ mạng nắm lấy tất cả mọi quyền chỉ huy.

Ra Bắc, Giàu còn khoác lác tới Nhà Hát Lớn khoe thành tích kháng chiến, bị Maurice Thiên (Tư Thiên), khi đó cầm đầu đoàn chiến sĩ Bình Xuyên được cộng sản mời ra để đánh bóng thổi phồng bằng đủ mọi huyền thoại (đồng thời cũng để làm lu mờ thành tích của các tôn giáo và đảng phái quốc gia), nhảy lên giành diễn đàn, chỉ mặt lật tẩy, hỏi cộng sản đánh Pháp ngày nào, ở đâu. Giàu im thin thít. Phần Nguyễn Bình (Nguyễn Phương Thảo), trước là đảng viên Quốc Dân Đảng, bị Pháp bắt. Trong thời gian tù đày ở Côn Lôn, Bình theo cộng sản, nghe chúng xúi giục, tố cáo việc làm của các đồng chí cũ với chúa ngục để tăng công, bị các tù nhân phe quốc gia đánh hư mắt một mắt. Thế mà 1945, y được cộng sản phái mang tiền bạc đến yểm trợ và thành công trong việc thí đồ các lãnh tụ Đệ Tứ Chiến Khu (Móng Cái, Tiên Yên, Đông Triều) của Quốc Dân Đảng và Đại Việt hợp tác, rồi nắm mọi quyền hành. Nên khi Nhật đầu hàng, sư đoàn Sao Trắng của Vũ Kim Thành định kéo về Hà Nội cướp chính quyền, thì y cản lại, để cộng sản vớ được quyền bính một cách dễ dàng.

Vào đến miền Nam, Bình tự phong khu trưởng Khu 7, gồm các tỉnh miền đông, là nơi quân Pháp hành quân. Hẳn thấy một số bộ đội, như Đệ Nhị Sư Đoàn của Nguyễn Văn Đầu (Thanh Niên Ái Quốc Đoàn), Đệ Ngũ Sư Đoàn của Nguyễn Thành Long (Đệ Tứ Quốc Tế),... đã tan rã. Còn những toán quân thân cộng, như của Tô Ký, Huỳnh Văn Nghệ, Huỳnh Tấn Chùa, Đào Sơn Tây, Kiều Đức Thắng,... lèo tèo vài chục khẩu súng cũ kỹ. Trái lại, những toán khác lại rất hùng hậu. Vì ngoài Cao Đài Hòa Hảo đã được Nhật võ trang từ xưa, những nhóm như Bình Xuyên, nhờ Hồ Vĩnh Ký, Lâm Ngọc Đường, vốn phụ trách ngành công an; nhóm Quốc Dân Đảng, nhờ Phạm Hữu Đức, nhân viên hiến binh cao cấp, được Nhật lên cung cấp vũ khí lấy được của Pháp; nhóm Đại Việt Bùi Hữu Phiệt được nam tước Watanabé chỉ cho hăm Nhật chôn giấu khí giới đạn dược khiến vũ khí của họ nhiều hơn lính. Bình bèn tìm cách phân hóa để tiêu diệt các lực lượng này.

Trước tiên, đầu tháng Hai, xú bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng quyết định làm lễ kỷ niệm ngày Nguyễn Thái Học và các đồng chí đền nợ nước. Bình bèn lợi dụng cơ hội, nhân danh Ủy Ban Hành Kháng, chính thức ra lệnh toàn miền Nam cùng tổ chức lễ truy điệu. Phạm Hữu Đức làm tướng Bình vẫn còn đang tịch, mời y chủ tọa danh dự buổi lễ. Điều này khiến nhiều lực lượng hết nghi ngờ Bình là cộng sản. Tiếp đến, hấn phong Ba Dương làm khu bộ phó Khu 7 và sai đi thu phục các lực lượng ở Khu 8 (giữa sông Vàm Cỏ và Hậu Giang) và Khu 9 (miền Tây). Trong khi đang hành quân, có thể hấn báo cho Pháp biết, có thể hấn sai người bắn lên, Ba Dương bị trúng đạn vào đầu chết ngày 16-2-1946. Thế là Bình giành được quyền chỉ huy nhóm Bình Xuyên, phong Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) làm khu phó. Với việc này, Bình gây chia rẽ nặng nề. Vì Bảy Viễn, tư lệnh Trung Đoàn 2 (Bình Xuyên), chưa được đứng vào hạng cao trong số 10 con "rồng xanh" Bình Xuyên, nay lại ở địa vị chỉ huy các đàn anh cũng như các đảng phái, tôn giáo khác! Do vụ này, cùng với việc cộng sản ký Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6-3 ngưng chiến và để Pháp mang quân ra Bắc, vào ngày 20-4, các đảng phái, tôn giáo thành lập Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp phụ trách phân quân sự ở ngoài bung và ủy Nguyễn Văn Sâm phụ trách phần chính trị trong thành.

Đến tháng Sáu thì Cao Đài bỏ bung biến trở về lập khu tự trị. 20-8, Nguyễn Bình tuyên bố giải tán Mặt Trận.

11-4-1947, cộng sản giết giáo chủ Huỳnh Phú Sổ nên, ngày 18-5, đến lượt Hòa Hảo bỏ về. 10-10, Bình cho người ám sát Nguyễn Văn Sâm.

27-1-1948, Cao Đài Hòa Hảo ký hiệp ước liên minh chống cộng. 25-5, Bình lại tái diễn vở kịch, phong chức cho Bảy Viễn làm khu trưởng Khu 7, gọi về Đồng Tháp nhậm chức để mưu sát nhưng không thành công, nên ngày 17-6 Bình Xuyên cũng kéo về thành.

(Lúc này, một hội nghị các đại diện đảng phái và ba phần Trung Nam Bắc "sau khi nghe thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân giải bày" "và sau khi nhận tri bức chiếu thư của hoàng đế Bảo Đại" đã bầu thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam)

Tiếp đó, đến lượt Phạm Hữu Đức rồi Bùi Hữu Phiệt bị Bình gài dăm dòn em vào sát hại.

Bây giờ ngoài bụng chỉ còn Nguyễn Bình tự tung tự tác. Cộng sản đâm e ngại, bèn phong y từ thiếu tướng lên trung tướng, tổ chức lại bộ tư lệnh để loại y, rồi ban lệnh gọi ra Bắc.

Đi theo Bình, có Võ Bá Nhạc, nguyên chánh văn phòng. Đoàn Hữu Thanh, nguyên bí thư, hai y tá Nguyễn Tấn Sĩ, Phạm Thế Liên, hai vệ sĩ Nguyễn Văn Bôn, Phạm Văn Trung. Bình phải trả nợ, đúng cách y dùng để hạ sát những người khác: cộng sản hoặc báo cho Pháp hoặc phục kích bắn chết y ngày 29-10-1951, tại bờ sông Srépok, thuộc khu rừng Cao Miên vùng Stung Treng.

\*

Nước Tàu, sau Đệ Nhị Thế Chiến, cũng muốn kiểm soát. Nhân được giao phó việc giải giới quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra phía bắc Đông Dương, ngày 9-9-45, họ đưa đoàn quân ồm đôi xuống bắt cộng sản cung phụng.

28-2-46, Tàu ký thỏa ước nhường cho Pháp việc giải giáp quân Nhật. Đổi lại, Pháp trả các tô giới, bán rẻ cho Tàu đường xe lửa Lào Cai-Văn Nam Phủ, miễn quan thuế, dành mọi sự dễ dàng cho Hoa Kiều tại Đông Dương.

Các tướng Tàu tại Việt Nam lại được hồi lộ nên, 6-3, cho cộng sản ký Hiệp Định Sơ Bộ mời Pháp ra Bắc, hầu chính thức hóa địa vị một nhà nước và có đồng minh để cùng tiêu diệt các đảng phái quốc gia. Ngày 13, Tàu chính thức thỏa thuận cho Pháp mang quân tới thay thế.

Đến tháng 9, kể như mọi chiến khu của các đảng phái quốc gia ở Bắc Kỳ bị Cộng Sản và Pháp hợp tác tiêu diệt hết. Như thế chỉ còn đế quốc Pháp đang tàn lụi (qua đoàn quân viễn chinh và lũ thực dân tại chỗ đều vừa nhờ thiên hạ mà sống sót) với đế quốc Nga Xô đang lên (qua bấy nhiêu mã bán xứ vừa nhờ sự may mắn của lịch sử mà nhảy lên bàn độc) đối diện nhau trên mảnh đất Việt Nam. Và dĩ nhiên phe nào cũng chỉ muốn là kẻ thống trị duy nhất, nên cuộc xung đột cuối cùng Pháp-Cộng xảy ra vào chập tối ngày 19-12, ở ngoài Bắc.

\*

Tại miền Bắc, cũng sau khi Nhật đảo chính Pháp, ngày 11-3-1945, các đảng phái quốc gia thành lập Đại Việt Quốc Gia Liên Minh, gồm Đại Việt Quốc Xã, Đại Việt Duy Dân, Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Quốc Dân Đảng, Việt Nam Quốc Dân Đảng... cử Cách Mạng Ủy Viên Hội để nắm chính quyền. Nhưng ngày 19, Đại Việt Quốc Gia Cách Mạng Ủy Viên Hội rút lui, vì Nhật vẫn dùng Bảo Đại.

7-7, lực lượng quân sự của Liên Minh (quốc dân quân) làm chủ Móng Cái. 11-8, được tin Nhật sắp sửa đầu hàng, đại diện De Gaulle nhờ một người Anh đưa đến gặp tổng tư lệnh quân đội Nhật Bản xin cho đám quân đảo đầu hồi tháng Ba được trở về, đổ bộ ở Hải Phòng.

Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh liền tổ chức cuộc biểu tình vào chiều ngày 13 đã đảo thực dân Pháp tại Hà Nội, và buổi tối triệu tập một buổi họp về vấn đề đoạt chính quyền.

Hội nghị chia ra hai ý kiến:

- Phe Nguyễn Xuân Tiếu chủ trương cướp chính quyền ngay, rồi đọi các đồng chí từ hải ngoại về sẽ lập chính phủ,

- Phe Trương Tử Anh cho rằng muốn được Đồng Minh công nhận, thì không được hợp tác với Nhật dưới bất cứ hình thức nào. Nếu Việt Minh có cướp chính quyền thì cũng... không có gì đáng ngại, vì lực lượng "phe ta" mạnh gấp bội. Vậy hãy... chờ cách mạng quân ở hải ngoại và quân đội Đồng Minh sắp nhập Việt nay mai. Hội nghị chưa quyết định, thì Trần Văn Cương cùng Đặng Đức Hình (thuộc nhóm Phụng Sự Quốc Gia) dẫn đại biểu Việt Minh (Trần Đình Long?) tới. Tên này đề nghị không nên đảo chính, cũng viện lý do rằng Đồng Minh sẽ cho là chính phủ thân Nhật, không có lợi. Và lại đe rằng nếu Đại Việt Quốc Gia Liên Minh cứ đoạt chính quyền, thì Việt Minh cũng sẽ đoạt chính quyền ở các nơi và phá đê sông Hồng để làm lụt Hà Nội, cô lập hóa thủ đô!

Hội nghị hoang mang, không đi đến một quyết định nào, rồi giải tán! Ngày 14, quốc dân quân làm chủ Hà Cối, Đàm Hà, Tiên Yên, Cửa Ông, Cẩm Phả, Hà Giang.

Ngày 17, ba giờ chiều, dù trời mưa, hàng vạn công chức Hà Nội tổ chức biểu tình, đứng chặt đường Tràng Tiền xuống đến tận đường Hàng Trống, để tỏ ý chỉ bảo vệ đất nước.

Trên bao lơn Nhà Hát Lớn, cờ quẻ ly được kéo lên cùng với lời đồng ca bài Tiếng gọi thanh niên. Rồi loa phóng thanh tuyên bố:

- Hôm nay chúng ta họp mặt tại đây mừng chủ quyền đã khôi phục và hoan hô chính phủ Trần Trọng Kim...

- Hoan hô!
- Việt Nam độc lập muôn năm...
- Muôn năm!

Một kẻ nào len vào hàng ngũ công chức:

- Hoan hô Việt Minh!

Những người đứng quanh đó ngỡ ngác...

Rồi đoàn biểu tình được lệnh tuần hành qua các đường lớn. Tới ngã sáu Cửa Nam, vài anh áo cộc quần đen vừa chạy vừa phát cờ đỏ sao vàng, một anh giơ một khẩu súng lục bắn chỉ thiên vài phát, hét to:

- Anh em hãy cùng tôi hô Mặt Trận Việt Minh muôn năm.

Vài ông công chức hoảng sợ, gượng gạo:

- Muôn năm.

Rồi, lần hồi, hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn cũng... muôn năm, cho tới khi giải tán!!!

Cũng chiều đó, Nguyễn Xuân Tiểu cùng bốn sĩ quan Nhật hóa trang, mỗi người vai đeo một khẩu tiểu liên, bên ngoài phủ chiếc áo dài thâm, hướng dẫn 300 thanh niên võ trang súng trường rầm rộ tiến vào Phủ Khâm Sai.

Giữa khi ấy, một cán bộ Đại Việt Quốc Gia Liên Minh đến cho ông hay: Pháp ở trong thành đã đào lên một số vũ khí chôn giấu quan trọng. Tối nay chúng tràn ra đánh chiếm Hà Nội. Yêu cầu tạm rút quân để đánh Pháp, mai... hãy cướp chính quyền (!!!)

Nguyễn Xuân Tiểu còn đang phân vân, thì Trương Tử Anh cỡi xe đạp tới, yêu cầu giao ngay 300 thanh niên võ trang để kịp đi bố trí các nơi. Rồi Trương Tử Anh ra lệnh cho 300 thanh niên ra khỏi Phủ Khâm Sai (đêm 18 rạng ngày 19 mới thấy một số trở về báo cáo: Trương Tử Anh đã trao họ cho Koike, hiến binh Nhật, tước hết khí giới rồi đưa giam giữ ở trại Bảo An Bình!)

Buổi tối, Liên Minh Quốc Dân Đảng họp khẩn cấp.

- Về phía Việt Nam Quốc Dân Đảng có Lê Khang, Chu Bá Phụng, Nguyễn Văn Viễn,... - Về phía Đại Việt Quốc Dân Đảng có Trương Tử Anh, Phạm Khải Hoàn,... Phe Trương Tử Anh lại vẫn chủ trương: Cứ để Việt Minh nắm chính quyền. Ta sẽ... hướng dẫn họ trong công cuộc phục vụ nhân dân. Nếu họ trở mặt, ta sẽ... hạ họ xuống. Lực lượng của Việt Minh có gì đáng lo ngại. Nếu dùng võ lực đối phó trong lúc này, ắt có lưu huyết, lịch sử sẽ... qui tội.

Lê Khang (cực độ tức) cực lực phản kháng: Thì ra đến giờ phút này các anh vẫn chưa hiểu rõ Việt Minh Cộng Sản là thế nào cả. Nếu để cộng sản nắm được chính quyền, chúng ta sẽ đi tới tận sát. Tôi khẩn khoản yêu cầu các anh mau nắm lấy chính quyền, rồi tóm cổ hết những phần tử cộng sản nhốt lại, để trừ mối họa cho dân tộc.

Ý kiến của Lê Khang không được chấp thuận. Các đảng viên Quốc Dân Đảng võ trang, được huy động từ chiến khu về, tập trung tại Trường Tiểu Học Hàng Kèn đợi lệnh đoạt chính quyền, đành rút lui, than thở với nhau: Mấy ông lãnh tụ nhà mình đúng là môn đồ Không Mạnh, quân tử tâu, thật đáng kính trọng lắm thay!!! Sáng 18, phó lãnh sự Nhật đến gặp bác sĩ Nguyễn Xuân Chữ, nói: Nếu ông muốn, quân đội Nhật sẵn sàng giúp đỡ, trong bất kỳ tình thế nào. Đại tá chỉ huy quân đội Nhật tại Huế cũng nói với Trần Trọng Kim: Quân đội Nhật còn trách nhiệm giữ trật tự cho đến khi quân đội Đồng Minh thay thế. Nếu chính phủ có lời công khai yêu cầu, quân đội Nhật sẽ thi hành.

Chủ Nhật 19, đô trưởng Hà Nội Trần Văn Lai cho phép Việt Minh biểu tình. Phải công nhận là Việt Minh có tài huy động nhân dân, tay cầm cờ đỏ sao vàng bằng giấy, từ năm cửa ô ùn ùn kéo vào Hà Nội.

Lúc 8 giờ sáng, đoàn cán bộ Việt Minh, ngót ba chục người với 17 khẩu súng lục, đến Nhà Hát Lớn, tiếp nhau ngập ngừng đọc lời hiệu triệu. Rồi 10 giờ, bắt đầu cuộc tuần hành thị uy, tiến về Phủ Khâm Sai.

Bác sĩ Chữ ra lệnh mở cửa. Cán bộ Việt Minh tước khí giới của bảo an binh. [Ngay buổi tối, cộng sản vây bắt trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng tại số 23 phố Cửa Nam, bắt đầu chiến dịch tàn sát chiến sĩ quốc gia. Cả hai bác sĩ, Nguyễn Xuân Chữ và Trần Văn Lai, đều bị mang đi giam, cho đến khi bầu xong quốc hội, cỡ năm tháng sau, mới được mang về Hà Nội thả.

(Theo Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Dân Hoàng Văn Đào, Sài Gòn 1964)] Ngày 22, viên quan năm Nhật Bản tới gặp Bảo Đại, cho biết, theo lệnh của chỉ huy quân đội Đồng Minh, ông ta có nhiệm vụ bảo đảm an ninh hoàng cung và các người cư ngụ nơi đó, và mang quân tới trấn đóng. Nhưng Bảo Đại... từ chối: Tôi tuyệt đối cự tuyệt sự bảo vệ của ông. Tôi ra lệnh cho ông tháo gỡ các công sự. Tôi không muốn một quân đội ngoại quốc làm đổ máu nhân dân tôi (!!!) [Rất có thể việc ông Bảo Đại từ chối sự giúp đỡ của quân đội Nhật bảo vệ ngôi vua và tính mạng của chính ông cũng như của hoàng gia phát xuất từ lòng nhân ái như ông nói. Ông sợ phía Việt Minh bị quân đội Nhật tàn sát. Nói rộng ra, ông sợ sẽ có nội chiến. Quả thật suốt cuộc đời ông khó mà có thể bảo rằng ông đã làm hại đến ai. Tuy nhiên cũng vẫn không thể phủ nhận những động lực tiềm ẩn khác mà có lẽ chính ông cũng không ý thức được, là:

- Rất có thể ông cảm thấy cô đơn, bất lực vì mọi người đã bỏ ông còn lại một mình

- Rất có thể ông đã chán nản sau mười mấy năm đóng vai một vị vua bù nhìn - Rất có thể ông nhát nhúa lười lĩnh, không muốn trực diện những chuyện nguy hiểm khó khăn, như rất nhiều người thường gán cho ông. Lịch sử đối với ông không xa lạ, hẵn gương tây liệt của Louis XVI (1774-91), của Nicolas II (1894-1917) đã khiến ông chọn con đường an toàn hơn cả

- Rất có thể ông không tham quyền cố vị và có mặc cảm dòng họ mang tiếng công rấn cắn gà nhà, nay không muốn xác tín thêm điều luận tội của lịch sử

- Rất có thể ông mù tình hình, thiếu thông tin, không biết Việt Minh là gì, không luận giải nổi tương lai sẽ ra sao
- Rất có thể vì ông ngây thơ, không biết về nguy cơ cộng sản

- ...

Dù sao, điều quyết định đầy nhân ái của ông cũng chỉ cứu được ông và hoàng tộc khỏi niềm nguy hiểm có thể có, mà không thể thực hiện được điều nhân nghĩa ông chủ trương. Đất nước và dân tộc, do sự vụng tính của ông đã chìm đắm vào nửa thế kỷ máu và nước mắt. Ba mươi năm sau, một kẻ khác cũng cần có một quyết định chính trị, đã lại mang đạo đức ra để bào chữa. Đó là Dương Văn Minh. Và đất nước tiếp tục ngụp lặn trong tang thương chưa biết sẽ đến tận bao giờ (!!!) Quốc dân quân do Lê Khang chỉ đạo làm chủ Vĩnh Yên (sau Lê Khang bị cộng sản bắt mang chôn sống).

9-9, quốc dân quân làm chủ Quảng Yên, Hòn Gai. Các lãnh tụ đảng phái quốc gia ở Trung Hoa về tới Hà Nội. Quân của Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Biên Chính Đội, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, Phục Quốc từ Trung Hoa về nước. 25-10, quốc dân quân làm chủ Lào Cai. Ngày 27, quốc dân quân làm chủ Yên Bái. 16-11, quốc dân quân làm chủ Phú Thọ.

Tháng 12, quốc dân quân làm chủ Việt Trì.

26-1-46, quốc dân quân cản quân Pháp chạy Nhật từ tháng Ba, 1945 sang Trung Hoa giờ trở về tái xâm lăng, ở Phong Thổ, Bình Lư (Lào Cai). 24-5, chống Pháp từ ngoài biên tiến vào chiếm đóng theo Hiệp Định Sơ Bộ ký kết với cộng sản, ở Hà Cối, Đầm Hà, Tiên Yên (Móng Cái). 16-12, tấn công Pháp do cộng sản rước vô chiếm đóng Năm Xe, Yao San (Lào Cai). 5-1-47, tấn công Pháp ở Phong Thổ. 22-2-1948, rời chiến khu Sập Nhì Lầu, rút sang Trung Hoa, vì bị cả Pháp lẫn cộng sản quyết tâm công hãm.

Vì các lãnh tụ như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, Đào Chu Khải, Hồ Văn Ngà, Bùi Quang Chiêu, Vũ Đình Di, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Nguyễn Văn Sâm, Nhượng Tống, Khải Hưng, Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật,... đã bị cộng sản lần lượt tiêu diệt, đa số bị chôn sống, kể từ tối 19-8-1945, ngay sau khi chúng cướp được quyền bính, các đảng phái quốc gia hoạt động ngày càng yếu kém, rời rạc. Tình trạng này vẫn còn tồn tại cho đến tận nay.

Phe quốc gia có thực lực võ trang đáng kể chỉ gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc), Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (Việt Cách), Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội (Phục Quốc), Đại Việt Quốc Dân Đảng (Đại Việt), Cao Đài (Phục Quốc), Hòa Hào (Dân Xã), Công Giáo, Bình Xuyên. Họ có chiến khu, lập vùng tự trị để tự vệ chống cộng sản, chống Pháp cũng như bảo vệ dân chúng, nhưng rồi lần lượt bị thế lực của các đế quốc và tay sai tiêu diệt dần mòn hết.

\*

Pháp thua Đức một cách thảm hại nhục nhã, bị Đức chiếm đóng, phải nhờ Anh Mỹ thắng Đức mới có lại được nền độc lập.

Vậy, đáng lý những người lãnh đạo nước Pháp phải nhìn thấy cái thế xuống dốc của mình và thông cảm tình cảnh các dân tộc bị trị tại các thuộc địa cũ. Và như thế, lẽ ra họ cần phải có thái độ nhún nhường, hòa hoãn, nhượng bộ với các thuộc địa để thiết lập một sự cộng tác mới mà mọi phe đều có lợi, thì ngược lại, từ tổng thống De Gaulle cho đến ông cố đạo cao ủy D'Argenlieu đều thiên cận đến mức khó hiểu. Họ nghĩ rằng họ vẫn còn mạnh. Họ cho rằng vẫn có thể tiếp tục bắt các thuộc địa trở lại gông cùm cũ, chỉ một sớm một chiều. Họ tin tưởng rằng mảnh lời chia để trị vẫn còn kiên hiệu.

Họ tính chuyện mang cựu hoàng Duy Tân hồi hương lập Nam Kỳ Cộng Hòa, lập Trung Kỳ Quân Chủ giao cho Bảo Long với bà Nam Phương nhiếp chính, điều đình với Cộng Sản để mang quân ra Bắc Kỳ. Chưa hết, họ còn thiết lập các vùng tự trị Tây Kỳ (sau đổi thành Hoàng Triều Cương Thổ), Xứ Nùng (vùng Móng Cái), Xứ Thái (vùng Sơn La, Lai Châu), các vùng tự trị Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hào, Công Giáo (Bến Tre, Bùi Chu, Phát Diệm),...

Họ bắt đầu chuyện phân hóa bằng việc ký kết với cộng sản Hiệp Định Sơ Bộ 3-6-46 để mang quân ra Bắc. Hai mươi ngày sau, ở miền Nam, họ triệu tập Hội Đồng Tư Vấn để cố võ việc lập Cộng Hòa Nam Kỳ. Chính phủ ra mắt ngày 1-6-1946, thủ tướng là bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, phó thủ tướng là đại tá Nguyễn Văn Xuân. Tuy nhiên Pháp cũng chẳng có được những kẻ tay sai. Những người chủ trương Cộng Hòa Nam Kỳ cho rằng miền Bắc đã rơi vào tay cộng sản, mà miền Nam có được một nền tự trị tương đối thì cũng đã là một thắng lợi ở một miền, làm cơ sở cho việc tranh đấu của miền Trung và miền Bắc về sau. Nhất là, ngay trước mắt, họ thoát được cảnh bị cộng sản thủ tiêu dần mòn, vì khác chính kiến, mà dân chúng cũng có nơi chốn để hồi cư, khỏi bị cộng sản hành hạ.

Đó là ở miền Nam, tình trạng Pháp đã nằm sẵn trong nhà rồi, thì cũng có phần hợp lý. Trong khi chính cộng sản thì lại ký kết để mời Pháp đang ở ngoài vô. Thế mà chúng vẫn nỏ mồm lên án các chính trị gia miền Nam là... Việt gian, còn chúng lại là người yêu nước, mới thật là vô liêm sỉ!

(Thực ra, Hồ Chí Minh đã điều đình với Sainteny khi hai người còn ở bên Tàu nhưng Sainteny không đáp ứng. Và trong cuộc họp bàn việc cướp chính quyền, cộng sản đã dự trừ việc điều đình với Pháp rồi. Lời thề của Hồ Chí Minh ngày 2-9 tại quảng trường Ba Đình chỉ là lời thề cá trẻ chui ống!

Tuy nhiên vẫn có người bào chữa là Hồ Chí Minh mời Pháp từ Nam ra Bắc là để đuổi Tàu, như Hồ giải thích: Thà gửi c... Pháp dăm năm còn hơn gửi c... Tàu ngàn năm.

Họ không biết là thời thế đã khác. Roosevelt từng đề nghị Tưởng Giới Thạch phụ trách việc quản trị Việt Nam, Thạch đã từ chối phát. Và dù có tham vọng chiếm đóng, Tàu cũng chẳng đủ lực lượng để chống lại lệnh của Liên Hiệp Quốc, mà còn có mối lo tâm phúc: đảng cộng sản Trung Hoa.

Họ nghĩ gì, sau này, vào đầu 1954, trong dịp Hồ Chí Minh và Chu Ân Lai đến Mạc Tư Khoa, sau buổi họp Chu đã kéo Khrushchev vào một góc, nói Hồ đã quyết định, nếu cần, sẽ lui về biên giới Trung Quốc, và xin Trung Quốc sẵn sàng tiến quân sang Việt Nam, như đã làm ở Triều Tiên (Hồi Ký Khrushchev, 1954, bản dịch Khrushchev Remembers 1971). Và, 1965, lại cũng chính Hồ Chí Minh xin Tàu mang 20,000 cố vấn và 320,000 quân lính vô, thì đâu có sợ người c... Tàu? Hay c... Tàu quốc thì thối, còn c... Tàu cộng thì thơm?

\*

Thế là, ở miền Bắc, một cuộc đời xảy ra. Cộng sản, một lũ vô nhân vô luân, kết nạp thêm lũ đón gió trở cờ, cơ hội chủ nghĩa, phù thịnh, lưu manh, du đảng, tội phạm, mang những án ăn trộm, ăn cướp, giết người rồi bị tù đầy ra làm thành tích... cách mạng, để trở thành quan to sủng thần. Chúng phao lên những vụ gián điệp, Việt gian, đầu độc để đánh đập, bắt bớ, giam cầm, giết chóc bất kỳ ai chúng muốn, hầu tiêu diệt những thành phần lương thiện, chống đối. Đâu đâu cũng diễn ra những vụ bạo hành. "Sát nhất nhân, vạn nhân cụ", dân chúng tận mắt chứng kiến những việc giết chóc dã man, đâm ra hoảng loạn, nhất loạt tuân theo những mệnh lệnh của lũ côn đồ. Mấy ông trí thức, mấy quan đốc, quan cử, mấy ông công chức, điền chủ, công kỹ nghệ gia đều nhất loạt rậm rạp vâng lời. Bọn Huân biết thế là hết. Không còn cơ hội cho bản thân, cho gia đình, cho đất nước. Vì các lãnh tụ không cộng sản không có tầm vóc để lo việc lớn. Họ không biết hay quên mất cái mối nguy trọng đại là cộng sản. Tai họa rành rành trước mắt mà vẫn cứ kèn cựa nhau ở những cái nhỏ nhoi!

Huân về quê báo nguy cơ đó cho bà con họ hàng, khuyên tất cả mọi người nên bán bớt ruộng nương nhà cửa, mua vàng tích trữ để phòng hậu họa, với ý nghĩ là lúc đó người nào có khả năng tạo mãi thì bất quá cũng chỉ cỡ dăm ba mẫu, chưa đến nỗi là mang cái họa của mình gán cho người khác. Nhưng kết cục là chẳng một ai tin lời giải thích của Huân, kể cả cha mẹ chàng, nên Huân thấy chẳng còn có thể cứu vãn được bất kỳ vấn đề gì nữa.

## VIII

19-12-1946, cuộc xung đột Pháp-Cộng bắt đầu tại miền Bắc. Phần thì Pháp vừa muốn trở lại địa vị cũ tại Đông Dương vừa muốn gây hấn đánh cộng sản để lấy viện trợ Mỹ về kiến thiết đất nước, nên ngày càng đòi hỏi quá nhiều, khiến dân chúng không thể nào chấp nhận. Phần thì cộng sản không thể nhượng bộ mãi mãi mà không bị đoàn thể khác giành mất quyền chủ động, hoặc điều đình hoặc kháng chiến; chúng sẽ mất quyền binh để thực hiện ý đồ tiêu diệt các thành phần lương thiện, yêu nước; phá tan mọi truyền thống dân tộc; ngu dân, bản cùng hóa đất nước để biến Việt Nam thành chư hầu của Nga Xô, hoàn thành sứ mạng quốc tế! Khi cuộc xung đột bùng nổ, ở bất kỳ nơi nào thuộc quyền kiểm soát của cộng sản, dân chúng đều bị bắt buộc phải triệt để bỏ nhà cửa tản cư về vùng quê. Các cơ ngơi nào hơi khang trang đều phải "tiêu thổ kháng chiến". Thực ra đây chỉ là mảnh lối của cộng sản để phân tán những người không theo chúng và bản cùng hóa những người có cơ sở, tài sản, theo kế hoạch bình thường của thiên triều Nga Xô mà thôi.

Đĩ nhiên gia đình Phụng cũng phải tản cư. Và chuyện không ngờ đã xảy ra. Huân không hề biết gì về việc mẹ đi hỏi Phụng cho mình. Thực ra cũng tại Huân. Mỗi lần mẹ giục đi "coi mắt" đám nào, là chàng giờ thối cù nhầy: Việc gì phải coi mắt coi mũi. Mẹ ung cô nào cứ cưới về cho con đi mà. Mẹ thấy thế, đành âm thầm cùng họ hàng thu xếp mọi việc. Thành ra Huân nào có thấy chạm ngõ, vấn danh, ăn hỏi, sêu tết gì đâu.

Từ đầu đến cuối, Huân không hay biết chi hết. Nay bỗng được giục già sửa soạn cưới xin, Huân chẳng rõ sự việc ra sao, nhưng cũng cho rằng chưa chắc tự Phụng đồng ý, mà là chỉ do cha mẹ Phụng nhận lời, có lẽ vì nghĩ rằng gia sản nhà mình đảm bảo cho cuộc đời Phụng. Hoặc chỉ là một cách để bớt đi một trách nhiệm trong thời buổi loạn ly. Vì gả xong rồi, dù chuyện bất hạnh nào có xảy ra, thì cũng sẽ qui là do số phận, còn hơn để người con gái ế ẩm vì tai nạn chiến tranh, giặc giã. Tuy nhiên điều sau khó thể đúng, vì ngay lúc đó cũng có người lặn lội muốn lấy Phụng. Mà gia đình lại thuộc cùng giới công chức tinh thành, quen biết nữa là đảng khác.

Thành ra đây hẳn là một sự tính toán lăm lăm của những người lớn tuổi. Họ không thể hiểu như Huân là ngày nay thang giá trị đang trên đà thay đổi. Tiền của, danh vọng, địa vị, học vấn đang trở thành những tai vạ cho kẻ nào có chúng. Còn nếu như Phụng mà có thấy Huân không xứng đáng đi nữa, thì cũng đúng thôi. Phần vì Huân không phải là quan đốc, quan cử; phần Phụng cũng khó mà chấp nhận được cái gốc thôn quê của chàng. Chưa kể những dèm pha của các người ghen tị với gia đình Huân hẳn cũng phải làm Phụng e ngại bà mẹ Huân, một người đàn bà tuy suốt đời ở chốn quê mùa nhưng lại thừa khôn ngoan, lịch lãm.

Huân tự hỏi liệu có nên gạt chuyện hôn nhân đi không? Bao nhiêu lâu nay, chẳng những mẹ khao khát, thúc giục chàng lập gia đình đã đành, mà Huân còn mong muốn gì hơn có người vợ đẹp như Phượng. Nhưng khi chắc rằng việc nhận lời là căn cứ vào gia sản của mình, trong khi chính mình biết rõ nó khó lòng tồn tại được lâu nữa, lại sẽ còn trở thành một nguy cơ, mà không ngăn cản, thì có phải là một sự gian lận, lường gạt hay chăng?

Đàng khác, Huân thấy dù lấy ai, ngoại trừ vì tình yêu, thì rốt cuộc Phượng cũng lắm hết cả. Dĩ nhiên Phượng chưa thể đủ ý thức để biết giá trị rồi ra là ở những người cộng sản, những kẻ tùy thời, đón gió. Còn những người khác, khoa bảng, địa vị, giàu có -- hẳn nhiên là những người Phượng lựa chọn -- rồi sẽ đều khốn khổ hết. Mà nhiều khi cả những người này, cũng như cha mẹ Phượng và chính Phượng, chưa hề biết gì về nỗi nguy hiểm đang rình rập họ. Thà lấy một kẻ tầm thường như mình, nhưng ý thức được nguy cơ, không chừng Phượng có thể sẽ tránh khỏi bị kẹt. Nguy hiểm? Thực lòng? Chính Huân không giám quả quyết. Chàng chỉ biết rằng, trong mọi việc, lúc nào cũng luôn luôn cố hành sự theo lời dạy của ông nội: Hãy làm mọi việc với thành tâm, thiện ý.

Lý luận như vậy, nhưng Huân cũng không hề nghĩ đến việc tìm cách chuyện trò với Phượng.

Huân là kẻ vừa quá tự ti lại cũng quá tự tôn. Lắm lúc ngồi kiểm điểm bản thân, chàng không khỏi tự cười và công nhận bạn hữu gán cho mình cái tên "Huân gàn" thật không sai.

Huân tự thấy không bảnh trai, không cao lớn, không tài ba, lại cũng không địa vị danh vọng. Thế thì đâu có thể đòi hỏi bất cứ một cái gì. Nhưng, ngược lại, Huân cũng tự cho mình chẳng cần tranh hơn tranh kém với ai để mà phải lép vế. Nghĩa là Huân không muốn được nhưng cũng chẳng muốn thua.

Trong thực tế, vì sẵn điều kiện của gia đình, lúc nào Huân cũng muốn ở địa vị thì ân bố đức, giúp đỡ kẻ khác, mà không muốn nhờ vả, qui lụy ai. Chàng luôn luôn đón ý bạn bè để họ khỏi ở vào tình trạng khó xử hoặc phải lên tiếng nhờ vả. Trái lại, chàng cũng luôn luôn tránh xin xỏ người khác, chỉ sợ du họ vào việc phải ngưng ngưng từ chối. Dĩ chí cả đến việc trai gái, chàng cũng chưa hề ngỏ lời cầu cạnh cô nào, vì chỉ lo bị thất bại, thì rồi không biết sẽ tự ngưng với chính mình biết đến bao lâu. Huân lại cũng không hề băn khoăn khi thấy cô gái mình thích không thèm ngó ngang đến mình. Chàng lý luận một cách gàn dở rằng: Có con trai mê gái tất cũng có con gái mê trai. Thì sao không đợi người nào đó... mê mình!

Một phần vì không thiết đáo việc lập gia đình, một phần Huân cho rằng, trong việc hôn nhân, lấy người nào cũng thế thôi, kén chọn đã chắc gì là đúng. Ngoại trừ những người quen biết nhau thật nhiều, có khi phải từ lúc còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành, họa chăng mới hiểu biết nhau thực tình. Còn thì trai gái mê nhau phần đông vừa gặp mặt, thấy ưa nhìn, là cứ tự về với ra đủ chuyện. "Yêu nhau, yêu cả đường đi", để rồi khi "ghét nhau, ghét cả tông chi họ hàng." Chàng rất khoái một câu chuyện hài hước:

Một cậu trai tây phương hỏi ông bố có phải đàn ông đông phương chỉ biết về người vợ mình vào đêm tân hôn mà thôi hay không. Ông bố vội vã nắm chặt hai tay cậu con, nhìn sâu vào mắt cậu, tha thiết nói rằng: Này, con trai yêu quý của ba ơi! Chớ bao giờ dại dột có ý nghĩ sai lầm như thế, nghe không. Tất cả đàn ông của cái nhân loại này, từ khi có loài người đến nay, đều như thế cả, chứ có phải riêng gì đàn ông đông phương đâu, hả con.

Huân lại còn lấy làm lạ rằng sao hình như đàn bà con gái cứ tự cho họ có một giá trị gì ghê lắm, phải được tán tỉnh, năn nỉ, cung chiêu, và phần họ thì luôn luôn phải hi sinh, mất mát rất nhiều gì đó. Mà lũ con trai, đàn ông cũng đồng ý như thế nữa. Trong khi đó, những vấn đề như "chồng chúa vợ tôi, nam nữ bình quyền" lại vẫn được nêu lên mới là lạ!

Bình đẳng bình quyền thì sao đàn bà con gái lại có dâm để bán, mà đàn ông con trai phải mua dâm. Mỗi khi bạn bè lúi đi "chơi bời", Huân cũng đi theo, nhưng không bao giờ tham dự chuyện mua vui xác thịt. Chàng thường đùa bạn hữu: - Tao thấy, theo luật lao động, thì tụi mày phải được trả thù lao công sức, mà sao chúng lại đòi tiền?

Mọi người đều la lên:

- Thôi, bố ơi, đừng giới cái thói gàn ra nữa cho chúng con nhờ. Thực thể, Huân cho rằng đàn ông con trai là kẻ phải phục vụ và đáng được lãnh tiền trong việc mua dâm. Hơn nữa, đàn bà con gái phải chứa đê, đàn ông con trai không chứa đê, thì hẳn là phải có một sự phân công, phân biệt đối xử nào đó của thiên nhiên, của cấu tạo con người, làm sao đi trái lại để mà bình đẳng bình quyền được.

Rất nhiều điều tương tự được đặt ra, mà Huân thấy thường chỉ là vì cái mặc cảm của kẻ bị trị, cho rằng những cái gì của mình -- phong tục, tập quán, luân lý, đạo đức -- thì đều lạc hậu, còn những cái của Âu Mỹ mới là tiên bộ, cần phải học theo mà thôi, chứ chắc đã hay ho gì, kể cả chuyện tự do kết hôn. Nên khi bị mẹ giục lấy vợ nhiều quá, Huân đề nghị hỏi cho chàng một cô gái đã vâng lời gia đình đi lấy chồng nhưng rồi lại phải trở về nhà cha mẹ đẻ, vì người chồng đã có người yêu và chủ trương tự do kết hôn. Huân cho rằng, trong việc vợ chồng, điều quan trọng hơn cả là chỉ cần hai người đồng ý cùng nhau xây dựng gia đình là đủ. Với thiện chí đó, thì rồi sẽ đi tới sự thương yêu nhau. Thế thì sao không cứu giúp một trường hợp lỡ dở. Một cô gái cha mẹ đặt đâu chịu ngồi đấy rất có thể là một người vợ phục tùng lắm chứ. Ngoài ra, thì giờ đâu mà tìm hiểu. Mà chắc gì mình có đủ khả năng để mà tìm hiểu. Và ai nào thành thật đến mức để cho mình hiểu được đích thực con người của họ. Ngay cả khi đã cùng nhau chung sống lâu dài, mà cũng thiếu gì chuyện đồng sàng dị mộng.

Do đó, trong việc cưới hỏi, Huân nghĩ rằng mọi sự cứ để Phượng toàn quyền quyết định. Muốn lấy hay không là do Phượng, mình chẳng tranh giành với ai, cũng chẳng cầu xin bất cứ ai.

\*

Hôm đi Chợ Đại-Cống Thần mua sắm đồ cưới về qua Phát Diệm, Huân gặp ông anh họ, sang lòng son hào hải vị để làm cỗ, cho biết chị em Phượng cũng đang ở đó và có nhã ý tạo cơ hội cho Huân gặp nàng:

- Hai chị em thím ấy đang mua sắm dưới cuối phố. Tôi lấy cơ đồ nhẫn cưới để rủ thím ấy cho chú gặp nghe.

Huân cười khi, từ chối phắt:

- Thôi, để em đến đo trước. Sau đó anh dẫn chị em cô ấy đến đo sau. Đo nhẫn xong, Huân lôi bạn đi liền, không la cà ở Phát Diệm nữa. Chàng ngại Phượng hiểu lầm, cho là mình nham nhở, rình rập, kiếm cớ để gặp nàng. Tuy nhiên, trong bụng, Huân thấy nhẹ nhõm: Chịu đi mua sắm, chịu đo nhẫn cưới, thì là Phượng cũng bằng lòng, chứ đâu chỉ do gia đình quyết định như mình tưởng. Thế mà rồi, trước hôm cưới, bỗng nhiên người nhà Phượng báo cho biết Phượng bỏ nhà đi. Mấy người bạn tân cư gần vùng cuộc bộ cả ngày đường đến phủ rề đành ở chơi thêm một hôm rồi lui thủ ra về.

Huân cũng chẳng buồn, chỉ thấy chuyện vợ con của mình hơi ngộ nghĩnh. Vậy ra mình không làm, mà rồi lại làm, và thấy rằng may hôm đó không đến tiệm vàng đo nhẫn cùng với Phượng, bằng không thì thật quá vô duyên. Nhưng tại sao Phượng giám bỏ nhà đi để phản đối, lại không đến tìm mình để giải quyết, có phải giận dỗi không? Ai có thể bắt Phượng phải lấy người Phượng không ưa? Nhất là mình, cũng đâu tề đến nỗi để sự việc xảy ra như thế.

Huân có băn khoăn gì không? Chàng cũng có tự xét xem rằng có cảm thấy mất mặt chăng? Và tự thấy hoàn toàn thân nhiên, tự tin đến mức chẳng cần quan tâm. Và chàng cho Phượng không bằng lòng lấy cũng không hẳn nghĩa là mình thua sút. Rất có thể chỉ là vì Phượng thấy hoàn cảnh mình không thích hợp. Thì sao lại bó buộc Phượng phải chấp nhận điều gì Phượng không thích?

Nhưng gia đình Phượng thì lại cầu cứu đến ông anh cả đang công tác trên Việt Bắc. Ông về và tới thăm Huân. Chuyện buồn cười là, kể từ khi trốn lên Hoà Bình, Huân mắc chứng sốt rét ngã nước cách nhật, và đúng bữa đó lên con. Không chừng thấy Huân nằm trùm chần rên khừ khừ, ông suy diễn là Huân thất tình, đâm trọng bệnh, nên thí đồ sao đó, khiến Phượng lại chịu cho cưới.

Bây giờ thì Huân lại nhận ra cái phiền cho hai gia đình nếu mà mình gạt bỏ chuyện đón dâu. Sẽ có vấn đề thể diện. Sẽ có những lời thị phi. Sẽ có những sự dèm pha, xúi giục. Hai gia đình đều chỉ muốn sự tốt lành cho con, đâu có đáng để chịu những phiền muộn như thế. Nhất là mẹ. Huân biết mẹ chỉ mong cưới vợ cho mình, lại cũng vì mình hết sức lơ là, nên mẹ càng làm mọi cách để sao cho mình chóng thành gia thất. Bây giờ bà lại cũng là người mất mặt hơn cả. Những người gọi gả con gái cho con trai bà sẽ tha hồ được dịp mỉa mai. Và Huân cho rằng thời thế này mạng sống còn chẳng biết ra sao, thì tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, tự ái gì đi nữa cũng chỉ là bấp bênh. Mọi sự đâu còn do mình định đoạt được, và cũng đâu còn gì là quan trọng. Thôi thì cứ để sự việc đến đâu thì đến. Cưới, không cưới, lại cưới, cũng thế thôi. Trong việc này, từ đầu đến cuối, mình đâu có chủ động. Huân đâu có trông mong lấy Phượng. Huân đâu có giục mẹ đi hỏi Phượng. Huân đâu có tìm cách tán tỉnh Phượng. Mà gia đình Huân cũng có làm sao bắt ép được Phượng. Nhưng cuộc hôn nhân mà thành thì mẹ sẽ cất được một phần lớn những điều phiền muộn. Thế là đám cưới cử hành. Và Huân Phượng trở thành chồng vợ.

Tại sao Huân không hỏi vợ về sự chê bai? Rất có thể Phượng đã thương yêu ngay người đến hỏi Phượng cùng lúc với Huân, vì người này ở gần nhà, cùng học với người anh kê, thường tới chơi và quen biết Phượng. Hoặc ít nhất Phượng cũng thấy người đó dễ chấp nhận hơn mình. Nhưng Huân cứ yên trí rằng Phượng đã bỏ nhà đi được, thì rồi cũng sẽ thẳng thừng nói với mình là: Tôi đã có người yêu. Hoặc tôi lấy anh đây vẫn là miễn cưỡng. Yêu cầu anh hãy xử sự cho thích hợp. Hoặc bây giờ thì tôi vui vẻ lấy anh. Chúng ta hãy quên đi chuyện đáng tiếc vừa qua. Huân tự cho là mình có cái quyền và Phượng có cái bổn phận phải thanh thỏa như vậy. Tuy nhiên, Phượng không hề đề cập đến vấn đề.

Tại sao Phượng cũng lại không cất vấn chồng về chuyện ù lì, bị chê bai mà cũng cứ cố đắm ăn xôi, không lộ ra vẻ gì buồn giận? Chắc nàng cho rằng Huân chẳng đáng để phải băn khoăn. Mình chịu làm vợ đây là đã quá đáng rồi, Huân có bổn phận phải hiểu như thế.

Và, thực vậy, khi thấy Phượng im lìm, thì Huân cũng tự hiểu rằng việc hôn nhân đối với Phượng là chuyện miễn cưỡng, mà Phượng thì chẳng cần đếm xia đến chuyện buồn vui của mình. Nhưng, với chàng, cũng có gì là quan trọng đâu!? Cả hai đều quá nhiều mặc cảm tự cao và tế nhị để không hề đặt thẳng vấn đề thắc mắc. Và đó là thái độ dài dãi của hai người.

Có thể với Phượng thì: Anh thừa biết tôi miễn cưỡng phải lấy anh rồi. Cũng chẳng phải lỗi ở anh, mà là gia đình tôi muốn bớt trách nhiệm trong thời chiến và mong một đảm bảo cho tôi. Thì đành cứ tạm như vậy. Anh đừng mong đợi gì hơn. Còn với Huân thì: Thời thế này thật ra chẳng ai xứng đáng với cô nữa. Nhưng đảng nào cô cũng phải lập gia đình. Tôi không hề mơ tưởng có một tình yêu. Nhưng tôi có ý thức trong việc xây dựng gia đình. Tôi sẽ cố gắng, vì tôi có phần trách nhiệm. Còn sự thế ra sao, ai biết được với tình trạng hiện nay. Huân biết mình một cách hết sức rõ ràng. Không tài ba, không cao vọng, chàng chỉ mong sống cuộc đời bình thường. Ảnh hưởng tam giáo, giáo dục gia đình, sự tự tìm tòi học hỏi khiến Huân không nghĩ ngợi xa xôi gì hơn những điều thực tế: Mỗi người sinh ra có một nhiệm vụ phải hoàn tất cho đến mức tối đa. Tại sao và để làm gì, Huân không cần băn khoăn. Có lẽ để mình tự bằng lòng mình, để mọi người bằng lòng về mình. Trong mọi việc, hãy cố gắng giải quyết sao cho "đẹp", sao cho cao cả nhất. Tham vọng duy nhất của Huân là làm sao trong bất kỳ chuyện gì mình có liên quan, thì cũng rán là người có ích. Còn thành bại không thuộc về mình, mà tùy thuộc nhiều yếu tố. Cho nên việc làm là chính, thành quả chưa hẳn là thước đo thành tâm thiện ý của con người. Và chẳng mọi thứ đều phù vân, ảo ảnh. Có đấy, không đấy mấy hồi. Nói gì đến thân phận một kẻ thuộc thành phần "phản động" trong một thể chế cộng sản thời chiến!

Và thế là vợ chồng Huân tạm qua ngày đoạn tháng trong một vùng mà cộng sản chưa có điều kiện hoàn toàn tự tung tự tác, quân Pháp cũng chưa đủ sức nhòm ngó tới. Chẳng có ái tình nồng nhiệt, cũng chẳng đến nỗi phải gắng gượng sống bên nhau. Mà là tình nghĩa bàng bạc của các cuộc hôn nhân ngày xưa, của ông bà cha mẹ Huân vậy.

Tuy nhiên Huân luôn luôn băn khoăn không biết rồi đất nước sẽ ra sao. Theo chàng, Pháp khó lòng trở lại được như xưa, vì người dân Việt không muốn thế. Mà nếu Pháp thua, thì số phận Việt Nam sẽ như thế nào với cộng sản? Huân cũng băn khoăn về Phượng. Phượng nghĩ gì, mong đợi gì? Huân cho rằng có hỏi thì Phượng cũng chẳng nói. Có điều chắc chắn là mình không bao giờ có thể trở thành người chồng Phượng mong ước, bằng vào việc ít tâm tình, ít thổ lộ, hay lãng chuyện của nàng.

Ý thức rõ ràng sự thờ ơ của vợ, nên Huân luôn luôn tôn trọng mọi sự tự do của Phượng, muốn làm gì, đi đâu, giao dịch với ai tùy ý. Còn Phượng lúc nào cũng tỏ vẻ phục tùng, không trái ý chồng.

Huân thấy đàn bà thật khó hiểu. Sao họ có thể chê đây, lầy đây, phục tùng đây? Phải chăng đó là do áp lực của phong tục, tập quán, dư luận. Dù sao, đó cũng là điểm đáng phục ở Phượng cũng như là sự may mắn cho chàng. Tuy nhiên đó vẫn chỉ là thái độ cam chịu, nên Huân cũng dè dặt trong việc biểu lộ tình cảm, và có những lúc vô lý nổi nóng vì tình trạng thiếu cởi mở giữa vợ chồng. Do đó, chàng thường kiếm cố đi lang thang các nơi đông người thành phố tản cư tới tụ họp buôn bán, như Đồng Quan, Chợ Đại-Cổng Thân, Phát Diệm, Đồng Năm, Cầu Bó,... để giải khuây.

\*

Thế mà rồi phép lạ xảy ra, là có một giải pháp cho Việt Nam. Sau khi Bảo Đại thoái vị, giao chính quyền cho cộng sản, bọn này sợ đề ông tại Huế có thể trở thành hậu họa, bèn bắt ra Hà Nội giữ chức "cố vấn tối cao" bù nhìn.

Khi cần cho quân đội Pháp từ Nam ra Bắc, Hồ Chí Minh đã tính đến chuyện giao trách nhiệm bán nước cho Bảo Đại, yêu cầu ông này lập chính phủ khác để ký kết. Tuy nhiên lũ đồng bọn nhìn thấy nguy cơ mất quyền bính vào tay các lực lượng quốc gia đang vây quanh ông, nên Hồ đành phải bỏ cái việc gấp lừa bỏ tay người này. Đàng khác, với việc quân đội Pháp đóng tại Hà Nội, sự hiện diện của Bảo Đại ở đây cũng lại là một nguy cơ. Cộng sản bèn đuổi Bảo Đại ra khỏi nước, dưới danh nghĩa cầm đầu "phái đoàn thiện chí" sang gặp tổng thống Trường Giới Thạch. Sau đó, phái đoàn ra về; vào phút chót, chúng bắt Bảo Đại phải ở lại, không quần áo, không tiền bạc, không nơi trú ẩn. May mà có người giúp đỡ, và rồi Bảo Đại qua được Hong Kong.

Sau những chuyện kẻ cắp bà già giữa Pháp và cộng sản, vào tối 19-12-1946, dù cộng sản đã ra tay trước, Pháp vẫn chắc rằng sớm muộn sẽ ăn sống nuốt tươi. Ai ngờ cộng sản, cũng y một sách như trong Nam, không đánh chắc gì, rút hết trở lại "an toàn khu", trên núi rừng Việt Bắc, để thành phố lại cho đám thanh niên khu phố. Đám này chiến đấu hăng say ngoài sức tưởng tượng của thực dân. Với những người tiểu tư sản này, bất kỳ quen biết ai, bọn Huân cũng nêu vấn đề rằng đánh đám rồi ra là cho ai. Tất cả đều trả lời hãy cứ đánh đã, rồi sau sẽ tính. Họ không tin những lời cảnh cáo của bọn Huân. Họ không hề băn khoăn về cái... sau này dành cho họ.

Sau vài tháng, kém khí giới, những người kháng chiến rút về nông thôn cầm cự. Vào giữa 1947, Pháp nhẩy dù xuống Bắc Cạn, mong tóm trọn ổ cộng sản, nhưng không xong, nên lại phải tính đến chuyện điều đình. Nhưng kẹt cái kẻ cầm súng không phải là cộng sản mà là những người tiểu tư sản không ưa Pháp, nên cộng sản làm gì có cái thế để mà điều đình. Làm vậy, họ sẽ bị những người này đẩy ra khỏi vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Do đó, Pháp đành tìm đến Bảo Đại. Thế thì ông này cũng thừa biết mình có điều kiện để mà đòi hỏi. Pháp phải nhượng bộ. Và giải pháp quốc gia Việt Nam thống nhất trong Liên Hiệp Pháp thành hình. Rồi "quân đội Bảo Đại" mở rộng vùng kiểm soát, giúp dân tản cư và những đối tượng thù nghịch của cộng sản có đất dung thân, kéo về vùng "quốc gia".

Thực ra thì chỉ đầu năm 1947 là thiên hạ đã lục tục hồi cư. Phần vì tiền bạc mang theo đã hết, phần vì tình trạng luật pháp hỗn loạn của cộng sản, phần sợ các cuộc hành quân man rợ của Pháp.

Quân đội Pháp gồm các lính tráng thuộc địa Phi Châu, có đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc tràn lan cũng là điều dễ hiểu. Nhưng chính những người lính Pháp trẻ cũng đã man không kém cạnh gì. Không hiểu họ có khi nào hỏi tường lại những năm tháng ông bà, cha mẹ, anh chị em họ bị quân đội Đức hành hạ ra sao chẳng? Trong các thành phố dân rù nhau hồi cư, Pháp vẫn còn nắm rất nhiều quyền hành và vẫn có những thái độ thiếu hiểu biết, nên có thật lăm lăm người. Tất nhiên có hạng người quen làm tay sai cho Pháp. Họ yên trí Pháp sẽ trở lại địa vị thống trị như xưa. Có hạng người cần về vùng Pháp tạm chiếm thì mới buôn bán hay có công ăn việc làm sinh sống. Có người chỉ vì muốn được yên thân, không còn bị cộng sản sách nhiễu, đe dọa nữa. Có người hi vọng rằng sẽ có điều kiện để làm được một cái gì. Dù do động lực nào, thì ai cũng thấy thoải mái hơn, là chỉ còn phải chịu đựng một bên, thay vì ở "hậu phương" một cỗ hai trông, vừa bị cộng sản khủng bố, vừa bị bom đạn, hành quân bóc lột của Pháp.

Hà Nội dần dần trở lại ổn định, có phần đông đúc, phồn thịnh hơn trước cuộc xung đột Pháp-Cộng nữa là đàng khác. Vì ngoài những người hồi cư, còn có người các nơi cùng đổ dồn về.

Các tỉnh khác hoặc bị tiêu thổ nhiều hoặc -- trước vụ xung đột không có Pháp chiếm đóng -- bị phá thành bình địa cho nên quang cảnh không được đẹp mắt như thủ đô. Phố xá nhấp nhô, nhà cửa cái còn cái mất hoặc toàn nhà tranh vách lá dựng làm chỗ cư trú, buôn bán tạm. Đường sá lầy lội, lồi lõm, bụi mù. Đêm đêm giới nghiêm, quân lính Pháp rút lui hết vào trại, bỏ ngõ thành phố để cộng sản len lỏi vào khủng bố, phá hoại.

\*

Huân đưa Phượng về thành. Ở đây chàng gặp lại một số bạn bè. Họ cũng không ngoài mấy hạng người trên. Kẻ đi làm cho Pháp, kẻ đi làm cho nhà nước "quốc gia", phần lớn là vì cần phải mưu sinh. Còn lại là những người thiếu quen biết hoặc không chấp nhận một chính sách dờ trắng dờ đen của Pháp, nên đóng vai trùm chân, trông vào sự tháo vát của vợ con.

Trong thời gian Đệ Nhị Thế Chiến, hàng họ tây phương khan hiếm, bầy giờ nhập cảng ồ ạt, lại lắm mặt hàng mới, tối tân, mà cả Pháp lẫn chính phủ "quốc gia" đều cần nhiều người cộng tác, trả lương cao, mọi người kham khổ trong thời gian tản cư nay trở về vội vã hưởng thụ cho bổ, thêm nữa đoàn quân viễn chinh nay sống mai chết thả sức ăn chơi, nên sinh hoạt tại các thành phố đều nhộn nhịp. Nhưng nói chung thì sự sa đọa cũng chỉ ở mức bình thường.

Hồng hách, làm bậy thường là những kẻ làm cho Deuxième Bureau (Phòng Nhì), một thứ mật vụ của Pháp. Có rất nhiều bằng cứ phần lớn lại là bọn cộng sản. Chúng xung phong làm cho Pháp sớm nhất, bắt bớ hung hãn nhất, tra tấn tàn bạo nhất, giết chóc dã man nhất để tạo tín nhiệm với Pháp, để tiêu diệt những người thực tâm chống Pháp, và khủng bố cho mọi người oán ghét Pháp cũng như hết giám hồi cư. Điều này xem chừng bọn Pháp không thể nào nhìn ra. Còn những người thuộc các đảng phái, thanh niên nam nữ, và kể cả các nhân viên của "chính phủ quốc gia" cũng như lương dân thì chỉ còn biết phải hết sức dè dặt trước mặt bọn chúng, để may ra thoát được... số thiên tao.

\*

Huân bị kẹt cứng. Nếu thực Phượng lấy chàng là vì gia sản, thì nay chàng lại hai bàn tay trắng. Tiền bạc, vốn liếng chẳng có, nghề nghiệp thì không. Vì là con lớn duy nhất trong gia đình, mà cha mẹ thì không thể nào thông hiểu được mối nguy cộng sản mà Huân hoài công giảng giải nên, thay vì bán bớt ruộng nương nhà cửa, còn cứ mua tậu thêm mãi. Huân lại cũng không muốn mang tiếng cây lớn để quyết định về tài sản, trong đó phần lớn là gia tài của các em. Mà Phượng thì hẳn khó thể chấp nhận cho chàng làm một chân tép riu trong nhà binh Pháp hay nhà nước Việt Nam.

Mọi sự chi tiêu Huân đều chỉ trông vào khoản tiền cho thuê mấy căn nhà mà cha mẹ cho toàn quyền sử dụng. Trong tình trạng ấy, Huân cảm thấy bức bối thêm về thái độ cam chịu của Phượng. Vì thế, nhân vụ Phượng lấy tiền đi chợ lại mang luôn cái ví đựng tất cả giấy tờ căn cước của mình, rồi bị mất cắp, phải xin lại, Huân xin luôn giấy đi Sài Gòn và rủ vài ba người bạn theo.

\*

Một buổi sáng mùa đông âm u mưa gió rét mướt, bọn Huân từ già Hà Nội, lên chiếc DC6 của Air France, vô Nam.

Sau hơn hai giờ bay, họ bàng hoàng thấy lọt vào trụ sở hãng máy bay lộng lẫy, giữa một trưa "hè" nắng ấm, chan hòa ánh sáng, trước mặt là con lộ Norodom thẳng thang, sạch bong, rồi được người quen đón về ăn ở tạm, mang đi đây đi đó cho biết chỗ nọ chỗ kia trong mấy hôm.

Qua những trận bất kỳ ngày đêm bị gọi ra tập trung cho "bao bố" -- những người kháng chiến bị bắt, bị trùm bao bố kín mặt, chỉ khoét hở hai lỗ mắt -- nhận diện, nay miền Nam đã tương đối ổn cố, dễ thở hơn. Báo chí viết lách ngổ ngáo, làm y như là cơ quan của cộng sản không bằng (sau bọn Huân mới hiểu đó là do Pháp cố ý khuyến khích để tỏ ra rõ ràng có nguy cơ cộng sản, khiến Mỹ phải viện trợ, cho Pháp lấy tiền mang về kiến thiết nước nhà). Thời tiết quanh năm nắng ấm, người miền Nam chất phác, giản dị, đời sống dễ dàng: thực phẩm rẻ, ăn mặc không cần xe xua, nhà cửa ở sao cũng được. Bọn Huân bèn quyết định chọn làm nơi sinh cơ, lập nghiệp.

Họ cùng ngồi lại tính chuyện kiếm công ăn việc làm. Cuối cùng, tất cả quyết định chung nhau số tiền còn cơi mua một chiếc pick up cũ để nhận việc khuân vác đồ đạc, quét dọn, sơn phết, sửa chữa nhà cửa cho những người thay đổi chỗ ở. Đây kể là một "sáng kiến táo bạo" vào thời đó đối với đám người tiểu tư sản. Họ không ngại việc thu dọn, lau chùi, quét tước lại thuộc loại có trình độ, biết ăn nói, tán tỉnh nên người nọ giới thiệu người kia, vào lúc việc đổi nhà đổi cửa khá nhiều, nên công việc cũng không đến nỗi quá ư ế ẩm, đói ăn. Rồi một cơ hội tình cờ đến. Giám đốc mới của hãng chuyên chở hàng không Air France sang thay người cũ. Bọn Huân có cái may mắn được sơn phết, sửa sang, trang hoàng tư thất cho ông này.

Ông ta còn trẻ, cùng cỡ bọn Huân, mới ra ngoại quốc lần đầu, còn đầy tư tưởng phóng khoáng, thấy bọn Huân có trình độ, tiếng Pháp người nào cũng lưu loát nên tỏ vẻ nể nang, có thái độ bình đẳng, thân mật, thường trò chuyện để tìm hiểu về người Việt, đất Việt. Sau khi xong công tác, ông rất hài lòng và tưởng thưởng riêng từng người rất hậu hĩ.

Về nhà, trong lúc ăn khao trúng mồi, bàn chuyện làm ăn, lần la tới chuyện hãng Air France, bọn Huân chê trách nhân viên hãng này làm ăn chậm chạp, phách lối. Họ ao ước nếu được làm đại lý cho Air France, thì sẽ hết lòng phục vụ khách hàng sao cho chu đáo.

Nhân gặp lễ Giáng Sinh về Bắc thăm gia đình, nhớ đến ông chủ Air France, Huân tới phố Hàng Đồng, tìm một cái mâm bát giác cỡ lớn nhất, chạm tam khí thật tinh vi, đặt thợ mộc làm cái chân gỗ trác giở ra xếp vào được, kê mâm lên thành cái bàn thấp hợp với bộ bàn ghế phòng khách tây phương, rồi mang đến làm quà biếu. Ông này vui

mừng không bút nào tả xiết, khen nức nở, cảm ơn rối rít, ngắm tới ngắm lui rồi nói rằng trong đời chưa từng thấy vật gì mỹ thuật, tiện dụng và giá trị như thế. Xong, ông quay ra hỏi: Giữa bạn bè với nhau, các anh xem tôi có thể giúp gì được chăng?

Nhớ tới sự ao ước của mọi người, Huân thành thật nói lại điều anh em trò chuyện. Không ngờ ông ta vỗ lấy tay Huân và đám bạn lắc rối rít và tâm sự:

- Các anh nói trúng nhận xét của tôi. Tôi thấy nhân viên ở đây không phục vụ khách hàng đúng mức, mà chưa biết giải quyết ra sao. Lại nữa, mấy người Tàu Chợ Lớn cũng vừa tiếp xúc với tôi và xin làm đại lý tiếp tay bán vé. Họ đưa đề nghị, nếu tôi chấp thuận thì tha hồ lựa chọn: Bất cứ ngôi biệt thự nào, bất cứ người đàn bà nào ở Sài Gòn-Chợ Lớn mà tôi thích, và một cái Cadillac mới toanh. Nhưng thế là hối lộ và hủ hóa rồi. Tôi còn trẻ, tôi có lý tưởng. Còn các anh thì chỉ tính làm ăn lương thiện và phục vụ, là hợp với tụi trẻ chúng mình. Vậy tôi cho các anh độc quyền việc bán vé ở đây. Mà nếu có khách tới hãng chính, tôi sẽ còn chỉ cho họ tới các anh nữa là đằng khác. Vì ở hãng chính bận quá, mà tuyển thêm nhân viên có khả năng và tinh thần phục vụ thì cũng khó mà kiếm cho ra. Thế là bọn Huân trở thành đại lý cho hãng máy bay Air France, công quản độc quyền của nhà nước Pháp. Mà vào thời gian đó, việc chuyên chở chỉ có thể duy nhất bằng đường hàng không. Ngoài các thành phố, quân đội Pháp đang chỉ chú trọng vào các vùng rừng núi, là nơi ẩn nấp của cộng sản. Binh lính thì có hạn, các vùng châu thổ đành bỏ ngỏ, nên đường bộ đường thủy đều bị trở ngại, không ai giám sử dụng. Từ bó rau, con cá, hũ mắm đều phải chuyên chở bằng máy bay. Do đó, mọi giới đều chạy đến nhờ cậy đại lý của bọn Huân để người, hàng của họ được tới lui suôn sẻ.

Rồi thì do nhu cầu, Air France phải cho các hãng chạy bằng máy bay nhỏ cũng được phép hoạt động tại Đông Dương. Và các hãng này cũng như các hãng hàng không quốc tế khác không thể nào bỏ qua uy tín của bọn Huân. Thế là có bao nhiêu hãng, thì bọn Huân làm đại lý bấy nhiêu, và hầu như độc quyền chuyện bán vé đi khắp thế giới.

Nghề dạy nghề, liên lạc với hành khách ngoại quốc tới lui nhiều, bọn Huân thấy cần phải khép kín cái vòng phục vụ, nghĩa là ngoài việc bán vé chuyến đi, còn cần lo đến chuyện tin tức cho thân nhân, chuyện tiếp đón khi tới, chuyện di chuyển, giữ chỗ ăn ngủ, nghỉ ngơi, mua sắm, du hí, hành trình đi tiếp, vân vân... cho khách hàng. Những công việc này, ở Việt Nam, khi đó, là mới mẻ, làm khách hàng hài lòng và tín nhiệm thêm, ai cũng chỉ dẫn nhau tới, và bọn Huân lại có thêm những món hoa hồng về mọi thứ dịch vụ.

Do đó, đến cả hãng hàng không COSARA của người Việt cũng cầu sự hợp tác. COSARA là tên viết tắt của Comptoir Saigonais de Ravitaillement. Mới đầu người chủ chỉ làm công việc tiếp tế rau củ cho một vài đơn vị nhà binh nhỏ, chở bằng xe thô mộc từ ngoại ô vào thành phố. Rồi, do nhu cầu, phải dùng đến xe hơi, máy bay khi phát triển việc cung cấp thực phẩm cho cả binh lính ở Ai Lao, ở Cao Miên. Bấy giờ họ mua hai chiếc SO Bretagne để chuyên chở hành khách đường Sài Gòn-Hà Nội và yêu cầu bọn Huân ra mở đại lý ngoài Bắc.

Bọn Huân thấy hết còn đói rách, liền tính đến chuyện làm ăn to, bèn trừ tính cùng hãng COSARA thiết lập đường bay, quyết tâm bán vé với giá thật rẻ, vì máy bay SO Bretagne nhỏ, chỉ 30 ghế thay vì 50 ghế như DC6 của Air France, không sợ bị trống chỗ, mà chi phí, nhân viên lại giảm đi nhiều.

Mới vừa khánh thành trụ sở tại Hà Nội xong, thì cũng là lúc chính phủ Việt Nam thiết lập Air Vietnam, 50% vốn chính phủ Việt Nam, 50% vốn chính phủ Pháp, và nại có là hậu duệ của Air France, thì đường bay Sài Gòn-Hà Nội là độc quyền của họ, không hãng nào khác được khai thác. Ở cái xứ Annam ta mà tranh chấp với hai nhà nước thì chỉ có mà ăn sắn, cho nên bọn Huân đành coi như bù, để mặc câu chuyện tới đâu thì tới, và nhẩy qua tính thêm chuyện khác. Lúc này Trung Cộng đã toàn chiếm Hoa Lục, viện trợ người của tối đa cho Việt Cộng, quân Pháp biết không làm gì nổi bọn này ở vùng rừng núi nữa, nên rút về giải tỏa các vùng châu thổ để củng cố cho nhà nước Bảo Đại. Tinh hình đường thủy đường bộ đã có mối khả quan, bọn Huân liền nghĩ đến giải pháp vận tải đường bộ.

Cũng vẫn với ý nghĩ phục vụ khách hàng tối đa và một vòng hoạt động khép kín, họ mua đầu máy, mở xưởng đóng thùng xe sửa xe, tiệm bán đồ phụ tùng, đứng làm đại lý cây xăng, phụ trách luôn công việc -- thay bus điện -- chuyển thư từ, tin tức, tiền bạc giữa Sài Gòn và lục tỉnh, hành khách giao tiền mua hàng cho đại lý, rồi lên Sài Gòn lấy tiền ở hãng, để khỏi rơi rớt mất mát dọc đường,... vừa an toàn vừa mau lẹ, mọi chuyện giải quyết ngay nội một ngày, giản dị, bảo đảm và nhanh chóng hơn cả nhà nước.

Xe họ đóng thùng rộng rãi, ghế ngồi thoải mái, đi đúng giờ và tại hãng, chạy với tốc độ an toàn. Và họ hãnh diện quảng cáo trên hông xe rằng đó là "phi cơ trên đường bộ" yên trí kỳ này khá to. Các hãng xe đồ Á Đông, Đại Đồng, Thiên Tân,... lúc đó so với hãng của bọn Huân là quá nhỏ bé, có vẻ e ngại bị o ép. Nhưng rồi thấy xe của bọn Huân không ra bên tranh khách, không đón khách dọc đường nên không xảy ra chuyện đụng độ nào.

Giữa lúc đó Huân nhận được giấy gọi động viên đi khóa sĩ quan trừ bị đầu tiên tại Nam Định.

[Trong buổi lễ phát phần thưởng tại trường Chasseloup Laubat, mấy tháng trước đó, tướng De Lattre kêu gọi thanh niên Việt Nam nên có thái độ rõ rệt: thích cộng sản, thì ra ngoài kia chiến đấu với họ; chống cộng, thì hãy làm nhiệm vụ của mình.]

Huân bị giằng co giữa hai ngã đường: Một phần, mình biết rõ nguy cơ cộng sản, nay có cơ hội trực diện đương đầu cùng chúng, lẽ nào bỏ qua. Một phần thì công việc còn bẽ bẽ. Lại nữa nhà nước Việt Nam không có thực quyền, vẫn là đi lính cho Pháp. Lúc này, giữa 1950, ngoài kia, tuy cộng sản đã trắng tráo lộ mặt (tại Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân Yên Giã), rồi Đảng Cộng Sản cũng đã lại chính thức tái xuất hiện dưới cái tên Đảng Lao Động Việt Nam vào đầu 1951, nhưng thực tế những người chỉ huy các đơn vị chiến đấu cũng vẫn còn là thành phần tiểu tư sản, quân lính vẫn là nông dân, thì dù sao vẫn là người cùng một nhà, đâu phải kẻ thù mà bắn giết lẫn nhau. Chưa kể mình đã

lấy Phương, đã có con, liệu có quyền phó mặc cho may rủi hay chẳng? Chẳng biết đó là lý do chính đáng hay chỉ là nguy hiểm trước chuyện may ít rủi nhiều, nhưng Huân quyết định không đi trình diện. (Sau, đôi khi nghĩ lại, Huân giận mình về quyết định này. Chẳng cho rằng nếu không trốn động viên, rất có thể mình đã chết mất xác rồi. Hoặc sống lâu lên lão làng, đã trở thành một tên tham nhũng thối nát. Nhưng cũng rất có thể lại được dự vào chính tinh đất nước nhiều hơn là sống cuộc đời tầm thường rồi chết già. Nhưng làm sao ai ngờ nổi sẽ có những cảnh sâu bọ lên làm người?!) Ở lại tiếp tục công việc, Huân không ngờ bọn mình sai lầm quá lớn: Ngoại trừ dân nhà giàu, dân công tư chức khen lao hết lời, các khách hàng khác thấy xe sang quá, ngồi thấy... hết thoải mái, vì không nở vút tàn thuốc, bã trầu, lá bánh bậy bạ. Đi đúng giờ, đúng chỗ không khoái; cứ ra bến, tiện xe nào lên xe ấy, tiện lúc nào đi lúc ấy thích hơn. Không vượt mặt xe khác thì không hào hứng. Chưa kể người Việt mình làm ăn chung không được. Các đại lý bán vé, nhận tiền nhưng không chịu giao, trong khi hãng cứ phải trả tiền nhân viên, tiền xăng nhớt, tiền bảo trì xe cộ, tiền giao cho khách hàng hoài, thì đến núi cũng phải lở. Lại thêm nhóm anh chị Bình Xuyên, khi đó đang chạy xe Nghĩa Hiệp độc quyền đường Sài Gòn-Vũng Tàu, nhìn bề ngoài, tưởng hãng bọn Huân thành công dữ lắm nên yêu cầu hợp tác. Hậu Giang là vùng Hòa Hảo, mà hợp tác với Bình Xuyên, thì rồi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Cuối cùng họ phải chọn giải pháp nhờ tòa án phát mãi tài sản của công ty để trả cho chủ nợ được phần nào hay phần ấy thay vì khai phá sản.

\*

Vừa lúc đó, chiến sự ngoài Bắc bước vào giai đoạn quyết liệt. Cuối 1949, Trung Cộng chiếm được toàn thể lục địa, phần dư thừa khí giới Mỹ của Tưởng Giới Thạch quẳng bỏ lại, mang viện trợ cho cộng sản Việt Nam, phần mở những chiến dịch biên giới Hoa-Việt, hỗ trợ đồng minh.

Tháng Năm 1950, Việt Cộng liền khai hội trung ương đảng bộ, phân bội, bán nước. Các cơ quan đều có sự hiện diện của cố vấn Tàu, áp dụng chế độ phân chia giai cấp: đặc tảo, tiểu tảo, trung tảo, đại tảo. Sau chiến thắng Cao Bắc Lạng, 16-3-1951, Việt Cộng thừa thắng xông lên, công khai ra mắt Đảng Cộng Sản dưới danh xưng Đảng Lao Động, mở những chiến dịch vu cáo những người tiểu tư sản kháng chiến chống Pháp là Việt gian, gián điệp, phản động lộn sòng, mang ra đấu tố để loại bỏ họ, hầu giành lấy quyền lãnh đạo chính trị và quân sự. Trước hết, chúng phát động phong trào qui thành phần, bằng phương thức "tam phân, phê và tự phê" ở các cơ quan.

Mỗi đương sự phải:

- tự bộc lộ, trong từng biến cố, rằng mình đã nghĩ gì làm gì, - các "đồng chí trong tổ tam giao", trong cơ quan, sẽ nêu nghi ngờ, chất vấn để soi tỏ các... căn bệnh: câu an, hưởng lạc, giao động, hủ hóa,...

- cấp lãnh đạo sẽ dùng "ánh sáng lý luận Mác Lê" mà quyết định thành phần. Lấy năm 1945 làm mốc, chúng chia làm hai giai đoạn. Từ 1945 về trước là xã hội cũ, từ 1945 trở đi là xã hội mới. Chúng bố trí những câu hỏi "phản phúc" (vận tới vận lui). Chúng gài một số đảng viên làm "người diễn hình". Người diễn hình "thành khẩn" bịa ra đủ thứ tội. Có kẻ khai gian dâm với mẹ, hiếp dâm em gái, giết chóc con ăn đầy tớ, làm chỉ điểm cho địch, rắp tâm đào ngũ, đầu hàng,... Nhiều khi đau khổ đến ngất xỉu, chết đi sống lại. Cuối cùng, người diễn hình lên án xã hội cũ, ca tụng xã hội mới sẽ cho mình tái sinh, có cơ hội trở nên con người đạo đức.

Sau đó, đến lượt những người có tên trong sổ đen, tức thành phần tiểu tư sản, phải noi gương. Nếu trước những câu hỏi "phản phúc" vận vẹo bất tận, ngày đêm, ngày này qua ngày khác mà phát khóc vì uất ức, thì là oán Đảng; cười cợt, là chế giễu Đảng; im lặng, là ngoan cố! Sau buổi kiểm thảo mà mắt ăn mất ngủ, là chưa thành thật; ăn ngon ngủ yên, là chưa hối lỗi. Những người này đành nhận đủ mọi thứ tội. Có những người phải tự tử. Thế cũng chưa yên thân. Vì đó là trốn nợ nhân dân, nên xác chết vẫn bị mang ra hành hạ.

Chót hết là đám công chức giúp cộng sản thiết lập bộ máy nhà nước kể từ khi chúng cướp được chính quyền. Rồi trong xung đột Pháp-Cộng, họ bỏ tất cả, theo nhà nước lên rừng xuống biển.

Bây giờ nhà nước đã đủ mạnh. Cộng sản không muốn bắt cứ thành phần nào ngoài chúng được chia chác vinh dự chiến thắng thực dân. Kể cả đám công chức hiền lành, mẫn cán, dễ bảo.

Chúng phát động "phong trào biên chế".

Hai tờ Nhân Dân và Cứu Quốc tung ra khẩu hiệu tăng thu giảm chi, hô hào công chức xung phong rút lui. Hết đợt xung phong, kẻ nào nhanh chân gia nhập Đảng mới được "vào biên chế". Còn lại hai phần ba công chức nhận được lời cảm ơn của nhà nước, khuyên về địa phương... tích cực tăng gia sản xuất, vì tăng gia sản xuất cũng là một nhiệm vụ... kháng chiến. Trong khi đó cộng sản đã đã thông cho dân rằng công chức là lũ một công quỹ, chẳng cần thương hại, nên họ chẳng được sự giúp đỡ nào của địa phương, đành tìm đường "dinh tề"!

Tiếp đến là chiến dịch đấu tố địa chủ, tư sản mại bản.

Đầu 1953, báo Nhân Dân tung ra chính sách "phóng tay phát động quần chúng nông dân đấu tranh chống địa chủ".

Trường Chinh dạy rằng: "Địa chủ và tư sản mại bản là hai đối tượng của cách mạng. Làm cách mạng không thể dung tha hai giai cấp đó." "Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay là do sức của nông dân. Bởi vì giai cấp nông dân cung cấp người, của cho kháng chiến, nên Việt Minh phải đền bù cho giai cấp đó nhiều quyền lợi." "Đoàn kết không phải là đoàn kết suông, đoàn kết một chiều. Trái lại, đoàn kết chỉ đúng nghĩa khi đoàn kết có đấu tranh. Địa chủ bóc lột nông dân thì nông dân không thể đoàn kết được, nên phải đấu tranh với địa chủ." Một số địa chủ đã vật nài năn nỉ

xin hiến hết ruộng đất, mong rằng họ và gia đình được yên ổn. Nhưng không xong. Đó là hồi lộ. Đã là địa chủ thì phải bị đấu, gồm:

- đấu lý, kiểu lý luận trên đây của Trường Chinh,
- đấu lực, là dùng võ lực mà giam giữ, canh phòng, chửi mắng địa chủ hàng ngày,
- đấu pháp, là mang địa chủ ra tòa, một toà án nhân dân được thành lập ngay khi có lệnh phát động, có những quyền hành ghê gớm, cả đến tử hình, bằng những phương cách vô cùng man rợ: chôn sống, chôn để thò đầu lên rồi mang cây cho đứt, bỏ vào rọ lợn quăng ngoài đồng cho chết đói,...

Trong khi chờ đợi bị đấu, toàn thể gia đình địa chủ bị canh gác, cấm không được đi đâu, không ai được liên lạc, tiếp tế,... Mà cũng không ai nghĩ đến chuyện trốn. Vì không ai nỡ bỏ lại gia đình. Kết cục, già trẻ lớn bé lần lượt chết đói. Nhưng cũng có gia đình chấp nhận cho con cái "xung phong" đấu tố mình, để cứu vớt đám trẻ con vô tội.

Ai là địa chủ, tư sản mại bản?

Theo định nghĩa của cộng sản, ai có ruộng, bất cứ nhiều ít mà không trực tiếp cày cấy, cho tá điền thuê lấy tô, là địa chủ.

Sau đó đến phú nông, là những người có ruộng tự cày cấy lấy một phần, một phần khác mướn nhân công để... bóc lột. Giai cấp này cũng là đối tượng, nhưng chưa bị đàn áp ngay. Sau khi thanh toán xong địa chủ mới đến lượt. Trung nông là những gia đình có đủ ruộng tự cày cấy lấy để sinh sống. Bản cổ nông là những người không có ruộng, phải đi làm thuê. Do kinh nghiệm cuộc nổi loạn của phú nông Nga (koulack), chiến thuật chia để trị là "dựa vào bản cổ nông, liên minh với trung nông, trung lập hóa phú nông để đàn áp địa chủ".

Cũng áp dụng lối chia hạng nông dân, cộng sản dùng danh từ tư sản mại bản để chỉ những nhà buôn xuất nhập cảng, mà chúng cho là làm tay sai để cho đế quốc giàu mạnh, bán được hàng.

Rồi đến tư sản dân tộc là những công kỹ nghệ gia có phương tiện sản xuất, thuê mướn nhân công, tương đương với phú nông ở thôn quê.

Tiểu tư sản, cũng như trung nông, là đồng minh của vô sản, nhưng là "thành phần quay quắt và hay chán nản", nghĩa là dễ đầu hàng.

Sau hết là giai cấp vô sản.

[Ở đây cộng sản Việt dùng đúng nghĩa của nó, chỉ thành phần không có tài sản, chứ không có cái nghĩa lập lờ là prolétariat, workingmen (vô tư liệu sản xuất) như trong khẩu hiệu "vô sản thế giới hãy đoàn kết lại"]

Chiến thuật của cộng sản cũng lại là "trung lập hóa tư sản dân tộc, liên minh với tiểu tư sản, dựa vào vô sản mà tiêu diệt tư sản mại bản". Tư sản dân tộc để dành đến chuyển tố khổ đợt hai!

Kinh tế hơn nữa là tuy đã phân loại như thế, chúng còn cố tình gây cảm thù giữa người cùng làng xã, cùng khu phố cũng như tạo mặc cảm tội lỗi cho tất cả mọi người bằng cách đặt ra chỉ tiêu 5%. Bất cứ nơi nào cũng phải đạt cho bằng được. Chưa có thì phải nài ra cho có, chưa đủ thì phải đạt tới cho bằng đủ, bằng cách đôn quân, phú nông thành địa chủ, trung nông lên phú nông, tư sản dân tộc lên tư sản mại bản, tiểu tư sản lên tư sản dân tộc, vân vân,...  
Tạm xem qua vài vụ tố khổ nổi tiếng nhất:

- Bà Cát Hanh Long, ở Hải Phòng, là một góa phụ đảm đang, làm ăn lớn. Bà là người nhân đức, đối với tá điền như chị em, mẹ con. Đồn điền của bà ở ngay chiến khu của Việt Minh. Ngay từ thời bí mật, bà đã giúp đỡ cộng sản rất nhiều. Bà có một con đẻ cấp bậc trung đoàn trưởng, một con nuôi, võ sĩ Lân, vô địch quyền Anh hạng nhẹ Bắc Việt, làm công an, nổi tiếng trong việc đàn áp các đảng phái quốc gia. Cả hai đều gia nhập Việt Minh từ hồi còn bí mật. Việt Minh gọi bà là "ân nhân cách mạng". Bộ đội cộng sản gọi bà là "mẹ chiến sĩ". Khi được tin bị đấu tố, Quán Hàm, quân lý của bà, lo ngại, nhưng bà không tin. Bà không biết rằng Trường Chinh chủ trương phải "chà đạp ngay địa chủ nào đã phục vụ Việt Minh nhiều nhất để tỏ ý cương quyết của Đảng". Cuộc đấu tố lần thứ nhất thất bại. Nông dân không căm thù. Người ta ngao ngán, oán trách chính phủ chôn rau ráo máng, độc ác với ân nhân. "Đồng chí" Trường Chinh ra lệnh tố chức ngay một đại hội đấu tranh thứ hai. Nhưng không khí đấu tranh vẫn cứ gương gạo. "Đồng chí" Trường Chinh nhận định nông dân chưa giác ngộ quyền lợi. Để đối phó, một trung đội cán bộ được phái tới đồn điền để "tam cùng", cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm. Ngày lại ngày, thức khuya dậy sớm, chia ngọt xẻ bùi với nông dân để nhồi vào óc họ rằng con mẹ Cát Hanh Long là địa chủ tàn ác. Nông dân hữu sinh vô dưỡng, con cái ốm đau là tại con mẹ Cát Hanh Long bóc lột, làm nông dân ngu dốt. Nông dân Trung Hoa ngày nay sung sướng giàu có là nhờ ơn Mao Chủ Tịch, nhờ ơn Đảng Cộng Sản Trung Quốc.

Tới đại hội đấu tranh thứ ba, Đảng Cộng Sản hoàn toàn thắng lợi: Sau mấy tháng bị giam cầm, bà Cát Hanh Long, Quán Hàm đã thành hai con vật hết ý chí, đi không vững. Nông dân thay nhau lên tố khổ, nhảy chồm chồm, xia xối suốt ba tiếng đồng hồ, cáo buộc bà Cát Hanh Long đã giết ba người tá điền, tư thông với công sứ Thái Nguyên, làm gián điệp cho phát xít Nhật, thực dân Pháp. Bà bị tuyên án tử hình. Con bà, phó chính ủy trung đoàn, đang học tập ở Bắc Kinh bị điệu về, tước hết huy chương, cấp bậc, trở lại đem ra tố khổ, và bị kết án hai mươi năm tù để "cải tạo tư tưởng". Võ sĩ Lân may mắn đã chết trước khi phong trào phát động.

- Ông Đào Đình Quang, quán Phủ Lý (Hà Nam), vốn là viên chức Sở Canh Nông, làm việc trong một đồn điền thí nghiệm tại Phú Thọ. Nhờ dành dụm, ông mua được vài chục mẫu ruộng, một vài quả đồi ở nơi đó, trồng cam và trồng chè. Khi cộng sản cướp được chính quyền ở miền Bắc, ông Quang yêu nước mù quáng, gia nhập Mặt Trận Liên Việt và được cử làm chủ tịch Khu 10, gồm Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên, ngoài ra còn phụ trách mọi việc canh nông của toàn Khu. Để đền đáp công ơn đó, ông cho hai con trai gia nhập hàng ngũ chiến đấu để dẹp bọn quốc gia

"phản động". Khi cộng sản ký kết với Pháp xong, đánh chiếm được Phú Thọ, chiến khu của phe quốc gia, ông reo mừng, tổ chức bữa tiệc linh đình đãi Ủy Ban Hành Chính cộng sản.

Từ khi xung đột Pháp-Cộng xảy ra, đồn điền của ông là nơi nhiều nhân vật cao cấp dừng chân ném gà vịt béo ngậy và cam chè ngon ngọt. Trong số đó có "cụ" Nguyễn Khánh Toàn, trung ương đảng viên, thứ trưởng giáo dục. "Cụ" đưa cho ông xem tác phẩm Cộng Sản Với Gia Đình của "cụ", đề cao tình yêu, tình vợ chồng trong thiên đàng cộng sản để tán "cô" Đào Thị Bích, con gái yêu của ông. Cô Bích cũng chán lũ tiểu tư sản, nên, một tối, chia tay cùng "cậu" Phúc, gia sư. Cậu bèn đi một đường thơ thẩn sắc mùi từ sân:

*Đêm nay gió lạnh lòng tôi,  
Đêm nay mưa lặng lẽ rơi vào hồn.  
Từ nay tôi sẽ cô đơn,  
Từ nay tôi chỉ còn buồn khổ thôi.  
Bích ơi, Bích giết đời tôi.  
Bích ơi, Bích giết đời tôi làm gì?  
Đời tôi một kẻ tình si,  
Bích ơi, Bích bỏ tôi đi sao đành!*

Hôn lễ tung bừng. Thấm thoát, cô Bích có bốn mụn con.

Rồi có lệnh ban hành chính sách phát động quần chúng nông dân đấu tranh chống địa chủ, biến ông Quang thành "thằng địa chủ đại gian ác". Từ ngày có lệnh tố khổ, Nguyễn Khánh Toàn không về đồn điền nữa. Đảng viên cao cấp không thể nào có liên lạc với địa chủ. Y ly dị cô Đào Thị Bích. Và đoàn cán bộ tam cùng khoác ba lô đến.

Một sớm mai, bọn tá điền canh gác gia đình ông Quang thấy... thằng địa chủ tự treo cổ toòng teng bằng một sợi dây.

Địa chủ chết kể cũng... đáng đời. Nhưng nông dân, vô sản đừng tưởng bờ. Đầu tiên là trò "bình nghị lưu manh".

"Thằng địa chủ, con địa chủ" thì nhất định là lưu manh rồi. Nhưng "ông, bà" nông dân không nhiệt liệt hoan hô "Bác, Đảng" thì cũng là lưu manh luôn. Lại cũng có một thứ tòa án nhân dân đủ mặt hành chánh, tôn giáo, đoàn thể, dân chúng hội họp để tố cáo ai bị cộng sản coi là lưu manh, để gửi đi "học tập cải tạo". Đồng thời, nhờ những lời tố cáo lẫn nhau, ganh tị chia phe chia phái, cán bộ, công an cũng nắm vững tình hình địa phương để mà cai trị.

Tiếp đến là "bình nghị tô tức, sản lượng".

Tiền Hồ Chí Minh mất giá. Cộng sản, học theo Trung Cộng, tính đến chuyện thu thuế bằng thóc, trả lương bằng gạo. Bèn có một màn tuyên truyền: Bác Hồ thương dân hết sức nên kể từ nay tình giảm đủ thứ, đã ra lệnh cho chính phủ chỉ thu có một thứ thuế mà thôi. Đó là thuế nông nghiệp đối với nông gia, thuế thương nghiệp đối với thương gia, thuế công nghiệp đối với công kỹ nghệ gia. Dân mừng rơn. Nhưng đến khi công bố thuế biểu, thì mọi người mới ngã bở ngựa, mà không hề giám hé môi. Kêu ca thì là lưu manh, phản động.

Tạm lấy thuế nông nghiệp làm tí dụ:

Trước hết là vấn đề "bình sản lượng".

Cũng vậy, vâng theo... phát minh của Trung Cộng, ruộng được chia ra làm ba hạng A, B, C, dựa theo năng suất. Nhưng thế nào là năng suất? Cộng sản lại tiếp tục gây chia rẽ bà con. Bằng cách triệu tập hội nghị bình sản lượng. Người nọ ghen ghét, hại người kia bằng cách nâng cấp. Rút cuộc ai cũng "được suy tôn" là có tài sản xuất cao nhất, số thu hoạch lớn nhất, nghĩa là đa số thuộc ruộng hạng A. Vậy là Bác và Đảng thu được nhiều thuế nhất! Vì bất cứ ai sản xuất trên 80 cân thóc đều phải đóng thuế. Tám chục cân thóc, thì đóng thuế 5%, cộng thêm 20% của cái 5% đó cho quỹ địa phương. Rồi lũy tiến, lên đến mức tối cao (cỡ 5,000 cân) là 45%, cộng với 20% cho quỹ địa phương.

Còn thuế thương nghiệp, công nghiệp?

Lại cũng cùng một sách. Nhà nước đâu có ấn định mức lời lãi, sản xuất? Nhân dân ấn định với nhau mà! Nên thay vì oán nhà nước, lại đâm ra oán lẫn nhau!

Bây giờ sang mục "dân công", tức nghĩa vụ lao động.

Thực ra đây chỉ là chế độ làm xấu, đi phu cưỡng bách, mà thời Pháp thuộc cũng có. Nhưng có điều khác xa, là nặng nề hơn gấp bội mà thôi: không phải năm mười ngày, mà là... ba tháng mỗi năm!

May thay, cộng sản cũng chia ra làm ba hạng: A dành cho thanh niên nam nữ khỏe mạnh phục vụ các chiến dịch; B dành cho người yếu làm việc nơi gần; và C dành cho người già lão chỉ phải phục dịch ở địa phương. Cũng lại thi đua, bình bầu, tương lệ. Và ai cũng phải làm quá cái khả năng của mình rất xa. Nói của đáng tội, ngoại trừ bọn già nua, ốm yếu không hưởng ứng cho lắm, còn cộng sản cũng khéo sách động, bằng cách khuyến khích, cổ võ việc nam nữ... giao du thân mật, "nhây hòa bình, son đỏ mè, nông tác vũ"... để phá hoại mọi thuần phong mỹ tục, luân lý đạo đức ngàn đời của dân tộc.

Cuối cùng, cộng sản "chấn chỉnh tổ chức", tiêu diệt các thành phần cán bộ, đảng viên trí phú địa hào còn lọt lưới, rồi truy thu mọi loại tô tức, thuế má, kể từ xa xưa, mà chúng cho là mọi người... thiếu nợ đối với... nhà nước cách mạng. Vết cạn của cải, bần cùng hóa xong, thì chúng bắt hợp tác hóa, tịch thu luôn cả nông tang điền khí để biến toàn dân thành một đàn nô lệ, có làm mà chẳng có ăn, dưới sự phê phỡn hưởng thụ của đám đảng viên.

(Theo Ba Sinh Hương Lửa, Doãn Quốc Sĩ, Sáng Tạo, 1962)

\*

Trước đó, vì thấy cha mẹ gấn bó với ruộng vườn, Huân đã nghĩ đến việc di chuyển cả đại gia đình vô Nam, bằng cách tính mua một đồn điền nhỏ trồng trà và cà phê trên Đà Lạt để cha mẹ mang một số bạn điền vào di dân lập nghiệp, nhưng vẫn không được tán thành, vì còn chuyện chôn nhau cắt rún, mồ mã tổ tiên. Đến nay thì cha mẹ Huân đã biết rõ về chuyện qui thành phần, chuyện binh nghị tồ tức, chuyện thuế thương nghiệp, thuế nông nghiệp, chuyện đầu tồ, chuyện dân công, chuyện truy thu thuế má,... nên đành bỏ của chạy vô Nam. Huân phải chạy đồn chạy đảo kiếm tiền để mua vé máy bay và tìm nơi cư ngụ cho đại gia đình. Phụng lúc này đang học dở dang, sắp sửa thi mãn khóa, nên gửi con cho ông bà nội đưa vào. Huân chưa đặt vấn đề vô Nam của vợ. Đứng ra chàng muốn để Phụng tự quyết định lấy việc là có vào với chàng hay không.

Nhưng một đêm khuya, nghe tiếng gọi, chạy ra, thấy Phụng đứng ngoài cổng, Huân có hơi ngạc nhiên: Phụng vào Nam vì không muốn xa mình hay vì không muốn xa các con. Vì gì thì cả đại lẫn tiểu gia đình đoàn tụ cũng là điều may mắn lắm rồi. Ai thì còn có ảo tưởng về cộng sản, về những người có công lao với cộng sản để mà ở lại Bắc, chứ Huân thì không. Nhưng biết không có nghĩa là ép buộc người khác phải y theo quyết định của mình. Thế mà cuối cùng, mọi người đều tự quyết định như mình mong muốn thì còn gì đẹp hơn.

Tuy vậy, thực tế cũng có chút làm Huân buồn.

Gia đình Huân không theo tôn giáo nào mà chỉ thờ cúng tổ tiên. Chẳng ai trong gia đình Huân quan niệm việc thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng. Huân chưa hề thấy gia đình mời thầy cúng, thầy pháp, lo chuyện lễ mỗ, lễ mã. Nhưng bất kỳ trong nhà có chuyện gì quan trọng thì đều có đèn nhang tế cáo gia tiên. Nhất là những ngày giỗ chạp, tết nhất thì đặc biệt nhộn nhịp. Ngũ đại mai thần chủ, còn các vị từ ngũ đại trở xuống đều được trình trọng cúng giỗ. Đặc biệt gia đình Huân làm giỗ cả hai bên nội ngoại, y như nhau. Nhất là hàng năm, vào các kỳ giỗ trọng, giỗ tồ tứ đại nội ngoại, và mấy ngày tết. Có lẽ vì đây là cách chứng tỏ lòng biết ơn của con cháu, lại cũng là dịp gia đình chàng mượn để đãi đấng làng nước, bạn điền, bà con nên lần nào cũng mổ heo, làm cỗ linh đình, nhậu nhẹt suốt từ sáng đến tối mịt, ai cũng hân hoan, thân mật. Huân thấy đó là một truyền thống tốt đẹp rất nên duy trì.

Nhưng bây giờ thì khác. Phần thì mọi người tứ tán, phần thì nhà cửa chật hẹp, và phần chính là gia cảnh Huân bây giờ đâu có cho phép như vậy nữa. Tuy nhiên, nội trong phạm vi gia đình, thì mọi ngày giỗ chạp tết nhất vẫn được duy trì. Và đáng lẽ Huân là trưởng nam, đích tôn đã lập gia đình, thì là phần vụ của chàng. Trước đây, chàng được cấp riêng một số ruộng để chi phí vào việc này. Nay dĩ nhiên không còn gì nữa, nhưng điều này lại càng khiến Huân thấy nên nhận lấy phần vụ. Nhưng Phụng hết sức lo là, dĩ chí đến ngày kỵ giỗ, Huân rù đi dự, Phụng cũng thoái thác luôn. Rút cục Huân đành làm như vô tình, cứ để cha mẹ tiếp tục lo việc cúng giỗ tết nhất và một mình đến cúng vái.

May là mọi người lớn bé trong đại gia đình Huân đều có cái quan niệm và hành sử đặc biệt, là luôn luôn hết lòng thương yêu giúp đỡ nhau đến mức tối đa, nhưng ai muốn làm gì tùy ý, không hề can ngăn, phiền trách, nói đi nói lại. Có lẽ họ đều cho rằng cứ ăn hiền ở lành, làm gương tốt, thì rồi con em sẽ noi theo, chẳng việc gì phải ép buộc, đòi hỏi, cảm đoán. Cha mẹ Huân không hề đòi hỏi gì ở con cái. Anh chị em Huân không bao giờ áp đặt, chê trách lẫn nhau về bất cứ chuyện gì.

## IX

19-7-1947, một số báo Sài Gòn đăng những bài ủng hộ Bảo Đại; 12-8, biểu tình lớn ở Huế; 1-9, biểu tình lớn ở Hà Nội; 9-9, đại diện "các gia đình tinh thần và chính trị" (24 người) gặp Bảo Đại tại Hong Kong; ngày 14, biểu tình ở Sài Gòn ủng hộ Bảo Đại, yêu cầu ông trở lại chính trường.

26-3-1948, Bảo Đại trả lời đại diện đảng phái và đoàn thể, ưng thuận về nguyên tắc lập một chính phủ lâm thời để điều đình với Pháp. 5-6, công bố bản Tuyên Ngôn Việt Pháp trên chiến hạm Duguay-Trouin, tại Vịnh Hạ Long, thừa nhận nguyên tắc Việt Nam độc lập và thống nhất.

8-3-1949, Pháp và Việt Nam ký Thỏa Ước Việt-Pháp tại Điện Élysées. 1-7, thành lập chính phủ mới, theo sắc lệnh 1-CP.

22-1-1950, Nguyễn Phan Long lập nội các, nhưng rồi không được lòng Pháp, nên 24-4, Trần Văn Hữu lên thay.

25-6-1952, Nguyễn Văn Tâm lập nội các.

14-10-1953, Hội Nghị Quốc Dân, Trần Trọng Kim chủ tịch, không chấp nhận gia nhập Liên Hiệp Pháp dưới hình thức hiện thời.

12-1-1954, Bửu Lộc lập nội các. 4-6, hai thủ tướng Bửu Lộc và Laniel ký hiệp ước kiện toàn nền độc lập Việt Nam. Ngày 16, Bảo Đại cử Ngô Đình Diệm làm thủ tướng với toàn quyền hành động. 9-7, Ngô Đình Diệm lập nội các. Ngày 20, Pháp-Cộng ký Hiệp Định Genève, chia đôi Việt Nam. Chính phủ Bảo Đại không ký. 20-10-1955, Ngô

Đình Diệm tổ chức "trung cầu dân ý" truat phé Bảo Đại. Ngày 26, Ngô Đình Diệm thiết lập chế độ Việt Nam Cộng Hòa (đệ nhất). Bọn Huân đã từng thảo luận về triều đình Huế khi Bảo Đại về chấp chánh vào năm 1932, nên cũng không xa lạ gì về Ngô Đình Diệm.

Ông Diệm sinh ra là chỉ đề... làm quan. Sau khi bị cách chức, nổi căm giận của ông hẳn ai cũng có thể hiểu được. Nhưng phải chờ đến cả chục năm sau, năm 1941, ông mới có phương thế rửa hận.

Đó là, sau khi thành lập Việt Nam Phục Quốc Hội ở hải ngoại, kỳ ngoại hầu Cường Để cho người tiếp xúc với Huỳnh Thúc Kháng, ủy nhiệm cụ việc kết nạp trong nước. Có lẽ cụ Huỳnh lúc đó đã hết muốn tôn quân nên từ chối và giới thiệu ông Diệm. Thật cụ Huỳnh đã nhìn thấu tâm can:

Ông Diệm giận Pháp, giận Bảo Đại (?), giận Phạm Quỳnh, là người đạo gốc. Nay có Nhật đang ở thế vô địch ngay tại trong nước, có hoàng thân dòng chính thống lại là người đồng đạo, mà cái việc ngày một ngày hai Nhật lật Pháp, lật Bảo Đại, lật Phạm Quỳnh, đưa Cường Để lên ngôi, để có một ông vua công giáo cho Việt Nam là việc chắc như bấp, thì bất cứ một người nào trong vị thế của ông lại có thể từ chối cho nổi việc ủy nhiệm đó. Và hẳn ông cũng không thiếu sự ban phép lành của Giáo Hội.

(Một trong những cố vấn và trợ thủ đắc lực nhất của ông trong việc này là linh mục Lê Sương Huệ, lãnh đạo địa phận Vinh. Linh mục Huệ có một người con tinh thần là Hoàng Bá Vinh, tức Vinh Cò Ruồi, tức Già Vinh, tức Hoàng Châu, sau này là một tay đóng góp rất nhiều trong phong trào công giáo chống cộng cùng khai sinh và cùng cố nền Đệ Nhất Cộng Hòa, tuy nhiên chỉ nấp ở đằng sau hậu trường, nên ít người biết đến).

Có lẽ vì quá chú quan như thế, nên ông Diệm quên khuấy mất việc Nhật phản bội Phan Bội Châu trước đây (1909) và Trần Trung Lập sốt dẻo vừa qua (1940). Trên thực tế, ông cũng chưa làm nên cơm cháo gì, ngoài việc tập hợp được khoảng trên dưới dăm chục người. Tuy thế cũng đủ để Pháp quây bắt, vào cỡ giữa năm 1944. Phần lớn đều sa lưới. Anh cả ông Diệm, tổng đốc Ngô Đình Khôi, lại cũng bị Pháp bắt làm đơn treo án tử quan. Nhưng ông Diệm thì được Nhật giải cứu, mang vô Sài Gòn, ngụ tại bệnh viện Hồng Bàng, khi đó bị Nhật xung công. Việc bắt bớ này khiến giám mục Ngô Đình Thục phải làm đơn "khiếu oan" cho ông anh và ông em với toàn quyền Decoux!

[Trong thời gian này, ngoài những nhóm chỉ vận động chính trị, nương tựa hoàn toàn vào Nhật như Ngô Đình Diệm, hoặc những nhóm muốn lợi dụng Nhật như Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Xuân Tiểu, thì chính Nhật cũng sắp sẵn nhiều lá bài. Họ yểm trợ Cao Đài, Hòa Hảo. Họ dọa một số người là Pháp đang lùng bắt, làm những người này phải nhờ họ gỡ bí. Chả hạn cuối 1943, đầu 1944, họ lừa mang được Vũ Văn An, Lê Toàn, Nguyễn Xuân Chử vào Sài Gòn cộng tác với ông Diệm và Vũ Đình Di; Trần Văn Ân, Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim đi Chiêu Nam (Singapore)].

Thế nhưng khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-45 xong, họ lại không đưa Cường Để về mà tiếp tục dùng Bảo Đại... cho tiện việc. Oái oăm là chính Bảo Đại hai lần nhờ Nhật tìm giùm ông Diệm, họ đều im đi, trong khi ông Diệm châu chực tại Tư Lịnh Bộ Nhật mà chẳng hề được đoái hoài, đành bỏ Sài Gòn về Vĩnh Long, ở với giám mục Ngô Đình Thục. Vậy mà sau này ông Diệm khăng khăng chối không hề bao giờ cộng tác với Nhật mới là sự lạ đời!

Khi cộng sản cướp được chính quyền tại Huế, chúng bắt Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi (và người con trai ông này) mang đi chôn sống. Còn theo ông Diệm, thì ông cũng bị bắt mang ra Bắc, quản chế trên thượng du nửa năm, rồi đưa về Hà Nội mời tham chính, nhưng ông từ chối.

Điều này có một phần hơi khó hiểu nhưng một phần lại cũng có những bằng chứng khả tín.

Khả tín là rất có thể khi nghe tin cụ Kim giải tán nội các, ông Diệm từ Nam vợ ra Huế, tính thế chân (nghĩa là ông không giận Bảo Đại?), chẳng may giữa đường, tới Tuy Hòa, bị cộng sản địa phương phát hiện, bắt và giải ra Bắc. Sau, nhân dịp lên Hà Nội ngày 6-11-45, để cảm ơn việc Hồ Chí Minh gửi phái đoàn chính phủ về Phát Diệm dự lễ phong chức, giám mục Lê Hữu Từ xin tha cho ông. Nếu vậy, thì khi về làm tổng thống, ông Diệm đối xử với giám mục Từ xem ra không được tốt đẹp gì. Còn khó hiểu là, đối với cộng sản, so ra tội ông Diệm còn lớn hơn ông Quỳnh ông Khôi, sao hai ông này bị chúng thâm sát, mà lại tha ông Diệm? Và, có những trở trêu của lịch sử vì, theo bọn Huân, riêng trong giai đoạn này, căn cứ vào cá tính ông Diệm -- một kẻ thừa hành trung thành, đắc lực nhưng lại là một người lãnh đạo thiên cận, chuyên quyền -- thì quả thật ông là người có thể xoay chuyển cả cục diện Việt Nam. Nếu may, ông về Huế sớm được, trước khi Bảo Đại từ chối lời đề nghị của Nhật, thì chắc chắn cộng sản không thể "cướp" nổi chính quyền, mà cha con ông Khôi và ông Quỳnh đã không bị thâm sát. Đàng khác, chẳng may mà ông cùng bị chung một số phận với các phân tử nạn nhân cộng sản, thì vào năm 1954, với một thủ tướng khác, dù ngay cả Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Việt Nam cũng lại có một số phận bất bi thảm hơn biết là bao nhiêu. Khi xung đột Pháp-Cộng xảy ra, nhờ "nhà chung", ông Diệm lẩn được, ở lại Hà Nội. Cuối 1947 đầu 48, ông ba lần qua Hong Kong gặp Bảo Đại về một giải pháp cho Việt Nam. Nhưng, cũng như các đảng phái quốc gia tại hải ngoại, ông không đồng ý với những điều kiện do Pháp đưa ra.

Năm 1950, nhân dịp Năm Thánh và có lẽ theo sự cố vấn của Giáo Hội, ông Diệm qua vận động Mỹ. Dĩ nhiên việc này không hề là chuyện đấu tranh gian khổ, cộng lao to lớn gì, nhưng cũng là chuyện hợp lý của loại chính trị gia khách thỉnh như ông: Không cộng tác được với Pháp, với Bảo Đại, thì tìm đường đến thẳng với kẻ cầm trịch, chi tiền.

Ông Diệm có hai điểm tựa vững chắc: thế lực của Giáo Hội và chính tích mấy tháng thượng thư Bộ Lại, có nghĩa ông là một giáo dân sáng giá, có Vatican hậu thuẫn, và cũng nghĩa là ông có mấy triệu giáo dân sẵn sàng yểm trợ. Tuy nhiên đây lại cũng chính là hai nhược điểm chết người của ông. Chúng khiến ông là kẻ tin vào thiên mệnh, bảo thủ, độc đoán, thiên cận. Là một giáo dân cuồng tín, là một quan lại khệnh khạng, ông không thể là người cách

mạng, là điều mà tình thế đòi hỏi; ông không thể có cái nhìn phóng khoáng, chấp nhận ý kiến của người khác; ông không thể chia xẻ quyền bính với bất cứ ai; ông không tin vào sức mạnh của nhân dân, ông nhìn đâu cũng toàn thấy người thiếu... đạo đức. Suốt thời gian 1945-1954, ông Diệm không có một hoạt động nào đáng kể ngoài mấy việc vận động xa lông. Đáng lẽ nay bỗng được mang về lãnh đạo đất nước, ông phải nghĩ rằng chính những người kháng chiến, những đảng phái quốc gia, những giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo Bến Tre, Bùi Chu-Phát Diệm và ngay cả Bình Xuyên đã chống Pháp chống Cộng để còn lại một nửa đất nước. Ông cần phải ngồi lại cùng mọi thành phần đó để xây dựng Miền Nam. Thế nhưng bản tính của ông quá xa lạ với việc chia xẻ quyền bính. Ông nại có tập trung quyền hành về trung ương để dẹp hết.

Tháng 9-54, ông Diệm bắt đầu gay gắt với Nguyễn Văn Hinh, tổng tham mưu trưởng quân đội, và các giáo phái. Ông được đại tá Mỹ Landsdale cố vấn, xúi dùng tiền mua chuộc các cấp lãnh đạo của các tập thể này để hủ hóa và chia rẽ họ. 22-2-1955, Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên thành lập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia (Mặt Trận Liên Tôn) chống Ngô Đình Diệm, tại Chợ Lớn. Ngoài Trung, Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng rút lực lượng võ trang về rừng núi, thiết lập chiến khu ở Quảng Trị, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

4-3, hộ pháp Phạm Công Tắc đại diện Mặt Trận đòi hỏi một chính phủ liên hiệp quốc gia. Ngày 22, Mặt Trận Liên Tôn gửi tối hậu thư cho Ngô Đình Diệm yêu cầu mở rộng chính phủ. Ngày 30, Bình Xuyên tấn công Bộ Tổng Tham Mưu. 28-4, nổ súng giữa nhà nước Ngô Đình Diệm và Bình Xuyên tại Sài Gòn. Ngày 29, Nguyễn Bảo Toàn, Hồ Hán Sơn, Nhị Lang chủ xướng thành lập Ủy Ban Cách Mạng Quốc Gia, đòi truất phế Bảo Đại.

2-5 quân đội được lệnh tiến vào đại bản doanh của Bình Xuyên. Ngày 9, chấm dứt chiến dịch Rừng Sác diệt Bình Xuyên.

21-9 đến 21-10, chiến dịch Hoàng Diệm chấm dứt cuộc xung đột giữa các giáo phái và nhà cầm quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 23, tổ chức... trung cầu dân ý. Ông Diệm được... 98.2% số phiếu, tự phong tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ riêng Sài Gòn, chôn nhĩ mục quan chiêm, tổng số cử tri 450,000 người, mà riêng số phiếu bỏ cho ông Diệm lên đến... 650,000. Làm các ký giả ngoại quốc được một bữa cười bẽ bưng!

\*

Khi chỉ định nhóm Bình Xuyên, những kẻ chuyên sống ngoài vòng pháp luật, bên lề xã hội, phụ trách cảnh sát công an, rồi đến cả việc tính đề Bảy Viễn thay thế ông Diệm, thì quả là ông cựu hoàng Bảo Đại lúc này đã quản trí rồi, nên khi ông Diệm dẹp xong phe chống đối, người dân Miền Nam dễ dàng chấp nhận mọi sự việc, miễn sao cho "yên đi một bề".

Thực ra không ai cần băn khoăn về quá khứ của ông Diệm. Ai cũng đều nghĩ hễ cứ không cộng sản là đã được rồi. Như vậy, ông Diệm có đủ mọi điều kiện lý tưởng mà chưa một người nào có nổi:

Thiên thời: Nam Việt Nam không còn là nơi Pháp thực dân và cộng sản tranh chấp, gây chết chóc, đổ nát. Bảo Đại đã đòi lại được hoàn toàn độc lập và giao toàn quyền cho ông. Mỹ viện trợ ông đến tối đa.

Địa lợi: Miền Nam không còn cộng sản. Ông Diệm có một miền đất đai trù phú, dân số ít, bản chất hào phóng.

Nhân hòa: Ai cũng hoan hỉ vì hết chiến tranh, hết cộng sản, hết thực dân, quyết tâm xây dựng cuộc sống êm đẹp cho chính mình. Chính cộng sản lại cũng triệt để ra lệnh cho đám đảng viên chúng gài lại phải nằm yên, không cựa quậy. Vậy mọi sự chỉ còn tùy thuộc duy nhất ở mình ông Diệm. Ông làm tốt, được sự ủng hộ của dân, cộng sản hết đường tuyên truyền nhảm, hết đường ngóc đầu dậy. Ông làm bậy, mất lòng dân, cộng sản chưa cần tuyên truyền, chưa cần ngóc đầu dậy, dân cũng sớm muộn tìm cách lật đổ ông.

## X

Bây giờ hết bom đạn, không còn chém giết, đánh đấm, ngoại nhân không còn cai trị người mình, thì chuyện hàn gắn xây dựng, dĩ chí đến cả giải trí, du hí là điều nên được đặt ra.

Tuy nhiên, bao nhiêu tiền kiếm được đã mang ra thanh toán nợ nần hết. Bọn Huân đã tính sai. Nếu chỉ rán chịu đựng thêm chút nữa, người di cư vào, đi lại tấp nập thăm thú nơi ăn chốn ở, các xe đồ chớ không hết khách, thì họ hẳn lại có thời. Ngay chỉ giữ lại cây xăng thôi, họ cũng đã có thể làm giàu. Đàng này, tất cả đều đã tung hê, thì làm gì cũng phải trên cơ sở không vốn liếng đó. Họ cho rằng một quốc gia độc lập hẳn cần kiến tạo trong nhiều lãnh vực. Nghĩa là cần một đội ngũ thợ thuyền hùng hậu về mọi ngành nghề. Nếu có tiền bạc để tạo dựng trường sở, mua sắm máy móc vật liệu, thuê mướn giáo ban, thì công việc huấn luyện cũng tương đối giản dị. Nhưng nay tiền bạc không có, rút kinh nghiệm bản thân đã từng học tập thành công nhờ các trường hàm thụ ngoại quốc, họ bèn quyết định mở một cơ quan giáo dục dùng phương pháp hàm thụ để đào tạo thợ thuyền tại Miền Nam Việt Nam.

Họ tính liên lạc với tất cả những trường hàm thụ danh tiếng trên thế giới để làm đại diện, xin bài vở về dịch ra tiếng Việt, thu nhận học viên, chuyên gửi bài vở dụng cụ vật liệu, theo dõi, chỉ dẫn, chấm bài, tổ chức thi cử, cấp phát chứng chỉ. Như thế, chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam sẽ có một số tài liệu giáo khoa và kỹ thuật giá trị, một số học viên đông đảo ở khắp ngang cùng ngõ hẻm, cả thành thị lẫn thôn quê, được huấn luyện một cách khoa học, hiệu quả, cả về lý thuyết lẫn thực hành, mà lại ít tốn kém. Sau đó có thể đi dần lên đến việc đại diện các trường đại học, các cơ quan trợ cấp học bổng, hướng dẫn người có chí tìm trường, tìm ngành, tìm tài trợ để du học ở các nước tiên tiến. Họ còn cao hứng đến mức tính tới cả việc sẽ thiết lập các trung tâm cố vấn gia đạo, tình duyên, hôn nhân bằng cách phối hợp các ngành tâm lý, y khoa, thẩm mỹ, thời trang với... tướng số, chi tay, chữ ký!!!

Rồi họ cử Huân và một người nữa đứng tên xin phép Bộ Quốc Gia Giáo Dục thành lập Trường Hàm Thụ Bách Khoa.

Ngoài ra, họ cho rằng đây là lúc kiếm ra tiền dễ dàng nếu đáp ứng được sở thích của người Miền Nam. Mà người Miền Nam thì có hai sở thích trội hơn cả, là nghe ca cải lương và coi bóng đá. Họ bàn nhau về một đài truyền hình di động nhỏ, đặt trên một chiếc xe "van", tới trực tiếp thu hình bất kỳ tuồng cải lương mới nào ngay tại rạp hay các cuộc đá bóng gay cấn ngay tại cầu trường để trực tiếp truyền hình. Hãy bắt đầu bằng Sài Gòn và các vùng phụ cận. Rồi sẽ tính đến chuyện tiếp vận cho lục tỉnh sau. Ngoài ra là quảng cáo thương mại. Nhưng thực ra đây chưa phải là mối lợi chính họ nhắm tới. Mối lợi chính là họ sẽ điều đình với mấy nhà sản xuất tivi cho độc quyền tại Việt Nam. Thế là họ cứ ngồi bán máy như trước đây bán vé máy bay ăn hoa hồng vậy. Vốn chẳng là bao, đã không sợ mất, mà thu vào lại bội. Cả bọn hí hửng với hai dự án của mình. Chẳng ngờ đợi dài cổ một thời gian, rồi thì được Bộ Kinh Tế gọi lên cho biết: - Truyền thanh và truyền hình là hai lãnh vực thuộc an ninh quốc gia, tư nhân không được quyền khai thác. Bộ hai anh muốn làm loạn hả?

Chấm hết.

Tiếp đến là Bộ Quốc Gia Giáo Dục đòi lên trình diện. Ở đây, thì vấn đề phức tạp hơn. Một vị nhân viên cho biết rằng:

- Ý kiến tạm chấp nhận được. Nhưng có điều các anh có biết Trường Bách Khoa là cái gì không?
- Dạ biết! Là trường dạy trăm nghề.
- Không phải! Trường Bách Khoa là École Polytechnique, một trường đại học danh tiếng của Pháp.
- Trường của Pháp thì ăn nhằm gì đến trường của chúng tôi?
- Ăn nhằm chứ! Vì nó tỏ ra tính cách bịp bợm, râu ông nọ cắm cằm bà kia. Mà các anh có đủ trăm nghề không?
- Dạ, hơn nữa ấy chứ, cả ngàn nghề cũng có chứ cứ gì một trăm. Mà chúng tôi làm thực, chứ có tính bịp bợm gì đâu.

- Vẫn không được. Các anh đổi tên khác, tôi mới cấp giấy phép. Chẳng hiểu tại sao lúc đó hai tên nhìn nhau, rồi cùng lắc đầu:

- Thưa ông, nếu ông chấp thuận thì chúng tôi mang ơn. Chúng tôi chẳng định lừa bịp ai. Và lại chúng tôi cũng chỉ vì thiện ý muốn đóng góp vào việc đào tạo người trong lúc đầu chúng ta còn thiếu thốn đủ mọi thứ này. Nếu ông không cấp giấy phép thì chúng tôi đành chịu, về kiếm công việc khác vậy. Và thế là hai tên lầm lũi ra về. Mà lạ, ngay lúc đó, cả bọn ai cũng cho việc hai kẻ đại diện làm là đúng mới kỳ. Chứ giá bỏ được những cái tự ái vặt, không chừng cũng sẽ tạo được một thành quả nào đó.

Tuy vậy, đó lại là một chuyện tái ông thất mã.

\*

Ít lâu sau, bỗng nhiên có một nhân viên USOM (United States Operation Mission, Viện Trợ Mỹ) và người thông ngôn đến tìm Huân, nói họ có được đọc hai dự án của hai người đứng tên tại Bộ Kinh Tế và Bộ Giáo Dục. Cơ quan họ muốn đề nghị cho hai người một ngân khoản trong điểm 4 của chương trình trao đổi Marshall để đi Mỹ, và yêu cầu hai người tới bàn giấy nói chuyện chi tiết.

Huân và bạn đến thì được biết hiện Hoa Kỳ có rất nhiều học bổng dành cho người Việt Nam. Tuy nhiên người Việt chỉ thích đi Pháp và học lấy bằng cấp cử nhân tiến sĩ Văn, Luật, Y mà không thích đi Mỹ và học về kỹ thuật, nên các học bổng đều bỏ phí, chưa bao giờ đụng đến. Họ tình cờ thấy hai dự án và lấy làm lạ về mối quan tâm thực tiễn của hai người. Vậy hiện tại không thực hiện được điều ước mong, thì hai người nên qua Mỹ quan sát một vòng để mở thêm tầm mắt. Hơn nữa, hiện Hoa Kỳ có chương trình yểm trợ chính phủ Ngô Đình Diệm đến mức tối đa, để tạo uy thế trong vùng và trên thế giới. Trong đó có một chương trình vô cùng quan trọng là việc thiết lập trung tâm kỹ thuật VIT (Vietnam Institute of Technology), đào tạo mọi ngành kỹ sư cho Đông Nam Á, để sinh viên toàn vùng đến du học. Hai người sau khi đi một vòng thăm các nơi, thì sẽ tới làm việc với một số bộ trưởng giáo dục của một số tiểu bang, một số viện trường của một số đại học, rồi về tổ chức trung tâm này.

Tiếp đến, Bộ Giáo Dục cũng phái một giáo sư đến loan báo Bộ sẵn lòng cấp học bổng cho hai người, theo lời đề nghị của USOM, thay cho dự án mở trường hàm thụ. Nếu bằng lòng nhận, Bộ sẽ ủy cho USOM lo liệu giấy tờ.

Hai người mang bàn thảo với cả bọn. Mọi người thấy chả đại gì mà từ bỏ cơ hội đi học hỏi xứ người. Cứ đi xem sao, rồi tới đâu tính đó. Thế là chỉ ít lâu sau hai tên tự nhiên được xe USOM tới tận nhà đón lên phi trường. Ở đó lại có cả mấy ông của Bộ Giáo Dục ra tiễn!!!

Lần này hai người đi ngược lại cái quá trình Hà Nội-Sài Gòn. Đang từ một buổi trưa nắng chói chang, qua các trạm ghé kỹ thuật Manila, Guam, Wake, Honolulu, họ rơi tòm vào một không gian mênh mông đèn đóm của thành phố San Francisco u ám rét mướt. Trên máy bay nhìn xuống, con đường Market dài bất tận rực ánh điện. Vừa được phái viên ra đón tận phi trường chúc mừng năm mới, đưa tới khách sạn, rồi từ giã ra về, hai chàng nhà quê chưa kịp nghỉ ngơi, đã thấy tiếng người huyên náo, rồi tiếng đập cửa ầm ầm. Mở ra, một lũ thanh niên nam nữ trẻ măng, đội mũ giấy, đeo mặt nạ, thổi kèn inh ỏi, ủa vào, ôm hôn chí chạp. Thì ra đó là tục lệ đón giao thừa của San Francisco! Hai tên bèn đi ngay đến kết luận: À, dân tộc này coi vậy có lẽ... chơi được!

Kể ra từ một quốc gia bị trị, lạc hậu, bước một bước sang một quốc gia tiên tiến bậc nhất thế giới, thì có nhiều cái làm cho hai người ngạc nhiên. Nhưng họ ngạc nhiên nhất có lẽ là về cái lịch sử, từ tế, cởi mở, đạo đức của dân chúng Mỹ nói chung và sự trưởng thành của đám sinh viên, sự rộng lớn và dồi dào về trường ốc, phương tiện của các trường đại học.

Sau thời gian quan sát và tập sự, cả hai đành cùng đi đến kết luận là Việt Nam không thể nào thiết lập nổi một viện kỹ thuật như kiểu MIT, Cal Tech của Mỹ. Dù cho tiền của viện trợ có dư dả đến đâu đi chăng nữa, thì trở ngại không thể vượt qua là khó có ai quan tâm nổi một viện đại học nó phải là như vậy. Ở Việt Nam, người ta chỉ quan tâm nhiều lắm là những phòng học, những giảng đường của các Trường Luật, Trường Thuốc, Cử Xá Đại Học ở Hà Nội là cùng. Làm thế nào có thể tưởng tượng nổi trường đại học là một thành phố nhỏ, có thư viện cả hàng triệu cuốn sách, có thao trường chứa cả mấy chục ngàn khán giả, có chi nhánh ngân hàng, có bưu điện, vv...

Nên họ làm một báo cáo chung, rằng không có khả năng để nhận trọng trách thiết lập Viện Kỹ Thuật Việt Nam, cùng xin ở lại khiêm nhượng học lấy một nghề hữu ích để về truyền thụ cho người ở nhà. Họ phân công: Người bạn học ngành ấn loát và báo chí; Huân học ngành giáo dục, điện và vô tuyến điện. Vì họ cho rằng, trong công việc kiến thiết đất nước, truyền thông, giáo dục là những phương tiện cần thiết, cụ thể và hữu hiệu hơn cả.

(Điều này, sau họ thấy là lầm lẫn to lớn. Việt Nam từ lâu vẫn cần người lãnh đạo có tài đức bao quát hơn là chuyên viên các cấp thừa hành).

## XI

Trừ các đảng phái, tôn giáo bị ông Diệm đàn áp, dân chúng dễ dàng chấp nhận nhà nước, hăng hái xây dựng, nên mấy năm đầu Miền Nam tạm khá quan. Khổ nỗi một khi chiếc ghế đã vững, ông Diệm và đám gia nô ngày càng lộng quyền, khiến lòng dân ngày càng bất mãn.

Sự tham nhũng của ông Diệm lên đến cùng cực. Nó không phải là nhà cửa, đất đai, tiền bạc, địa vị. Vì tất cả đều đã là của riêng ông. Ông muốn làm gì với chúng, muốn ban phát cho ai tùy ý. Điều ông muốn là mọi người phải coi ông là một vị thiên tử chỉ chịu có mệnh trời; toàn dân phải hoan hô đón rước ông, phải hát bài suy tôn ông, phải đứng lên chào kính hình ảnh ông; quốc hội, nhà nước phải quỳ lạy... Đức Thái Từ, mẹ ông; anh ông, một tham quan lại nhũng, được mang tên đặt cho con đường quan trọng nhất thủ đô! Tất cả mọi người làm việc cho nhà nước chỉ được ông coi là đám con ăn đầy tớ. Ông "mi mi tau tau" với họ. Một phụ tá đặc lực của ông đã phải đặt cho cái địa vị ông một cách vô cùng chính xác. Hoàng đế, chưa đủ. Tổng thống, chưa đủ. Ông phải là một... Tổng Đế!!! Dĩ nhiên vẫn có người bênh ông Diệm. Trước hết là những người được hưởng ân sủng hoặc có dính dấp đến chế độ của ông. Nhưng cũng có nhiều người chỉ gián dị là kẻ đồng đạo. Phần lớn họ chỉ bênh theo cảm tính, dù trước cả những sự kiện vô cùng cụ thể. Thí dụ ba điểm họ thường hãnh diện nêu lên hơn cả là:

### 1. Ông Diệm là người chống cộng.

Đây là một sai lầm căn bản. Chống là một thái độ, một hành vi thụ động, đỡ đòn địch thủ. Lý do chính của thái độ đó là vì ông Diệm đã chỉ ở tầm vóc tự nguyện làm tay sai cho Vatican và Hoa Kỳ để tiêu diệt kẻ nằn vừng và biến Miền Nam Việt Nam thành con dê ngăn chặn làn sóng cộng sản xâm nhập.

Với Việt Nam, việc chính là triệt tiêu chủ thuyết cộng sản tận cội rễ. Nghĩa là phải làm ngược lại điều cộng sản làm, là thực thi tự do dân chủ, làm cho nước giàu dân mạnh, trái với sự độc tài chuyên chính, ngu dân bần cùng hóa của cộng sản.

Còn chống cộng, hay đúng hơn diệt cộng, theo ông Diệm, là tiêu diệt đến người cộng sản cuối cùng tại giang sơn của ông, bằng bất kỳ phương cách nào, và kiểm soát để cộng sản từ Bắc khởi xâm nhập Miền Nam. Một việc không thể nào thực hiện nổi, chưa kể hoàn toàn phản dân chủ, tự do, không tôn trọng quyền tư tưởng của người khác.

Một khi chưa chỉ vạch cụ thể được cái sai trái của cộng sản, khiến người lầm đường lạc lối tự nhìn ra sự tai hại, thì khó lòng bắt buộc người ta chối bỏ nó. Huống chi chính mình, về thực tế, lại sử dụng ngay những phương pháp của cộng sản: phe phái, độc tài, tàn bạo, tham nhũng,... Một đảng thì cộng sản còn ở đảng xa, không ai thấy cái xấu, trong khi chúng hứa hẹn đủ điều. Một đảng chính mình lại làm đủ thứ mình lên án kết tội, và người dân thấy ngay trước mắt rằng sự tố cáo của cộng sản là chính xác, thì làm sao có thể giác ngộ được ai, làm sao diệt được cộng sản?

Và thực ra, một khi đầu thầu việc chống cộng thì có bao giờ muốn tận diệt cộng sản. Gian dị là vì sự tồn tại của cộng sản lại chính là lý do cho sự tồn tại của chính mình!

2. Ông Diệm mang được hàng triệu người Bắc di cư và tạo nên những vùng định cư trù phú ở Miền Nam.

Bản thân ông Diệm làm gì trong công việc này?

Với tầm hiểu hạn chế của một người tây phương, đại tá Landsdale, cố vấn của ông Diệm, cho rằng nếu có mấy trăm ngàn người công giáo di cư vào Nam làm hậu thuẫn, thì vị thế buổi đầu của ông Diệm vững hơn. Ông đại tá này không nghĩ đến việc đó sẽ làm suy yếu giáo hội công giáo Miền Bắc, việc công giáo là một tôn giáo của thiểu số ở Việt Nam.

Hoàng Bá Vinh cam đoan thừa sức đem những người đó vào cho ông Diệm, bao nhiêu cũng có. Vậy mà khi gặp khó khăn với các giáo phái, ông Diệm liền tính chuyện chạy làng. Hoàng Bá Vinh đã phải bảo ông, đại khái: Cụ bảo tôi đưa giáo dân vào cho cụ. Tôi đưa họ vào đây, nay cụ bỏ rơi họ đâu có được. Nếu cụ bỏ đi, tôi sẽ cho họ nằm vạ ra phi đạo xem cụ có đi được không? Cho nên ông Diệm đành ở lại. Thế thì là ông có công hay có tội đối với người đồng đạo?

Còn việc di cư, thì Mỹ huy động đủ mọi phương tiện, tiền bạc để đưa đón, với sự tiếp tay nồng nhiệt của bao nhiêu quốc gia. Các linh mục nhiệt thành lãnh đạo giáo dân. Giáo dân toàn là hậu duệ của những người từng theo doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ đi khai khẩn đất đai. Có tàu bè đưa đi, có cha cố hướng dẫn, có đất đai màu mỡ. Các linh mục đều muốn có giáo xứ trù phú. Các giáo dân đều là những người cần cù chăm chỉ. Nay bỗng dưng được giúp đỡ com gạo tiền bạc, cấp phát đất đai. Tất cả những yếu tố đó tạo nên thành quả.

Phần ông Diệm đóng góp gì? Ai trong trường hợp đó mà không có một thành quả tương tự hoặc gấp bội nữa, vì không bớt xén tiền viện trợ cho Tổng Ủy Di Cư. Thì sao lại cứ nhất định đó là công lao của Ngô Đình Diệm?

3. Còn ông Diệm, Mỹ không đem quân được vào Việt Nam.

Thì hãy theo dõi một số dữ kiện:

18-8-61, ông Diệm loan báo tình trạng tổ quốc lâm nguy. 13-10, ông sai Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng kiêm bộ trưởng Phủ Tổng Thống, xin Mỹ gửi đơn vị tác chiến, xin Đài Loan gửi 1 sư đoàn (Mỹ từ chối). 15-10, ông ban bố sắc lệnh SL209TTP đặt toàn lãnh thổ trong tình trạng khẩn cấp. 7-12, ông gửi thư cho tổng thống Kennedy (John Fitzgerald, 1961-63) trình bày tình trạng bi đát, kêu gọi giúp đỡ.

8-2-62, Mỹ thiết lập... Bộ Tư Lệnh MAC-V tại Việt Nam! Và vào giữa năm, số "cố vấn" đang từ 700 tăng lên... 12,000.

8-5-63 xảy ra vụ Phật Giáo ở đài phát thanh Huế. Ngày 22, tổng thống Kennedy tuyên bố sẵn sàng rút quân Mỹ về ngay ngày hôm sau nếu có sự yêu cầu của VNCH và hi vọng tình thế cho phép rút một số vào cuối năm. Ông Diệm không yêu cầu. (Trong Plausible Denial của Mark Lane, ông L. Fletcher Prouty, đại tá không quân trong Đệ Nhị Thế Chiến, từng phục vụ 30 năm trong ngành tình báo, và từ 1955 đến 1963 là trưởng nhóm Hoạt Động Đặc Biệt thuộc Ban Tham Mưu Liên Quân, xác nhận là: Sau khi gửi tướng Victor Krulak và Joseph Mendenhall thuộc bộ ngoại giao, rồi tướng Maxwell Taylor và bộ trưởng quốc phòng Robert McNamara qua Việt Nam điều nghiên việc Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam, tổng thống Kennedy không chỉ muốn rút quân đội mà là rút tất cả người Mỹ, kể cả viên chức CIA, đã ban hành chỉ thị National Security Action Memorandum 263 (NSAM 263) và ngày 2-10 tuyên bố 1,000 quân nhân Mỹ ở Việt Nam với tính cách cố vấn sẽ được hồi hương vào cuối năm 1963. Kenneth O'Donnell, từng là cố vấn của Kennedy, trong O'Donnell and Powers, Johnny, We Hardly Knew Ye, cũng viết là Kennedy sửa soạn đưa tất cả người Mỹ ở Việt Nam về, nếu thắng, sau cuộc bầu cử tổng thống năm 1964) Ông Diệm bị lật đổ. Chỉ bốn ngày sau khi Kennedy bị ám sát, tổng thống Johnson lại tái xác nhận việc rút 1,000 quân vào cuối 1963 của chỉ thị NSAM 263 bằng chỉ thị NSAM 273 ngày 26-11-1963.

Qua bao nhiêu cáo trạng, các tướng lãnh ai cũng giữ quân ở nhà để tranh giành quyền bính, tình hình quá nguy ngập, ngày 17-3-1964 mới có chỉ thị NSAM 288 về khả năng mang đơn vị chiến đấu bảo vệ khu vực Sài Gòn và ngày 25-5 thảo quyết định đệ trình quốc hội (và được chuẩn y) về việc quân đội Mỹ tham dự chiến đấu (the United States is prepared, upon request of the Government of South Vietnam or the Government of Laos, to use all measures, including the commitment of armed forces to assist the government in the defense of its independence and territorial integrity against aggression or subversion supported, controlled or directed from any Communist country).

Tuy vậy, mãi ngày 8-3-1965 (16 tháng sau), Mỹ mới đổ 1,500 thủy quân lục chiến ở Nam Ô (Đà Nẵng).

Thiết lập bộ tư lệnh với 12,000 cố vấn và đổ bộ 1,500 binh sĩ, cứ so sánh sẽ thấy rõ ràng Việt Nam đã bị xâm phạm chủ quyền nhiều dưới thời Diệm hay thời sau Diệm. Tình thế khác, đáp ứng khác. Với hơn 20,000 cố vấn, hơn 300,000 binh sĩ Trung Cộng ở Miền Bắc, thì Mỹ phải tăng quân ở miền Nam, đâu có phải vấn đề có ông Diệm thì Mỹ không đổ quân.

\*

*Một nhà được bốn... yêng hùng*

*Diệm ngu, Nhu ác, Cần khùng, Thục tham.*

Câu về thời thế này quả đã phản ảnh trung thực... đức tính mấy anh em nhà Ngô Đình.

Ông Diệm không phải là người khôn. Ông chỉ có thể là một kẻ thừa hành trung thành và mẫn cán. Nếu có một minh chúa, ông sẽ là một người trung quân ái quốc đáng khen. Bằng chứng là chính tích của ông thời Pháp thuộc.

Đưa ông lên vai trò lãnh đạo là một sai lầm to lớn. Ông sẽ chẳng làm nên trò trống gì nếu không có ông Nhu. Mà ông lại có rất nhiều nhược điểm, đến chính ông Nhu cũng phải phát mệt vì ông. Ông ngoan đạo kiểu đàn bà con nít. Ông tin vào cái thiên mệnh của mình như một người thời trung cổ. Ông nhìn đâu cũng thấy tội lỗi, không ai đạo đức, nắm được lẽ phải bằng ông. Ông ham quyền bính, ông tham lam quá độ. Ông đòi hỏi mọi người hoàn toàn tuân phục ông. Ông coi đất nước là của riêng, ông có toàn quyền thi ân bố đức. Mọi người đều là... xich tử, gia nhân. Mỗi khi gặp khó khăn, ông đầu hàng, chạy trốn. Trong các vụ Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Chánh Thi, Phạm Phú Quốc, Dương Văn Minh,... ông đều không biết ứng xử ra sao. Khi đắc thế, ông không phân biệt nổi lẽ phải trái. Ông cho rằng không ai được quyền phê phán chỉ trích ông, nên các điều nhóm Caravelle, đơn vị Dù, hai phi công Cừ-Quốc làm đều là những việc hỗn hào cần trừng trị, mà không hề có giá trị mở mắt cho ông biết lòng dân đã không còn chấp nhận ông nữa. Ngay đến cả vụ Phật Giáo, nói rằng ông kỳ thị thực ra là điều không đúng. Tất nhiên ông có cảm tình với Công Giáo. Nhưng ông cũng chẳng hề chèn ép Phật Giáo. Nếu có những điều bất công, phần đông là do các cha cố hoặc các cấp thừa hành thiên cận mà ra. Ông chỉ không có cái tầm vóc nhìn ra những sự việc sai trái đó mà thôi. Lý do chính yếu khiến phản ứng của ông mù quáng vẫn chỉ là cái nhược điểm độc tài chuyên chế của ông mà ra. Phật Giáo đã động chạm đến cái điểm nhạy cảm nhất của ông Diệm, là thách thức uy quyền của ông ta. Điều này là việc không thể tha thứ được đối với ông. Và đó là điểm dẫn ông đến cái chết.

Ông Diệm không hề biết lòng dân đã chán ngán ông đến cực độ. Ông không hề biết đám con ăn đầy tớ của ông chẳng có kẻ nào thực sự có khả năng và giám sát chặt chẽ vì ông. Trái lại là đàng khác. Toàn những hạng như Nguyễn Văn Y, tổng giám đốc Cảnh Sát Quốc Gia chỉ biết nhắm mắt vàng lờ, không giám bản khoản, không giám thừa thốt, không giám lý đến nhân luân, luật pháp. Nhìn thấy bút phê của ông bảo "giải quyết", chẳng biết giải quyết là thế nào, mà hùng hục mang người đi thủ tiêu. Như Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Quốc Phòng kiêm bộ trưởng Phủ Tổng Thống thấy ông ở thế nguy liền trốn biệt. Ngay đến cả những kẻ mang đầy huyền thoại và đáng lý phải biết những âm mưu động trời, như giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị Trần Kim Tuyền, giám đốc Nha An Ninh Quân Đội Đỗ Mậu, thì cố vấn Ngô Đình Nhu cũng đành thờ dài, nhún vai mà rằng: "Đồ vô tích sự. Việc của lũ mi là trước khi việc xảy ra, không phải là lúc việc đã xảy ra rồi", khi hai vị này nhón nhác chạy vào Dinh sau sự biến. Nói của đáng tội cũng chẳng phải lỗi ở họ. Ông Nhu chỉ dùng cơ quan của họ làm bình phong cho ông thi hành thủ đoạn. Thành công, ông rung đùi tự đắc. Thất bại, họ chịu gờ đầu búa rìu dư luận. Ông đâu có cho họ quyền tự quyết đoán, có sáng kiến, mà chỉ phải tuân hành. Thế cho nên anh em ông bị chính đàn con ăn đầy tớ đó phản bội khi không còn quyền lực. Hai ông vẫn ngu ngơ đến giây phút cuối cùng. Và rồi phải vào tá túc nơi nhà một... Hoa Kiều, mà không kiếm ra nổi nhà một đồng đạo, một đồng bào ruột thịt nào giám cứu mang lúc nguy nan!

Ngoài tội "tham nhũng" quá đáng kể trên, tội nặng nhất của ông Diệm, và cả của ông Nhu, là, do mục hạ vô nhân, đã làm tiêu tan luôn một chút liêm sỉ còn lại của những cộng sự viên, của nhân viên nhà nước thần phục "tinh thần Ngô Đình Diệm" cụ cụ con con, đi giật lùi trước mặt họ, để ăn ké. Và, từ đó, lan ra nơi người Việt Miền Nam phải sống dưới chế độ của một cá nhân tự cho mình là ông trời con!!!

\*

26-1-1960, tàn quân Bình Xuyên (chạy ra bung hợp tác với cộng sản hồi 1955) đánh trại Tráng Sục (Tour 2) Tây Ninh, mở đầu chiến dịch xâm lăng Miền Nam. 26-4, mười tám nhân vật tên tuổi hợp ở khách sạn Caravelle làm thỉnh nguyện thư gửi Diệm khuyến cáo về nạn độc tài, nguy cơ cộng sản. 11-11 một số sĩ quan binh chủng Dù làm đảo chính. 19-12, cộng sản lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam. 27-2-62, hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cừ (nhóm Việt Nam Quốc Dân Đảng Nguyễn Văn Lực) thả bom Dinh Độc Lập, nơi Ngô Đình Diệm và gia đình Ngô Đình Nhu ở và làm việc.

Trưa ngày 1-11-1963, ông Diệm bị các tướng lãnh đảo chính. Ông và ông Nhu, em ông, bị hạ sát.

Cho đến nay, không một ai trong nhóm đảo chính giám có can đảm tự nhận việc ra lệnh giết hai vị quan thầy của họ.

Dĩ nhiên, ở một nước mà luật pháp phân minh, thì các ông Diệm Nhu sẽ được tòa án xét xử. Nhưng nếu luật pháp mà phân minh thì đã chẳng có chuyện lạm quyền đến nỗi phải đảo chánh. Và những kẻ lạm quyền, bất kể đến quyền lợi quốc gia dân tộc, thì có bị chết cách nào đi nữa, cũng đáng đời thôi. Và có mang ra tòa, thì các ông đó cũng lại cái chây cái cối kiểu Ngô Đình Cẩn: Tôi quân sự không biết, hành chánh không biết, học hành tầm thường, làm sao có thể ra lệnh cho ai được. Thật không còn một chút liêm sỉ!!!

Đệ Nhất Cộng Hòa không phải là một chính thể luật pháp phân minh. Hơn nữa, tay chân của hai ông Diệm Nhu còn nhiều. Nếu hai ông còn sống, thì chuyện tranh giành, chém giết có thể sẽ còn rất lòng thòng, không biết bao giờ chấm dứt. Vậy kẻ nào đó chủ trương việc giết hai ông Diệm Nhu cho yên chuyện chúng tôi đã vô cùng sáng suốt. Chẳng cần phải mất công đổ tội đổ lỗi cho tổng thống Kennedy. Điều oái oăm là, ba tuần sau, ngày 22, tổng thống Kennedy cũng lại bị ám sát tại Dallas, khiến những người bênh ông Diệm cho là... quả báo nhân tiền!!! Những kẻ lật ông Diệm đều thuộc đám con ăn đầy tớ của ông ta. Cái thế lòng dân và chính sách của Mỹ khiến họ không làm gì được khác hơn là phải đảo chính ông để cứu lấy chính bản thân họ.

Một khi con gà đầu chuông bị búng đi, tất nhiên cái quyền khổ đầu, cái trật tự mô phạm được tái thiết lập. Lại thêm tình trạng tranh chấp ảnh hưởng giữa hai tôn giáo: Phật Giáo và Công Giáo. Thế là bắt đầu một giai đoạn xáo trộn, lũ cây cáo được dịp tung hoành.

Vì sợ đám tướng lĩnh "già" Minh, Đôn, Kim, Xuân, Đỉnh, Vỹ bị ảnh hưởng nhiều của Pháp, Mỹ xúi giục đám tướng tá ham quyền bính, bất mãn về địa vị, gồm trung tướng Trần Thiện Khiêm, tư lệnh Quân Đoàn III, trung tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh Quân Đoàn II, đại tá Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh Quân Đoàn I... chính lý nhà nước do Dương Văn Minh làm tổng thống, Nguyễn Ngọc Thơ làm thủ tướng, ngày 30-1-1964. Nhóm Đại Việt Quốc Dân Đảng cũng tham dự, tính việc đảng trị, nhưng bị đám tay sai Mỹ trên đây qua mặt. Nguyễn Khánh lên làm thủ tướng, Trần Thiện Khiêm tổng trưởng Quốc Phòng.

[2-8-64, chiến hạm Maddox của Hoa Kỳ, tuần tiễu ở Vịnh Bắc Việt, bị ba tiểu đĩnh Việt Cộng rượt bắn và phóng ngư lôi. Hai ngày sau, tổng thống Johnson (Lyndon Baines, 1963-68) ra lệnh oanh tạc Bắc Việt trả đũa. Có dư luận là vụ này do Hoa Kỳ tạo dựng ra để gây chiến]

Bỗng nhiên được làm thủ tướng, nổi lòng tham, âm mưu loại đối thủ, xui nguyên giục bị, tạo xáo trộn để leo cao hơn nữa, 16-8, Nguyễn Khánh họp Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ở Vũng Tàu ban hành hiến chương mới, bầu y làm chủ tịch Việt Nam Cộng Hoà. Ngày 22, sinh viên đưa kiến nghị phản đối. Ngày 27, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng quyết định phó thủ tướng Nguyễn Xuân Oánh thừa ủy nhiệm điều khiển chính phủ.

5-9, Dương Văn Minh được bầu làm chủ tịch Ban Lãnh Đạo Lâm Thời Quốc Gia Và Quân Lực. Ngày 13, trung tướng Dương Văn Đức, thiếu tướng Lâm Văn Phát kéo quân về Sài Gòn-Gia Định nhân danh... Hội Đồng Quân Dân Cứu Quốc tuyên bố... vẫn hồi trật tự. Ngày 24, Ban Lãnh Đạo Lâm Thời Quốc Gia Và Quân Lực chỉ định 17 hội viên Thượng Hội Đồng Quốc Gia.

24-10, đại tướng Trần Thiện Khiêm bị đẩy đi làm... đại sứ tại Hoa Kỳ. Thượng Hội Đồng Quốc Gia tuyên nhiệm chủ tịch Phan Khắc Sửu làm quốc trưởng. Ngày 31, Trần Văn Hương được bổ nhiệm làm thủ tướng.

4-11, chính phủ Trần Văn Hương ra mắt. Trung tướng Nguyễn Khánh thay thế đại tướng Trần Thiện Khiêm làm tổng tư lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. 7-11, trung tướng Dương Văn Minh "được" cử làm đặc phái viên của quốc trưởng tại... ngoại quốc.

16-11, sinh viên yết kiến quốc trưởng yêu cầu... giải tán chính phủ Trần Văn Hương.

27-1-1965, Hội Đồng Quân Lực bắt tin nhiệm chính phủ Trần Văn Hương. (13-2-1965, tổng thống Johnson chấp thuận chiến dịch Rolling Thunder oanh tạc dài hạn Bắc Việt. 8-3, đơn vị thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đầu tiên đổ bộ lên Nam Ô (Đà Nẵng)

Ngày 16-2-65, Phan Huy Quát trình diện nội các.

Ngày 19-2, thấy Nguyễn Khánh quậy phá quá, Mỹ lại xúi đại tá Phạm Ngọc Thảo đem một số binh sĩ và chiến xa chiếm đóng vài địa điểm trong đô thành, nhân danh Lực Lượng Bảo Vệ Dân Tộc chống Nguyễn Khánh. Ngày 20, Hội Đồng Quân Lực họp, quyết định cử trung tướng Trần Văn Minh làm tổng tư lệnh.

5-6, quốc trưởng và thủ tướng dân sự bất đồng ý kiến, cùng từ chức, giao quyền lại cho chính phủ quân nhân. Ngày 19, Nguyễn Văn Thiệu được Đại Hội Đồng Tướng Lãnh cử làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia; Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương. Nội các... chiến tranh của Nguyễn Cao Kỳ ra đời. Và rồi. cuối cùng, Mỹ tìm ra được tay sai tin cẩn... tổng lý Nguyễn Văn Thiệu thay thế... tổng phê Ngô Đình Diệm.

## XII

Thực ra, trong những năm xáo trộn, Huân ở ngoại quốc, không có ý niệm gì rõ rệt. Hồi cuối 1963, một số người quen đến rủ về nước tham gia đảo chính. Huân hỏi họ sau ông Diệm là cái gì, ai sẽ thay ông ta? Họ cho biết là nhóm... Minh Đôn. Huân cười và bảo họ: Thay một ông chủ bằng lũ con ăn đầy tớ của ông ta thì khá sao được!

Sau đó một thời gian, thấy tình hình bất ổn, Huân quyết định hồi hương. Trước khi về, dành dụm được một số tiền, Huân gửi về, dặn Phương kiếm mua căn nhà mặt tiền để thực hiện mộng làm ăn. Huân biết chắc mình tính đúng: về nước lúc Mỹ kéo sang đông, thanh niên nam nữ Việt Nam cần học nghề nghiệp thực dụng, Mỹ kiều cũng như dân chúng Việt Nam cần những dịch vụ cao cấp. Có một cửa hàng mặt tiền, vừa bán hàng, vừa sửa chữa, vừa làm văn phòng, vừa làm lớp học dạy nghề; phối hợp mấy thứ, vừa tiết kiệm vật liệu, nhân công, vừa sẵn công tác thiệt thọ để huấn luyện học viên đến nơi đến chốn, Huân chắc thế nào mình cũng thành công.

Đúng lúc đó Phương muốn mua một căn biệt thự để ở, lấy chỗ rộng rãi yên tĩnh cho con cái học hành, yêu cầu Huân gửi thêm để mua cho xong và tính sẽ bán căn nhà đang ở để mua nhà mặt tiền sau. Huân không biết thực trạng bên nhà ra sao, chỉ biết đi vay để gửi về.

Không ngờ căn biệt thự nằm trên một đường kẹt xe, không tiện cho con cái đi học, đành để cho người Mỹ thuê, trong khi vẫn phải ở nhà cũ, mà giá nhà mặt tiền bỗng nhảy vọt, không còn cách gì mua nổi. Huân đành quên chuyện mở tiệm, mở lớp, mở văn phòng, lui thủ đi làm. Lương công chức cao cấp chưa bằng một phần năm, một phần mười của nhân viên sở Mỹ.

Do tình hình chiến sự, Mỹ ồ ạt tới.

Huân lấy làm lạ rằng, người Mỹ làm cái gì cũng luôn luôn có kế hoạch, nghiên cứu rất chu đáo trước khi thi hành. Việc mang quân sang không phải là chuyện bất ngờ, chợt đến. Vậy mà binh lính Mỹ ùn ùn kéo sang, các hãng thầu nối tiếp theo chân tới làm ăn kiếm chác một cách vô cùng hỗn loạn. Thì chỉ có thể cho rằng đó là sự cố tình, một chính sách của Mỹ tại Việt Nam. Huân nghe đâu không hề có ký kết một văn bản, một qui chế ngoại giao nào. Tất cả mọi người Mỹ, và có lẽ cả những người nước đồng minh với Mỹ, tới Việt Nam, đều được hưởng qui chế ngoại giao, tòa án Việt Nam không được quyền xét xử. Huân có một người bà con nhỏ tuổi rất xinh đẹp, chiều ở trường về, đi trên lều với bạn, bị lính Mỹ lái xe trâu chọc, chồm lên cán chết. Thân nhân đi khiếu nại tòa đại sứ Mỹ, được luật sư của họ cho biết, vì nhân đạo, chính phủ Mỹ tặng 50 đô la phí tổn chôn cất. Thế là may lắm rồi, còn đi đến đâu nữa cũng vậy mà thôi! Mỗi lính Mỹ bị động viên, ngoài chuyện quần áo ăn ở miễn phí, được mua hàng họ rẻ mạt tại PX (Post Exchange, một thứ quân tiếp vụ), lại còn được lĩnh mỗi tháng 400 đô la. Với Mỹ, 400 đô la tiêu vật hàng tháng đã là nhiều. Với hối xuất trung bình 1 đô la ăn 500 đồng Việt Nam, số tiền đó là 200,000. Rồi những người Việt làm việc chân tay hay bán giấy cho sở công, tư Mỹ lãnh từ ba, bốn chục đến hai ba trăm ngàn đồng, trong khi lương một công chức, quân nhân của nhà nước Việt Nam, từ nhỏ đến lớn, khoảng cỡ dăm sáu đến vài ba chục ngàn. Họ vốn là những người được ưu đãi về sự thu nhập hàng tháng xưa nay, bây giờ phải tranh giành mua bán nhu yếu phẩm với đám người lãnh tiền Mỹ, mà phải cuu mạng cả một tiêu gia đình thường đông đảo, nhiều khi luôn cả đại gia đình, thì làm sao sống nổi, và còn lòng dạ nào để làm việc cùng cố chính quyền? Hệ quả tất nhiên là vật giá leo thang phi mã, trật tự xã hội đảo lộn, tinh thần người Việt sa đọa trầm trọng hơn bất cứ bao giờ.

Ngoài ra, ở một số lãnh vực khác, trong chính trị, trong các công việc phục vụ cho chính sách Mỹ, cho đoàn quân viễn chinh cũng đương nhiên thiết lập một thang giá trị mới, mà người dân chằm biếm lúc đầu bằng câu "Nhất đĩ, nhì sư, tam cha, tứ tướng" nhưng rồi sau biến thành "Nhất đĩ, nhì xi, tam sư, tứ cố". Mấy cô phục vụ cái dâm của đám công tư chức, sĩ quan binh lính Mỹ leo lên đứng hàng đầu xã hội, vì họ kiếm được lắm tiền nhiều bạc, mua được bất cứ thứ gì họ muốn; rồi đến mấy tài xế tắc xi đưa đón các cô này; tiếp sau là mấy ông thầy chùa lúc này lên chân, sau khi tưởng rằng mình lật được ông tổng thống công giáo; kế tới mấy ông linh mục lợi dụng tín hữu lũng đoạn chính tình, kinh tế. Các ông tướng tá nắm quyền hành, có bom đạn súng ống quân lính để tha hồ múa gậy vườn hoang, hét ra lửa mưa ra khói mà đã bị loại ra khỏi bảng xếp hạng quyền uy. Huân biết rõ chính sách Mỹ, không đồng ý việc họ lợi dụng những kẻ cầm quyền tại Việt Nam để làm tan hoang đất nước mình, mà ngoài miệng vẫn to mồm rao giảng tự do dân chủ, thành không thể muối mặt đi làm cho họ, lại cũng không thể theo giải pháp chạy tiền mua chiếc xe gắn máy để chiều chiều làm "xe ôm" chở các cô "gái bán ba", thay cho tắc xi không đủ nhu cầu, đành tự nhủ: Nhân chi sơ vong, vô phú quý. Bang vô đạo, phú thả quý yên, si đã. Với lương hơn chục ngàn cộng hơn hai chục ngàn cho thuê nhà, mà gia đình không quá ư đông đảo, thì cũng từng tiệm qua ngày đoạn tháng.

Nhưng Phượng thì không nghĩ thế. Những trường Huân ở ngoại quốc về thì sẽ có chức lớn lương cao. Ai ngờ chàng vác chiếc xe đạp ngày ngày lóc cóc đi dạy học, lương chưa bằng một nửa, một phần ba của người dọn giường trải nệm cho một quân nhân Mỹ. Các con Huân cũng cho rằng cha làm chúng mất mặt với đám bạn bè. Bây giờ thì không còn chuyện phục tùng nữa. Lúc đầu, Huân vẫn cố chứng tỏ uy quyền, nhưng tất nhiên là không xong. Chàng liền tính cách chứng minh cho Phượng biết là với hai món thu nhập mà cố thu vén thì cũng không đến nỗi nào, bèn bắt đầu ghi chép mọi sự chi tiêu hàng tháng, bất kỳ lớn nhỏ. Thì Phượng lại cho rằng Huân tính tình biền lận, đưa vợ con đi ăn châu phở cũng ghi, mua thùng bột giặt cũng vào sổ.

Nhìn quanh, Huân thấy chẳng phải chỉ riêng mình, mà rất nhiều gia cảnh khác cũng tương tự. Các người chồng người cha chỉ còn biết chấp nhận sự miệt thị của vợ, của con.

Cho đến một hôm Huân mang một số đồ dư thừa, trước đây do chính chàng bỏ tiền mua, cho người bạn mới dọn nhà. Đưa con gái lớn cầm lại, không cho người bạn mang đi. Huân quát mắng, nó liền trả lời: Đồ đạc cái gì trong nhà này cũng đều là của mẹ. Ba làm gì ra tiền mà mua?

Đến nước đó, thì Huân thấy ở nhà với vợ con cũng bằng thừa, bèn tìm nơi khác trú ngụ.

\*

Không ai có thể bắt những thanh niên Mỹ bị động viên đi làm một nghĩa vụ hết sức mơ hồ, những viên chức Mỹ đi làm ở một nơi xa xôi, những công dân Mỹ đi kiếm chác cơ hội, tiền bạc phải từ bỏ các tiện nghi, phải sống khắc khổ, đạo đức, hòa mình với đám người bán xứ nghèo đói lạc hậu. Cũng không ai có thể chê trách những thị dân Việt Nam chụp giựt mọi cơ hội, thì hành mọi thủ đoạn để kiếm chác, những nông dân bỏ quê hương làng mạc bị càn quét, bom đạn, bắt bớ, thủ tiêu ra thành phố bán sức lao động, bán thân xác đổi lấy những món tiền quá ư hấp dẫn.

*Rót tú tài, anh đi hạ sĩ*

*Em ở nhà, lấy Mỹ nuôi con*

*Anh đi trả nợ nước non*

*Khi về, anh có Mỹ con anh bông.*

Người chồng, người cha quân nhân công chức lãnh đồng lương không đủ nuôi riêng chỉ bản thân mình, thì đành phải để vợ đi làm cho Mỹ.

Chỉ cần nói đến loại người nhỏ nhoi nhất mà thôi: người lính Mỹ trẻ bị động viên trên đây. Họ không tốn kém gì nhiều. Với hối suất 1 ăn 500, họ chỉ cần bỏ ra mỗi tháng 50 đô la là đã có hẳn một người hầu hạ com bung nước rót,

giặt giũ áo quần, quét tước nhà cửa, làm giường làm chiếu, sai bảo đủ thứ. Thêm một chút quà cáp, dù chỉ là những đồ mạt hạng, như cục xà bông, vài món đồ hộp được đơn vị phát hay mua rẻ rẻ tại PX là đã trở thành những hoàng tử sang giàu, hào hoa, trẻ đẹp đầy quyền rũ, so với đàn ông Việt.

Nhưng với người Mỹ, những sự phục vụ kê trên chưa phải là điều quan trọng. Điều quan trọng hàng đầu của họ là thỏa mãn dục tính. Nên làm công cho họ, cả ở nơi đồn trú lẫn ở thành phố, cũng gần đồng nghĩa với bán luôn thân xác. Đa số bọn họ lại đều thừa khôn ngoan, thực dụng. Chỉ cần 50 đô la đó, họ thuê một căn phố nhỏ, đến "văn phòng dịch vụ" kiếm một người chưa chồng con hay sẵn sàng từ bỏ chồng con, biến người đó thành "người vợ" tạm thời. Cả hai "vợ chồng" sống thừa sung túc bằng cách đưa những món mua rẻ ở PX cho "người vợ" mang ra bán lại ở chợ trời. Từ tế nữa thì phát thêm mấy chục đô la, và thực sự trở thành những Charming Princes (hoàng tử quyền rũ) bằng xương bằng thịt, vì những "người vợ" này đã nuôi được cả cha mẹ, anh em, con cái,...

Với những cậu trai Mỹ 18, 20 tuổi lông lá xồm xoàm thì các bà, các cụ 40, 50 tuổi người Việt cũng còn mát da mát thịt, trẻ trung chán. Đến khi hết hạn về nước, thì sang "cả nhà, cả vợ, cả con" lại cho... thân hữu, nhiều khi còn có lời!

Do đó, tại Việt Nam bỗng phát triển những ngành nghề... tối tân: doanh nghiệp tìm vợ cho Mỹ, kỹ nghệ làm vợ Mỹ, nghệ thuật phục vụ Mỹ,... Với thành phần nghèo đói, nạn nhân chiến tranh, việc phải sống, phải thích ứng với hoàn cảnh là chuyện không sao tránh khỏi. Nhưng cả những thành phần dư thừa, ôn cố cũng không chịu bỏ qua cơ hội. Miễn là người Mỹ biết đúng cách hoặc trả đúng giá. Các ông khoa bảng, các bà "mệnh phụ" cũng thi nhau nhiệt liệt xách giầy xách giếp, buôn bán tình ái cho Mỹ và với Mỹ. Rồi với cả Thái Lan, Phi Luật Tân, Đài Loan, Đại Hàn,...

Sự sa đọa cùng cực ở tất cả mọi giới chỉ có thể qui trách vào những kẻ cầm nắm giềng mối của hai quốc gia Mỹ-Việt. Phía Mỹ thì bắt kể đến Việt Nam mà chỉ cần được việc cho mình. Còn phía Việt thì bắt kể đến nhân dân mà chỉ cốt làm vui lòng ông chủ để thu lợi cho bản thân và bè lũ.

Và thế là luân thường, đạo lý, thuần phong, mỹ tục, truyền thống Việt Nam của tiên tổ ông bà bốn ngàn năm để lại, một sớm một chiều được người Mỹ và lũ tay sai mang đổ xuống sông xuống biển. Và rồi có người Mỹ giấm lớn tiếng xi và Việt Nam là ổ điếm, người Việt Nam là thò đế, nhưng lũ cộng sản Việt Nam lại là vĩ nhân, là anh hùng!!!

\*

Lúc này Hường thường hay bốc đồng. Có những lúc nằng tới Huân, lôi chàng lên xe, lái một mạch ra xa lộ, bắt ngồi ở vệ đường, nhìn mông ra cánh đồng, nhiều khi chẳng chuyện trò gì cả, rồi lại đưa chàng về.

Hai người quen nhau trong một khóa hội thảo. Hồi đó, số người Việt ở Hoa Kỳ rất ít, ngoài một nhóm tụ tập tại Chicago do linh mục Houssa bảo trợ. Vào năm 1950, linh mục Houssa đã tính thiết lập một đại học tại vùng Phát Diệm tự trị, nhưng việc không thành, ông xoay sang tuyển chọn người cho đi du học để về tham dự công việc nhà nước Việt Nam. Những người này sau giúp cho ông Diệm rất nhiều trong buổi đầu về chấp chính. Linh mục Houssa cũng cho người tới đề nghị Huân đi du học, nhưng Huân từ chối, vì thấy có tính cách tôn giáo riêng tư. Sau, ở Hoa Kỳ, ông lại tới thăm Huân tại trường, nhưng Huân lơ là trong việc liên lạc nên ông cũng chán luôn.

Hường tốt nghiệp École Polytechnique Féminine của Pháp, sang Hoa Kỳ tu nghiệp một thời gian, đại diện nhà trường đi dự khóa hội thảo. Cha Hường là công chức, xưa được nhà nước bỏ vào Nam làm việc, rồi vợ chồng ở luôn lại lập nghiệp, sinh con đẻ cái. Thành ra cha mẹ Hường thuộc loại "Bắc Kỳ cũ", lại có người con lớn ra bung thời kỳ Nam Bộ Kháng Chiến, mãi đến khi Hiệp Định Genève ký kết mới trở về, do đó cả gia đình đều có cảm tình với chế độ Miền Bắc. Danh sách hội thảo viên chỉ có hai người Việt nên dĩ nhiên họ tìm gặp nhau. Trong những thì giờ rảnh rỗi, Hường hỏi Huân về chuyện hai nhà nước Nam Bắc. Huân thành thực trình bày và vạch ra cái nhìn nhằm lẫn của những người "Bắc Kỳ cũ" đối với việc di cư cũng như sự chọn lựa đúng đắn của đám người chạy trốn cộng sản.

Sau đó, Hường thường thư từ liên lạc để hỏi Huân về những hành sự, ngôn ngữ của cha mẹ và bạn bè họ, đám người Bắc Kỳ lớn tuổi, mà đám trẻ sinh trưởng tại Miền Nam, học trường tây trường đầm không sao hiểu rõ. Biết đến đâu, Huân giải thích đến đó, chắc là Hường tin nhiệm nên dần dần hỏi han cả đến những chuyện tâm tình. Huân thấy cũng chẳng có gì phải né tránh.

Khi xong việc tu nghiệp, Hường tới thăm Huân trước khi đi một vòng quanh Hoa Kỳ, để rồi về nước. Trong thời gian này, Hường nói về tình cảm của mình. Dù biết rành mạch Huân chẳng có tiền của, địa vị, lại có vợ có con, cùng biết mọi chi tiết về tên tuổi, tính tình, sở thích của vợ con, anh em, cha mẹ Huân, Hường vẫn cho rằng chẳng thấy trở ngại gì đối với mình. Hường sẽ chính thức làm bé nếu Phụng đồng ý. Bằng không, Hường sẽ ra ở riêng để Huân tiện tới lui. Thực ra những năm chung sống dè dặt với Phụng, Huân cũng thấy thêm muốn một tình cảm thầm thiết. Vì ngay cả những khi hai người xa nhau, Phụng cũng rất ít thư từ. Và có, thì cũng thờ ơ, cho có lệ. Bây giờ, trước tâm tình nồng nàn của Hường, Huân xúc động, nhưng vẫn bình tĩnh phân tích:

- Em còn trẻ, con nhà gia thế, lại có đạo. Ba má em quen biết lớn ở Sài Gòn. Em không được liêu lĩnh, mà còn có bốn phận với mọi người.

Vợ chồng lấy nhau là để sống với nhau suốt cuộc đời. Nếu Phụng bỏ tôi, không chừng tôi sẽ nghĩ đến chuyện kiếm một người bạn đời thay thế. Nhưng thực ra chưa chắc tôi đã làm. Vì tôi nghĩ cuộc đời là vô lý, chính mình không thấy nó ra cái gì, thì tại sao lại còn lôi người khác vào cái vòng luân quần đó nữa. Hường khóc vui, nhưng, sau khi đi vòng Hoa Kỳ, trước khi lên máy bay về nước, vẫn gọi cho Huân:

- Bây giờ em về. Anh tính sao, bảo em phải làm gì?  
 - Việc đầu tiên cần làm là em hãy nghĩ đến chuyện lập gia đình.  
 - Anh nói kỳ hết sức. Em thương anh, mà anh lại giục em lập gia đình.  
 - Em cứ nghe đi, và rồi thấy mọi sự sẽ an bài. Em là người giàu tình cảm, đâu có thể sống cô đơn.  
 Huân thừa biết mấy cô gái trẻ hay để con tim điều động, nhưng khi đối diện thực tế thì rồi bản chất đàn bà nổi lên, làm sao có thể chấp nhận một kẻ không địa vị, tiền bạc như chàng.  
 Bây giờ, thỉnh thoảng Hường đến lôi Huân ra xa lộ, và đôi lúc chắt vắn chàng:  
 - Giờ không còn ở với chị Phượng, anh tính sao đây?  
 - Tính gì nữa. Tôi đã nói với em rồi. Tôi với Phượng dù chẳng có tình, nhưng vẫn còn cái nghĩa.  
 Cuối cùng Hường lập gia đình với người bạn quen hồi bên Pháp, khi đi du học cùng ở Paris, vừa mới hồi hương.  
 Huân cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng hơi buồn cười là Hường không hề cho Huân biết một chút gì về chuyện lấy chồng. Sau đó, mỗi khi gặp nhau, Hường lạnh nhạt như hai kẻ chỉ quen biết sơ sơ.  
 Huân thấy đó là một điều may mắn, nhưng lại cũng đành phải thú nhận không thể nào hiểu nổi đàn bà.

\*

Vợ chồng Yến chắt vắn:  
 - Sao anh không ở với chị ấy nữa?  
 Huân xịu mặt, giọng ngậm ngùi:  
 - Chú đi lại còn hỏi! Chú đi yêu nhau mà lấy nhau. Hơn nữa hiện nay chú đi làm sở Mỹ, lương lớn.  
 Tôi với bà Phượng không thể. Bà ấy miễn cưỡng lấy tôi, miễn cưỡng sống với tôi. Đến nay, thì dúi rách to, mối liên hệ trở thành thâm thối. Tôi là một cái tệ mặt đã leo hánh tới cái quá cao xa. Kéo dài mãi chỉ tổ làm trầm trọng thêm những mặc cảm cho cả hai bên. Thà mỗi người sống riêng rẽ, cả hai sẽ đều thoải mái hơn. Yến chép miệng:  
 - Mọi cái đều là tại anh. Anh cũng đi đây đi đó, bằng nợ cấp kia, mà người ta thì xe hơi nhà lầu, còn anh cứ lóc cọc chiếc xe đạp, còn trách ai.  
 - Tôi có trách ai đâu. Khổ nỗi chính lại vì cái đi đây đi đó, bằng nợ cấp kia khiến tôi không thể xe hơi nhà lầu như thiên hạ được mới là chuyện buồn cười.  
 Chồng Yến cười:  
 - Hèn nào ai cũng kêu anh gàn. Chẳng oan tí nào cả.  
 - Tôi cũng thừa biết bà Phượng khoái các ông tướng tá, tổng bộ trưởng, nghị sĩ, dân biểu. Nhưng chú nghĩ xem! Làm đến cỡ Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm cũng chỉ tổ cho người ta đào ông bới cha lên thôi. Chả lẽ mình lại còn đi làm đầy tớ cho lũ đầy tớ để ông bà tiên tổ chết không nhắm mắt dưới mồ hay sao?  
 Yến tiếp lời:  
 - Nhưng thực ra "tại anh tại ả, tại cả đôi bên". Bà Phượng nếu không ưng thì sao không gạt phắt ngay từ đầu mà lại cứ nửa nạc nửa mỡ, đến phút chót mới phá bình, rồi bây giờ còn rắc rối. Còn tôi mà như anh thì có các vàng tôi cũng chẳng thèm lấy làm gì. Hồi đó, ông bà Nam Thành đã gọi gả thế cô Vân cho anh sao anh không nhận, mà lại còn cứ đâm đầu đi lấy bà Phượng?  
 - Từ đầu đến cuối tôi có biết gì mà cũng có thiết chuyện gì đâu. Mọi việc toàn do bà cụ tôi định liệu. Tội nghiệp bà cụ tôi, vì muốn con lập gia đình mà chịu nhần nhục đủ thứ. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, thì tôi chẳng những gàn dở, mà còn chí ngu nữa. Đã chí ngu thì còn biết giải thích ra sao để mà trả lời đi bây giờ!  
 Cả ba phá lên cười. Nhưng mồm Huân thì méo xệu!

\*

Nhưng rồi Mỹ rút dần, và Huân cũng dễ thở hơn. Một người bạn có nhà mặt tiền bằng lòng cho Huân toàn quyền sử dụng miễn phí, khi nào có lợi tức sẽ chia đôi. Nhờ đó Huân bắt đầu có thu nhập kha khá.  
 Tuy vậy Huân vẫn không tiêu pha gì riêng cho mình, mà tiết kiệm từ ly trà đá, từng cuốc xe buýt. Hàng ngày, hai bữa, Huân ra quán lao động ăn cơm. Việc làm ăn khiến Huân học hỏi được cũng khá nhiều, và cũng lại tự thấy mình vẫn quá ngây ngô, y như trong các vụ làm ăn trước đây.  
 Cửa hàng thiết trí hệ thống, sửa chữa máy móc điện tử, điều hòa không khí dạy cho Huân là thực tế rất khác xa điều mình tính toán.  
 Thợ thuyền Huân mướn thường quen lối làm ăn thiếu lương thiện. Trong nhiều công tác, sự thực không hư hỏng bao nhiêu, mà họ tính giá quá cao. Mỗi lần khám phá ra như vậy, Huân lại phải lò mò tới nhà khách hàng, làm quen cho biết gia cảnh, rồi mua quà cáp cho con cái họ, để trả lại số tiền bất chính. Khách hàng nhiều người trách tiệm Huân tính mắc. Thăm dò đám thợ thuyền chàng mướn, thì mới biết rằng thường thường họ ăn gian. Radio, TV, tủ lạnh, máy điều hòa hư thì khách hàng chỉ biết là không có hình, không có tiếng, không làm lạnh, chứ có rõ hư hỏng những gì. Thợ bảo để máy lại, tìm bệnh tật và cho biết giá sau. Rồi họ thay luôn cả giàn đèn đóm, phụ tùng, khai bệnh lung tung để tính cao công lao vật liệu. Dù không để họ sửa chữa, thì họ cũng lời chán rồi. Mang đi nơi khác trong tình trạng bị thay đồ, giá còn cao hơn, cuối cùng cũng phải mang trở lại. Sửa chữa rồi, thì sau khi giao máy là họ phui tay. Ít lâu trực trực, mang lại, họ sẽ cãi là hư bệnh khác và tính tiền nữa.

Đàng này tiệm của Huân không làm cái chuyện đổi đồ, chỉ hư đâu sửa đấy, lại đảm bảo sáu tháng, một năm hư mang lại sửa không tính tiền, thì làm gì giá cả chẳng cao. Khách hàng Việt Nam thường chỉ lấy chuẩn đích ở cái giá tiền phải trả trước mắt, không quan tâm đến chuyện xa xôi. Chưa kể khi tiệm cho thợ đến tận nhà sửa chữa thì còn nghe lời thợ thí đồ, giao cho họ làm, qua mặt chủ, và tưởng thế là rẻ.

### XIII

3-9-1967, liên danh Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ... đặc cử, thiết lập chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa.

Sau mấy năm đây xáo trộn, mà cũng chẳng lợi dụng được để làm nên cơm cháo gì, nay đám quân nhân quay trở lại nắm quyền bính, tình hình tương đối ổn định, thì cộng sản đành phải tính đến chuyện tái tạo một biên cô kiêu Điện Biên Phủ trước đây.

Lợi dụng căn cứ Khe Sanh có đôi nét tương tự: vị trí cô lập, do binh sĩ ngoại quốc trấn đóng để kiểm soát biên giới Lào Việt,... sáng ngày 21-1-1968, lần đầu tiên cộng sản pháo kích với mức độ dữ dội chưa từng thấy. Sư đoàn 325C Bắc Việt được ghi nhận hiện diện, sư đoàn 304 xâm nhập từ đất Lào, một trung đoàn thuộc sư đoàn 324 được phát giác tại khu phi quân sự cách Khe Sanh 24 cây số. Sư đoàn 320 cũng nằm trong khoảng cách có thể tiếp ứng nhanh chóng cho mặt trận. Tin tình báo cũng cho biết hai sư đoàn 304, 325C được tăng cường các đơn vị thiết giáp, hai trung đoàn 68 và 164 pháo binh.

Tuy nhiên mặt trận Khe Sanh chỉ là để đánh lạc hướng. Còn, mặc dù đã thỏa thuận hưu chiến trong mấy ngày tết cổ truyền dân tộc, Hồ Chí Minh đã dùng ám hiệu, bằng bài thơ chúc tết, ra lệnh cho cộng sản tổng công kích-tổng khởi nghĩa tại toàn Miền Nam.

Lợi dụng lúc đồng bào đốt pháo đón giao thừa, trong đợt 1, khởi sự từ đêm 30-1-1968, cộng sản trước sau tấn công 25 trong số 44 tỉnh, pháo kích và quấy rối 19 tỉnh còn lại. Đợt 1 tạm kết thúc ngày 25-2.

Kết quả, ngày 3-5, Mỹ và Bắc Việt đồng ý chọn Paris làm nơi họp hội nghị... hòa bình, thì sáng ngày 5, cộng sản mở cuộc tổng công kích đợt 2 vào Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn, nhằm hỗ trợ cho hòa đàm sơ bộ, mãi đến ngày 21-6 mới chấm dứt. Rồi ngày 17-8, cộng sản bắt đầu cuộc tổng công kích đợt 3, tại Tây Ninh và Tam Kỳ, chú trọng gây thiệt hại nặng cho các căn cứ Mỹ, để gây uy thế chính trị và tâm lý.

Nhưng cộng sản đã hoàn toàn thất bại tại khắp nơi. Chúng đã ước đoán sai về lòng dân. Không ai theo chúng, mà ngược lại đều đứng về phe Miền Nam. Chúng cũng ước đoán sai về quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Dù bị cản trở bất ngờ, dù ở thế yếu về quân số và hỏa lực, dù phần lớn các cấp lãnh đạo đều bỏ về nhà lo việc tết nhất, các cấp dưới vẫn giáng trả cho chúng những đòn chí tử. Vì họ hoàn toàn ý thức nhiệm vụ bảo vệ sinh mạng và tài sản của nhân dân, vì họ nhìn thấy rõ ràng hành động vô luân của cộng sản, và vì chúng không có Trung Cộng trực tiếp tham chiến như trong các trận tại Miền Bắc trước đây!!!

Đề trả hận, chúng đã ra tay tàn sát. Riêng ở cố đô Huế, cộng sản chôn sống từ năm đến sáu ngàn thường dân vô tội, trong những năm mô tập thể. Tuy vậy, với sự tiếp tay bất lương của giới truyền thông quốc tế bóp méo sự thật, cộng sản đã thu hoạch được một thắng lợi lớn lao, rằng: nếu cộng sản tấn công được vào các thành phố lớn, thì có nghĩa là quân đội Mỹ-Việt thiếu khả năng tự vệ, vậy không nên tiếp tục cuộc chiến nữa. Thắng lợi thứ hai còn to lớn hơn, là Bắc Việt đã xua được đám Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vào thành phố cho quân đội cộng hòa tiêu diệt, để rồi chúng sẽ mang quân Bắc Việt vào thay thế, làm chủ Miền Nam, sau khi ký kết với Mỹ ở Paris.

(Lại thêm một điều nữa bọn Huân không thể nào tìm ra lời giải đáp: Vì sao sự hiện diện của các cố vấn Đông Âu và hơn 20,000 cố vấn, 300,000 binh sĩ Trung Cộng tại Bắc Việt không hề được bất kỳ một cơ quan công tư nào của phía không cộng sản tiết lộ. Hoa Kỳ có thể phải im đi để tránh nguy cơ đụng đầu công khai với Trung Cộng. Nhưng chẳng lẽ các nước khác phải từng phục Hoa Kỳ đến mức đó hay sao???)

6-11-68, Nixon (Richard Milhous, 1969-74) đặc cử tổng thống. 8-6-69, Nixon tuyên bố... Việt Nam hóa chiến tranh, bắt đầu rút 25,000 quân khỏi Việt Nam.

3-10-71, liên danh Nguyễn Văn Thiệu-Trần Văn Hương... độc diễn, đặc cử với... 94,3% phiếu, bị sinh viên, cựu chiến binh, Phật Giáo tố cáo gian lận. 1-4-72, Bắc Việt tung vào 17 trung đoàn bộ binh, 3 trung đoàn pháo và 2 trung đoàn thiết giáp tấn công Quảng Trị.

21-1-73, Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng Hòa-Bắc Việt-Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ký Hiệp Định Paris. Tháng 8, Quốc Hội Mỹ ra dự luật cấm sử dụng ngân khoản để yểm trợ các hoạt động quân sự tại Đông Dương; 12-12, Quốc Hội Mỹ biểu quyết đạo luật War Powers Act, giới hạn quyền tổng thống, buộc phải hội ý với quốc hội trước khi sử dụng quân đội tham chiến ở nước ngoài.

5-8-74, Hạ Viện Hoa Kỳ đề nghị cắt giảm 300 triệu trong số 1 tỉ viện trợ quân sự cho Việt Nam (con số này, vào tài khóa 73 là 2 tỉ 8, và tài khóa 75 là... 300 triệu!). Ngày 9, tổng thống Nixon từ chức, thì hai ngày sau Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết cắt tiền ứng trước cho quỹ viện trợ xuống còn 700 triệu, lại còn bắt ngân khoản này phải đòi thọ

lượng bổng của các nhân viên quân sự làm việc tại DAO (Defense Attache Office). 13-12, Việt Cộng mở cuộc tấn công đánh chiếm Phước Long.

Một tiểu đoàn bộ binh và năm tiểu đoàn địa phương quân không thể nào chống cự lại ba sư đoàn cộng sản có pháo binh và chiến xa yểm trợ. 11 giờ khuya ngày 6-1-1975, mọi liên lạc với tỉnh lỵ chấm dứt. Tỉnh trưởng mất tích, các viên chức hành chánh bị cộng sản hành quyết, trong tổng số 5,400 sĩ quan và binh sĩ, chỉ khoảng 850 sống sót!

Mỹ bất động. Trong cuộc họp báo, tổng thống Ford (Gerald, 1974-76) tuyên bố Mỹ không trở lại can thiệp ở Việt Nam. Từ đây, mọi việc hoàn toàn chỉ còn do Nga Xô quyết định.

\*

Bọn Huân thú thật không biết thực sự ba vụ biểu tình liên tục tại Huế, Hà Nội, rồi Sài Gòn - nội trong nửa đầu tháng Chín 1947 yêu cầu Bảo Đại... hồi loạn - là tự phát, do các đảng phái vận động, hay do chính Pháp bày trò, nhưng ít nhất cũng không thể nào do chính cái nhà ông cựu hoàng tự bày vẽ ra được và, về mặt hình thức, cũng phần nào biểu trưng ý muốn của quần chúng. Nhưng kể từ khi ông Diệm được Mỹ đưa về, thì ở Miền Nam, ngoài cái trò bầu bán gian lận học của cộng sản đầu tiên năm 1946 ra, rõ ràng các vị làm chính trị đều có một tâm lý cố định, rằng cái gì cũng do Mỹ định đoạt, phải được Mỹ đồng ý mới xong. Chỉ cần luôn lọt sao để Mỹ bằng lòng là yên trí rồi. Chưa được Mỹ gật đầu là không giám làm gì nữa. Cho nên họ không cần có quần chúng, không cần lòng dân. Điển hình là khuyến cáo của nhóm Caravelle. Mỹ chưa can thiệp, thì không cần đem xia. Điển hình là vụ đảo chính hụt ngày 11-11-1960 của binh chủng Dù. Mỹ can thiệp, là... dẹp! Điển hình là vụ ném bom Dinh Độc Lập 1962, Mỹ chưa nhúc nhích, thì vẫn còn yên trí. Điển hình là vụ bầu cử "độc diễn" 3-10-71. Mỹ không phản đối, nghĩa là... OK! Điển hình là nhóm Huân đã nhiều lần từng được người này người kia mời tham dự... nội các, chỉ giản dị với... bảo đảm là họ đã được Mỹ chấp thuận! Họ bắt cố liêm sĩ, bắt kê đến quần chúng, miễn được Mỹ... gật đầu, là họ có quyền hy vọng, có quyền ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ, có quyền ngồi xôm lên luật pháp. Và họ cũng lại ngu dốt đến mức tưởng rằng, bất cứ ở đâu, nguyên thủ quốc gia đều, cũng như họ, muốn làm gì thì làm. Dĩ chí cả quần chúng cũng cho rằng đương nhiên phải là như vậy, mà đành cam phận.

Cho nên mặc dù dân Miền Nam có lo lắng, băn khoăn, thắc mắc về số phận bản thân, gia đình, dân tộc, đất nước, mặc dù đã được nhiều người khuyến cáo về chính sách của Mỹ, sự thua sút của Miền Nam về quân số về hỏa lực, Nguyễn Văn Thiệu vẫn cứ ký Hòa Ước Paris ngày 21-1-1973, dù thừa biết cộng sản không khi nào tôn trọng, dù thừa biết không đời nào được thi hành. Thiệu vẫn cứ tin tưởng vào những lời hứa hẹn gạt gẫm của Kissinger, của Nixon, trong khi những người này chỉ cốt ký kết để sao mang được đám tù binh do cộng sản giam giữ về mà thôi. Và Thiệu vẫn cố tình ngồi lý trên ghế tổng thống, vẫn cứ dối gạt dân.

Đáng lẽ sau khi thất thủ Phước Long, sau khi biết rõ thái độ của Mỹ, Thiệu phải mang vấn đề ra công khai hóa, trình bày với quốc dân đồng bào để cùng người có khả năng tìm phương kế, biện pháp, thì y lại tự chuyên, đưa ra những quyết định tiền hậu bất nhất, lúc thế này, lúc thế khác, khiến đến chính những người có trách nhiệm trực tiếp cũng không biết đường nào mà mò.

Khi cộng sản đánh Ban Mê Thuột, Huế, thì Thiệu lúc ra lệnh tái chiếm, lúc ra lệnh cố thủ, lúc chỉ thị rút lui, tạo nên tình trạng hoảng loạn, quân dân tranh nhau chạy trốn. Rồi y cũng cứ nhất định ngồi lý, dù bao nhiêu người đã khuyên y nên nhường chỗ để có thì giờ cho người khác ra tay cứu vãn. Cộng sản tấn công Ban Mê Thuột ngày 10-3, thì ngày 15 mất. Ngày 16 bắt đầu cuộc lui binh từ Pleiku, Kontum về Tuy Hòa. 60,000 quân chủ lực chỉ còn khoảng 20,000. 7,000 biệt động quân còn lại 900. Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh với hơn 100 chiến xa chỉ còn lại đúng 13 chiếc. 400,000 dân chạy nạn cộng sản chỉ khoảng 100,000 đến được Tuy Hòa. Ngày 25, tướng Ngô Quang Trưởng được lệnh bỏ Huế. Ngày 30-3, Đà Nẵng chính thức thông báo bị mất về tay cộng sản.

Trưa ngày 15-4, phòng tuyến Phan Rang tan vỡ. Tư lệnh mặt trận, trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, tư lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân, chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, bị bắt; lữ đoàn trưởng Lữ Đoàn 2 Dù, đại tá Nguyễn Thu Lương, mất tích. Phan Thiết thất thủ ngày 18. Quân cộng sản theo quốc lộ 1 và 21 tiến về Sài Gòn, bị chặn đứng tại Xuân Lộc.

Xuân Lộc cách Phan Thiết khoảng 100 và Sài Gòn 60 cây số, nằm trong phạm vi phòng thủ phi trường Biên Hòa và bảo vệ thủ đô, thuộc trách nhiệm Sư Đoàn 18 Bộ Binh, do chuẩn tướng Lê Minh Đảo làm tư lệnh.

Từ đầu năm, cộng sản đã chiếm được quận Định Quán, phía đông bắc Xuân Lộc. Sáng ngày 8-4, chúng pháo kích tỉnh lỵ để hai tiểu đoàn đặc công đột nhập thị xã, nhưng đều bị bẻ gãy. Luôn hai ngày sau, chúng tấn công ngã ba Dầu Giây, pháo kích phi trường Biên Hòa, bộ tư lệnh Quân Đoàn III, căn cứ Long Bình, rồi ba mũi giáp công đánh vào Xuân Lộc, nhưng vẫn bị đẩy lui.

Ngày 15, chúng tung thêm Sư Đoàn 325 vào, nên đến đêm, tuyến phòng thủ Dầu Giây bị vỡ, tướng Nguyễn Văn Toàn cho lệnh thả CBU (Cluster Bomb Unit, loại bom nguy hại hạng nhì, sau bom nguyên tử, chứa nhiên liệu tương tự xăng đặc, khi nổ tạo một đám khói đường kính 50 bộ, cao 8 bộ, áp suất 300lbs/in, tàn phá mọi thứ, vì trong khu vực đó không còn dưỡng khí), tiêu diệt nhiều đơn vị bộ binh, thiết giáp và pháo binh của địch. Do đó, mặc dù Xuân Lộc đã di tản từ ngày 21, mà đến 26 cộng sản mới chính thức kiểm soát thị xã này.

Phải chờ Xuân Lộc thất thủ, ngày 21-4-1975, Nguyễn Văn Thiệu mới chịu từ nhiệm. 28-4-1975, Dương Văn Minh nhận chức tổng thống do phó tổng thống Trần Văn Hương và quốc hội bàn giao.

30-4-1975, Dương Văn Minh đầu hàng, toàn Miền Nam thuộc quyền cai trị của cộng sản.

\*

Thế là toàn thể Việt Nam rơi vào quỹ đạo cộng sản, theo... trù tính của hai siêu cường Nga Mỹ.

Bọn Huân từng nghe tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt (Franklin Delano, 1933-1945) tuyên bố đại khái rằng: Trong chính trị, không có gì là ngẫu nhiên. Nếu có chuyện ngẫu nhiên, thì đó là do người ta... trù tính như vậy. Với họ, ông là một thứ vĩ nhân -- một người tàn tật, ngồi xe lăn mà làm tổng thống siêu cường số một liên tục bốn nhiệm kỳ, chỉ huy cuộc thế giới chiến thứ hai, hoạch định cục diện thế giới sau khi chiến tranh chấm dứt -- thì lời nói đó hẳn phải được coi gần như là chân lý, ít nhất thì cũng đối với chính trị Hoa Kỳ.

Vậy hẳn là những sự việc xảy ra trên thế giới ít nhiều phải có phần trù liệu của tổng thống Mỹ.

Hồi Đệ Nhất Thế Chiến, nhà nước bôn sê vích Nga tồn tại, lớn mạnh hẳn là do trù liệu và viện trợ của tổng thống Wilson (hay tư bản Mỹ).

Đến Đệ Nhị Thế Chiến, không nghe lời Đức yêu cầu và Churchill (Winston Leonard Spencer, 1940-45, 1951-55) xúi -- là để Đức tận diệt Nga -- mà lại cũng viện trợ tối đa, hẳn phải là do trù liệu của tổng thống Roosevelt (hay tư bản Mỹ). Để khi Đức đầu hàng, chiến tranh chấm dứt, Anh Pháp kiệt quệ, thì Mỹ chia đôi thế giới với Nga.

Nga hí hửng tưởng phen này sẽ chôn sống Mỹ đến nơi, bằng cách đưa đám tay sai lên nắm quyền binh ở các nước chư hầu, rồi xúi giục thêm đám dân thuộc địa nghèo đói vùng lên đuổi chủ cũ thờ chủ mới, lấy "quả bom người" Trung Cộng làm khí giới, hầu lên ngôi bá chủ loài người.

Nhưng đâu có dễ thế. Vì Mỹ đã... trù tính, tung tiền ra mua đám cai thầu, mang khí giới, hàng họ dư thừa ra... viện trợ, để các nước chư hầu... chống cộng bảo vệ Mỹ Quốc!

Rút cuộc Nga Xô phải nhịn ăn nuôi nửa cái thế giới đói rách Đông Âu và Tàu Phù, phải chạy đua vũ trang với tên nhà giàu. Đến khi chư hầu no ăn, đâm phản lại, chạy theo "phồn vinh giả tạo", đi theo Mỹ. Đến khi hết "địa" để tổ kê trường vốn, thì đành bỏ cuộc. Và bản thân mình thì đói meo, có tí liên bang cũng tan vỡ, mộng đế quốc tan tành.

Thì ra lũ tư bản Mỹ hiểm độc! Mà vạn sự đều do kinh tế quyết định. Đúng sách vở của Karl Marx mới là chuyện nực cười!!!

Kể ra nói vậy cũng hơi oan vì, vào cuối thập niên 1980, nguyên thủ Liên Bang Xô Viết Gorbachev (Mikhail, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Liên Xô 1985-91, tổng thống Cộng Hòa Nga 1990-91) không còn là những Xa Hoàng Lê-Xít của những thập niên 1910-70 nữa. Ông biết dân Nga cần cơm no áo ấm hơn là danh vị bá chủ hão huyền. Ông chỉ mong củng cố nội bộ, không hề muốn thiết lập bất cứ một đế quốc nào. Còn Mỹ tư bản thì thực sự không thuần nhất. Vốn là một hợp chủng quốc, Mỹ bị nhiều sắc tộc, nhiều nhóm áp lực chi phối. Lại thêm ba tôn giáo ngoan cường: Do Thái, Công Giáo, Tin Lành.

Ngay chỉ một phe tư bản đầu cơ chiến tranh không thôi, thì cũng đã có những anh lái súng chiến tranh qui ước, những anh lái súng chiến tranh nguyên tử kèn cựa nhau rồi. Chả hạn, với những anh khí giới qui ước, thì cần những cuộc chiến tranh cục bộ để tiêu thụ, để trải nghiệm vũ khí. Với những anh chiến tranh nguyên tử thì cần con ngoáo ộp siêu cường Nga Xô để thi đua võ trang. Mỗi anh đều chỉ bọn tiền, tạo ra các phong trào... nhân dân. Thế cho nên, về vấn đề Việt Nam, "anh qui ước"... chủ chiến, tổ chức biểu tình chống thí nghiệm và chế tạo vũ khí nguyên tử; "anh nguyên tử"... phản chiến, "làm tình, mà không làm chiến tranh", tổ chức tuần hành đòi ngưng đánh đấm. Mấy ông bà khoa bảng, cô cậu sinh viên trên khắp cái ta bà thế giới này tưởng bờ, cứ tưởng rằng mình tranh đấu cho... hòa bình nhân loại, mà quên mất rằng mình bị giật dây, và chính sách Mỹ thì, mỗi thời điểm, tùy thuộc nhóm áp lực nào giữ thế thượng phong.

\*

Riêng Đông Dương (Việt-Miên-Lào), tổng thống Roosevelt đã quyết định rằng, sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, sẽ để cho Liên Hiệp Quốc quản trị một thời gian, rồi trao trả độc lập.

Tiếc rằng ông mất ngày 12-4-1945, và tổng thống Truman (Harry S., 1945-53) thay đổi chính sách, chủ trương ngăn chặn cộng sản, nên bằng lòng cho Pháp trở lại vùng này.

Do đó, vào cuối năm 1945, tại Việt Nam, có ba lực lượng chính, mỗi lực lượng nhắm một mục tiêu rõ rệt:

- Pháp thực dân cương quyết trở lại chiếm Đông Dương để tái lập thuộc địa, với ảo tưởng phục hồi địa vị cường quốc như trước thế chiến. Họ chủ quan và ý lại đến mức chính ông tướng Leclerc, nhờ Đồng Minh giải phóng, mới có danh dự tiếp thu thủ đô... bộ ngó -- nhờ tướng Von Choltitz không vâng lời Hitler tiêu thổ Paris, mà đầu hàng đại sứ Thụy Sĩ Nordling, để bảo tồn thành phố lịch sử này -- nay được De Gaulle bổ nhiệm làm tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, theo chân quân Anh vào Đông Dương, cũng lại tưởng chỉ cần mấy tháng là đủ dẹp xong... các lũ giặc cò!

- Việt Cộng nhất định phải giành chính quyền cho bằng được, bằng bất cứ giá nào, và sẽ không bao giờ chịu nhả hoặc chia xẻ với bất cứ ai, đúng theo sách vở của Lenin.

- Các đảng phái quốc gia và những người yêu nước không thể nào để cho Pháp tái lập thuộc địa tại Việt Nam.

Thế cho nên, tại miền Nam, các đảng phái đã tức thời đứng lên đánh Pháp ngày 23-9, khi chúng tiến chiếm các công sở; tại miền Bắc, các đảng phái đã ngăn chặn lực lượng quân sự Pháp trốn Nhật, sang Tàu hồi tháng Ba, lăm le

trở về Lao Cai ngày 26-1-1946 cũng như từ biên độ bộ vào Móng Cái ngày 24-5 theo thỏa ước ký với Việt Cộng, cùng dài dài sau đó cho mãi đến đầu 1948. Trong khi đó, Việt Cộng chỉ lo sao được ký kết với Pháp để thành danh nghĩa là một chính phủ, có đồng minh để cùng tiêu diệt các đảng phái quốc gia, hầu giữ độc quyền cai trị nhân dân và thực hiện nhiệm vụ biến Việt Nam thành chư hầu Liên Bang Xô Viết. Chính vì vậy, mãi hơn một năm sau, thấy Pháp vẫn cương quyết trở lại, cộng sản mới đánh phái nổ súng, vào chập tối ngày 19-12-1946. Công tâm mà nói, cộng sản không hề muốn có sự xung đột này. Họ đã chính thức trở thành một nhà nước. Nguyễn Bình ở miền Nam, Võ Nguyên Giáp ở miền Bắc đều đã thành công trong việc loại trừ các lực lượng quốc gia. Nên họ đã hết sức nhần nhục, miễn cầm nắm được quyền binh. Nhưng họ không thể nào nhượng bộ thêm hơn nữa. Tuy nhiên, họ vẫn khôn ngoan để cho những người yêu nước trực tiếp chống Pháp. Còn họ thì rút vào rừng sâu bảo toàn lực lượng, và chỉ lo việc tổ chức các ủy ban để nắm chắc chính quyền.

Còn các người yêu nước thì ngây thơ, chỉ biết chống ngoại xâm, chấp nhận quyền binh của cộng sản. Để rồi khi Trung Cộng chiếm được Hoa Lục, cộng sản trở thành có thể mạnh, thì chúng ra tay đàn áp. Họ đánh phái hoặc phái đầu hàng... giai cấp hoặc bỏ hàng ngũ trở về thành.

Cũng cần xác định là, trong cuộc xung đột miền cưỡng này, cộng sản không hề có mục đích chống xâm lăng, giành độc lập. Bằng chứng là chúng đã ký kết: Hiệp Định Sơ Bộ 6-3 bán nước, mời Pháp mang quân ra Bắc; Thỏa Ước 14-8 nhục nhã, nửa đêm chủ tịch nhà nước đến tận giường ngủ tổng trưởng Bộ Thuộc Địa xin ký kết, xác định Việt Nam trở lại thành thuộc địa.

Vậy cuộc chiến này xảy ra hoàn toàn chỉ do lòng tham của Pháp. Việt Cộng thì chỉ do thể chẳng đặng đừng, dù có bản trước cũng chỉ là miễn cưỡng. Đàng khác, chúng cũng chẳng có thành tích chiến thắng. Sự thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ là do chiến lược, chiến thuật, khí giới, tướng lĩnh, quân sĩ Trung Cộng và Liên Xô. Việt Cộng chỉ có việc cung cấp mồ hôi dân công, bia thịt biển người, lường gạt những người yêu nước -- tiểu tư sản thành thị, nông dân thôn quê rừng núi -- rồi phân bội họ trong việc chia đôi đất nước với Pháp, tổ khổ tinh thần thể xác họ trong chiến dịch đầu tở, tước đoạt tài sản, công sức họ trong việc hợp tác hóa,... Thế nhưng, với cuộc chiến Bắc Nam 1960-75, thì tội trạng của cộng sản không thể nào chối cãi.

Với bọn Huân, những luận điệu cho đó là một cuộc chiến giữa hai ý thức hệ độc tài và dân chủ hoặc là một cuộc nội chiến giữa hai miền Nam Bắc đều là giả tạo. Bản chất đích thực chỉ là một cuộc chiến tranh của hai đế quốc Nga Xô và Hoa Kỳ, ủy nhiệm cho hai đám tay sai người Việt Bắc Nam thực hiện. Hai đám tay sai này, vì quyền binh lợi lộc bản thân, lãnh súng ống, tiền bạc của quan thầy để làm ngọn cờ đầu "xã hội chủ nghĩa" hoặc "kéo dài biên cương Hoa Kỳ đến bờ sông Bến Hải". Giản dị chỉ có thế.

Người bình dân Việt Nam, vốn tự ngàn xưa, như đã nói, chỉ biết chu toàn bổn phận với nhà nước, mà không hề nghĩ đến chuyện đòi hỏi quyền lợi. Họ ít biết gì ngoài thôn xóm, bản sóc, nói gì đến quốc gia quốc tế, tự do dân chủ. Còn người có chút ăn học thì quan niệm: Một đảng, những chiêu bài hay ho, cộng sản đã nêu ra cả rồi, ai mang ảo tưởng thì đi mà theo chúng. Đàng khác, đô la Mỹ thơm phức, ai thực tế thì cứ việc bắt bớ với Hoa Kỳ. Ngoài ra toàn là chuyện ruồi bu, mình chẳng có thời, có thể gì để mà đi ngược lại.

Riêng bọn Huân thì có cái nhìn khác:

Ngay từ 1945, sau khi thấy các bậc đàn anh nhường chính quyền cho cộng sản, bỏ qua cơ hội ngàn năm một thuở, thì họ đã biết tương lai đất nước ra sao rồi. Khi còn chút Miền Nam, mà thấy ông Diệm lại do Mỹ đưa về, thì càng biết đất nước sẽ bị thảm hơn lên.

Trong cuộc chiến giữa hai đế quốc này, cộng sản quyết tâm chiến thắng, nhưng tư bản thì chỉ cần đắp đập be bờ, để duy trì "cái xấu cần thiết". Có đối thủ, có chiến tranh, mới có lý do đòi hỏi dân chúng đóng góp, lái súng mới bán được khí giới, nhà máy mới sẵn công ăn việc làm, tư bản mới có nhiều lợi nhuận bỏ túi. Thế cho nên Bắc Việt thì quyết chiếm cho bằng được Miền Nam để áp đặt "xã hội chủ nghĩa" lên toàn đất nước, để rồi sẽ làm ngọn cờ đầu thì hành nghĩa vụ quốc tế, xích hóa toàn Đông Nam Á thành chư hầu Nga Xô. Nhưng mà Mỹ thì, trước, chỉ cần tìm cho ra tay sai để thi hành việc chống cộng cù cưa; sau, mới đành phải nhảy vào Việt Nam, khi Trung Cộng làm tới. Mà cũng chỉ là để đắp đập be bờ. Nhưng khi đã có mật ước Thượng Hải, hết nguy cơ Trung Cộng tràn xuống, rồi gài được Nga Xô nhảy xô ra Thái Bình Dương giữa giùm... hoàng họa, thì việc Mỹ... bàn giao Việt Nam, đi tính chuyện nơi khác, là chuyện đương nhiên.

\*

Tuy vậy, cũng không thể qui trách cho Nga-Mỹ về số phận Việt Nam. Vì: Nếu yêu nước, nếu có chút quan tâm đến tương lai dân tộc, Đảng Cộng Sản Đông Dương -- và nhất là ông Hồ Chí Minh là kẻ đã tận mắt chứng kiến những điều tự do dân chủ tại Tây Âu, tại Mỹ cũng như những điều bất nhân tàn bạo tại Nga Xô -- khi đã nắm được quyền binh, có toàn quyền quên cái vai trò tay sai Nga Xô, hợp tác cùng các đảng phái quốc gia, bầu bán trong sạch, lập một chính phủ thực sự liên hiệp mạnh, với sự hỗ trợ của Quốc Dân Đảng Trung Quốc, đòi hỏi Pháp phải có chính sách hòa hoãn, nhượng bộ, để tiến dần đến độc lập thống nhất hoàn toàn, kiểu Bảo Đại sau này, là điều không có gì khó khăn.

Không ai cưỡng ép được họ phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên... xã hội chủ nghĩa. Thực ra, trong những năm đầu có chính quyền, cộng sản Việt Nam chưa được sự giúp đỡ nào đáng kể của cả Nga Xô lẫn Trung

Cộng, ngoài việc dùng kỹ xảo lường gạt do bọn này huấn luyện để tận dụng khả năng chiến đấu của thành phần tiểu tư sản yêu nước.

Quyết tâm lựa chọn "xã hội chủ nghĩa" chỉ là để thỏa mãn bản chất ti tiện đăm mê hành hạ mọi người của họ mà thôi.

Ông Ngô Đình Diệm, từng tận mắt thấy tinh thần dân chủ tự do tại Tây Âu, tại Mỹ, khi đã nắm được quyền bính, nếu là người yêu nước, không vì tham vọng bản thân, gia đình, mà hợp tác cùng những thành phần quốc gia còn sống sót qua cuộc lùng diệt của thực dân-cộng sản, lập một chính phủ mạnh, với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ, thực thi dân chủ tự do, thì việc tiêu diệt cộng sản ở Miền Nam và bắc tiến là chuyện cũng không có gì khó khăn.

Không ai ép buộc ông phải theo Mỹ, lui húi chống cộng ở Miền Nam. Thực ra, ông chống cộng cũng chỉ là để có quyền bính cho ông, và địa vị, tiền bạc cho thân nhân ông. Ngay từ buổi đầu, Ngô Đình Cần, em ông, đã bán gạo cho Bắc Việt. Sau này, Ngô Đình Thục, anh ông, Trần Lệ Xuân, em dâu ông, đã đóng thuế cho Việt Cộng để làm rừng. Khi Mỹ giảm viện trợ, Ngô Đình Nhu, em ông, đã tính chuyện bắt tay với cộng sản.

Nếu họ tính chuyện này thật tình, như một tay chân của họ, ông Nguyễn Văn Châu, giám đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý, viết trong cuốn Ngô Đình Diệm Và nỗ lực Hòa Bình Dạng Dờ, luận án... tiến sĩ của ông ta, thì ông Diệm quả thật ngu ngơ. Làm sao cộng sản tha chết cho anh em ông, một khi họ bắt được... tay ông. Còn nếu đây chỉ là một cách... hăm dọa, tổng tiền Mỹ, thì ông cũng không sáng giá gì cả. Mỹ vốn là giống người quá u quen thuộc với đủ mọi thứ mafia hăm dọa, tổng tiền. Và họ thừa biết cách đối phó. Như đã chứng minh!!!

Trước khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, người trẻ Lý Đông A, cỡ ngoài 20 tuổi, đã thừa nhận thức rõ rệt để khuyến cáo về nguy cơ theo Nga hay theo Mỹ. Nhưng các người già "cụ Hồ" (55 tuổi vào năm 1945), "cụ Diệm" (57 tuổi vào năm 1954) vẫn "đường ta ta cứ đi", hẳn không phải vì không biết, mà vốn chỉ do bản chất tay sai.

Các ông Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu đều có những cơ hội đi vào lịch sử bằng cửa chính. Sau khi tình hình tạm ổn định, các ông này thừa sức tổ chức tổng tuyển cử đứng đắn. Thắng, các ông tiếp tục lãnh đạo đất nước trên con đường tự do dân chủ tiến bộ phú cường. Bại, các ông ra lập đảng đối lập kiểm soát chính quyền, không cho làm bậy, để chờ đến lượt lại được quốc dân tín nhiệm ở những kỳ bầu cử sau. Tiếc thay các ông chỉ là sản phẩm của một con... nước lụt! Ông Dương Văn Minh, khi nhận chức tổng thống vào giờ thứ 25, vẫn có thể chấp thuận đề nghị, bắt tay với Trung Cộng để làm áp lực Việt Cộng ở phía bắc, hoặc rút về miền Tây, lập chính phủ lưu vong, tiến hành chiến tranh du kích. Dù quân số, dù khí giới thua sút một trời một vực so với cộng sản, nhưng chỉ ba tháng, sáu tháng sau, sau khi tiếp xúc với cộng sản, với thân nhân tập kết, với thân nhân ngoài Bắc, lòng dân nhất định đều hướng về ông, thì sự tiêu diệt thể chế cộng sản là chuyện kể như cầm chắc. Và ông đã làm nên lịch sử. Tiếc thay ông chỉ là kẻ vũ dũng vô mưu mà lại cứ đòi làm chính trị!

Ông cứu Sài Gòn khỏi pháo kích? Thì ông cứ việc bỏ trống Sài Gòn, chạy về miền Tây. Chưa kể dân chúng Miền Nam, một triệu quân nhân công chức và gia đình họ thà chọn cầm súng để chết oai hùng trong biển máu còn hơn sống nhục nhằn trong đại dương nước mắt của các trại tù khổ sai, của một xã hội mà con người còn thua súc vật.

Ông không muốn làm tay sai cho Tàu Cộng? Làm chính trị, khi cần cứu nguy đất nước, mà từ chối một sức ép hiệu quả nhường đó, thì quả là ngớ ngẩn. Bản chất nham nhở điểm đàng đã thể hiện rõ sau đó: trong khi mọi người dân đau khổ, ông nhơn nhơn đi bầu, vác mặt đi chơi quần vợt!!!

Ông Trần Văn Đôn đã có thể tận dụng vị thế của các tướng Hưng-Nam, có thể chấp nhận giải pháp bắt giữ con tin thì lại... "tội nghiệp cho họ mà chẳng ích lợi gì" một cách rất đàn bà. Chả trách ông nổi tiếng thành công về vang với các bà!!! Các ông Lê Văn Hưng, Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vũ, tướng biên cương, chẳng cần theo "lệnh vua", vẫn có thể cầm cự năm ba tháng để chờ đợi lòng dân, mà chẳng cần tuân tiết.

Thế nhưng các ông trên đã không hề làm những việc đáng lý phải làm. Thì ra Việt Nam không thiếu người thừa hành tài ba, nhưng lại khủng hoảng lãnh đạo trầm trọng!!!

## XIV

Người miền Trung chạy vào tới Sài Gòn thì cũng là lúc người Sài Gòn hốt hoảng kiểm đường ra đi. Kẻ có thể lực thì đi bằng máy bay. Kẻ nhiều tiền thì mua tàu. Máy ông Mỹ được thiên hạ cầu cạnh. Máy bà mẹ Mỹ được thiên hạ o bế. Họ được đưa tiền để làm hôn thú, để khai tên vào gia đình. Dĩ nhiên những chuyện lường gạt đã xảy ra, và một số người Mỹ các ké lại được thêm dịp kiếm tiền trên nỗi đau khổ của người dân Việt.

Phượng không hề nói với Huân về chuyện di tản, nhưng qua việc nàng chạy đi chạy lại tới tấp, Huân biết thế nào Phượng cũng đi. Riêng Huân, phần không ưa chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, phần cha mẹ già yếu, phần chẳng biết ra ngoài thì rồi sẽ ra sao, phần cho rằng thế nào cũng còn một lực lượng nào đó tiếp tục chống cộng, mà nay các thành phần tay sai bỏ chạy cả, là dịp để người Việt được chống cộng theo kiểu của mình, thì sao lại bỏ đi.

Nhất là bọn Huân đã liên lạc được với một đơn vị, tính chuyện bắt số ngót năm ngàn người Mỹ hiện còn lại làm con tin, làm áp lực để Hoa Kỳ phải trở lại Việt Nam, và đang tiếp xúc với phó thủ tướng đặc trách tổng thanh tra kiêm tổng trưởng quốc phòng Trần Văn Đôn để xin cấp khí giới.

Chiều 24-4, khi người giúp việc của Phượng đến cho biết: Cô và các em lên được phi trường chờ máy bay rồi, thì Huân chấp nhận, coi như chuyện đương nhiên nó phải là như vậy. Việc Phượng mang các con đi tản dù sao cũng một phần nào chứng tỏ điều Huân trước đây lấy Phượng để tránh cho nàng cái họa cộng sản, mà nay chính nàng đã ý thức được, để tự quyết định chạy trốn, thì là mình thực đã không ăn gian vậy.

\*

Bọn Huân cho rằng chính do kinh nghiệm về vụ Mậu Thân mà đồng bào miền Trung, dù giàu có hay nghèo đói, cùng quang chân lên cô chạy, lao vào cái chết để tìm cái sống, bắt chấp chuyện dây xéo lên nhau, bị thiết giáp, xe hơi cán bẹp, bị cướp bóc hãm hiếp, bị cộng sản đuổi sau lưng, chặn trước mặt, ép hai bên bắn giết. Đồng bào Sài Gòn chen chúc nhau đi tản cũng vậy. Họ hoàn toàn ý thức là phải chạy trốn cái chế độ cộng sản không hề có nhân tính.

Đó lại cũng là tâm trạng những quân nhân công chức nhỏ của Miền Nam. Các ông bà lớn biến mất cả, họ vẫn ở lại chiến đấu, dù bị các cấp lãnh đạo bỏ rơi. Cho đến khi Dương Văn Minh ra lệnh buông súng, thì có những người đồng ý chĩa súng vào ngực nhau hô một hai ba rồi cùng bóp cò. Có những người rủ nhau ngồi quay vòng tròn rồi mở chốt lựu đạn. Có những người khóc rống, quăng súng, trút cơi quân phục, rồi lúi thủi bỏ đi. Có những người mua thuốc độc bỏ vào thức ăn, cả nhà ăn một bữa thịnh soạn rồi cùng chết. Họ ý thức tai họa sẽ giáng xuống bản thân, gia đình, đất nước, mà đành chịu bất lực.

Tại Sài Gòn, sau khi... tổng thống kêu gọi đầu hàng, một sự yên lặng chết lịm bao phủ thành phố. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, không ai hiểu ra sao. Tại sao không chiến đấu nữa? Làm sao có thể hòa hoãn với cộng sản? Đa số núp trong nhà hé nhìn ra. Một số ít tò mò ra lề đường, cầm nín ngó bộ đội Bắc Việt kéo vào thành phố. Họ đưa mắt nhìn nhau hỏi: Đây mà là đoàn quân chiến thắng hay sao?

Nhưng rồi ngày một ngày hai, kẻ thắng người bại cũng phải cùng nhau tiếp xúc. Mọi người bàng hoàng phát giác ra những điều động trời.

Người Miền Bắc thấy khác hẳn những điều được "dạy dỗ" rằng: Miền Nam đói rách vì bị Mỹ Ngụy kềm kẹp bóc lột tới xương tủy. Trái lại, sung túc quá, tự do quá. Thế mà sao không chịu ra... giải phóng Miền Bắc? Người Miền Nam thì lại không ngờ Miền Bắc nghèo nàn khổ sở, bị bung bít đến thế.

Cái cảnh "Hoa quân nhập Việt" ô hợp thuở 1945 lại tái diễn. Cũng quang gánh nôi niêu, lời thôi lếch thếch. Nhưng nay những người lính Bắc Việt đáng thương hơn, ngơ ngác ngay giữa quê hương, giữa một bối cảnh ngoài sự tưởng tượng của họ, giữa sự e dè, ghét bỏ của đồng bào Miền Nam. Họ tự thấy chẳng giải phóng được cho ai ngoài nhu cầu giải phóng cho chính họ, để sao có được mức sống Miền Nam. Thế thâm hơn cả là nền "văn hóa mới" của cộng sản. Không còn một chút gì là Việt Nam, ngay cả một chút văn minh nữa. Tác phong, ngôn ngữ bắt buộc phải sao cho ngây ngô, thô bỉ. Nâng đỡ người già, đàn bà, con nít là "tiểu tư sản". Xin lỗi, cảm ơn là "tiểu tư sản". Phải xô đẩy chen lấn, mở miệng ra phải... ĐM, mới là có... văn hóa!!!

Cho nên, nói một cách công bằng, không kể đến sự sa đọa, trụy lạc của kẻ cầm quyền cũng như đám cơ hội chủ nghĩa, dù đáng trách đến đâu, thì... Mỹ Ngụy cũng đã tạo cho mấy chục triệu người Miền Nam, trong hai chục năm, một chút tự do, một cuộc sống không quá ư thảm hại, đời trụy như ở Miền Bắc. Bây giờ, sau hai mươi năm hành hạ người Miền Bắc, cộng sản ra tay hành hạ người Miền Nam. Chúng bắt họ đi hoan hô, hội họp. Chúng cấm buôn bán. Chúng bắt quân nhân công chức đi lao động khổ sai dưới danh từ "học tập cải tạo". Chúng bắt nhân dân đi "kinh tế mới". Chúng vô sản hóa toàn dân bằng chiến dịch đổi tiền, qui định mỗi "hộ" tối đa chỉ được đổi 100,000 đồng cũ tức 200 đồng tiền mới. Chúng đánh tư sản, cướp đoạt tài sản, hàng họ, nhà cửa...

Rút cục toàn dân đói meo. Người nào có điều kiện đều tính đường vượt biên. Đi bất cứ đâu, miễn là thoát khỏi Việt Nam. Vượt biên chui. Vượt biên "bán chính thức" do nhà nước thu vàng!!!

\*

- Bây giờ ông đi đâu nữa đây?

Vừa xuống xe, bà Khanh hỏi với theo. Huân quay lại, ngạc nhiên, nhưng rồi nhận ra bà khách cùng đi mấy chuyến xe liên tục, bèn chậm rãi trả lời:

- Tôi cũng chưa biết.

- Sao vậy? Ông đi đâu mà tôi thấy nhảy hết xe này đến xe khác, lung tung lên thế?

Huân cười nhẹ:

- Thực ra tôi chẳng đi đâu cả. Ở nhà không biết làm gì thì nhảy lên xe đi cho đỡ buồn vậy thôi. Mà sao tôi thấy bà cũng đi... lung tung vậy?

- Ờ, tôi thì có việc, nhưng mà là việc đi lung tung!

Huân cười lớn:

- Lúc này mà có việc là sung sướng rồi.

Bà Khanh cũng cười:

- Việc của tôi chẳng có gì là sung sướng cả. Nhưng bây giờ trưa rồi, phải đi ăn chứ? Ăn rồi,... hãy đi lung tung!

- Sáng ăn gói xôi bắp hãy còn no. Đến chiều tôi mới lại ăn nữa.

- Ủa, thế ông không ăn cơm trưa há?

- Chẳng cơm trưa mà cũng chẳng cơm chiều. Nấu nướng lách cách lắm. Tôi lại không biết mua bán đun nấu gì cả.

- Thế bà nhà đâu?

- Nhà tôi và các cháu di tản cả rồi.

- Sao ông không đi luôn?

- Tôi không muốn đi. Vả còn cha mẹ già.

- Thôi, thế này, tôi mời ông đi ăn, nói chuyện cho đỡ buồn. Tôi đang rầu quá.

- Tôi không đói. Nhưng nếu bà muốn có người nói chuyện thì phải để tôi mời, tôi mới giám nhận.

Bà Khanh lưỡng lự một lát, rồi nói:

- Thế cũng được. Chuyện trò một lát cho đỡ buồn. Tôi đang rầu quá. Nhà Huân ở ngoại ô. Chàng đã ngỏ lời rủ rê, nhưng mọi người được thân nhân ngoài Bắc chỉ về rằng điều quan trọng là phải bám lấy thủ đô. Ở ngoại ô rồi sẽ bị nhiều chuyện phiền nhiễu, thiệt thòi lắm. Cho nên không ai giám lấy "hộ khẩu" nơi đó, thành Huân chỉ ở cụ ki có một mình. Lúc này các hàng cơm bình dân không còn... kinh doanh nổi nữa. Sáng nào Huân cũng mua một nắm xôi mang đến trường. Chiều về ăn bậy bạ cái gì thêm rồi đi ngủ. Hôm nào nghỉ, không đi thăm cha mẹ, anh chị em, họ hàng thì Huân nhảy từ xe buýt này sang xe buýt nọ, hết ngó cái thiên hạ hóc hác trên xe lại ngó ra ngoài xem cái sinh hoạt lộn xộn trên đường phố.

Bây giờ thì bà Khanh ngồi kể chuyện của bà ta:

- Chồng tôi có vợ nhỏ, cũng di tản rồi. Tôi có mỗi một đứa con trai làm thiếu úy văn phòng. Những hôm di tản, nó nhất định không đi. Trưa 30 tháng Tư, nó lấy Vespa đi tiễn một đứa bạn rồi không thấy về. Tôi chắc nó bị lạc đạn chết đâu đó, trên đường từ nhà sang Khánh Hội, khi Việt Cộng vào thành phố. Tôi đi dọc các đường tìm xác, vào các nhà thương dò hỏi, đến nay vẫn chưa có kết quả. Cho nên sáng nào tôi cũng thắp hương khấn vái, rồi nhảy lên xe buýt, đi hết chỗ nọ đến chỗ kia, hi vọng nó có khôn thiêng thì dẫn dắt tôi tìm ra tung tích.

- Biết đâu vui bạn vui bè, anh ta cũng di tản luôn thì sao?

- Không đời nào có chuyện đó. Bỏ nó giục mãi mà nó nhất định không chịu đi. Nó sán tôi lắm. Cả ngày, đi làm về, nó chẳng đi đâu, cứ quanh quẩn ở nhà với tôi và nghe nhạc. Ngay cả chuyện bỏ bịch nó cũng không hề bận tâm.

- Đến bây giờ mà vẫn không thấy gì, thì bà hãy coi như số mệnh con người là như vậy, tìm kiếm nữa cũng chẳng ra đâu. Thôi, bây giờ tôi xin cáo để chạy đến thăm ông bà cụ tôi một chút.

- Ông cho tôi địa chỉ. Lúc nào rảnh tôi lại thăm nói chuyện cho đỡ buồn. Huân lấy giấy ghi địa chỉ trao cho bà ta:

- Tôi ở xa đây lắm, mà cũng đi vắng tối ngày, chắc khó có dịp tiếp bà.

- Hay chủ nhật tới tôi đến thăm ông, được không?

- Vâng, nếu có ngày giờ nhất định, thì tôi ở nhà tiếp cũng được.

- Thế nhất định mười giờ sáng chủ nhật tới, được chứ?

- Thưa chẳng có chi trở ngại cả.

Sáng chủ nhật, bà Khanh mang đồ ăn đến, rồi đi quanh khắp nhà, kêu âm lên:

- Bếp nước lạnh tanh, ông ăn nhảm mãi làm sao mà chịu nổi. Tôi một mình cũng đâm lười, chẳng nấu nướng gì cả. Hay là để tôi nấu cho ông. Có ông ăn, tôi không thể lười được, phải nấu nướng, thì ăn uống cũng có điều độ nữa. Huân phì cười:

- Bà chẳng biết gì về cộng sản cả. Bây giờ họ chưa siết mấy. Vả hàng họ cũng còn nhiều, thì đồng lương của tôi còn đủ ngày hai bữa. Ít lâu nữa khẩu phần ai có phận nấy, đói dài người ra, tôi lấy đâu ra tiền trả cho bà.

- Trời sinh voi trời sinh cỏ. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ ra đến nay, tôi chẳng bao giờ thấy khó khăn về việc ngày hai bữa. Chồng tôi, con tôi đi làm có ai đưa tôi đồng nào đâu, mà tôi vẫn cơm bưng nước rót. Cứ biết khi nào còn lãnh lương thì ông còn trả. Còn thì là chuyện về sau.

Rút cuộc hai người thỏa thuận về một số tiền hàng tháng. Huân sáng sủa mua gói xôi đi làm. Chiều về qua nhà bà Khanh ăn bữa cơm nóng, rồi đạp xe về ngoại ô ngủ, chờ ngày mai, mỗi ngày một đen tối thêm.

\*

Cái tết "xã hội chủ nghĩa" đầu tiên đến trong nghèo nàn và phiền muộn. Một mình trong căn nhà trống vắng, giữa giao thừa, Huân ngồi đánh máy thư, thành nhiều bản, hi vọng gửi những người có Pháp tịch được xuất ngoại chuyên tới tay Phượng.

*Phượng thân,*

*Tết Bình Thìn, 30 năm vợ chồng, hai phương trời xa cách, tôi ngồi viết cho Phượng với tất cả chân tình, xin Phượng chớ nghi ngờ một hậu ý nào khác. Tôi thấy cần nói chuyện về tôi và Phượng. Sự "ngàn trùng xa cách mãi" bảo đảm với Phượng rằng tôi không cốt dùng lời lẽ để hạ bệ các thần tượng và làm giao động tình cảm của Phượng.*

Vợ đẹp, với tôi, là một niềm hạnh diện. Nhưng tôi không chỉ mê vẻ đẹp, vì tôi biết sắc đẹp chỉ nhất thời. Mê sắc đẹp này thì tất nhiên sẽ mê sắc đẹp khác, quen với sắc đẹp này thì sẽ chán mà tìm sắc đẹp khác, cũng như khi sắc đẹp này phối pha thì sẽ chạy theo sắc đẹp mới. Và một khi có trong tay thì không ai biết thưởng thức sắc đẹp nữa, chưa kể đàn bà chỉ làm đẹp với người ngoài, mấy ai làm đẹp với chồng?

Phượng hẳn thấy bao nhiêu người, kể cả hai phái, mê say nhau vì tài vì sắc, vượt mọi trở lực để lấy nhau, rồi lại phụ nhau, chỉ vì khi yêu thì cố gắng cư xử đẹp như tiểu thuyết, nhưng khi sống chung tất nhiên phải để lộ chân tướng của mình. Bao nhiêu người đã ngoại tình với những kẻ kém người phối ngẫu về mọi mặt, chỉ vì vợ chồng không chịu làm đẹp với nhau - về thể xác và tinh thần - mà chỉ đi trưng diện với người ngoài.

"Cách mạng 19-8" và "kháng chiến" do cộng sản lãnh đạo làm tôi nhận thức được thân phận của mình, làm sao tôi dám nghĩ đến việc vợ con. Nên khi gia đình Phượng tản cư về vùng tôi, tôi ít lui tới, là lúc nào tôi cũng cảm thấy bất nhẫn. Nhưng tôi cố tình né tránh để khỏi gây hiểu lầm rằng có sự cầu cạnh. Ấy vậy mà vì sự ngộ nhận, bà cụ tôi cứ cố gắng, và sự suy tính của gia đình Phượng trong việc hôn nhân có lẽ đã làm Phượng tổn bao nhiêu nước mắt, phải chấp nhận sự hy sinh, là những điều, thú thực, tôi không hề biết một chút gì. Nhưng hôn nhân mà thành thì hoàn toàn do sự ngu xuẩn của tôi, cho rằng việc đã đến thế thì cho nó xong luôn. Thời gian đó, tôi chán nản mọi chuyện và cứ ỳ ra. Và tự sao Phượng không cho tôi biết? Một khi có thể bỏ nhà ra đi để phân đối thì sao không có thể gặp và nói thẳng với tôi?

Tệ nhất là tôi chủ quan, cho rằng có thể cảm hóa bất cứ người nào, với cái tư cách (hạng bét) của mình! Đó là ngộ ngông cuồng tuổi trẻ chứ không phải cốt lấy để cho hả giận, như Phượng có thể đã nghĩ. 30 năm đủ để Phượng hiểu tôi chưa hề thù giận ai, còn nói chi thù giận Phượng.

Tuy nhiên tôi cũng nghĩ, khi thành hôn rồi, thì Phượng sẽ nói thẳng vào mặt tôi, nên tôi cho rằng cứ để công việc đi theo như ý định của người lớn, rồi sẽ giải quyết ôn hòa riêng tư, khi mọi việc đã an bài. Việc chẵn gói, Phượng hẳn nhớ, là do Phượng đã tạo điều kiện trước. Sau đó, thì như đã trót lấm bùn, mình cứ sa lầy mãi mãi.

Tôi đã ngu xuẩn đến mức không lường nổi niềm đau của tôi khi lấy Phượng, là người từ chối tôi, và của Phượng, khi phải lấy người Phượng không thích. Rút lại cả Phượng và tôi đều phải trả giá quá đắt cho sự vụng tính của mình. Nếu tôi lấy được người chấp nhận mình và Phượng lấy được người Phượng lựa chọn, thì có lẽ cuộc đời Phượng và tôi đã khác nhiều: Phượng có cuộc đời nhưng lựa, đẹp như mơ; còn tôi không bị bẽ bàng.

Suốt 30 năm, Phượng buồn cho số phận. Còn tôi, nhiều khi tôi tự hỏi, Phượng bao nhiêu năm sống cạnh nhau, mà tâm hồn phiêu giạt nơi đâu.

Cái gì không đạt được hoặc mất đi cứ làm người ta thù hoa dẹt găm, tạo nên những hình ảnh mỹ miều. Biết đâu những thần tượng chẳng là đất sét, gỗ mục mà chính người chiêm ngưỡng đã tự sơn son thiếp vàng cho chúng? Không chừng nếu Phượng lấy ai, thì rồi cũng chán phè. Ở ngoài trông vào cái gì cũng đẹp, nhưng có trong chán mới biết chán có rạn. Chẳng phải thiên hạ đã cứ nức nở rằng cuộc sống của Phượng với tôi quá đẹp là gì. Họ có biết đâu cả Phượng lẫn tôi đều mang riêng mỗi người một tâm sự? Đời chẳng bao giờ như tiểu thuyết cả! Việc Phượng phiền gia đình tôi quê mùa, chán tôi bất tài, không mang lại những danh lợi -- mà bất cứ một người nào khác theo đuôi Phượng đều có thể mang lại -- là điều lúc nào tôi cũng nhận thức được một cách rõ ràng. Chỉ phiền là chính tôi lại thích cái quê mùa, ngán danh vọng, địa vị. Đối với tôi, 30 năm qua, ở Việt Nam, người lương thiện không có đất đứng. Ai cũng có thể giàu sang, nếu chịu lừa bịp, luồn cúi, bán rẻ nhân cách. Riêng tôi lại bằng lòng rằng mình đã giữ được đức thanh bản, trong 30 năm đó, làm kẻ dạy học lảng nhãng, được đồng nghiệp nể vì, học trò kính mến. Sống nghèo và không địa vị trong giai đoạn đó, thực ra, lại là một điều khó khăn, vì có quá nhiều cám dỗ và cơ hội. Tôi cũng biết có lỗi rất nhiều vì để vợ con thiếu thốn. Nhưng ngược lại, lương tâm tôi không cắn rứt, vì tôi không hề thụ hưởng gì riêng cho bản thân. Tôi cảm ơn Phượng, trong 30 năm, đã chịu đựng cùng làm quá cả bản phận đối với tôi. Có lẽ một phần là do tư cách của Phượng, một phần do luân lý, thành kiến xã hội. Một khoảng thời gian quá dài, làm mất bao nhiêu ngày tháng tươi đẹp, khiến Phượng tàn phai.

Tuy muộn, nhưng không có nghĩa là hết hẳn. Bây giờ, mọi sự đổi thay, hoàn cảnh cho phép phóng khoáng hơn: Phượng ở đó, một số thần tượng của Phượng ở đó, đời sống thừa điều kiện để nhan sắc phục hồi hay sửa sang lại, cuộc sống cũng còn dài. Tôi nghĩ, nếu muốn, Phượng nên xây lại những mộng ước chưa thành. Con cái hai bên đều thừa trưởng thành mà thông cảm với một "tình yêu đẹp", để chia sẻ với Phượng.

Ở đây, tôi luôn luôn cầu chúc Phượng tràn trề hạnh phúc trong tình yêu mộng ước mà Phượng có thể đã phải hy sinh, nhưng nay hoàn toàn có quyền được hưởng. Và tôi khuyên Phượng: Tất nhiên con đường của tôi và Phượng chỉ đầy rác rến, nhưng con đường "kỳ hoa dị thảo" nào cũng sẽ không tránh được cỏ dại. Biết như thế, để không cầu toàn, thì cuộc sống mới của Phượng sẽ không gợn vẩn. Tuy cuộc sống ở đó tình cảm được khá nhiều những điều tiện, nhưng nhất định không sao hết hẳn đâu. Nếu chỉ là tình nhân, thì ai cũng có thể luôn luôn tế nhị, chiều chuộng, hào hoa phong nhã, để là "hoàng tử của lòng em, công chúa của lòng anh". Nhưng khi chung sống, thì thực tế không cho phép đồng kịch trường kỳ, và chân tướng sớm muộn rồi cũng bại lộ.

Tôi mạn phép khuyên như vậy, vì biết rõ Phượng luôn luôn muốn cuộc sống phải như mơ, đẹp như tiểu thuyết. Mà đã có cuộc sống lứa đôi nào như vậy? Có chăng cũng chỉ là đối với con mắt người ngoài, chứ không thể với người trong cuộc! Hồi 1954, tôi đã không giục Phượng vào Nam, rồi lại cũng không cùng Phượng đi tản, là để Phượng có cơ hội quyết định với người mộng tưởng nào đó. Nay tôi viết thư này chân thành chúc Phượng tìm lại mối tình bị chia rẽ, nếu có. Phần tôi, sống ở đây, mừng tượng thấy Phượng vui với tình, trẻ đẹp lên, là tôi bớt được phần nào mặc cảm tội lỗi đã khiến Phượng phải hy sinh vô ích những tháng năm vàng ngọc của cuộc đời.

*Phượng cứ tin rằng, giữa tôi và Phượng, khi hết duyên chồng vợ thì sẽ có duyên bạn bè. Có một người bạn hiểu mình, chả đã là một hạnh phúc lớn rồi sao?*

\*

Khi bị bắt, Huân chẳng mấy may xúc động. Sống dưới những chế độ độc tài lạc hậu, Huân thừa biết được tung dung ngày nào hay ngày nấy. Nay dưới chế độ cộng sản, việc bắt bớ giam cầm lại càng không có gì đáng ngạc nhiên với Huân. Có lẽ đây là một tâm lý chung, một mặc cảm tội lỗi mà cộng sản tạo ra được nơi mọi người. Chẳng ai là người thấy mình không có tội đối với chế độ! Và lại ở ngoài hay trong tù thì cũng có khác gì nhau. Chưa kể ở ngoài còn phải lo lắng ngày hai bữa và nỗi chưa biết ngày nào phải vào tù.

Bây giờ thì không còn gì để mà băn khoăn nữa. Thế cho nên, ở trong tù, Huân là người bình thân đến mức làm mọi bạn tù bực mình: không thở than, không oán trách, không mong đợi. Đôi khi Huân còn đùa mọi người là cộng sản bắt giam ai là phong thần cho người đó. Nếu không bị bắt giam, là họ đã không đáng được cộng sản đem xia đến hoặc cộng sản thừa biết là họ đã hèn nhát đầu hàng rồi. Suốt thời gian bị giam cầm, vì thuộc loại tù chính trị, Huân không được đi các trại "lao động cải tạo", mà bị nhốt trong phòng. Vô công rồi nghề, ngày nào Huân cũng ôn lại quá khứ, kiểm điểm bản thân, và tự nhận thấy mọi cái kém cỏi của mình.

Không bán trái, không khỏe mạnh, không mồm mép, không có khả năng gì đặc biệt, lại tự ghép mình vào những cái phải cái trái, Huân thấy mình lơ lảo trong cuộc sống. Khi tài sản của gia đình chàng phải bỏ lại hết ngoài Bắc, Huân chỉ còn biết dùng sự cần cù và nếp sống đạm bạc để tồn tại trong một xã hội cần nhiều thủ đoạn và thần thế.

Huân tự thấy mình tầm thường, đơn giản, dễ chấp nhận cuộc sống cam phận. Nhưng ân hận to lớn nhất của Huân là đã lôi kéo Phượng và con cái vào cuộc đời eo hẹp, thiếu thốn của mình, ngoài cơm áo sách vở, không được biết ngay đến cả những quả bánh, giải trí rẻ tiền.

Nay yên trí sẽ chẳng có ngày nào được thả ra và rồi sớm muộn sẽ chết ở trong tù, Huân mừng rằng Phượng và các con đã được yên thân ở Hoa Kỳ, một xứ sở mà Huân biết chắc cuộc sống sẽ khá hơn tất cả mọi nơi khác, và bản thân Huân sẽ không còn bao giờ làm phiền đến ai.

Huân gửi thư ra, cố dùng mọi ẩn dụ để thân nhân biết mình hoàn toàn ổn định, bên ngoài không cần gì phải lo lắng về bất cứ mặt nào cho chàng nữa. Do đó, chàng thuộc loại "con bà phước".

Đúng ra bà Khanh có "nuôi" Huân luôn mấy năm, rồi một buổi, kèm thư với quà, từ già Huân để vượt biên. Bạn bè đồng tù tưởng Huân buồn, nhưng chàng lại cứ an nhiên tự tại, làm nhiều người thấy thật khó hiểu. Họ không thể tin rằng giữa hai người không có gì ngoài mối giao hảo của hai kẻ cần nương tựa nhau. Thực thì chính Huân cũng chẳng hiểu tại sao bà Khanh lại rồi hơi mà thôi nẫu cho mình. Có thể đó là bản năng mẫu ái của bất kỳ người đàn bà nào, luôn luôn cần có đối tượng để mà săn sóc chăm? Huân tự thấy không có khiếu để hiểu biết về đàn bà nên cũng chẳng cần quan tâm.

\*

Bỗng dung Huân được thư của cha mẹ gửi vào nói cán bộ đến tận nhà yêu cầu biên thư nhấn về những điều kiện lương bổng, nhà cửa, quyền lợi sẽ được nhà nước đãi ngộ để khuyên Huân về làm việc. Ít lâu sau, chính người cán bộ đó vào Chí Hòa gọi Huân ra, nhắc lại các điều kiện, thêm điều khoản bắt Huân làm tờ cam kết không vượt biên, không xin đi đoàn tụ.

Huân trả lời thẳng thắn:

- Tôi biết lương lậu ở ngoài đâu có cao như anh nói. Mà tôi mặt mũi nào giám nhận lương cao gấp năm gấp mười anh em. Còn chuyện cam kết, xin nói thật với anh, nó chẳng có giá trị gì. Thí dụ khi ra, tôi không tôn trọng cam kết mà cứ vượt biên, thì cũng lại trở vào đây là cùng. Còn chuyện đoàn tụ, thì tôi chắc phải tùy chính sách nhà nước. Muốn đoàn tụ, phải xin phép. Mà phép tắc cho hay không ở trong tay các anh, thì cần gì tôi phải cam kết. Thế nhưng tôi vẫn ký. Vì cha mẹ tôi già yếu, sống chết chẳng biết lúc nào, tất nhiên tôi phải muốn ra.

- Anh bình tĩnh. Lương này là do bộ tài chính đề nghị, vì thấy như thế mới đúng với mức sinh hoạt hiện nay, và sẽ áp dụng cho tất cả mọi người chứ đâu phải riêng anh. Còn chuyện cam kết, tôi đồng ý với anh là giữ được người ở chứ ai giữ được người đi, nhưng đó là nguyên tắc. Vậy chúng ta cứ nhất trí như thế. Rồi Huân được thả về, nhưng lương lậu, nhà cửa, nhu yếu phẩm hứa hẹn rút lại chẳng có cái gì được thực hiện. Cộng sản nói dóc là chuyện quá thường, mà Huân cũng chẳng bận tâm.

Nơi Huân làm việc toàn là chuyên viên các ngành "đi cải tạo" được lấy về hay bị bỏ tù được lấy ra. Trên nguyên tắc là để thực hiện mọi công tác khoa học kỹ thuật của nhà nước. Nhưng thực tế là chỉ ngồi chơi lĩnh lương hàng tháng. Người "thủ trưởng" đã có lần giải thích thắc mắc của Huân là: Anh không nên băn khoăn, cứ việc ngồi chơi lãnh lương, vì đây là chính sách nhà nước đối với các anh. Huân đoán có lẽ cộng sản xin viện trợ các nước. Họ thấy các chuyên viên cộng sản không đủ khả năng, ra điều kiện phải sử dụng đám chuyên viên do họ đào tạo. Cho nên cộng sản phải moi đám này ở các nhà tù ra cho ngồi làm vì, để lấy viện trợ. Huân không lấy làm lạ. Vì trước khi vào tù, Huân đã từng ngạc nhiên về những chuyện như bác sĩ "cách mạng" không đọc nổi tên thuốc, kỹ sư "cách mạng" không làm nổi bốn phép tính cộng trừ nhân chia, các phó tiến sĩ, tiến sĩ học qua sự... thông ngôn của thông dịch

viên. Họ có bằng cấp là do tam đại bản cố nông, là do có đảng tịch cao, là do chính sách nâng đỡ thành phần. Huân lại cũng đã từng ngạc nhiên về cái cung cách sợ sệt "chuyên gia cổ vấn nước bạn" của các vị "cách mạng" cao cấp. Tưởng rằng đã đánh quỵ những tên "đế quốc sùng sỏ" thì họ đâu còn ngán đám tóc quăn mũi lõ. Khi nghe thân nhân ngoài Bắc nói các anh "cần vụ" phải khom lưng làm thang cho cổ vấn leo lên mình ngựa, Huân không tin lắm. Nhưng rồi thấy thái độ của các "thủ trưởng" khúm núm trước các "chuyên gia" thì Huân thật hơi ôi. Mà khả năng chuyên môn đám này nào có ra gì. Điều này khiến Huân thấy cần mang ra thảo luận trong nhóm. Rằng khả năng "chuyên gia" như vậy, hàng họ Liên Xô tồi tệ như vậy, chỉ những thứ làm tại Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc còn tam xài đỡ. Đồ Liên Xô từ điều thuốc lá, cây viết chì đến thanh sắt xây cất, bao xi măng đều không thể mang dùng vào được việc gì, mà sao võ khí Nga Xô lại tối tân? Chẳng lẽ những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lãnh vực quân sự, khiến cho sản phẩm thành nhiều hơn, tốt hơn, đẹp hơn, rẻ hơn, lại không được mang áp dụng vào lãnh vực tiêu thụ phẩm?

Phải chăng cái khoa học kỹ thuật cao cấp này lại cũng chỉ là món Hoa Kỳ viện trợ trong cái... trù tính của Roosevelt? Một bằng cớ là, sau khi đi "tham quan" Nga Xô về, bác sĩ giáo sư Phạm Biểu Tâm tuyên bố: Mọi dụng cụ y khoa tại các bệnh viện Nga toàn... made in USA!

Bọn Huân không có câu trả lời!!!

[Mãi sau này, Huân mới được đọc một tài liệu của Quốc Hội Hoa Kỳ viết rằng: Chẳng có gì đáng gọi là kỹ thuật Xô Viết cả. Có lẽ từ 90 đến 95%, trực tiếp hay gián tiếp, được Hoa Kỳ và Đồng Minh tiếp viện. Nếu nói hiện nay Hoa Kỳ và các quốc gia NATO đang xây dựng Liên Bang Xô Viết thì thật đúng (Aid and Trade with the Enemy, Congressional Record trang E7551, ngày 17-8-1972). Trong bộ sử ba tập Western Technology and Soviet Economic Development, giáo sư Antony Sutton của Hoover Institution on War, Revolution and Peace, trích lời báo cáo vào tháng 6, 1944 của đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Xô Averell Harriman rằng: Stalin mang ơn sự trợ giúp của Hoa Kỳ cho kỹ nghệ Xô Viết trước và trong chiến tranh. Ông ta nói rằng cỡ 2/3 tất cả những xí nghiệp kỹ nghệ lớn tại Liên Bang Xô Viết đã được xây dựng bởi sự viện trợ hay trợ giúp kỹ thuật của Hoa Kỳ. Ông Sutton cũng khẳng định: Hầu như tất cả những gì Nga Xô có là do từ tây phương, và không có gì gọi là quá đáng nếu nói là Liên Xô được chế tạo tại Hoa Kỳ. Chẳng hiểu thật hư đến mức nào, nhưng cứ như các điều tố cáo trong các tác phẩm None Dare Call It Treason của John A. Stormer, None Dare Call It Conspiracy của Gary Allen, và rất nhiều cuốn khác nữa, thì rất có thể có cái trù tính mà Roosevelt đề cập đến chẳng?]

\*

Huân vào năm khám vài năm, thì mẹ Huân bị liệt. Ra tù chưa được nửa tháng thì mẹ Huân mất. Một xu dính túi không có, nhưng đám táng mẹ Huân cũng đầy đủ lễ nghi. Trong cùng tưng, đau khổ, người ta thương yêu nhau lên bội phần. Huân biết chắc nếu vào lúc bình thường số người tới giúp đỡ phân ưu sẽ kém hơn rất nhiều. Thân nhân bạn hữu khắp nơi rủ nhau đến. Huân thấy vẻ hốc hác, đôi rách hằn lên con người, nét mặt họ. Vậy mà những người xa tít mù tắp tưởng không khi nào còn thấy cũng xuất hiện. Có người tê liệt rồi cũng cố nài người chõ đến để vái lấy trước bàn thờ vong, kể lễ công đức của mẹ Huân đôi với riêng họ. Thì ra trong cùng tưng, đau khổ, người ta cũng nhớ nhiều tới ân huệ khi xưa. Huân không giám tự cho mẹ là người hào phóng, nhân đức nhưng có thể quả quyết suốt đời bà chẳng làm mất lòng ai. Đạo còn ở quê Miền Bắc, bà chẳng những được người quanh vùng nể trọng quý mến, mà ngay cả những người thành thị, từ Hà Nội, Hải Phòng,... có ruộng đất trong vùng, mỗi khi về đều đến thăm, tìm cách kết thân để nhờ bà trông nom và cố vấn. Bà không bao giờ lớn tiếng với người ăn người làm trong nhà. Đối với con cái còn nhỏ, bà luôn luôn dịu dàng. Khi đã lớn, bà để họ toàn quyền trong mọi việc.

Huân thấy thương mẹ vô cùng. Đang là một điền chủ đầy uy tín, bà phải bỏ tất cả để chạy trốn, vào Nam sống nhờ con cái, mà rồi tới cuối cuộc đời cũng vẫn không thoát khỏi ách cộng sản. Điều thiết tha nhất của bà là sao cho Huân có gia đình, để làm gương cho các em, nên bà đã cố gắng mọi mặt. Rất nhiều năm sau khi bà mất, Huân mới được cho biết là chính bà đã thân hành tới nơi Phụng tá túc khóc lóc, năn nỉ và phân trần về những lời gièm pha. Thật là tội nghiệp biết bao cho một người chưa từng phải quỵ lụy ai trong suốt cuộc đời. Chỉ vì lòng thương con vô biên.

Có lẽ vì việc này mà, từ đó về sau, đối với việc hôn nhân của các con, bà không bao giờ nhúng tay vào nữa. Bà chẳng giục giã ai. Con trai, con gái tự tìm lấy người phối ngẫu, tự quyết định về nghi lễ, bà chỉ đóng vai trò chủ hôn biểu trưng, và rồi cũng không bao giờ xía vào chuyện gia đình của con nào, không hề trách cứ con dâu con rể về bất cứ chuyện gì. Trái lại, bà có vẻ hài lòng về tất cả mọi người con. Bạn bè của bà thường cho họ biết bà luôn luôn khỏe là dù mắt mắt tất cả nhưng thấy vẫn rất còn may mắn, vì con cái đứa nào cũng hiếu thảo và yêu thương nhau.

\*

Kể từ ngày di tản, Phụng và các con không liên lạc gì về. Khi con cái lấy vợ lấy chồng, thiệp cưới chỉ ghi tên Phụng, không thấy hải tên Huân. Chàng tự hỏi không biết có nên liên lạc với Phụng và các con chẳng?

Vợ chồng Yên thư từ cho thân nhân, đôi khi vẫn nhắn lời thăm hỏi Huân, nên chàng thấy có bổn phận phải viết thư cảm ơn, nhưng dặn họ đừng nói gì với Phụng và các con về chuyện mình được tha. Tuy nhiên, họ không nghe, mà cho là có bổn phận phải báo cho chị và các cháu.

Nhận được bức điện tín của Phượng gọn lỏn ba chữ "love for ever" (thương yêu mãi mãi), Huân bản khoán tự hỏi: Đây là một câu nói sáo hay là một câu xác định tình cảm của Phượng đối với mình sau thời gian suy ngẫm.

Suốt những năm sống bên nhau, Huân thấy Phượng không bao giờ khách sáo, nhất là với riêng mình. Nhưng sao có thể là thực tình trong hoàn cảnh cả một đại dương xa cách, giữa một người tự do ở một quốc gia tiên tiến, người thân phận nô lệ ở một quốc gia lạc hậu độc tài, giữa âm no đối với đối rách, trong khi, ở Hoa Kỳ, Phượng có thể gặp bao nhiêu cơ hội, bao nhiêu người hợp ý hợp tình. Tiếp theo đó, Huân lại nhận được điện tín Phượng giục gửi giấy tờ sang để lập hồ sơ bảo lãnh đi đoàn tụ. Huân tặc lưỡi, lo thu thập giấy tờ gửi qua, kèm bức thư hỏi Phượng giả dụ nếu mình không qua được, thì Phượng có thể bỏ bên đó về Việt Nam sống với mình không. Cũng y như thói quen trước đây, Phượng không trả lời.

Các con cũng lục tục liên lạc. Huân biên thư cho chúng rằng mình có đầy đủ mọi thứ, không nên gửi cái gì về, chỉ tổ làm giàu cho lũ cán bộ cộng sản, và cũng hỏi chúng về sự hiện diện của mình đối với chúng. Các con Huân đều trả lời là muốn cha sang.

\*

Bây giờ cộng sản muốn tổng lũ "ngụy" đi hết cho rảnh nợ, mà rồi chúng lại còn gửi hàng quà, tiền bạc về cứu nguy chế độ nên, nộp đơn bốn năm, Huân có giấy phép xuất ngoại.

Chàng chép miệng: Cộng sản đã thả mình rồi, chẳng bao giờ thêm bắt lại làm gì cho tốn cơm. Mình ở lại cũng vẫn kiếm được ngày hai bữa, chẳng chết đói. Mà đâu có thêm gì bỏ sửa để phải ra đi. Lại cũng chẳng biết vợ con sẽ đối xử với mình ra sao. Nhưng ở đây hàng ngày toàn chuyện chường tai gai mắt. Ra ngoài, chẳng biết đã làm vương làm tướng gì, nhưng ít nhất cũng có tự do. Mà biết đâu chừng!? Thế là Huân quyết định đi. Nhưng, ngoại trừ một ít biệt lệ, chẳng giầu tất cả mọi người, kể cả những người trong gia đình, vì biết họ thêm muốn được như mình, sẽ tui thân. Và buổi sáng hôm đi, Huân nhờ người bạn thân đèo xe đạp lên phi trường. Chính nhiều người trong gia đình cũng vẫn cho là Huân vượt biên hay lại vương mắc tù tội gì, hoặc hiện mai danh ẩn tích đâu đó, mà không hề biết chàng hiện đã ở Hoa Kỳ!

## XV

Bước vào phòng đợi phi trường, không thấy thay đổi gì đáng lạ lắm cho lắm, nhưng nhìn quanh nhìn quần không thấy ai đứng đón thì cũng ngỡ ngàng, đợi một lúc lâu, Huân bèn xuống nơi phát hành lý. Rồi thì Phượng và hai người quen của Phượng đến trễ cũng tìm được Huân. Hai người này là hai cha con. Người con làm cùng sở, Phượng nhờ mang xe đi đón Huân. Người cha cũng mới sang theo "điện đoàn tụ". Ông cùng trạc tuổi Huân, lại hãy còn nguyên dáng đen đui gầy còm, khiến chàng cũng thấy phần nào thoải mái.

Phượng thì khác hẳn khi ở nhà và với hình ảnh Huân mường tượng, không còn cái dáng của một người đàn bà Việt Nam nữa, mà hình như thấp đi, to bè ngang ra. Còn Huân thì, giữa cái phi trường tối tăm, hẳn phải là một anh chàng nhà quê hốc hác, tóc tai quần áo lổn nhổn đến mức thảm hại.

Trời cận lễ Giáng Sinh, lạnh, mưa rả rích. Bốn người chờ lấy xong hành lý là đi thẳng tới quán Thái Lan ăn cơm tối. Đoạn Phượng và Huân được đưa về nơi cư ngụ, và cha con ông bạn chia tay.

Đây là một khách sạn được người chủ, trước khi chết, biến thành nơi ở dài hạn, và giao ước cho thân chủ được quyền ở hoài theo giá rẻ, cho đến khi nào tự ý dọn đi. Phòng chỉ gồm một giường, một tủ, có phòng tắm riêng, kê thêm tủ lạnh và bếp.

Phượng và Huân chuyện trò gần xa khá lâu. Rồi Phượng ngủ say. Huân bị giờ giấc thay đổi, nằm nghĩ ngợi lan man cho đến 6 giờ sáng, nghe tiếng xe cộ dưới đường, liền lồm cồm bò dậy. Nghĩ đến các người ở nhà ngóng biết cung cách đi chuyên, tiếp đón của những người được hưởng ân huệ ODP (Orderly Departure Program, Chương Trình Ra Đi Trong Vòng Trật Tự), Huân lúi cúi máy chữ ra, đặt xuống sàn nhà để viết thư, những tưởng tấm sẽ làm giảm âm thanh, không dè tiếng lạch cạch của máy chữ vẫn làm Phượng tỉnh giấc, lên tiếng phiền hà:

- Bộ muốn người chung quanh họ... chửi cho ùng mả hay sao mà giờ này giờ trò ra thế?

Huân ngỡ ngàng, không thể tưởng tượng Phượng có thể dùng ngôn ngữ như thế với mình, nhưng biết nói gì bây giờ, lại cũng nhận thấy mình có lỗi, lặng lẽ cất máy chữ, thôi không viết thư nữa.

Ban ngày hôm đó, Phượng dẫn Huân đi làm thủ tục giấy tờ bằng xe buýt. Bây giờ, ngồi trên xe, với tiếng máy ầm ỉ, Huân gà gât buồn ngủ. Điều này khiến Phượng mắc cỡ, liền tiếp hích khuỷu tay nhắc. Huân thừa biết cái cử chỉ quê mùa, ketch cớm của mình, mà không có cách gì khiến cho cặp mắt khỏi díp lại.

Ngày..... tháng..... năm.....

Thăm các anh chị,

Tất nhiên nhận định mỗi người một khác, tôi chỉ nói riêng ý kiến của tôi thôi: Thủ tục ở Việt Nam, tôi nghĩ là thiên hạ chỉ hù lẫn nhau. Đứng là trình độ, tinh thần nhân viên rất thấp, nhưng nhờ họ được quyền làm ăn... tùy tiện nên may thì vẫn gặp ông thiện, còn rủi thì gặp ông ác. Chả hạn hôm tôi gửi va li, có mấy bộ khăn ăn, thì ông hạch tại sao chỉ khai là khăn ăn mà không khai là... khăn thêu. Vậy phải mang về... hải quan làm đơn xin phép lại! Rồi, hôm đi, khi xét hành lý xách tay, thì giấy tờ gì ông phán không cần, là vứt sọt rác hết. Có người mang cái túi tài I, túi tài II sang cho chồng, ông cũng vất luôn. Ngược lại, có ông rà qua một tí, chuông rung thì hỏi ý chừng mang dao cạo râu, phải không? Thưa rằng phải, là cho đi luôn. Cho nên không thể nói kinh nghiệm nào dạy kinh nghiệm nào hết. Phải nhớ mang theo bữa ăn, tiền còn dư nên tặng hết người đi tiễn, vì khi đã vào phòng... cách ly, thì không có gì bán, không còn được ra vô nữa, mà thời gian chờ đợi thì không biết sẽ dài ngắn là bao nhiêu.

Khi ở Tân Sơn Nhất, có đoàn quay phim, phỏng vấn NBC (một nửa số nhân viên là người Việt) đến gặp tôi đầu tiên, xin thu hình và phỏng vấn, nhưng tôi xin được hai chữ bình an, nói đi có một mình, xin tìm gia đình đồng người cho hấp dẫn. Mỹ từ Bangkok sang làm thủ tục sưu tra thấy có máy goe (cũng một nửa là dân Việt) và do một bà hai ông Mỹ (hai ông bà trắng, một ông đen) phụ trách lục vấn qua loa. Cũng như ở Thủ Đức thôi. Tôi hân hạnh được ông đen hỏi. Câu quan trọng hơn cả có lẽ là: Có làm việc với Mỹ không?

Nói chung, thì người Việt, người Hoa chẳng ai tôn trọng kích thước hành lý và Air Vietnam cũng không bán khoán về khoán này. Muốn kèn càng bao nhiêu cũng được, miễn là trả thuế 50% thị giá và đóng cước chỗ dư (500đ/ki) hoặc biết... giám giữ lì xì. Đồ thêu tính sát giá thị trường. Sơn mài thị giá rất rẻ. Tất nhiên lại cũng tùy gặp ông thiện hay ông ác. [Từ Bangkok trở đi, hãng máy bay đành chấp nhận sự đã rồi và không tính cước dư, nhưng những đồ xách tay kèn càng (xô, thau,...) thì bất kỳ gửi cả. Xin đừng ngạc nhiên, thiên hạ sợ ở ngoại quốc thiếu thốn nên mang theo linh kinh đủ thứ chổi cùn rế rách]. Câu được ước thấy: Tôi được đi TU hai reactors, sản phẩm của Liên Xô tiên tiến. Đại khái kém DC6 một chút, nhưng lại những 80 ghế và không thấy có điều hòa không khí.

Có cái hay là, không như các hãng, chiêu đãi viên Air Vietnam chẳng buồn có đôi lời, chẳng bắt chẳng dậy nịt, chẳng thấy áo cấp cứu gì cả. Hành khách được đãi một bịch bánh qui, loại có hơn hai chục cái vẫn thường thấy bán ngoài chợ, và năm trái quýt. Với "xã hội chủ nghĩa", thế cũng là xa xỉ chán. Thấy máy bay cũng êm, có lẽ vì thời tiết quá tốt, và khi lên cao độ rồi, thì cũng... mát! Công việc tiếp đón ở phi trường Bangkok là do nhân viên ICM (International Committee of Migration) người Thái phụ trách.

Vì hồ sơ đã được hoàn tất, phần ở Thủ Đức, phần ở Tân Sơn Nhất, nên vừa tới Thái, trước khi về chỗ tạm trú, thì đã phân sẵn ra loại đi Hoa Kỳ hay Phi Luật Tân rồi. Nếu chụp ảnh màu, không gắn số vào cổ áo, và hồ sơ ghi chữ V (một số cho cả gia đình, hiện nay đến số V-7500) thì là đi thẳng Mỹ; chụp hình đen trắng, số VB là đi Bataan (Phi Luật Tân).

Tinh thần nhân viên phục vụ cao nhưng thiếu tổ chức khoa học. Và lại phải giải quyết công việc cho một đoàn người quen vô kỹ luật nên thật là mệt. Cuối cùng cũng phải dùng biện pháp xua đuổi và quát tháo. Được cái chưa đến nỗi đánh đập! Họ quát tháo có lẽ một phần cũng vì nói tiếng Việt không sôi. Tôi đã định ra làm thông ngôn, nhưng phân ngân ngại người mình cho là làm ra vẻ tay đây, phần cũng chán,... kệ xác cái đám người vô trật tự.

Khốn nạn nhất cho thảng trọng kỹ luật. Khi ông nói bỏ xách tay tại chỗ, chủ hộ ra nhận hành lý và đứng chờ. Mình tưởng đã đến lúc không cần thủ nữa, nên y lời chỉ dẫn. Chờ mãi, sót ruột, chạy vào coi, thì cái túi nhỏ đựng ít đồ lặt vặt đã được thiên hạ đỡ nhẹ mát rồi. Chả lẽ lại nói với ông? Tìm cũng chẳng ra, mà mang tiếng cả dân tộc Việt, hoặc người Việt... gốc Hoa!!!

Nhưng lúc qua bàn giấy y tế, tôi đành phải làm thông ngôn, mỗi khi có người bị nghi vấn về bệnh tật. Có con nhỏ bị bệnh tim, cô y tá dạn dờ thực cảm động, lại còn rút kẹo ra cho, làm tôi tức tưởi nghĩ đến cung cách người mình đối xử với người mình.

Đại khái, tới Bangkok thì vào một trại nhỏ lợp tôn để được lần lượt gọi đến thu thông hành, khám ghê lở, đo huyết áp, chụp hình; ăn cơm do nhà thầu mang lại, (mỗi người một hộp giấy đựng bịch nylon cơm, bịch gà cà ri vài miếng, một trứng mặn, một cái thìa nhôm); lãnh hành lý xếp lên camion, rồi lên xe buýt về nơi tạm trú, cách Bangkok nửa giờ xe chạy xa lộ 120km/giờ.

Đến trại được nghe nội qui, phát mừng mền chiếu, lãnh hành lý và sửa soạn chỗ ngủ.

Tuy rằng phần lớn nhân viên đều có tinh thần phục vụ cao, nhưng chỉ riêng cái việc tổ chức đưa đón, ăn ở của cái trại Suan Phlu và cung cách làm việc của mọi cơ quan phụ trách chương trình thấy thật lộn xộn, chỉ tổ khuyến khích thêm sự vô kỹ luật cố hữu của đoàn người Việt-Hoa ô hợp và làm nhục những người nào có chút liêm sỉ.

Sau này, anh chị nào sang, nếu lăm đồ đạc thì nên ở luôn từng trệt, vừa tiện nước nôi, căng tin, chỗ ăn cơm, nhưng ban ngày phải dẹp chiếu lấy chỗ đi lại và làm việc.

Tưởng là quý báu gì, hóa ra là bị nhét vào một trại tù, nay dùng làm chỗ tạm trú, nên những ai đã từng ở Chí Hòa hoặc Phan Đăng Lưu thì tìm lại đúng những khung cảnh cũ: cũng nằm sàn; cũng dây chằng mùng, vắt khăn;

cũng chán song biệt giam,... Có điều là khoảng khoáng tự do hơn một chút. Nhưng lại vô trật tự, vô kỷ luật: không đội cầu tiêu, giặt quần áo vào hồ nước tắm,... dù rằng được cho biết rằng tình trạng trại này đã khá hơn trại trước nhiều lắm rồi.

\*

Sáng hôm sau, y tế ICM chích ngừa; thử đờm; chụp phổi (nếu cần) -- nói rằng bị tái khám ở Sài Gòn sẽ gặp khó khăn ở Bangkok là không đúng, hai đảng không có sự liên quan nào cả -- khám mắt (những người trên 50 tuổi). Buổi chiều, ICM mang tặng quà của Vatican, mỗi người một túi đựng bàn chải, thuốc đánh răng, xà bông thơm, hai khăn mặt nhỏ (đều là sản phẩm Thái) và thông báo ai đi Mỹ, ai đi Phi.

Ở Phi, chương trình do chính phủ Phi đảm nhiệm tại Bataan, gồm:

- tham gia nghĩa vụ lao động, dọn dẹp chỗ ăn ở mỗi ngày 2 giờ
- học Anh ngữ và văn hóa Mỹ cho những người 15-55 tuổi (cũng có lớp cho người trẻ và người già nào muốn học).
- học nghề

Người tị nạn được coi là trú khách của chính phủ Phi: parties, nhảy nhót lu bù.

\*

Bây giờ sáng, ăn cơm kiểu self service, gồm cơm, chút củ cải kho lều bều, đu đủ nấu nước muối lều bều, húp vào không biết tả sao cho chính xác được. Tôi bị hớ to, là cái thìa nhôm chiều qua bỏ trả lại, vì không rõ họ thu hồi kiểu Việt Nam hay vất đi, lỡ họ thu hồi thì lại mang tiếng tham. Nay không có thìa muông thì đứng mà ngó, trong khi thiên hạ có cái thìa nhôm mang ra, kèm thức ăn mang theo, ăn uống tấp nập.

Bốn giờ chiều, lại cơm, củ cải lều bều, đu đủ lều bều, thương thân quá. Cơ mầu này ở 11 hôm, theo như thông cáo, tới nơi vợ con không thấy hình ảnh tên ăn mày, mà là kẻ đói tháng Ba Ất Dậu mất!

Dân mang theo vàng, đồ la, tôm khô, mực khô, lạp xưởng thì ăn thêm ở căng tin. Có đủ thứ và giá cả cũng tương đương với Việt Nam (theo hối suất đồ la... tươi). Vậy, nếu các bạn muốn ăn ngon ở "chí hòa" Thái, thì nhớ mang tôm khô, mực khô, lạp xưởng, vàng y, đồ la sang mà bán rồi mua đồ ở căng tin của trại, chứ không được ra ngoài: 35 đô la một chỉ, 25 bạt một đô, so với Việt Nam, có lời tí chút.

\*

Có một điều bên nhà chưa hề biết đến, là vấn đề qui chế I-171. Cứ cỡ ba tháng lại có một qui chế mới cho từng loại thân nhân, nên phải rõ I-171 của mình cấp ngày nào, thì mới biết loại thân nhân nào được hưởng qui chế nào. Cùng một I-171, mà cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái có thể có qui chế khác nhau: người thì hưởng qui chế di dân, người thì hưởng qui chế tị nạn. Không thể suy luận từ gia đình này ra gia đình khác. Nếu muốn biết, thì thân nhân bên Hoa Kỳ phải hỏi chi tiết về từng loại thân nhân một.

Các nhân viên sở Mỹ hoặc chế độ cũ, từ xưa đến nay, vẫn được đi lai rai. Lúc này số đó có gia tăng và trong tương lai có thể thêm hơn nữa. Vấn đề là làm sao giấy tờ càng đầy đủ càng tốt và gửi tới được Bangkok (gửi thân nhân ở ngoại quốc chuyên). Nếu có đi "học tập" từ hai năm trở lên và thuộc cấp bậc cao, thì nhiều hi vọng hơn.

Những điều dự đoán về chương trình ODP, sang đến đây, nhờ làm thông ngôn giúp ban y tế ICM, ban y tế trại, ban văn hóa JVA (Joint Voluntary Agency), hỏi han họ nên biết đúng là: nếu người bảo lãnh có quốc tịch, thì vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em không được hưởng qui chế tị nạn và phải đi thẳng Mỹ (trừ trường hợp có bệnh truyền nhiễm thì sang Phi điều trị). Còn người thường trú thì chỉ là đứng đơn giùm, nên nếu được đi, thì sẽ sang Phi, và khi sang Mỹ sẽ có trợ cấp. "Nguy quân, nguy quyền" nộp đơn chui cũng thuộc "diện" này. Chuyện chính phủ Mỹ cho truy lãnh hoặc đưa ngàn này ngàn nọ chỉ là đồn đại, và phía Mỹ không hề có ý định ngưng chương trình ODP. Chỉ sợ phía Việt Nam. Mà Việt Nam thì có đủ mọi khả năng, thậm quyền để làm mọi việc xét ra có lợi cho họ. Mỹ hiện chỉ lo điều chỉnh sao cho từ nay trở đi sự ra đi của mọi người có sự công bằng, ai nộp đơn trước đi trước và rất nghi ngờ người nào được giải quyết quá sớm. Những người nào mới được bảo lãnh, thì tối thiểu phải hai năm, Bangkok mới cấp LOI (Letter of Introduction); nghĩa là công nhận trước đây có nhiều bất công, luộm thuộm, có những người do thân nhân bảo lãnh cũng vẫn lãnh trợ cấp, thân nhân không quốc tịch cũng đi thẳng Mỹ, vv...

Có đến nửa số nhân viên của các tổ chức là người Việt (cũ, di dân, gốc Việt, gốc Hoa) nên họ nói sõi tiếng Mỹ, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Tàu. Thậm chí có cả người Mỹ cũng rành tiếng Việt.

Theo cuộc đàm thoại với cô bạn Mỹ trẻ, giảng viên lớp hướng dẫn, thì cái cộng đồng Việt Nam ở Mỹ phức tạp lắm. Tốt nhất là... xa lánh vấn đề chính trị, chính kiến,... Chụp mũ, lộn xộn không lời nào tá xiết. Vậy chỉ nên chỉ thủ làm ăn, gây dựng cơ sở, lo lắng cho con cái, mặc dù cả chủ trương này cũng bị lên án kết tội nữa. Tôi cứ vừa cật lờn thắc mắc, là cô đã kêu: Vậy là anh sẽ gặp khó khăn ở điều đó đó... Chả trách vợ tôi cứ viết thư về phiên hà sao tôi cứ bần khoản những chuyện ruồi bu!!!

Nếu có thì giờ, thì có bao nhiêu điều cần hỏi. Tiếc rằng điều chính là phải hỏi họ những điều mà mọi người ở nhà cần biết đã.

\*

Hôm thứ nhì, tôi giúp họ làm thủ tục cân đo, lặn tay và ký giấy nợ ICM. Tiền máy bay, người lớn 580, trẻ con 460 đô la. Mỗi tháng, mỗi gia đình phải trả cỡ 50 đô la cho đến hết. Người trưởng thành tự ký giấy nợ hoặc nhận nợ thay cho thân nhân vị thành niên. Khi ở nhà, chẳng ai đặt vấn đề, nhưng sang đây rồi thì kêu ca đất rẻ, và dọa sẽ kiếm cách quịt hay xin xỏ. Nhỏ tuổi nhất trong chuyến này là trẻ 2 tuổi. Có lẽ đây là thời gian cần để điều chỉnh hồ sơ cả hai bên, Hoa Kỳ và Việt Nam. Vậy những ai không muốn bị trì hoãn thì cần cai để. (Buổi sáng, tôi có gặp một cô vượt biên ở trại Sikiew, cách Bangkok 70km, được mang đến trại sát vách trại tạm trú chữa bệnh, nói chuyện qua hàng rào. Chẳng hiểu sao lại không chữa ở Sikiew. Nhìn cô, tôi đoán chừng là nạn nhân hải tặc nên không muốn hỏi kỹ.

Ở Sikiew có cỡ 7000 người Việt. Ngoài ra có Miên, Lào. Cô cho biết ở thì thoải mái, nhưng tiền ăn của HCR bị Thái ăn chặn chẳng còn gì, chủ yếu là sống nhờ thân nhân viện trợ. Việc các nước đến nhận vẫn tiến hành đều đặn. Nhiều nhất vẫn là Mỹ, Úc, Gia Nã Đại. Nhờ cô ở chữa bệnh đã lâu, thông thạo nên cho biết trại này cũng lại có giam một số ngoại kiều buôn nha phiến và mấy cô vượt biên nhưng sợ ở trại, mong thoát nợ Sikiew, trốn ở ngoài, lấy chồng Thái, không may thiên hạ tố cáo nên bị bắt giam.

Sau thời gian ở Sikiew từ một năm trở lên và qua Phi dự việc hướng dẫn, những người có thân nhân trực hệ, cựu nhân viên, quân nhân chế độ cũ, nhân viên cơ quan có liên hệ với Mỹ và các cán bộ cộng sản cao cấp sẽ được nhận vào Mỹ. Những người nào sau tháng Tư 75 có làm việc với chế độ mới có thể gặp khó khăn. Nhưng đối với Úc và Gia Nã Đại, thì lại là... tốt tốt. Riêng Gia Nã Đại thì người bảo lãnh phải đóng tiền.

Còn những người khác thì chờ đi theo diện nhân đạo.

Nói chung thì đều nên khai lý do chính trị chứ không phải... kinh tế.) Việc sưu tra về lý lịch của mình và những tin tức về Việt Cộng ở Bangkok ít lâu nay do ông nhà binh vượt biên Diệp Văn Châu phụ trách, chứ không phải Trang Sĩ Tấn. Thấy làm việc cũng hết sức lơ mơ. Chính phủ Mỹ cũng có thư gửi từng người xin nếu biết tung tích những người Mỹ thất lạc hoặc chết chóc thì báo cho họ.

\*

Ngày thứ ba (Chủ Nhật) nghỉ làm việc.

Danh sách chuyến này, cả chính thức lẫn bổ túc, gồm 334 người. Có 11 gia đình gồm 89 người, không biết vì không kịp giấy tờ hay lý do gì, không tới được Bangkok. Và có một bà già 96 tuổi (con gái 71 tuổi được đi theo săn sóc), một bà bầu sáu tháng rưỡi, cùng vài ba người lớn và trẻ con đau yếu không phải đi trại, được chuyển thẳng tới bệnh viện.

Những người ở trại thì có phòng y tế HCR phụ trách 24/24, do bác sĩ Ấn Độ và nữ y tá Mỹ (sinh trưởng ở Sài Gòn, nói tiếng Việt rất thạo) làm việc chăm chỉ. Thiên hạ hơi ngứa ngứa, nhức đầu, xổ mũi là đã đòi khám bệnh, phát thuốc. Họ quên hết cảnh bên nhà, ngay hôm sau đến đây, và thi nhau lên mặt thành thạo, dạy đời. Tiếc rằng chẳng thấy người nào biết... cái con mẹ gì cả. So với đám người này, thì đám ở các trại "học tập" thánh thiện quá. Cũng dễ hiểu thôi, vì một đảng là thành phần "chọn lọc", còn đây thì... (riêng chuyến này, một nửa là người Hoa).

Ham đi phòng y tế có một hậu quả hết sức phiền phức, là nhiều bệnh vợ vắn -- ghê lở, đau mắt, vv... -- bị giữ lại. Mà cả nhà phải cùng ở chờ. Khi nào bác sĩ cấp giấy chứng nhận mới được đi. Giải thích cho họ không nên khai báo bệnh tật, xin thuốc vớ vẩn thì lại bị chụp mũ là làm khó dễ, hù dọa.

Thì ân vô cầu báo, nhưng ề cổ khuẩn vắc hành lý cho tui họ, hết chỗ nợ đến chỗ kia, chỉ dẫn mọi thủ tục, giải đáp mọi băn khoăn nhưng đến bữa cơm nuốt không nổi, tui họ chà bông, lạp xưởng ăn uống lu bù, chẳng thèm đoái hoài công thông dịch, xin xỏ mọi thứ cho họ, thấy mình thật là ngu. Mà sao vẫn cứ đâm đầu vào?!

\*

Sáng ngày thứ tư, nhân viên ICM đến giải thích về việc đi Phi (ngày thứ năm về việc đi Mỹ) và làm thủ tục cho những người được hưởng qui chế tị nạn (I-94): 90 ngày đầu được các cơ quan thiện nguyện giúp đỡ và 18 tháng trợ cấp của chính phủ, cùng lưu ý những điều có thể phải khai báo: xưa nay có liên quan đến việc buôn bán ma túy, có nghiện rượu, thân nhân có bị bệnh thần kinh, có hai vợ một lúc, có vợ chồng mà giấu không khai (nếu có thì đây là cơ hội chót để có dịp đoàn tụ và không gặp khó khăn khi ở Hoa Kỳ).

Nếu có vị hôn nhân mà khai ở Thủ Đức, thì phải ở lại cỡ một năm để điều chỉnh hồ sơ rồi cùng đi luôn. Sang Bangkok mới khai thì, tới Mỹ rồi, phải chờ cỡ 4 năm mới có thể gặp mặt.

Chuyến này có một thằng nhỏ nghe nói vậy, nhớ vợ, đòi về. Họ cũng chiều ý. Lại có người đi cầu, tháo đồng hồ bỏ quên, bị nâng mắt, đi trình nhân viên bảo vệ trại. Họ tuyên bố nếu xét thấy sẽ tống cổ kẻ tham lam về Hà Nội. Thủ phạm vội vàng mang để lại chỗ cũ, hoàn cố chủ!!!

Buổi chiều, JVA đến hướng dẫn về văn hóa và đời sống Mỹ. Chuyện trò rất thoải mái và phát một cuốn Anh Việt Thực Dụng, một cuốn hướng dẫn mọi sinh hoạt tại Hoa Kỳ, có nhiều điều bổ ích. Ai có thắc mắc gì tha hồ nêu để được giải thích. Danh sách chuyến bay được niêm yết vào khoảng 4 giờ, gồm hai chuyến đi Manila và ba chuyến đi

Hoa Kỳ (hai chuyến đi đường Tokyo, một chuyến đi Âu Châu, tùy theo hành khách về Miền Tây hay Miền Đông) bằng các chuyến bay thường xuyên. Nếu may mắn, có thể được ngưng ở các nơi, ngủ khách sạn và đi thăm nơi này nơi kia. Thiên hạ ai ai cũng cứ đòi gấp gấp đi Mỹ, bắt cần trợ cấp, vì chẳng biết lợi hại ra sao.

(Suốt thời gian, kể từ chiều nay, rồi chiều Thứ 2, 3, 4, 5 đều có lớp hướng dẫn kèm chiếu phim và giải đáp thắc mắc).

\*

Ngày thứ sáu dự các lớp hướng dẫn nói trên, gồm các đề mục: Trung Tâm Bataan, vấn đề giáo dục, vấn đề công ăn việc làm, các hội thiện, vấn đề giấy tờ, luật pháp, cộng đồng Việt Nam,... tại Hoa Kỳ.

Theo sự giải thích, thì trợ cấp từ 75 đến nay càng ngày càng rút bớt và xét ra không nên trông vào đó nhiều: một gia đình hai vợ chồng, ba con nhỏ chỉ lãnh chừng năm, sáu trăm đồng, vừa đủ tiền nhà, tiền ăn chứ không sắm nổi quần áo và bị người Mỹ dè bieu lắm. Nên tốt nhất chẳng màng đến là hơn. Nghĩ là phải làm việc, làm việc, và làm việc. Ngoại trừ thành cho ăn lộc, kiếm ra một phương thế nào để có tiền (một cách lương thiện), mà vẫn rảnh rang!

Các hội thiện nguyện được chính phủ Mỹ chỉ cho mỗi đầu người 500 đô và để tùy nghi sử dụng, cách nào cũng được: hoặc chi tiền, hoặc tặng quà, hoặc cung cấp các dịch vụ.

Tin nói phải đóng tiền bảo lãnh là hoàn toàn phịa, như tôi đã suy diễn và nói với quý vị khi còn trong nước. Vì thân nhân không muốn gánh trách nhiệm nên nói tránh ra như thế thôi. Làm affidavit of support chỉ có nghĩa là người được bảo lãnh cam đoan sẽ không lãnh welfare trong vòng hai năm, kể từ khi tới Mỹ. Có thể nói là hứa sẽ tay làm hàm nhai. Nhưng dù sao cũng vẫn phải đón rước, cho ăn nhờ ở đậu cho đến khi có công ăn việc làm.

Ngoài ra, tiền máy bay, cho đến nay, chỉ có 17% trả lại, còn quẹt tuốt. Đó là tiền chính phủ Mỹ đã trả trước cho ICM, rồi nhờ các hội thiện nguyện thu lại giùm. Cứ cái đà này, hoặc phải ngưng chương trình hoặc sẽ bắt ai muốn đi thì trả trước, bằng đô la, ở Sài Gòn.

Việc tổng xuất mà quý vị nghe đồn ở Việt Nam chưa hề được áp dụng với một người Việt Nam nào. Còn lữ bác sĩ, được sự dính trong vụ Medical thì mỗi kẻ muốn tại ngoại phải thế chân 250,000. Chắc tính theo tỉ lệ tội trạng và lợi tức nên Sophia Loren bị bắt vì mang xì ke trong người phải đóng 4,000,000.

\*

Ai là tị nạn thì lãnh I-94. Di dân thì được trả lại thông hành VN để sử dụng một năm, chờ phát green card I-551.

Trong đợt này, có hai việc đặc biệt: Thăng nhỏ người Hoa nhớ vợ, sau khi được giải thích rằng nếu về thì không bao giờ được đi Mỹ mà phải xin đi nước khác và lại được hứa giúp đỡ để có thể đoàn tụ trong vòng hai năm, đã vui lòng đi Phi. Và một cô đã lên danh sách chuyến bay đi Mỹ lại được tin chồng chết, phải chuyển qua qui chế tị nạn, đi Phi.

Tôi đi chuyến chót vào sáng ngày thứ bảy nên được tiễn các người đi trước và đón các người trong danh sách đợt kế ở Sài Gòn sang.

Bà cụ 96 tuổi được gửi cho nhà thương săn sóc đi Hoa Kỳ cùng chuyến với tôi. Xe buýt đến đón tận bệnh viện và có một bác sĩ, một y tá Mỹ được cử đi theo suốt hành trình để săn sóc, tuy bà cụ vẫn minh mẫn và đi lại ăn uống như thường. Máy bay rời Bangkok lúc 9 giờ sáng, tới Tokyo lúc 15 giờ chiều (17 giờ Tokyo). 19 giờ chuyển máy bay đi San Francisco. Từ 9 giờ sáng đến 19 giờ chiều, mười tiếng đồng hồ, ăn ba bữa thịnh soạn. Thiên hạ hết nhét nói, hết cả tham lam, vớt đi gần hết, thấy thật phí của trời. Suốt lộ trình, tôi phải đóng vai hướng dẫn viên, thì đó đàn người sao cho tạm có trật tự, vệ sinh để thiên hạ khỏi rủa xa dân tộc.

21 giờ lại ăn bữa tối nữa. Lúc này thiên hạ mới nhớ đến "dân nhà lá", gọi nhường thứ nợ thứ kia, nhưng mình còn chưa thanh toán nổi phần mình! 1 giờ đã sáng rõ, thành ra đêm chỉ có 6 tiếng. 3 giờ lại điêm tâm. Và hai tiếng nữa (5 giờ sáng) thì đến San Francisco (1 giờ chiều California), vẫn cùng ngày. ICM và INS (Immigration and Naturalization Service) San Francisco, toàn người Việt và Hoa, thái độ thật khó chịu, kẻ ra đón chào, người làm thủ tục nhập cảnh, gặp dịp Giáng Sinh nên rất đại khái, phát cho mỗi người một áo ngự hàn (vareuse), một túi ăn trưa, chờ 5 giờ chiều phân tán về các địa phương gặp bố cu mẹ đi. Đường quốc tế toàn bay 747 năm trăm chỗ, nhưng chỉ có 1/3 hành khách, nên các hãng cũng sống nhờ vào chương trình ODP dữ lắm, nhất là chỉ phải dành chỗ hàng đầu. Nếu chưa có khách thường xuyên, thì dân ODP lên trước, ngồi sẵn chờ. Nếu là stopover, thì lên cửa hàng đầu. Kế cũng kỳ thị, nhưng thực ra cùng ngồi vào một khu khuất nẻo như vậy có bê bối cũng đỡ nhục quốc thể!!!

\*

Cũng xin tạm ghi lại cảm tưởng của tôi.

Từ Việt Nam qua, trên phi cơ nhìn xuống, thấy đồng ruộng Thái Lan làm ăn qui mô lắm. Chạy dài hai bên rạch là nhà ở, sau nhà là đồng ruộng thẳng cánh cò bay, thành hàng thành lối, như những dải lụa. Dọc xa lộ, xe chạy cả tiếng không thấy dứt những cao ốc nghêu ngặn, đèn đuốc như sao sa. Tại các trại tù, sàn lát gạch bông, cầu tiêu, buồng tắm gạch men trắng toát, đèn quạt dư dả. Lại càng buồn cho đất nước và dân tộc!

Tuy nhiên chính quyền Thái cũng bết quía: bóc lột trợ cấp của dân tị nạn đến xương tủy, nhưng giá cấp cho cái TV, vài tờ báo, một ít tài liệu tuyên truyền, cử một đoàn đến chào hỏi, giúp vui, tặng một chút quà nhỏ, thì chắc cảm tình giữa đám người tị nạn (tôi không giám nói riêng người Việt Nam) và dân tộc Thái được cải tiến biết bao. Đàng này, nào hải tặc, nào bóc lột, thù truyền kiếp ngày càng chồng chất. Ôi, dân da vàng ngàn năm vẫn hiển!!!

580 đồng nợ, do chính phủ Mỹ ứng trước, thì ICM lợi thấy bà nội. Vì vé máy bay dạo này rẻ lắm, toàn giá cũng chỉ cỡ đó là cùng. Đàng này là giá thương lượng, chỗ dư ra, ICM bày trò nợ kia, làm ra nhân đạo, nhưng chẳng cái gì ra hồn. Còn 500 đồng giao cho các hội thiện nguyện, thì nhiều anh ắm ở, có làm cái con mẹ gì đâu.

\*

Tới Los Angeles 7 giờ chiều, tối rồi. Bà vợ ra đón, tôi không nhận ra. Với các vị đã ở Mỹ rồi, xin thưa, sau 20 năm, Mỹ thay đổi nhiều lắm. Có vẻ tinh thần thì teo lại mà thể xác thì phì ra. Người nào cũng như cái lu, cái bồ cá, không còn son sẻ như trước đâu. Chắc vì chế độ ẩm thực. Mười người thì đến chín người phì nộn. Đời sống phồn vinh hơn trước nhiều lắm. Hàng họ gấp năm gấp mười khi xưa, nhưng đa số làm tại ngoại quốc, so với hàng làm tại Hoa Kỳ thì không tốt bằng và giá đất gấp năm lần trước đây, trong khi tiền lương chỉ gấp ba lần là cùng. Căn nhà ở được cho năm bảy người phải 500đ một tháng tiền thuê hay 1000đ trả góp. Sơ mi bình dân 10đ, quần 20đ, overcoat 50đ, quần áo 100đ/bộ, hamburger 1đ50, coffee/coke 50c/ly,...

Người Việt hoạt động trong đủ mọi lãnh vực và khá thành công. Sách vở in chẳng thiếu cuốn gì, vì Việt Nam trước đây không có giao ước nên tác quyền không được chính quyền bảo vệ.

Noel ở Miền Tây, thành không thấy nhộn nhịp bao nhiêu. Năm nay không rét mấy. Tôi có qua bên Missouri và lên Michigan nhưng cũng không bị tuyết. Ở đâu cũng thấy thật là hoang phí. Trong khi đó, những người da đen và Mễ thì đầu đường xó chợ lang thang, chẳng khác gì đám "kinh tế mới" bên nhà. Vấn đề quan trọng của tôi hiện nay là làm sao sớm có bằng lái xe, rồi mua xe, kiếm chỗ để xe, đoạn mới tính đến công ăn việc làm được, chứ đâu có gián dị như bên nhà. Thấy mấy đứa cháu đi hồi năm 75 còn thô lò mũi mà nay mỗi đứa một xe, lái phom phom, làm ăn, bỏ bịch y hệt Mỹ chính cống mà ngán, cảm thấy thua xút chúng một trời một vực rồi.

Tôi trở lại Los Angeles bữa 2 January để làm mấy thứ giấy tờ: ID Card, Social Security, thẻ thư viện, thăm dò mấy nơi giới thiệu việc làm và nghỉ ngơi ít lâu để tính xem rồi sẽ sống ra sao, định cư nơi nào - chỗ nhiều hay ít dân Việt. Rất mong được thư mọi người. Những điều mọi người dặn dò nên biên thư nhắc lại, vì lu bu công việc, nhiều khi quên luôn rồi. Thư từ sang đây thấy cũng chóng nhận được và không có gì trở ngại đâu. Rút lại cũng chỉ hù nhau thôi. Xin thăm tất cả mọi người mạnh khỏe, bình an. Và hẹn thư tôi sẽ viết được nhiều điều nên biết về các sinh hoạt ở Hoa Kỳ hiện nay.

\*

Khoảng cách giữa sự văn minh và lạc hậu, giữa sự thông thạo và quờ quạng của người đã ở lâu và người mới tới Hoa Kỳ thật rõ rệt. Và rồi dần dần Huân nhận ra có rất nhiều vấn đề.

Trước hết là sự cách biệt giữa những người di tản, người vượt biên, người đi theo chương trình ODP, và ngay trong những người này lại cũng chia ra kẻ tới đã lâu, người mới tới,...

Đĩ nhiên những người di tản có những khó khăn của họ: sự bơ ngỡ, sự trở ngại ngôn ngữ, sự thiếu thốn những cái quen thuộc, sự kỳ thị. Nhưng ngược lại họ cũng được những dễ dàng, được sự giúp đỡ về tiền bạc, về công ăn việc làm, vì sẵn ngân sách, vì sẵn lòng thương,.... Còn những người tới sau tất được hưởng nhiều điều thuận tiện: kinh nghiệm của người đi trước, những khu làm ăn buôn bán toàn người đồng hương,.... nhưng lại có những khó khăn riêng biệt: ngân sách hạn chế, lòng thương mệt mỏi, cạnh tranh gay gắt với những người tới trước đã có căn bản vững vàng,.... Đặc biệt những người thuộc thành phần di dân còn nhiều khó khăn hơn: không được trợ cấp, không được theo các lớp huấn luyện, không được hưởng bảo hiểm y tế, không được giới thiệu việc làm, v.v...

Tiếp đến là những sự trái ngược giữa hai văn hóa Mỹ Việt tạo nên những vấn đề xung đột. Chả hạn giữa vợ với chồng, giữa cha mẹ với con cái. Riêng Huân thấy, bằng vào cả bốn thế hệ nhà chàng, trong gia đình, ở Việt Nam, dù thượng lưu hay bình dân, người chủ chốt vẫn là vị nội tướng. Ông chồng thường chỉ đóng vai trò tượng trưng, bề ngoài; mà sự... nề vợ -- hay đúng hơn sợ vợ -- không phải là điều thiếu thông thường cũng như sự... ăn hiếp vợ không hẳn là điều phổ cập.

Ở nông thôn thì chồng cày bừa, vợ tát nước làm cỏ, hàng xay hàng xáo. Ở thành thị thì chồng đi cất hàng, vợ đứng bán hàng, chơi hội chơi hè, đâu có bao giờ đóng vai thứ yếu. Có lẽ chỉ riêng một ít gia đình của các nhà nho xưa kia, và sau tới gia đình các ông quân nhân công chức làm việc cho nhà nước, bổng lộc dồi dào, thì các bà được ngồi nhà chần chạ, họa chăng mới thành phụ thuộc. Đĩ nhiên trong văn hóa ta không có chuyện kéo ghế, mở cửa, nhường bước cho vợ, cho các bà, các cô, nhưng ở Âu Mỹ cũng thiếu gì cảnh chồng chúa vợ tôi, có nơi vợ rõ ràng còn gọi chồng là... chúa công (my lord) nữa là khác. Và chẳng, nếu mỗi mỗi đều phải nâng niu, nhường nhịn, thì đâu còn gì nữa đề mà đòi bình đẳng bình quyền. Thật là những điều mâu thuẫn và lằng cằng.

Thế nhưng khi sang Mỹ thì các bà cứ kêu rằng ở Việt Nam có chế độ chồng chúa vợ tôi. Rồi, ở Mỹ, các ông không còn có những công việc... hiển hách như bên nhà, trong khi các bà dễ kiếm công ăn việc làm hơn, có khi còn ngon lành gấp bội. Và rồi, dù các ông, phần lớn, cũng đã biết thân biết phận, các bà các cô có vẻ vẫn thấy các ông

còn thua xa mấy ông Mỹ to lớn, trắng trẻo, nói năng... lịch sự, luôn mỉm cười... tán dương. Thế cho nên chỉ một chút bất mãn đủ để các bà... dứt khoát. Và li dị dài dài. Trẻ li dị, xồn xồn li dị, già khăng cũng li dị luôn. Cũng lại căn cứ vào gia đình mình, Huân cho rằng, tại Việt Nam, việc giáo dục phần lớn là do xã hội đặt ra tiêu chuẩn, đã có sẵn những "khuôn vàng thước ngọc", hay ho hay không chẳng biết, nhưng được phần lớn mọi người chấp nhận. Con trẻ cứ thế mà theo. Mỗi khi vi phạm, thì ngoài đường người lớn răn đe, trong nhà bà mẹ thủ thi khuyên nhủ, chỉ dẫn. Ông bố ít khi chuyện trò với con cái, chỉ là con ngoáo ộp để bà mẹ mang ra dọa nạt. Thêm vào là nhà trường có những bài vở phân tích rành mạch về luân lý, đạo đức, bốn phận, trách nhiệm, thầy cô hướng dẫn, làm gương. Tuy mỗi ngày những việc trên mỗi lòng lẽ, nhưng đại khái cũng còn vóc dáng một khuôn khổ.

Nay ra hải ngoại, xã hội không còn thuần nhất nữa; tiêu chuẩn không rõ rệt; vai trò chính yếu là bà mẹ thì lại càng mờ nhạt. Vì bà mẹ Việt Nam đa số chỉ luân quản với chồng con trong ngưỡng cửa gia đình, bây giờ bị quăng vào một môi trường xa lạ. Phong tục, tập quán, ngôn ngữ đều khác, thì biết gì mà khuyên nhủ, chỉ dẫn. Ngược lại, chính con cái mới là kẻ hướng dẫn mẹ cha. Cho nên biến thành cái cảnh "con cái đặt đầu, cha mẹ ngồi đáy".

Ngay dù mẹ cha thuộc loại hiểu biết, thì cũng sẽ đứng trước một phân vân rằng cái gì phải theo, cái gì phải thay đổi, cái gì cần giữ lại. Mà mình thấy hay ho muốn giữ lại, đã chắc gì giữ lại được, đã chắc gì được con cái đồng ý. Chả hạn cái truyền thống cuc mang đùm bọc của làng xóm, họ hàng. Bây giờ chỉ có thu gọn lại nội trong vòng cái tiêu gia đình không thôi cũng khó lòng thực hiện nổi.

Ở đây cha mẹ có bốn phận với con cái vì đã đẻ chúng ra. Ngược lại, con cái hầu như không có bốn phận với cha mẹ. Đã có xã hội lo rồi. Thế cho nên, sau 18 tuổi, con cái tách rời hẳn khỏi cha mẹ, anh em, mỗi người tự lo lấy bản thân. Rồi vì công ăn việc làm, vì tuổi trẻ muốn tự do bay nhảy, mỗi người đi một phương. Mà "hễ xa xôi mặt, thì thưa thớt lòng", ít ai còn quan tâm đến ai nhiều nữa. Và cũng chẳng ai thấy là cần thiết. Ngay khi còn ở cùng một nhà cũng đã mỗi người mỗi phòng, núp kín trong đó, ít khi gặp mặt, trò chuyện với nhau. Đây mới chỉ nói đến tình trạng ôn hòa êm ái. Chứ nếu có sự bất đồng ý kiến, thì gọi 911 (cảnh sát); con trai bỏ ngang việc học hành, đi làm việc lằng nhằng kiếm tiền đàn đúm, băng đảng; con gái kiếm cái bầu lãnh AFDC (Assistance for Dependent Children, trợ cấp con trẻ không người bảo trợ). Xã hội có đảm tiêu, ngăn cản gì như bên nhà đầu mà hòng áp đặt kỷ cương. Còn nếu là hôn nhân dị chủng, thì cha mẹ biết gì mà nói, biết gì mà chăm lo dạy dỗ cháu nội cháu ngoại. Nếu chúng ở xa, năm thì mười họa mới gặp, thì lấy đâu ra tình tự gia đình, gia tộc, họ hàng, làng xóm, quốc gia, dân tộc,...?

Thực tế là như vậy. Và người thức thời thì phải bình tĩnh chấp nhận.

\*

Tối qua Phượng xi vả, quát tháo một hồi rồi bắt Huân làm giấy ly dị. Huân làm li từ đầu đến cuối, sau cùng ráp giấy trắng và giấy than vào máy chữ, đánh thành hai bản:

"Chúng tôi là Nguyễn Công Huân và Trần Thị Phượng đồng lòng cùng làm giấy này kể từ nay không còn là vợ chồng và không có trách nhiệm về bất cứ hành vi nào, tài sản nào của người kia."

Huân tự ký và đưa cho Phượng ký, rồi chia mỗi người một bản. Phượng lại tiếp tục xi vả thêm. Giữa hai người, lần đầu Huân buông một câu chửi thề bằng quơ, rồi trùm mền ngủ.

Sáng, Huân dậy sớm, nhật nhanh chút đồ đạc, đi thuê khách sạn, đến sở từ nhiệm, rồi tới nhà vị tộc trưởng trình bày hoàn cảnh, xin phép được đi tiểu bang xa kiếm công ăn việc làm.

Không thấy Huân, Phượng cũng chẳng quan tâm, sửa soạn đi làm. Chiều muộn vẫn không thấy Huân về, soát qua vật dụng, Phượng biết Huân đã bỏ đi, mang theo mớ quần áo mặc hàng ngày ít ỏi và cái máy chữ đựng trong cái va li cũ, tất cả mang từ bên nhà qua. Bao nhiêu thứ mắc tiền Phượng mua cho cũng như các kỷ vật chung của hai người, Huân đều để lại nguyên vẹn.

Hắn Phượng thờ phào nhẹ nhõm. Thế là xong, từ nay khỏi phải hàng ngày nhìn cái bộ mặt ngó ngẩn, thờ chung cái không khí chật hẹp của căn phòng với một kẻ làm li như Huân. Mọi sự tự nó rồi sẽ an bài.

Khi còn trong nước, thành kiến, phong tục, lễ giáo, dư luận có một hồi ép Phượng vào khuôn khổ một người vợ an phận thủ thường. Nhưng nay ở ngoài này, thì hà cơ Phượng cứ phải sống miễn cưỡng như xưa.

\*

Huân biết có lý đến đâu thì cũng chẳng giải quyết được gì. Khi một người vợ đã thấy không còn cần nê vì người chồng nữa, thì mối quan hệ đó cần chấm dứt. Đáng lẽ việc chia tay đã xảy ra chỉ sau mấy tháng Huân tới đất Mỹ. Nhưng chẳng may Phượng bị tai nạn, Huân nán ở lại. Bây giờ Phượng đã hoàn toàn hồi phục sau một năm nằm nhà, Huân thấy sự ở lại trông nom không còn cần thiết, nên quyết định ra đi.

Buồn thì có buồn. Sao không buồn khi hai người đã từng chung sống với nhau bao nhiêu năm trời. Rồi Phượng lại bảo lãnh để Huân sang đây đoàn tụ. Huân cứ tưởng, với cái tuổi đã về chiều, thì có thể coi mọi chuyện là phù vân để sống với nhau êm ái, nhưng thực tế không như vậy.

Ngay từ những ngày đầu, Phượng đã hành xử quá mức. Dù Huân coi như đó là những chuyện chẳng đáng quan tâm, phiền nổi mọi việc ngày càng quá quắt. Huân cứ cố nín nhịn, chẳng đối đáp, thu mình vào thái độ làm li. Nhưng nay thì đành phải quyết định dứt khoát.

Huân tự nhủ: Dù ngoài năm mươi tuổi, ở xứ Hoa Kỳ này, một người đàn bà Á Đông không gầy ốm quắt queo, da dẻ mịn màng, từng là hoa khôi như Phượng, coi còn trẻ chán, tại sao lại bắt Phượng phải bỏ mình vào với một kẻ quê kệch, lỗi thời, mặt xanh nanh vàng như mình.

## XVI

Ngày..... tháng..... năm.....

Bà Phượng,

Giờ đây, xa cách mọi người, hồi tưởng lại cuộc đời tẻ nhạt của mình, không khả năng, không thành tích, tôi thấy đã đúng khi tự nghĩ không nên lập gia đình, vì chẳng có tài ba để tạo danh vọng, tiền tài; cũng như đã đúng khi nhận thức cái vô nghĩa của cuộc đời, không lý gì cần nối đời này qua đời khác. Vậy mà rồi, vì duyên nợ tiền kiếp hay oái oăm của hoàn cảnh, tôi đã có gia đình sớm hơn tất cả bạn bè cùng trang lứa. Và rồi, có một lúc, tôi tưởng như gặp một tình yêu. Lại có lúc, tôi tưởng tìm được cái nghĩa vợ chồng. Nhưng rồi đều chỉ là ảo tưởng. Dù sao, lúc nào tôi cũng cố gắng và thành thực trong cuộc đuổi bắt vô vọng. Cuối cùng, đành chấp nhận điều dành cho thân phận kẻ ngờ nghệch, vụng về trong cuộc sống.

Kết quả là, cả một cuộc đời, chẳng làm được việc gì ích lợi cho ai -- từ cha mẹ, anh em, thân quyến, bạn bè cho chí đến vợ con và cả bản thân; suốt đời nặng trĩu một niềm ân hận không lúc nào nguôi, là vì mình, một người con gái, một người đàn bà đã phải chôn vùi cuộc sống.

Biết làm gì hơn là ghi lại nơi đây lời tạ tội cùng người bạn đời miễn cưỡng. Thật ra, "là" người bạn đời miễn cưỡng dĩ nhiên là buồn, nhưng "có" người bạn đời miễn cưỡng cũng đâu kém buồn hơn!

Khi gia đình tôi quê mùa đến hời, dĩ nhiên bà phải bức mình, vì bị làm giảm giá. Chẳng hiểu lý do nào khiến gia đình bà băng lòng gá. Tôi chẳng muốn tìm hiểu. Lại cũng chẳng buồn, chẳng vui mà hoàn toàn thụ động. Ngày cưới, bà bỏ nhà đi. Tôi cũng chẳng mấy may xúc động. Giá mà bà tiếp xúc và trực tiếp từ chối, có lẽ tôi đã tích cực ngăn cản việc hôn nhân. Với tôi, khi người ta chẳng bằng lòng lấy mình thì cũng chẳng có gì để mà thiết tha. Đàng này, rút cuộc việc hôn nhân lại vẫn tiếp tục. Ngày đón dâu, tôi cũng lại tiếp tục thụ động nữa. Và thế là bà phải miễn cưỡng sống đời chồng vợ. Tôi nhiều lúc mớm lời, mong bà giải tỏa chuyện miễn cưỡng, lý do cam đành, nhưng bà luôn luôn tránh né. Tôi hiểu bà muốn dành một cuộc sống nội tâm riêng tư, không thích tôi léo hánh tới. Thì tôi cũng chấp nhận cuộc sống do sự gằn gủi, do tác động hóa học giữa hai kẻ tuổi trẻ. Chỉ là những chuyện đương nhiên. Chẳng có gì tốt, cũng chẳng có gì xấu. Rồi thì có con có cái. Tôi nghĩ chẳng cần băn khoăn gì hơn, hay đúng hơn chẳng thể băn khoăn gì khác hơn nữa. Nhưng người Mỹ tới, mang đến những giá trị mới. Sự bắt lức của tôi càng rõ rệt. Tôi không đủ sức lo cơm áo cho gia đình, đành tìm nơi cho khuất mắt, cho khỏi phiền bạn vợ con.

Bà đi tản, tôi chấp nhận ở lại. Vậy mà rồi không ngờ lại có chuyện đoàn tụ. Tôi đã dè dặt hỏi bà, hỏi các con về sự hiện diện của tôi. Và tôi cũng hy vọng, với tuổi tác, với cuộc sống ít gay gắt về cơm áo, có lẽ sẽ có được những ngày già êm ả. Tôi tự hứa chấp nhận mọi sự khiêm tốn, đạm bạc. Nhưng thực tế lại khác rất nhiều.

Bà báo: Thành đàn ông nào sang đây cũng phải biết đi chợ, quét nhà, nấu cơm, rửa chén. Anh không làm ra tiền nên phí phạm, không biết xót, không biết mua bán, lại làm ăn đơ dáy, nấu nướng không ra hồn.

Tất cả những điều này đều quá đúng, nên, bà thấy đấy, từ đầu đến cuối, tôi có nói gì đâu. Chi ôn tồn nhắc bà rằng nếu nghĩ vì mấy bộ quần áo, ngày hai bữa cơm mà tưởng là đủ để con người có thể mất nhân cách, thì là một điều lắm lần. Trước khi sang, tôi đã viết cho bà rằng những người ở Mỹ sẽ thấy thân nhân bên nhà là những tên hành khất khiếm đảm, thì những sự việc kể trên chỉ là chuyện bình thường. Nhưng chúng vẫn làm tôi phải tự xét: Khi mà người chồng không được sự thương yêu của người vợ, dĩ chí đến cả sự nể nang tối thiểu, thì điều duy nhất phải làm là tránh đi, cho khỏi trở thành một cái nợ đáng khinh, về thể xác cũng như tinh thần. Đó chỉ là một việc không thể nào khác, nên chẳng có chuyện buồn vui.

Và có nuôi tiếc cũng không thể bầu vùi vào đâu được cả, dù tôi vẫn nghĩ rằng đã cùng nhau kết hợp, thì giàu sang hay nghèo đói, cũng chỉ già từ nhau khi từ biệt. Nhưng nghĩ và muốn là một chuyện. Một quyết định giữa hai người dĩ nhiên cân cả hai người, phải không? Cô gái Việt, là bà, mộng mơ thành người phụ nữ Nhật mà chẳng gặp shogun, dĩ chí không cả samourai, thì mỗi người đành chấp nhận cái gì mình có vậy.

\*

Ngày..... tháng..... năm.....

Các con,

Thư này ba viết cho các con chắc rất lắm cảm, vì ba chỉ là một kẻ già nua, không hội nhập được với nếp sống Hoa Kỳ. Nhưng dù sao cũng là điều ba suy nghĩ, tốt hơn là nói ra cho hết bản khoăn.

Sáng nay, khi tiễn gia đình anh Cả, trở vào nhà, ba thấy trống rỗng, và tự hỏi: Đời người là vậy sao? Một thời, có cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái. Rồi một buổi, còn trơ lại một mình! Và câu trả lời là, đúng vậy. Nhất là con người ở xã hội Mỹ. Sẽ một mình ở nhà mình, hoặc ở senior housing, hay một nursing home nào đó.

Ở Việt Nam xưa kia, thì về mặt này, tình trạng có vẻ khá quan hơn. Thế nào cũng có một ít con cháu, họ hàng bên cạnh. Chắc chắn là có một bàn thờ tổ tiên để kể chuyện lớn chuyện nhỏ. Người Việt Nam sống với thân nhân sống, thân nhân chết. Còn người Mỹ có lẽ họ đơn giản đến mức có thể tin được rằng có một thiên chúa, có một thiên đường, thì cuộc sống tuổi già của họ dễ chịu hơn. Họ có nhà thờ để tới lui. Họ sẽ về thiên đường với chúa của họ.

Ba thì chẳng đáng đếm xỉa. Ba chẳng làm gì ích lợi được cho ai, thì số mạng dẫn dắt đến đâu, ba chấp nhận như thế.

Có lẽ các con cũng loáng thoáng biết việc hôn nhân giữa ba mẹ không được suôn sẻ. Mẹ thấy ba và gia đình ba không xứng đáng. Mẹ miễn cưỡng sống, cho đến khi không cần miễn cưỡng nữa. Ba vốn biết vị trí của mình nên vẫn cố gắng, mà rồi có những lúc không kềm hãm nổi, nên nhiều khi các con, trước đây, đã phải chịu những cơn giận dữ bất công.

Ba luôn luôn yên trí sẽ chết trước mẹ. Và cũng yên trí rằng mẹ còn các con bên cạnh lúc tuổi già. Bây giờ ở đây, sự việc không còn như bên nhà. Trước khi sang đây đoàn tụ, ba đã tự nguyện là sẽ rất khiêm nhường. Thế nhưng sự việc không như mình mong. Ba không hề giận mẹ, vì ba nghĩ mẹ phải sống quá lâu trong một niềm bất mãn cũng như phải gắng sức quá nhiều vì những bổn phận trong những tình huống quá khó khăn. Và ba nghĩ rất nhiều về tình trạng mẹ. Một người như mẹ, suốt đời quên mình vì các con, điều này tất cả các con đều quá rõ, ba chẳng cần nói thêm, mà cuối đời cũng phải giống ba -- một kẻ vô tích sự -- không cha mẹ, anh em, con cái bên cạnh, cô đơn trong một apartment, một senior housing, một nursing home sao?

Phần ba, thì khỏi bàn đến, vì việc ba ở cạnh chỉ gây thêm bực dọc cho cuộc sống của mẹ. Chẳng ai có thể chấp nhận một kẻ đần độn, thối com không chín quét nhà không nên làm chồng, làm bạn, hay ngay đến cả làm đầy tớ. Vì chỉ tổ mua lấy cái bực mình. Đây là chưa nói đến sự thêm miệng ăn tiêu tốn kém. Nhưng, ngược lại, những ngày già của mẹ cần được xét đến.

Theo ba nghĩ, và nếu các con thấy cũng là phải, thì hè năm tới, các con mời mẹ sang nhà Hà và, có đủ mọi người, bàn với mẹ về cách sống của mẹ khi mẹ nghỉ việc. Đề nghị như thế nào là do các con. Quyết định ra sao là tùy ở mẹ. Nhưng để mẹ thấy mọi người đều quan tâm đến mẹ, nhớ ơn mẹ, và làm theo ước muốn của mẹ. Ba đề nghị đến nhà Hà, phần vì năm nay các con đã sang gặp nhau cả ở đây, nhưng còn vì nhà Hà rộng rãi hơn cả. Mà trong dẫu rẻ, Hà gần hơn, vì vừa là người Việt vừa theo đạo ông bà, dễ thông cảm, mọi người đều có thể ăn ở tại nhà, vừa đỡ tốn kém vừa có nhiều thì giờ trò chuyện hơn.

Hồi mới lớn, là trưởng nam, là cháu đích tôn, ba mơ đến một ngày, vào những dịp giỗ tết, chú bác cô dì, anh em con cháu tụ họp đông đủ cùng nhau hoạch định những chương trình ích lợi để thăng tiến mỗi người, thăng tiến họ hàng, làng mạc. Thế rồi thời thế đảo lộn, bây giờ mỗi khi giỗ tết thật là heo hút. Còn sau nữa sẽ chỉ là hư vô, ba thật là hoàn toàn vô tích sự.

\*

Bây giờ thì bọn ông Huân thất tán khá nhiều. Kẻ đã ra đi vĩnh viễn. Kẻ chọn ở lại quê hương. Lèo tèo mấy người ra hải ngoại thì mỗi người một xứ. Họ không còn được thường xuyên gặp nhau để ngậm ngùi cho số phận hẩm hiu của đất nước. Nhưng họ lại có một điều kiện xa xỉ, là thư từ trao đổi với nhau về chuyện: Rồi có đến lượt cộng sản Việt Nam thua không? Mà thua ai? Thua người chống cộng? Và nếu thế, thì đất nước Việt Nam sẽ ra sao?

Nhưng ai là người chống cộng?

Ghét cộng sản, sợ cộng sản, thù cộng sản không nhất thiết là người chống cộng. Quân nhân công chức thời "quốc gia, đệ nhất, đệ nhị cộng hòa" vì mưu sinh, vì bị trưng tập, vì bị động viên mà đánh đấm.

Hơn trăm ngàn người, hồi tháng Tư 1975, vì sợ cộng sản mà di tản. Quân nhân công chức Việt Nam Cộng Hòa đi "học tập cải tạo" hận thù cộng sản., Những người vượt biên, tị nạn, di dân ODP vì ghét, sợ, thù cộng sản. Hơn bảy mươi triệu đồng bào quốc nội hằn đàng ghét, sợ, thù cộng sản. Nhưng có bao nhiêu trong số những người này chống cộng?

Những người "tị nạn" cộng sản ở hải ngoại có chống cộng không? Chống cộng sao không ở lại để mà chống. Hoặc ra ngoài này mang bao nhiêu công của ra mà chống. Chống cộng là vấn đề sống chết, hao tổn công lao tài sản. Họ thực sự đã đóng góp bao nhiêu? Nói một cách thành thật, những việc họ làm, nhiều lắm, cũng chỉ là để thỏa cái thù, cái ghét ở một nơi không phải sợ sệt mà thôi. Hai chữ tị nạn đã hàm một nghĩa chạy trốn. Vậy thì phần lớn là không chống cộng. Còn một số ít đích thực chống cộng nào đó, thì hẳn họ làm ăn kín đáo, âm thầm. Chả ai đại gì chống cộng huênh hoang, để cho cộng sản và lũ tay sai của chúng tiêu diệt. Hơn nữa chống cộng thì phải có chiến lược, chiến thuật, chương trình, kế hoạch trường kỳ mới chống nổi lũ cộng sản vốn có huấn luyện, có chỉ đạo, có viện trợ, có tổ chức, có kỷ luật. Không thể chống cộng khơi khơi và tùy hứng. Cũng không thể chống cộng kiểu phản ứng, tự vệ.

Chưa kể chống cộng rồi, còn chuyện xây dựng. Không phải chỉ giản dị lật cộng xuống là chống cộng. Lật đổ cộng sản xuống để thay thế họ, múa gậy vườn hoang, càn không phải là chống cộng.

Ngay ở các nước bình yên, đảng đối lập cũng vẫn phải là những cơ cấu lúc nào cũng có sẵn đủ mọi chương trình, kế hoạch, nhân sự; họ chỉ cần lo tìm ra những cái yếu cái dở của những người đang lãnh đạo nhà nước mà nêu lên, rồi đưa ra giải pháp cải tiến. Dân nghe ra, tín nhiệm và bầu họ vào nhiệm kỳ tới để họ mang ra sửa sang. Bộ máy nhà nước không có gì phải xáo trộn.

Còn ở các nước loạn, thì khác hẳn. Người lãnh đạo làm sai, làm bậy, đè nén, bóc lột, không bao giờ chịu buông quyền bính, nên cần phải lật đổ, thay đổi. Nhưng bộ máy nhà nước cũng vẫn còn dùng lại được. Như khi Nhật đảo chính Pháp, khi Việt Minh cướp chính quyền của nội các Trần Trọng Kim, khi ông Diệm đảo chính ông Bảo Đại, ông Minh đảo chính ông Diệm. Không có gì là đảo lộn ghê gớm. Vẫn là bộ máy cũ, mà chỉ cần cải tiến dần dần. Sự liên tục vẫn còn. Trái lại, từ 1975, cộng sản sa thải hết bộ máy hành chính cũ, thay thế bằng người của họ (đúng ra có một số được... thu dụng). Và họ tạm có đủ người, nhờ có hàng 30 năm để đào tạo. Và lại mọi chủ trương đã được Liên Xô hoạch định sẵn tự bao giờ.

Còn nay, nói giả thử phe chống cộng nắm được chính quyền thì sao? Tất nhiên chẳng tìm đâu cho ra người thay thế. Vì không hề có huấn luyện, dự phòng. Nên dĩ nhiên cũng vẫn phải giữ lại những nhân viên nhà nước hiện thời. Ngặt một điều là mọi chuyện đều phải đảo lộn cả. Bộ máy được giữ lại không hề biết gì về công việc sẽ phải làm.

Cho nên công việc của những người lãnh đạo là phải có những chỉ thị rành mạch, phân minh. Rồi ràng buộc cần thiết là những người lãnh đạo của cái nhà nước đó phải có sẵn chính sách, đường lối, chương trình, kế hoạch để lập tức phổ biến cho thẩm nhून từ trên xuống dưới. Trước là khiến dân chúng biết họ sẽ được gì, phải làm những gì. Sau là cho nhân viên nhà nước biết chiều hướng họ sẽ phải phục vụ đất nước và quần chúng ra sao. Để không một ai lơ mơ về quyền lợi và bổn phận. Chứ không lẽ rồi đến lúc đó đành dùng "sắt vụn" như cố vấn Ngô Đình Nhu, đi chợ mua "tôm cá ươn" như ông già Trần Văn Hương, "đánh võ rùng" như thứ trưởng giáo dục Nguyễn Danh Đàm, hay ngồi chờ dữ kiện năm ba tháng rồi mới thảo luật pháp, chương trình, kế hoạch. Để dân làm loạn rồi bắt bớ, giam cầm, bắn giết???

Vậy cho nên có thể nói số người thực tâm chống cộng cho đến nơi đến chốn có lẽ rất hiếm hoi.

\*

Hiện nay, tại hải ngoại có các tôn giáo như Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo; các đảng phái cũ như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt; và những mặt trận, liên minh mới.

Ông Huân tự xét là kẻ không có tôn giáo và cũng không am tường gì về tôn giáo. Nhưng theo sự hiểu biết thu thập được, thì thường thường con người khi sinh ra là đã theo ngay tôn giáo của gia đình rồi. Cũng như ngay khi sinh ra đã là công dân của một quốc gia xã hội nào đó. Và rồi người ta cấu kết với nó một cách cũng mặc nhiên.

Giữa chúng ta, chúng ta có thể chê trách đủ thứ về Việt Nam. Thế nhưng hễ người ngoại quốc chê trách người Việt, đất Việt, thì không được. Chúng ta càng cổ ra cãi. Cũng thế, người cùng một đạo với nhau có thể cùng công nhận những cái nhảm nhí của tôn giáo mình. Nhưng người ngoại đạo mà bài bác, thì lại cũng không xong. Chúng ta lại cũng càng cổ ra cãi, một cách tối ư ngoan cố, nếu không nói là ngu muội, bất kể phải trái.

Còn như ông, không theo một tôn giáo nào, tuy theo thói nhà, quả có làm việc thờ phượng tổ tiên, nhưng trong gia đình ông không ai nghĩ đó là một tôn giáo. Mà chỉ là một cách tỏ lòng nhớ ơn tiên tổ, ông bà thôi.

Đôi lúc tân mần ngồi nhìn một con kiến, ông Huân nghĩ mình có thể nhón nó bỏ vào nước, vào lửa, cho nó sống, bắt nó chết, tạo "bão lụt", "thiên tai" cho cả đàn cả lũ, cả... quốc gia dân tộc nó, tùy thích. Giả thử ông mà là con kiến đó, thì hẳn ông phải cho... cái thằng ông (con người) là đáng toàn năng, một thượng đế... kiến.

Con kiến có thể bò quanh, khám phá khắp nơi của thằng người, ít nhất cũng ở ngoài da, trong một khoảng thời gian không cần lâu la gì cho lắm. Trái lại, thằng người chỉ có tới đa 100 năm trong cái vũ trụ bao la vô cùng vô tận tính bằng tỉ tỉ năm... ánh sáng. Vậy mà lại giả thử ông là con kiến thì -- sau khi khám phá thỏa thuê -- hẳn ông cũng vẫn chẳng thể nào hình dung, mô tả, giải thích nổi về cái ông thượng đế... kiến ra làm sao. Bèn tưởng tượng ra một... anh kiến kèn càng. Rồi ông xây đền đài miếu mạo, ông vẽ tranh đắp tượng, ông bày đặt hệ thống, nghi lễ, kinh kệ, ông mang phẩm vật đến hồi lộ, ông xuyt xoạt cầu khẩn sự tha thứ, sự ban phát phước lành. Thằng người có lý gì đến ông, có nghe thấy ông, có hiểu ông, có nhận lễ vật của ông, có tha tội tha lỗi, có ban ơn ban phước gì được cho ông không. Hẳn là không đứt đuôi đi rồi. Vậy hỏi ông xì xụp thờ lạy... nó làm gì nhỉ? Và thế thì, cũng y như vậy, thằng người biết khi gì về... Thượng Đế để mà thờ phượng... Người? Thằng người "nhân cách hóa Thượng Đế" thành ra tí tí lần ngớ ngẩn hơn con kiến "kiến cách hóa Thằng Người"!!! Do đó, ông không theo một tôn giáo nào cả, nhưng cũng chẳng muốn động chạm đến tín ngưỡng của ai.

Vi tôn giáo là gì?

Tôn giáo là:

\* Một tổng hợp những tin tưởng và thực hành nhằm thiết lập mối liên hệ giữa con người và thần linh hay vật linh thiêng (*Petit Larousse Illustré*); \* Sự ý thức hay xác tín về việc hiện hữu của một đấng tối cao, tạo thành các việc sùng kính, yêu mến, mang ơn, vâng lời và phục vụ,... (*Webster's New Collegiate Dictionary*);

\* Hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ; hệ

thống những quan niệm tín ngưỡng một hay những vị thần linh nào đó và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy (Từ Điển Tiếng Việt, Viện Ngôn Ngữ Học). Những định nghĩa trên đều có tính cách quá bao quát, chỉ nói đến mối liên hệ giữa con người và thần linh, mà đặt nhẹ vai trò của giáo hội. Còn theo ông Huân, tôn giáo là một hệ thống tín ngưỡng thần linh, có những giáo điều không tin không được, có niềm tin vào đời sống vĩnh cửu của linh hồn, vào phần thưởng hay trừng phạt sau khi chết, có những nghi lễ, cơ cấu phải ép mình thần phục, không thần phục không xong,

Vậy thì những kẻ theo Khổng chỉ có tham vọng tu tề trị bình, kinh bang tế thế ở đời này, không hề có tham vọng thiết lập một tôn giáo. Ai muốn là kẻ sĩ, người quân tử, thì tâm sự mà học đạo: Một lựa chọn của một thành phần nào đó trong xã hội không phải tự lo cơm ăn áo mặc. Đã có người khác lo giùm. Kẻ sĩ chỉ lo việc lớn!

Ông Phật thấy đời là một bể khổ. Mà khổ là do lòng dục của con người. Muốn bớt khổ, thì phải bớt dục vọng. Lại cũng một lựa chọn khác của thành phần no cơm ấm áo cần bớt khổ, bớt dục vọng. Còn những kẻ chưa no cái bụng, chưa ấm cái thân, thì đã thừa cái gì đâu để mà bớt, lấy thì giờ đâu để mà nghiên cứu kinh kệ, để mà ngồi thiền? Thành ra cũng chẳng phải là một tôn giáo.

Ông Lão cũng thế, thấy đời là phù vân ảo ảnh nên cứ phiêu diêu bầu rượu túi thơ để phó mặc thiên nhiên theo cái đà tự nhiên của nó. Thì lại càng không thể thành một tôn giáo. Vì tối đại đa số con người còn phải vật lộn với thiên nhiên, cây bừa, rẫy cỏ, bôn phân để vất ra cơm gạo.

Rút cuộc ba ông sĩ -- nho sĩ, tu sĩ, đạo sĩ -- "nhất sĩ nhì nông" này, khi "hết gạo chạy rông", đành khà khà "nhất nông nhì sĩ". Và cả ba "ông" đều thấy cần đáp ứng cái tâm địa thực tế của người bình dân. Bèn nảy sinh ra những hệ phái vay mượn tư tưởng để biến ra chuyện phúc đức mồ mã, phong thủy địa lý; chuyện nhân quả thường phạt, kiếp trước kiếp này, đời này đời sau, niết bàn địa ngục; chuyện bùa phép để thành tiên thành thánh, biến hóa thần thông, trường sinh bất tử. Tuy vậy Khổng Giáo, Phật Giáo, Đạo Giáo không hề thiết lập một hệ thống thống trị chặt chẽ, không hề có những giáo điều bắt buộc, không có việc tự phong sứ mạng rao giảng, cưỡng bách. Ai muốn theo thì phải tự tìm đến. Cho nên, theo ông Huân, chúng vẫn không trở thành những tôn giáo theo nghĩa trên đây. Do Thái Giáo thì khác. Đây là một tôn giáo của Moise với sứ mạng đưa dân tộc Do Thái lên làm bá chủ hoàn cầu. Chúa là riêng của họ. Thế giới ngày nay là của họ. Thiên đàng ngày sau là của họ. Họ là kẻ được Chúa lựa chọn để cai trị toàn thiên hạ. Rõ ràng là một tôn giáo, đồng thời cũng là quốc giáo, nên không có gì mâu thuẫn để mà phải bàn. Thế rồi Do Thái bị La Mã cai trị, nên Jésum tiếp tục sự nghiệp Moise, tính chuyện đánh đuổi La Mã, nhưng thất bại. Các đệ tử của ông, Pierre-Paul, biến cái quốc giáo dành riêng cho người Do Thái đó thành một tôn giáo chung cho những dân tộc lân cận. Rồi hoàng đế La Mã Constantine mượn cái tôn giáo này, ráp vào cái thế quyền của ông ta, để thiết lập đế quốc toàn trị, cả phần hồn lẫn phần xác. Cho nên nó có dư mọi hình thái của một tôn giáo đúng nghĩa. Thần quyền, thế quyền tuy hai mà một, đồng tâm hiệp lực đi mở mang đế quốc, bắt thiên hạ làm nô lệ cho mình.

Mahomed học theo Constantine, vay mượn Do Thái Giáo, Công Giáo lập thành Hồi Giáo, cũng phối hợp thần quyền với thế quyền để mở mang đế quốc. Kẻ nào không theo đạo của ông thì chỉ còn nước chịu beng cái đầu.

Hai đế quốc Vatican-Hồi Giáo này đánh đấm nhau khá kỹ. Dù có tạm hưu chiến thì cũng vẫn cứ găm ghè nhau.

Đó là hai tôn giáo chính phát sinh từ Do Thái Giáo. Chính Thống Giáo, Anh Giáo, các hệ phái Tin Lành thì là những hệ phái từ Công Giáo tách ra, động lực là những vấn đề quyền lợi quân sự, chính trị, văn hóa, tài chính, xã hội, dân tộc,...

Đến Cộng Sản Giáo thì kinh nghiệm của ba tôn giáo trên được mang áp dụng hữu hiệu hơn nữa. Cũng tuyên truyền rao giảng khi chưa đủ quyền hành. Cũng vẫn cưỡng bách khi có thế. Cũng có những tín điều không tin không được, bất kể hợp lý hay không. Cũng có một hệ thống thống trị vô cùng chặt chẽ, không được quyền vi phạm. Cũng thiết lập một đế quốc chi phối cả phần xác lẫn phần hồn. Cũng có một thánh địa duy nhất phải hướng về. Cũng có một giáo chủ duy nhất phải thờ phượng. Cũng tên thánh, cũng phục tùng tuyệt đối. Vân vân và vân vân... Có điều hơi khác một chút là hứa hẹn thiên đường ngay ở đời này mà không cần phải chờ đợi ở đời sau mơ hồ. Quả là có thực tế hơn, nhưng đó lại cũng chính là lý do khiến tôn giáo này chóng sụp đổ. Vì giản dị là cộng sản không hề có ý định tạo ra cái thiên đường khoác lác đó đã đành, nhưng dù có muốn cũng chẳng sao tạo ra cho nổi, vì làm thế nào có thể biến con người thành những vị tiên vị thánh bỏ hết tham sân si, bỏ tính ích kỷ, bỏ ham muốn sở hữu, để "mình vì mọi người, mọi người vì mình".

Chưa kể rằng: Căn bản của tôn giáo là đế quốc, là quốc tế, là xâm thực. Tôn giáo thường không là thổ sinh, mà là ngoại lai, luôn luôn đụng chạm đến quyền lợi quốc gia dân tộc. Vì phải mang tên thánh, phải hướng về thánh địa, phải thờ phượng giáo chủ, phải trung thành với giáo hội ở tận đầu đầu, thì rất nhiều khi (hay luôn luôn?) phải phé bỏ những lễ nghi, phong tục, tập quán, truyền thống,... của mình. Do đó, nhà nước, quốc dân muốn bảo vệ chủ quyền thì tự nhiên phải ngăn ngừa, trừng phạt nếu còn quyền bính, chống đối, cách ly nếu ở thế yếu. Đó là tình trạng nhà nước Việt Nam Cộng Hòa trước kia, quốc dân Việt Nam ngày nay đối với Cộng Sản Giáo. Trong khi đó thì tín đồ cộng sản vẫn để tín ngưỡng và giáo hội của họ lên trên quốc gia, ngay dù cho họ đã thấy thánh địa, giáo chủ không còn, dù cho đã biết không làm gì có thiên đàng cộng sản. Vậy thì cũng phải hỏi làm sao các tôn giáo khác lại có thể coi tổ quốc ở trên tín ngưỡng của họ được? Chả hạn giữa quyền lợi của đất nước và giáo hội, thì phải đặt quyền lợi nào lên trên?

Tạm nói đến một thí dụ:

Thông lệ đã được mặc nhiên công nhận, rằng tổng thống Hoa Kỳ phải là người theo đạo Tin Lành. Năm 1960, ra ứng cử, bị chất vấn là nếu gặp trường hợp quyền lợi tổ quốc và giáo hội va chạm thì sẽ giải quyết ra sao, Kennedy trả lời rằng khi đó sẽ từ nhiệm.

Cách giải quyết này chứng tỏ Kennedy không thể để quyền lợi đất nước lên trên quyền lợi giáo hội, không giám hành sử quyền hạn của một tổng thống, nên đành rút lui. Nó cũng có nghĩa là khi rút lui trở về làm người thường dân, thì Kennedy sẽ bênh vực quyền lợi của giáo hội mà hi sinh quyền lợi của tổ quốc. Mà Kennedy hẳn cấp tiến chẳng kém ai, và dù chẳng cần làm tổng thống cũng đã thừa thế lực rồi.

Nhưng Kennedy cũng đặc cử. Rồi bị ám sát sau ba năm cầm quyền. Lý do đến nay vẫn chưa ngã ngũ. Nhưng lý do Huân tin hơn tất cả là vì vợ chồng Kennedy đã yết kiến, qui lạy và hôn nhân của giáo hoàng.

Cãi rằng đó là việc làm với tính cách cá nhân tin đồ xem ra không thể ổn. Vẫn có tính cách nguyên thủ một siêu cường và đệ nhất phu nhân Hoa Kỳ thân phục Vatican, điều mà nhân dân Hoa Kỳ, nhất là tín đồ Tin Lành, chưa kể Do Thái, không thể nào chấp nhận được. Thế nên Kennedy phải chết!

Đĩ nhiên ngày nay con người đã phóng khoáng hơn nhiều. Những vấn đề thiên cận ít xảy ra. Nhưng cũng cứ đặt một giả thiết:

Ngày xưa ngày xưa, Chính Thống Giáo, Anh Giáo, các hệ phái tách khỏi tôn giáo mẹ. Hoi lâu lâu một chút, cộng sản Tito tách Nam Tư khỏi giáo hội Moskva. Mới đây ít năm, giáo xứ thể nhận ở San Jose làm loạn. Nay mai, nói thí dụ, chúng ta có một Việt Nam dân chủ, tự do đại khái cỡ như Hoa Kỳ chẳng hạn -- nghĩa là thực sự được tự do tín ngưỡng -- mà có một số giáo dân nào đó ý thức rằng có sự đụng chạm về quyền lợi giữa giáo hội và đất nước (tài sản, lợi nhuận giáo hội ở Việt Nam rất quan trọng), thấy rõ ràng là, nếu tách khỏi giáo hội mẹ, không có gì thiệt hại đến tín ngưỡng, trái lại rất có lợi ích về kinh tế, tài chính, chủ quyền cho quốc gia, bèn chủ trương đòi giáo hội Việt Nam tự trị. Thì sẽ chọn thái độ ra sao?

Đó chỉ là một trong những lựa chọn mà bất cứ tín đồ của một tôn giáo nào cũng sẽ gặp phải. Theo ông Huân, thì cần xác định. Để mỗi khi gặp vấn đề, mới có thể biết rõ thái độ, phản ứng, hành xử của một công dân đồng thời là một tín đồ, để mà ứng xử và thông cảm. Bằng không sẽ rất dễ xảy ra những chuyện quá khích, ngay như trong lịch sử mấy trăm năm gần đây của Việt Nam.

\*

Ở hải ngoại, Phật Giáo và Công Giáo là hai tôn giáo có nhiều tín hữu nên dĩ nhiên có nhiều uy tín về tinh thần, nhưng không còn nhu cầu trực tiếp tham gia chính trị nữa. Hiện nay, đối với cộng sản, Công Giáo có chính sách chung là hòa hoãn; Phật Giáo cũng chỉ có từng hệ phái còn gay gắt. Nói chung, các tôn giáo hiện chỉ cần nhà nước trả tự do cho các tu sĩ, nói lòng việc kiểm soát chuyện lễ bái, xây cất nơi thờ tự. Còn những đoàn thể chính trị, như các đảng phái cũ, các mặt trận liên minh mới, thì, thành thật mà nói, hoạt động rất yếu ớt, nếu xét theo những đòi hỏi về chương trình, kế hoạch.

Bảo rằng có thể trông vào lớp trẻ thì cũng chỉ là ước mơ mà thôi. Thực tế người trẻ là công dân của quốc gia họ đang sinh sống. Họ ăn mặc, học hành, suy nghĩ như mọi công dân đó.

Tỉ dụ như ở Mỹ, người ta có những thang giá trị khác. Con người được đo lường bằng tiếng tăm tên tuổi, bằng tiền bạc của cải. Những tài tử màn bạc, những ca sĩ nổi danh được mọi người sùng mộ. Những cầu thủ bóng bầu dục, bóng rổ được coi là... anh hùng dân tộc. Muốn có lương bổng cao, người ta chỉ cần "nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Do đó, học chuyên không làm việc giáo dục mà giữ việc đào tạo chuyên viên. Chỉ cần học một ngành, một nghề, một môn cho tinh vi. Kiến thức tổng quát không cần thiết. Con người đậm ra thiên cận, thiếu tâm vóc, thiếu khả năng suy diễn. Gia đình, nhà thờ, dù có muốn, cũng khó cưỡng lại áp lực của xã hội.

Một bữa muốn tìm kiếm những chi tiết về Tường Giới Thạch, ông Huân vào một thư viện đại học, tìm không ra. Nghi ngờ trí nhớ của mình về cái tên ông Tường, mà ông biết ít nhất có đến bốn năm kiểu viết khác nhau, nhân thấy một cặp sinh viên đang thủ thi với nhau bằng tiếng Việt, ông Huân ghé lại xin lỗi và hỏi: - Anh chị có biết tên ông Tường Giới Thạch chữ Anh viết ra làm sao không? Hai người, dáng dấp rất văn minh, chừng là sinh viên cao học, vì cùng cỡ trên dưới 30, hắt hàm nhìn nhau, rồi quay qua ông:

- Tường Giới Thạch là ai vậy?
- Then, do you know Tchang Kai-check? (Thế anh chị có biết Tchang Kai-check không?)
- Never heard of. (Chưa nghe thấy bao giờ cả)
- How about Mao Tse-toung? (Thế còn Mao Tse-tung?)
- Who's that guy? (Cha nào vậy?)

Điều này chứng tỏ họ không quan tâm đến những chuyện gì ngoài việc học cho có bằng cấp để có công việc làm tiền, rồi hưởng thụ, ăn điện, xe cộ, nhà cửa, mùi mẫn,... Vậy thì còn mong gì họ biết về Việt Nam. Dù có chút quan tâm thì hẳn họ cũng chẳng thù hằn gì cộng sản, chẳng sợ hãi gì cộng sản. Họ tự tin khả năng của họ thừa đủ để đối phó với cộng sản, nếu họ muốn. Và họ cũng khó lòng chấp nhận được những người cứ bám lấy quá khứ, cứ nung nấu hận thù. Theo họ, nếu yêu nước thì sao không quên quá khứ đi, sao không bắt tay cùng cộng sản để cùng xây dựng. Cộng sản cũng là người, cũng là người Việt Nam mà.

Do đó, khó lòng mà có được sự cộng tác giữa già trẻ, giữa người còn muốn là người Việt Nam và người muốn quên Việt Nam đi hay chỉ muốn coi Việt Nam cũng như bất kỳ một quốc gia nào mang lại công ăn việc làm, cơ hội kinh doanh cho họ.

\*

Khi tính đi Hoa Kỳ, ông Huân tìm đến ông bạn tí phú cũng đang nhấp nhồm. Gặp ông này trong tù, ở phòng giam, dư thì giờ, chẳng biết làm gì, ông Huân lần la hỏi ông ta về cách thức làm ăn khiến ông thành công quá sức và ngỡ ý tiếc là tiền của cỡ đó thì đáng lẽ trước đây có thể làm được bao nhiêu việc ích lợi cho bao nhiêu người. Ông tí phú rất đồng ý, cho biết vẫn còn rất nhiều tiền gửi tại ngoại quốc, hẹn sau này... có dịp, thì thế nào ông Huân cũng phải tiếp tay ông trong những công việc tương tự, lại còn hứa rằng bất kỳ điều gì ông Huân đề nghị, ông cũng sẵn sàng thực hiện.

Do đó, ông Huân đến bàn ông ta bỏ tiền ra mua một ngôi đình, hoặc cùng lắm thì một căn nhà gỗ cổ Việt Nam thứ lớn, toàn bộ chạm đục lắp ráp bằng mộng, kèm với bàn thờ, tù chèo, sập gu, hoành phi, câu đối,... Rồi mang vàng đến điều đình với Vương Hồng Sển nhượng lại những cổ vật của Việt Nam, Nguyễn Gia Trí giao cho tác phẩm sơn mài vĩ đại và đặc ý nhất, để chúng khỏi bị cộng sản mang bán cho tư bản ngoại quốc. Lại cũng tiếp xúc với William Chan (Hung Tran) để xin được thu thanh các bản nhạc Việt với tiếng hạ uy cầm vô tiền khoáng hậu. Tất cả những thứ này ông Huân đã liên lạc xong và cũng được "thủ trưởng" một đơn vị bộ đội quan tâm đến việc bảo tồn tài liệu văn hóa cam đoan mọi chuyện mua bán, đóng gói, chuyên chở đến nơi đến chốn an toàn, không sợ trở ngại một chút gì. Tất cả những thứ này sẽ mang sang Mỹ, rồi mua một khoảnh đất, dựng lên một ngôi nhà chính cống Việt Nam, trang trí hoàn toàn theo kiểu Việt Nam với những đồ đạc thuần túy Việt Nam. Quanh đó là những khu sinh hoạt văn học, nghệ thuật, hội hè, đình đám, du hí, thương mại, và gia cư để bán hay cho thuê. Vừa cung cấp một không khí quê hương cho đồng bào xa xứ, vừa giới thiệu con người, gia tài Việt Nam với các cộng đồng bạn, thì có thể ích lợi rất lớn lao, vĩnh cửu mà cũng có lời to không chừng.

Tiếc rằng, khi ở trong tù là một chuyện, khi được ra ngoài lại là một chuyện khác. Thấy ông bạn tí phú không có gì sốt sắng, Huân bèn gác câu chuyện mơ mộng viễn vông của mình lại.

Bây giờ, ở Hoa Kỳ này, công ăn việc làm khiến người ta phân tán, ngay mối liên hệ của cái tiểu gia đình cũng biến thành lỏng lẻo. Chồng đi làm, vợ đi làm, con cái phải mang gửi gắm, nói gì đến đại gia đình. Nên ông Huân càng thấy thêm thương việc tái lập một làng xóm tự quản Việt Nam với những lễ nghi truyền thống. Theo ông, chế độ làng xã Việt Nam rất thích hợp với không khí dân chủ tại Hoa Kỳ cũng như những lễ nghi truyền thống rất cần thiết trong việc duy trì những tình tự tốt đẹp của văn hóa Việt.

Biết rằng việc lớn chẳng làm nổi, ông Huân tính đến chuyện nhỏ, viết thư gửi thân nhân, bằng hữu:

*Ngày..... tháng..... năm.....*

*Kính thưa quý vị,*

*Tôi vừa ở miền đông về, sau kỳ họp mặt hè gia đình năm nay tại đó. Có chú Nhân khẩn khoản giao tôi vai trò điều hợp sao cho mỗi năm có một buổi họp mặt đại gia đình vào mùa hè để giỗ tổ, sum họp, nghỉ ngơi, vui chơi, bàn tính công việc giúp đỡ, tương trợ anh em con cháu.*

*Nhà cô chú Nhân rộng rãi hơn tất cả, dù chỗ ăn ngủ thoải mái -- nếu chịu khó ngủ sàn (trên basement chứ không phải liên mặt đất), lại có sân rộng và camper cho ai thích ngủ ngoài trời hoặc trong lều (tent); gần nhà có swimming pool tắm không mất tiền.*

*Do đó, tôi đạt lời mời bà con, thân nhân tham dự ý kiến của cô chú Nhân, bắt đầu bằng việc họp mặt hàng năm để đi tới thiết lập từ đường và cơ sở làm ăn gia đình (family business), để những người bơ vơ có nơi nương tựa, người già yếu được săn sóc trong tình nghĩa họ hàng.*

*Với tinh cách bà con, anh em, tôi đề nghị mọi việc phát xuất từ sự thực tế và lòng thẳng thắn:*

*- Ai đồng ý, phải chứng tỏ bằng việc góp quỹ nghỉ hè, đóng US\$ 300 luôn một lúc hay 25\$ mỗi tháng. Chi phiếu đề tên cô Nhân, mặt sau ghi For Deposit Only, gửi về tôi, tôi sẽ tập trung gửi tới cô Nhân. Tiền này để mua thực phẩm và sửa tu bổ lặt vặt cho việc họp mặt, rồi chiết tính theo đầu người như dưới đây:*

*- Mỗi gia đình tự túc việc di chuyển tới nhà cô chú Nhân. Ở lâu mau tùy ý, nhưng ngày cuối cùng ấn định là cỡ 15 tháng Tám (August) cho con trẻ về sửa soạn đi học.*

*- Ai có sleeping bags và tents xin mang theo, cho gia chủ đỡ mua sắm tốn kém.*

*- Tuyệt đối không đem đồ biếu xén tặng đỡ để mọi người đều thoải mái. - Luân phiên mỗi gia đình phải phụ trách com nước và trông trẻ để những người khác rảnh rang. Gia chủ được miễn hoàn toàn.*

*- Khi đi chơi xa (lên núi, ra biển) phải ăn ngủ bên ngoài, chi phí sẽ bỏ theo đầu người, trẻ con dưới 10 tuổi miễn phí, dưới 18 trên 65 trả nửa suất.*

*- Ai có ý kiến xin vui lòng đóng góp, cho việc thực hiện được nhanh chóng và mỹ mãn.*

*Mục đích tối hậu là có một nơi thờ tự chung để mọi người đi về gặp gỡ nhau, bảo tồn truyền thống tốt đẹp nhất của Việt Nam là tình nâng đỡ nhau trong gia đình khi gặp khó khăn hoạn nạn, nên khi điều kiện cho phép, sẽ thiết lập một công ty nhỏ (small corporation) để điều khiển như dry clean, coin laundry, electronic-electrical repairing-*

servicing... để tạo công ăn việc làm tự do hoặc tạm đỡ khi hãng xưởng xa thái, và nếu có thể sẽ có cả viện dưỡng lão (family nursing home) cho những người mà con cái không có điều kiện chăm nom, để khỏi phải lạc lõng giữa những người xa lạ.

Về những điều kiện này, hiện nay cô chú Nhân có những cơ sở vật chất sẵn sàng, chỉ còn cần sự góp vốn thêm và người cộng tác.

Mọi giao dịch xin gửi về địa chỉ của tôi. Nếu được hưởng ứng, tạm thời tôi xin được phép hoạch định và chỉ đạo mọi vấn đề cho công việc được hiệu quả mau lẹ. Thưa quý vị,

Đối với người Việt nói chung và người Việt lớn tuổi nói riêng, thì có một từ đường-nghĩa địa chung để duy trì việc thờ cúng tổ tiên, tại một nông trại, để vui thú điền viên trồng trọt chăn nuôi, để sống gần thiên nhiên yên tĩnh, và tạo nơi chốn thoải mái cho thân nhân, con cháu, bạn bè lui tới gặp gỡ nhau quanh năm, giữa núi đồi sông biển rừng ruộng, suối lạch cỏ cây,... là điều lý tưởng. Muốn đạt mong ước trên, tôi thấy có thể thực hiện bằng cách tạo một thứ mini camp ground với mười permanent park homes.

Chương trình gồm:

- Lập một tổ hợp quản trị để thu-vay tiền, mua bán, xây cất.
- Mua một thửa đất khoảng từ 5 đến 10 acres ở một vùng đa số biểu quyết lựa chọn (vùng biển, vùng núi, khí hậu, tiện nghi y tế,...)
- Mua những mobile homes cũ và phân khu đất đai cho những thành viên.
- Các thành viên sẽ là sở hữu chủ đất và nhà, toàn quyền sử dụng cho gia đình, quyền thuộc, thân hữu và chuyển nhượng cho con cháu (không được bán cho người ngoài nếu không có sự chấp thuận của tổ hợp quản trị).
- Cử ban quản lý gồm những người tự nguyện ở thường trực để điều hành và bảo trì.
- Nếu muốn: đất dư có thể làm camping ground cho mượn để vừa thu lợi vừa có dịp tiếp xúc với người ngoài.
- Tiền góp ước tính khá sát thực tế là mỗi phần 10,000\$, đóng làm nhiều lần.
- Vị nào muốn tham gia, xin gửi thư xác nhận và góp ý thêm cho việc thực hiện. Tỉ như có nên thiết lập living trust, time sharing (khi chủ nhân không sử dụng), cho mượn những chỗ đất trống làm camp ground hoặc permanent park homes, vân vân...
- Khi thành hình thì thành viên cũng như thân nhân, bằng hữu bất cứ khi nào muốn tới nghỉ ngơi, chỉ cần thông báo cho ban quản lý, rồi hoặc lái xe nhà hoặc dùng các phương tiện chuyên chở công cộng tới, là sẽ được đón rước đưa tiễn tận nơi tận chốn, sẵn sàng nhà cửa vật dụng, tiện nghi đầy đủ, kang trang sạch sẽ để tận hưởng những ngày nghỉ thanh thản, mộc mạc, hoàn toàn riêng tư hoặc gặp gỡ họ hàng thân thuộc trong một khung cảnh xóm làng quen thuộc của quê nhà, để giải tỏa những sức ép của cuộc sống cơm áo hay cùng nhau hoạch định những công việc có tầm vóc cần sự góp công góp của họ hàng bằng hữu.

Tôi hi vọng nhận được những đáp ứng tích cực trong một ngày rất gần đây.

Nhưng chẳng có ai hưởng ứng, ông Huân đành chấp nhận thực tế, bằng lòng với chuyện lủi thủi một mình.

\*

Lúc này, hàng ngày, khi không đọc, viết cái chi, ông Huân thường ngồi thừ ra, lòng trùng xuống, thương thân, thương mọi người.

Ở xứ này, cái ở, cái ăn, cái mặc đều không phải là vấn đề cần bận tâm, nếu sống theo kiểu nhiều no ít đủ, khiến ông Huân nhớ tới những nỗi lo âu về cơm áo, về tiêu pha hồi còn ở quê hương mà buồn.

Ông Huân hồi tưởng lại đời mình:

Sống đã quá cả hai phần ba "cái trăm năm thân thể" mà sao ông tự thấy mình chẳng trưởng thành chút nào cả. Vẫn ngờ ngác, đại dột, dễ vui, dễ giận, y như hồi con nít. Ngay bây giờ mà giá có tiền của, có địa vị, thì ông biết chắc mình cũng vẫn sẽ cả tin, luông tuông, vẫn sẽ bị thí đồ, bị ăn cắp ăn trộm. Và giá có được trẻ trung trở lại để bắt đầu cuộc đời, thì ngay cả với chút hiểu biết hiện tại, ông cũng chẳng xử sự gì khác được những điều trước đây ông đã làm lỗi. Vẫn cũng sẽ cứ cả tin, xúc nổi.

Ông Huân cho rằng như thế là vì thể hệ của ông xảy ra nhiều chuyện quá. Những chuyện trọng đại đảo lộn tất cả mọi sự, ra ngoài cả khả năng của những người không đủ bản lĩnh để thích nghi, chụp nắm cơ hội như ông. Khi mà người ta không tạo lập được một thành quả gì, bất lực trước mọi việc, và quá bận rộn về miếng cơm manh áo hàng ngày, thì cuộc đời có vẻ thật là ngắn ngủi. Và cuối đời, với hai bàn tay trắng, dĩ nhiên người ta thấy mình không trưởng thành, không xê dịch được chút nào.

Ông lại cũng ước giá mà sinh ra sớm năm bảy năm, trưởng thành trong lúc còn bình yên, không chừng đã thực hiện được đôi điều hữu ích. Hay chẳng phải là trưởng nam, có lẽ ông cũng đỡ bị dẫn vật về trách nhiệm. Hoặc sinh trễ thêm năm ba năm nữa thì chẳng có gì để so sánh, để bản khoán, mà chỉ việc làm kẻ thừa hành chu toàn bổn phận.

Thực ra, tìm hiểu mình hơn, ông Huân biết một phần lớn cũng do cái bản chất con người của ông vốn lười lỉnh, thích những điều giản đơn, chấp nhận những khuôn thước có sẵn và không muốn xáo trộn. Mà thời thế thì không cho phép ông như vậy.

Đôi khi ông Huân lẩn thẩn nghĩ nếu như được sống lại một ngày, chỉ một ngày thôi, trong cả một đời mình, thì sẽ chọn ngày nào? Ông không hề ngần ngại mà chọn cái đêm đầu tiên ông vào phòng bà Phượng ngủ. Ông sẽ bình

tĩnh hỏi để biết thực sự bà Phượng có quyết định gì không: vui vẻ chấp nhận thực tế, miễn cưỡng chấp nhận thực tế, hay muốn tìm một lối thoát nào khác hơn. \*

Ông bà Yên ở miền đông qua thăm, có tham vọng dàn xếp việc ông bà Huân. Họ tin rằng hai người chỉ hiểu lầm nhau mà thôi.

Ông Huân đã trình bày cặn kẽ mọi chuyện và họ điện thoại hẹn đến bà Phượng, thì được bà cho biết không tiếp được, vì hiện đang có "bồ" tại nhà. Tuần sau, họ lại thử lần nữa, kết quả cũng như lần trước.

Họ có vẻ ái ngại khi thuật lại và tưởng ông Huân sẽ ngõ ngàng. Ngược lại, ông Huân mừng rỡ, cho đó là điều giải quyết tốt đẹp nhất.

Bây giờ, ông Huân thấy có thể nghĩ đến chuyện thụ hưởng cho bản thân. Ông nhờ ông em đồng hao dẫn đi mua một boombox và một số băng cassette trống. Ông sẽ tìm các bản nhạc ưa thích để thu, để rồi một mình mang nghe những khi có thì giờ rảnh rỗi, và cho rằng thế là... cũng thừa đủ lãng quên đời! Chuyện mình, chuyện người, chuyện dân tộc, chuyện đất nước, tất cả ông Huân để chúng lùi vào dĩ vãng. Dù có tưởng nhớ tới anh hùng, liệt nữ, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, ông Huân cũng chỉ biết thăm hỏi:

*Những người muốn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ?*

(Vũ Đình Liên)